



NGUYỄN QUANG VINH

Quảng Trị 1972

HỘI ỨC CỦA MỘT NGƯỜI LÍNH

Mục lục

Lời Tác Giả

Lời Giới Thiệu

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Nhập Ngũ

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Huấn Luyện Tân Binh

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Về Phép

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B (1)

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B (2)

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B (3)

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Chiến Trường B5

Phần Thứ Hai: Chiến Trận - Trận Thành Cổ (1)

Phần Thứ Hai: Chiến Trận - Trận Thành Cổ (2)

Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt (1)

Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt (2)

Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt (3)

Vĩ Thanh

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Lời Tác Giả

Tôi tin rằng, trên đời này, mỗi người đều có một số phận riêng, không ai giống ai.

Từ lâu, ca dao Việt Nam đã nói về thân phận con người, đó là sự mặc định, thiên định:

Thân em như hạt mưa rào

Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa

Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày...

Tôi coi mình là người may mắn và hạnh phúc khi được làm con bố mẹ tôi, những người không chỉ cho tôi cuộc sống, mà còn dạy tôi biết hướng về những điều cao đẹp như chính cuộc đời của ông bà, luôn nặng lòng với quê hương đất nước và tương lai của con cháu.

Tôi coi mình là người hạnh phúc và may mắn khi được sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, Hà Nội hào hùng lịch sử, hào hoa cốt cách, thủ đô của phẩm giá con người.

Tôi có Hà Nội lại được có Hà Tĩnh, Hương Sơn quê hương. Cái vùng đất địa linh nhân kiệt; vùng đất của thơ ca, của sự trung dũng kiên cường, đậm đà tình nghĩa ấy đã bồi đắp cho tôi những phẩm tính đặc biệt để dễ

dàng vượt qua những thử thách trong cuộc sống và biết chắt lọc niềm vui, hạnh phúc ngay cả trong những ngày gian khổ nhất.

Bố tôi là Nguyễn Đình Kỳ, người Sơn Tân, Hương Sơn, Hà Tĩnh; tham gia cách mạng năm 1946, vào Đảng năm 1948, trải qua nhiều công tác, đến khi nghỉ hưu là Phó Trưởng ban Ban Quản lý Quảng trường Ba Đình, trực thuộc UBND TP Hà Nội trước đây và thuộc Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày nay.

Mẹ tôi là Đỗ Thị Nhu, người làng Mọc, Thượng Đình, Hà Nội. Thuở nhỏ bà đã học hết Tiểu học thời Tây, có bằng Primaire Certificate nên tiếng Pháp rất khá. Tôi được thừa hưởng nhiều trí tuệ và lòng đam mê văn học của bà. Cho đến lúc nghỉ hưu mẹ tôi là Trưởng Phòng Tài vụ Sở Xây dựng Hà Nội.

Tôi sinh năm 1954. Lính Hà Nội nhập ngũ 27- 04-1972 và vào Nam chiến đấu ở mặt trận B5, Quảng Trị. Nguyên là chiến sĩ Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B “Tứ thủ Cổ thành”. Bị thương nặng, được đưa ra Bắc điều trị tháng 01-1973, rồi đi học đại học. Hiện nay đang sống và làm việc ở CHLB Đức.

Tôi không phải nhà văn và viết cuốn sách này không để làm văn.

Nó chỉ là hồi ức của một người lính, kể về một đoạn đời ngắn nhưng đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời tôi ở Mặt trận Quảng Trị, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vô cùng ác liệt. Ở đó, cái sống và cái chết tranh chấp nhau từng giây một. Ở đó, trắng đen rõ rệt. Trần trụi sự thật. Trần trụi bản năng và mọi khía cạnh con người. Tất cả được phơi bày hết, phơi bày đến tận cùng cái tốt và cái xấu; dũng cảm và hèn nhát; nhân đạo và nhẫn tâm; cao cả và thấp hèn; có lý và phi lý... Cuốn sách được viết dựa trên những hồi ức của tôi và các Đồng đội của tôi, đặc biệt là hai cuốn nhật ký của chính bản thân tôi, ghi lại chân thực nhiều chi tiết.

Tôi biết ơn bố tôi, người đã giữ cho tôi những cuốn nhật ký đó và nhiều tài liệu khác trong hơn 40 năm và khuyến khích tôi viết cuốn sách này.

Tôi biết ơn, nhà báo Vũ Đình Hương, bệnh nhân cùng phòng với bố tôi tại Bệnh viện Hữu nghị Hà Nội đã động viên tạo nhiều điều kiện để cuốn sách được hoàn thành.

Tôi trân trọng ghi nhận những đóng góp của nhà thơ Nguyễn Sĩ Đại, người đồng hương Hà Tĩnh. Anh cũng từng là một quân nhân trong chiến tranh chống Mỹ. Với tình cảm của một người đồng đội, đồng hương; anh đã dành nhiều ngày tháng để biên tập, chú giải, liên hệ xuất bản, in ấn để cuốn sách hoàn thiện hơn và ra đời được vào dịp kỷ niệm 30-4-2017, kỷ niệm 42 năm Ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới ông Nguyễn Anh Vũ, bà La Kim Liên, lãnh đạo NXB Văn học, và anh chị em biên tập của nhà xuất bản đã nâng đỡ rất nhiều để cuốn sách của tôi được ra mắt bạn đọc.

Hy vọng các đồng đội tôi ở Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B sẽ tìm thấy ở đây những kỷ niệm về một thời hoa lửa.

Hy vọng các bạn trẻ sẽ hiểu hơn về thế hệ chúng tôi, những người đã sống và chiến đấu cho Tổ quốc như thế nào. Trong sách có sử dụng một số hình ảnh tư liệu.

CHLB Đức, ngày 10-03-2017

Nguyễn Quang Vinh

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Lời Giới Thiệu

Trong lịch sử dân tộc ta, có nhiều thời kỳ võ công oanh liệt gắn liền với sự phát triển rực rỡ của văn học nghệ thuật. Thời Lý - Trần; thời kháng chiến chống quân Minh; thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ cứu nước là những thời kỳ như vậy.

Những bài thơ như Nam quốc sơn hà, những câu thơ như “Người lính già đầu bạc/ Kể mãi chuyện Nguyên Phong” (niên hiệu vua Trần Thái Tông, gắn với chiến thắng Nguyên Mông tần thứ nhất 1258); “Xã tắc hai phen chôn ngựa đá/ Non sông nghìn thuở vững âu vàng” đã vượt qua mọi thử thách của thời gian. Văn học, từ chỗ phản ánh hiện thực đời sống; đã trở thành giá trị tinh thần, hào khí, cốt cách của dân tộc.

Đến nay, 2017, hòa bình đã được lập lại 42 năm. Nhưng ký ức chiến tranh vẫn còn tươi nguyên, nhất là với những chiến sĩ đã trực tiếp cầm súng. Họ không chỉ xả thân vì độc lập dân tộc mà còn là những nhà văn trung úy, những nhà văn binh nhì đã và đang làm nên những chiến tích mới trong văn học nghệ thuật. Đã có hàng trăm, hàng nghìn tiểu thuyết đồ sộ, đã có tủ sách “Mãi mãi tuổi hai mươi” rực lửa, chan chứa giá trị nhân văn khiến cả thế giới kinh ngạc, khâm phục. Song vẫn chưa hết. Những hồi ức binh nhì tiếp tục ra đời.

“Quảng Trị 1972” của Nguyễn Quang Vinh là một cuốn sách như vậy, cuốn sách hấp dẫn từ đầu chí cuối, với những chi tiết hết sức sống động và chân thực về chiến tranh, tôi nghĩ rằng, không phải người cầm súng, không thể viết được. Nguyễn Quang Vinh, vốn là học sinh Trường Phổ thông Công nghiệp Hai Bà Trưng, hăng hái ra trận năm 1972, như tất cả mọi

thanh niên thời ấy, với tâm thế “Chiến đấu là cao quý nhất. Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù” (Nhật ký Lê Mã Lương). Chân dung người chiến sĩ Giải phóng quân hồi ấy được Nguyễn Quang Vinh vẽ ra thật lãng mạn: “Có đoạn đi bên sườn núi, nhìn ra phía đông xuyên qua tán lá rừng, có thể nhìn thấy biển xa tím tắp. Rồi những cồn cát trắng nhỏ xiu, đồng ruộng, làng mạc xanh mờ và một dòng sông bạc đang uốn khúc, y như trên máy bay nhìn xuống. Tự nhiên lúc đó tôi thấy tự hào vô cùng. Dầu sao đôi chân của tôi cũng đã in dấu trong rừng Trường Sơn, in dấu lên con đường lớn của dân tộc, và lòng tôi cứ ngân lên hai câu thơ của Tố Hữu: “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”... Nhưng rồi thực tế chiến trường đã không chỉ có sự phơi phới. Anh là chiến sĩ rồi Tiểu đội trưởng Tiểu đội 4, Trung đội 2, Đại đội 11, Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 48, Trung đoàn Thép của Sư đoàn 320B tử thủ ở Thành cổ Quảng Trị và Mặt trận Cửa Việt. Đường hành quân, chủ yếu đi bộ từ Bắc vào Nam đã được anh nhớ lại: “Cả lũ đi mò trong đêm. Tôi bị ngã vào vũng nước, ướt sạch, quai dép bị đứt, đành phải đi đất. Hình như bị lạc rồi, ánh hỏa châu chập chờn khắp nơi. Đường bờ ruộng trơn như đổ mỡ, tôi nghiêng rãng dùng hết sức bấm ngón chân xuống đất mà vẫn ngã. Mỗi bước đi là một bước ngã. Súng ống đồ đạc quật oành oạch, quần áo bẩn thỉu như trâu vấy. Nhiều lúc mệt quá, tôi cứ chống hai tay ngồi phệt dưới bùn mà nuốt nước mắt: cuộc đời chưa bao giờ bị cực khổ như thế này"! Cuộc sống ở chiến trường có những điều mà bây giờ lớp trẻ không thể hiểu nổi: “Sau bữa trưa chỉ có cơm với muối chúng tôi rửa bát bằng cách sục ca nhôm vào cát rồi chùi. Ở đây thì lấy đâu ra nước mà rửa bát. Có nước ở hố bom cách đó vài chục mét, nhưng ra lấy lại sợ bị pháo kích”...

Quảng Trị năm 1972 là đất của bom pháo và chết chóc. Đụng vào đâu cũng thấy xác chết, cả ta lẫn địch. Tiểu đoàn 3 của anh đã hai lần bị xóa sổ trong vòng ba tháng. Chỉ có tinh thần chiến đấu kiên cường của người chiến sĩ là không chết. Đây là một đoạn viết về những người lính trẻ: “Từ cửa hầm đối diện, Lâm Thành xả một tràng AK hạ gục tên địch vừa bắn Chí Thành. Nhưng lúc này bốn bề đều có địch. Hai chiến sĩ trẻ của C11, là

Lâm Thành và Tường “Hải Phòng”, đã dựa lưng vào nhau, chĩa súng AK ra hai phía bắn như điên. Mặc cho máu đang ròng chảy trên mặt một người và máu thấm đẫm vạt sườn người kia, hai anh vẫn bắn không ngừng, bắn mãi... Cách đó khoảng 100m, Tiểu đội trưởng Quế “Khương Trung” mang khẩu DKZ82 ra định lắp vào giá súng, nhưng không kịp. Thấy xe tăng địch đang rầm rầm xông đến, Quế hô chiến sĩ Quỳnh “Thái Bình” đem đạn ra ngay, nạp vào súng. Rồi không cần giá súng, Quế vác nòng khẩu DKZ82 lên vai, nhắm thẳng chiếc M48 đang chạy xế trước mặt bóp cò. Một quãng lửa da cam cùng tiếng nổ chói óc vang lên, chiếc xe tăng bốc cháy ngàn ngọn, không một tên địch nào sống sót”...

Mọi sự thật của chiến tranh đều được phơi bày một cách trần trụi. Cả dũng cảm và hèn nhát. Không ít cán bộ, chiến sĩ đã thoái lui, không đập bệnh cũng đảo ngũ. Nhưng trên tất cả là bản anh hùng ca của tuổi trẻ từ bộ đội chủ lực đến giao liên, du kích. Tác giả, trong hoàn cảnh cụ thể của mình đã có những trang viết xúc động, rất đáng tự hào về tuổi trẻ Hà Nội trong những ngày kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó có chính tác giả.

Văn học gần đây có khuynh hướng thiên về ký sự, mô tả sự thật như nó vốn có. Sự thật cuộc chiến đấu Quảng Trị năm 1972 hào hùng và tiêu biểu đến nỗi, không cần tới hư cấu, và bởi không cần đến hư cấu nên lay động sâu xa tới người đọc. Cuốn sách này của Nguyễn Quang Vinh không chỉ có giá trị lịch sử mà còn góp phần khẳng định một khuynh hướng mới có nhiều triển vọng trong đời sống văn học hiện nay.

Nguyễn Quang Vinh kể lại những ngày tháng của các anh ở Quảng Trị không để làm văn chương; mà là nén hương lòng tưởng niệm và tri ân những đồng đội đã hy sinh vì Tổ quốc:

Thế hệ chúng con đi như gió thổi

Quân phục xanh đồng sắc với chân trời

Chưa kịp yêu một người con gái

Lúc ngã vào lòng đất vẫn con trai.

(Trần Mạnh Hảo)

Khép lại trang cuối cùng của cuốn sách; tôi hết sức khâm phục, biết ơn và càng thương nhớ các anh chị đã chiến đấu và hy sinh ở Quảng Trị; trong đó hai người anh của tôi là Liệt sĩ Nguyễn Đức Thúy và Liệt sĩ Nguyễn Sĩ Đường.

Tôi nhận thấy ở Nguyễn Quang Vinh một nhà văn - chiến sĩ. Dù anh không viết gì nữa, tôi tin anh đã có một chỗ đứng trên văn đàn.

Cuốn sách “Quảng Trị 1972” chắc chắn sẽ ghi được dấu ấn đặc biệt trong lòng bạn đọc.

Hồ Gươm, 21-3-2017

Nguyễn Sĩ Đại

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Nhập Ngũ

Ngày 16-04-1972 máy bay Mỹ ném bom trở lại Hà Nội, sau gần bốn năm ngừng oanh kích.

Khoảng 11 giờ trưa còi báo động từ phía Nhà hát Lớn rú vang, rồi tiếng súng cao xạ nổ ầm ầm. Tôi chạy từ trong lớp học ra ban công tầng 2 Trường Phổ thông Công nghiệp Hai Bà Trưng, ngó lên bầu trời. Những chiếc phản lực Mỹ hình vĩ ruồi nhỏ xíu, mình bạc cánh đen, đang lao vun vút trên thành phố, phía sau chúng là từng đám hoa khói của đạn cao xạ nổ lụp bụp. Nhà trường cho học sinh nghỉ học. Thành phố ban bố lệnh sơ tán.

Ngày hôm sau chỉ mình tôi đạp chiếc xe đạp Mifa chở theo đồ đạc lên chỗ sơ tán. Đó là làng Giang Xá, gần Trạm Trôi, huyện Hoài Đức tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), nơi chúng tôi đã từng sơ tán từ tháng 06-1966 đến tháng 07-1969. Tôi lại đến nhà bà Phó Tiến ở Xóm Trong xin ở nhờ. Đó là một bà già nông dân tốt bụng, ở một mình trong căn nhà lá 5 gian và một khu vườn rộng. Các con bà, anh con trai cả và cô con gái thứ, đều đã có gia đình và ra ở riêng cả. Bà chỉ xót xa cậu con út, chú Hình, đi bộ đội đã mấy năm mà không có tin tức gì. Bà vẫn thường kể từ ngày chú Hình cùng đơn vị “kéo cờ lên đường” sang Cao Miên (Căm-pu-chia) là bật vô âm tín.

Đến hôm trước thì hôm sau tôi đã ra vườn giúp bà làm việc: bóc lá mía, tưới khoai tây, trèo hái ổi cho bà đi chợ bán... Những lúc nhàn rồi tôi lại giở sách ra ôn tập, lòng băng khuâng tự hỏi, còn vài tháng nữa là thi tốt nghiệp lớp 10 và thi đại học, không biết rồi sẽ ra sao đây? Một buổi chiều tôi ra ngồi câu cá ở ao sau vườn, nhìn bầu trời trong xanh phản chiếu xuống mặt ao, lại nhớ hơn 4 năm về trước, từ chỗ này tôi đã quan sát cảnh máy

bay Mỹ lao vào ném bom Hà Nội. Khi bay vào thì hùng hổ, hàng ngũ chỉnh tề; khi quay ra thì tán loạn, cái lao lên cái nhào xuống, lẫn lộn cố thoát khỏi lưới lửa phòng không nhiều tầng nhiều lớp. Khẩu thương liên 12ly7 trên cổng làng Giang Xá cũng nổ từng loạt giòn giã, xen lẫn những tiếng bì bộp của súng trường dân quân. Đang mơ màng hồi tưởng thì chợt thấy phao nhấp nháy rồi bình lên, tôi vội giật cần. Một chú trăn đen bằng cổ tay bị lôi lên bờ, giây đánh đập và phát ra những tiếng kêu chít chít nghe rất lạ. Chợt Huệ, cô bạn học cùng lớp sơ tán hồi trước, sang chơi. Huệ người làng này, là em của Giang, người bạn thân nhất của tôi thời sơ tán, tuy là hai anh em nhưng lại học cùng một lớp với tôi. Từ hôm về đây tôi chưa tới thăm bạn cũ nào cả. Huệ cho biết Giang đã nhập ngũ được mấy tháng, thanh niên làng này đã đi bộ đội văn cả, ở làng hầu như chỉ còn phụ nữ, trẻ con và người già. Ai ngờ đó là lần cuối cùng tôi biết tin Giang, hai mươi mấy năm sau mới có dịp lần hỏi tin tức, thì được biết Giang đã hy sinh ở chiến trường B5 rồi. Dạo này tình hình chiến sự ở Miền Nam đang cực kỳ sôi động. Từ cuối tháng 03-1972 quân ta đã đồng loạt mở các cuộc tấn công lớn ở 3 mặt trận Quảng Trị, Bắc Tây Nguyên và Lộc Ninh - Đông Nam Bộ.

Hàng ngày chiếc loa phóng thanh trên nóc đình làng vẫn vang lên những tin thắng trận liên tiếp. Đặc biệt ấn tượng là tin cả một trung đoàn quân nguy do Trung tá Đinh cầm đầu ra hàng Quân Giải phóng (1). Kiểu này thì chắc sắp giải phóng Miền Nam đến nơi rồi. Tuy nhiên buổi tối trước hôm đi sơ tán tôi có bật Radio nghe trộm đài Gươm thiêng ái quốc của Sài Gòn, thì thấy nói “xác của hàng ngàn thiếu niên Bắc Việt đang rải khắp các chiến trường Miền Nam trong cuộc tấn công này”.

(1) Về chuyện đầu hàng của trung đoàn này, lịch sử chép như sau: 10 giờ 55 phút, ngày 30-3-1972, từ Sở chỉ huy Bộ Chỉ huy chiến dịch, Tư lệnh mặt trận Lê Trọng Tấn phát lệnh "Bão táp", mở màn chiến dịch tấn công

giải phóng Quảng Trị. Trung đoàn pháo binh Bông Lau (Trung đoàn 38) do Cao Sơn làm Trung đoàn trưởng và Trần Thông làm Trung đoàn phó được giao nhiệm vụ chi viện cho Sư đoàn 304, tấn công ở hướng chủ yếu, theo đường số 9 từ hướng Tây xuống Đông Hà. Mục tiêu đầu tiên là đánh cụm cứ điểm kiên cố do Trung đoàn pháo binh 56 ngụy chốt giữ. Phía địch gọi là căn cứ Carroll (Cà - ròn), phía ta gọi là cao điểm 241. Trung đoàn này do Trung tá Phạm Văn Đính quê Thừa Thiên làm Trung đoàn trưởng. Trước tình trạng cá nầm trên thớt, Đính liên lạc yêu cầu thương lượng nhưng ta không đồng ý, chỉ chấp nhận đầu hàng. Đính triệu tập các sĩ quan và thông báo ý định đầu hàng Quân Giải phóng. Hầu hết các sĩ quan đồng ý với quyết định này trừ Thiếu tá Tôn Thất Mãn. Trong vụ đầu hàng này có hai chi tiết thể hiện sự nhân đạo của Quân Giải phóng: Một là, khi binh lính kéo cờ trắng đầu hàng ra tập hợp trước sân thì có hai trực thăng Mỹ đến bốc hai cố vấn Mỹ là Thiếu tá Joseph Brown và Trung tá William Camper. Mặc dù ở trong tầm hỏa lực của ta nhưng Sư trưởng Hoàng Đan đã không cho bắn để khỏi giết hại binh lính đầu hàng. Hai là, dù bị bức hàng, dù để cố vấn Mỹ trốn thoát, Phạm Văn Đính và binh lính Trung đoàn 56 vẫn được giữ nguyên quân hàm khi theo Quân Giải phóng và được bố trí công việc thích hợp (BT).

Ở nơi sơ tán được gần 1 tuần, bỗng một buổi sáng, Tiến Dũng, người bạn cùng lớp thân thiết nhất của tôi tìm tới. Tiến Dũng thông báo rằng tôi đã có giấy gọi nhập ngũ, và bố mẹ tôi nhờ Tiến Dũng vào báo tin cho họ. Tôi vội vàng thu dọn đồ đạc trở về ngay Hà Nội. Trong giấy có nói 9h sáng ngày 27-04-1972 tôi phải có mặt ở Tây Tựu, huyện Từ Liêm để nhập ngũ. Như vậy là chỉ còn vài ngày nữa thôi. Thực sự hồi đó tôi cũng hơi bị bất ngờ. Cho đến những ngày đó, chiến tranh đối với tôi dường như là sự việc của những người khác, ở một nơi nào đó xa lắc, và chỉ tồn tại trong những bản tin của báo, đài. Hơn nữa tôi chưa tròn 18 tuổi, là một trong những học sinh giỏi nhất trường. Những học sinh như vậy sau khi tốt nghiệp lớp 10 thường được các trường đại học của Quân đội hoặc Công an đến chiêu sinh, hoặc được các Binh chủng kỹ thuật như Không quân, tên lửa, xe tăng, pháo

binh đến thu nạp, chứ ít khi phải đi lính trơn “Bò binh” như thế này. Tôi tranh thủ lên thăm gia đình cô An ở Nông trường Tam Đảo một ngày. Những ngày còn lại lo mua sắm vài vật dụng cần thiết, và cùng gia đình đi chụp ảnh kỷ niệm. Những bức ảnh chụp đại gia đình hồi đó, gồm bố mẹ tôi, hai em Hà, Hiến cùng bà nội, bà ngoại vẫn còn đến ngày nay. Nhìn nét mặt người nào cũng đượm vẻ lo âu và buồn rười rượi. Buổi sáng ngày 27-04-1972 cả gia đình đưa tiễn tôi đến nơi tập trung tại xã Tây Tựu, ngoại thành Hà Nội. Đến nơi đã thấy rất đông người.

Cùng lớp tôi có các bạn Chí Thành, Lê Thanh Bình, Phổ Thọ. Bạn Tiến Dũng chạy theo chúng tôi suốt, và rất muốn đi cùng cho vui, nhưng bạn ấy không có giấy gọi mà cũng không có tên trong danh sách. Sau này tôi nghĩ chắc người họ hàng làm trên Khu đội đã im giấy của bạn ấy đi. Nhà tôi gần nhà Quang Vinh nên mẹ bạn ấy bắt hai đứa phải khoác chặt tay nhau để “cùng đi cùng ở”. Tôi còn nhận ra một số khuôn mặt quen thuộc hoặc ở cùng Khu tập thể như Mai Quý Cường, Dũng “Patinhom”, Vân số 6, Bình “Cống”, Châm “thối tai”, Ngô Duy Minh, Bùi Ngọc Toàn 10A....

Có một tay đeo xác-cốt lưng thụng, đi lại bằng nhặng, làm bộ phỏng vấn mọi người, nói nhiều câu đao to búa lớn, có biệt danh là Nhuận “nhà báo”. Không ngờ sau này hắn là một trong những tên đảo ngũ đầu tiên. Sau khi nhận quân trang gồm quần áo, mũ dép, chăn màn, bi-đông... tôi được phân về Tiểu đội 3, Trung đội 1, C49, D58, E59 Bộ Tư lệnh Thủ đô. Tiểu đội trưởng Thành 19 tuổi, nhập ngũ trước chúng tôi một năm, mới đi học A trưởng về, mặc bộ quân phục bạc phếch, hay cười khoe chiếc răng khểnh, và tỏ ra rất thân thiện với tôi. Buổi tối đầu tiên trong đời bộ đội, toàn Trung đội tập hợp ở sân đình, nghe Quyền Trung đội trưởng Nghĩa huấn thị. Anh Nghĩa 23 tuổi, là người vui tính thích thơ ca hò vè, nhưng cũng rất nghiêm, làm chúng tôi nể sợ rằm rắp. Anh bắt nhịp cho chúng tôi đồng ca bài “Vì nhân dân quên mình”, rồi đọc một bài về rất ngộ về lính mới ở Bãi Nai, Hòa Bình làm mọi người cười vui vẻ. Tôi được chỉ định làm A phó A3.

Sáng hôm sau cả lũ kéo nhau ra giếng ao gần đó đánh răng rửa mặt, tôi gặp Lục Thế Bảo và Định, tán gẫu vài câu, rồi mỗi đứa được phát một cái bánh mì để ăn sáng. Đúng 7h30 Đại đội tập hợp điểm danh, phổ biến lệnh hành quân, sau đó theo đội hình hàng dọc lên đường. Sau khoảng hai tiếng đồng hồ, tự nhiên tôi thấy mình đang đi trên bờ một con kênh quen quen, giống như con kênh ở gần làng Giang Xá. Tôi nghĩ bụng chắc sắp đi qua làng, biết đâu gặp được vài người quen nào đó. Nhưng không, đi một lúc nữa thì thấy mình đang ở vùng Sấu Giá rợp bóng dừa xanh, với những người dân nói tiếng trợ trợ rất khó nghe. Ngày hôm sau, khi đã tối mịt một lúc lâu thì chúng tôi mới tới nơi. Đó là một sườn đồi thoải thoải trong vùng rừng núi Bãi Nai, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Một lô nhà lán lợp nửa đứng xiêu vẹo. Chúng tôi chia nhau mỗi tiểu đội vào một nhà, đứa nào cũng mệt rũ. Tôi lần mò lấy ra gói sữa bột, hòa vào bát nước chè để uống, rồi rải chiếu ra nằm ngủ như chết.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Huấn Luyện Tân Binh

Sáng hôm sau nghe phổ biến nhiệm vụ: các Tiểu đội chia thành tổ Tam tam vào rừng dẫn gỗ nửa về làm nhà. Tổ Tam tam của tôi ngoài tôi làm tổ trưởng còn có Mai Quý Cường và Tôn, đều to cao như phi công cả. Chỉ tiêu ngày đầu mỗi người một cây gỗ bằng bắp chân, những ngày sau mỗi người 20 cây nữa. Chúng tôi phải leo những con dốc dựng đứng, đi rất sâu vào rừng mới tới nơi nửa mọc. Trai Hà Nội lần đầu thấy những con vắt nâu đen, đứng trên những chiếc lá, quơ quơ cái vòi đánh hơi, thấy người đi qua thì nhảy tanh tách đeo bám. Thấy những vạt rừng thưa có những cây bưởi dại, cây sung, cây vả quả đeo lúc liu và cây dương xỉ đầy lông tơ vàng. Tôi chưa có kinh nghiệm chặt nữa nên bị 1 cây xiên xuống trúng mu bàn chân trái, mấy hôm sau sưng mủ, đau nhức. Bắp chân nổi hạch, sưng to, nhưng tôi vẫn cố gắng cày nhấc đi làm, nên được Đại đội biểu dương. Sau hơn một tuần thì nơi ăn chốn ở đã ổn định. Mỗi tiểu đội ở một nhà lợp nửa, vách nửa, và có một chiếc giường tập thể lát nửa chạy dọc căn nhà. Ngoài ra chúng tôi còn làm một hội trường lớn, một nhà ăn tập thể và một khu bếp cạnh suối. Sau đó chúng tôi đi nhận vũ khí, chủ yếu là AK47 và K63 (súng trường Trung Quốc) có gắn lưỡi lê. Tôi được nhận một khẩu AK Ba Lan có tay nắm phụ ở ốp phía trên và một bao xe 3 băng đạn trước bụng. Mỗi người còn phải đeo hai quả lựu đạn tập và tự làm vòng tre để cắm lá ngụy trang sau lưng. Tôi được chuyển sang Trung đội 2 làm A phó A4. Ở Trung đội này tôi gặp lại bạn thân Chí Thành và Ngô Duy Minh.

Mỗi buổi sáng sau kêng báo thức, chúng tôi xuống suối đánh răng rửa mặt, làm vệ sinh cá nhân rồi tập thể dục theo Trung đội. Sau đó xuống nhà ăn ăn sáng, chủ yếu là bánh đúc ngô hoặc bột mì luộc, rồi ra thao trường

tập luyện. Đến 11h về nghỉ ăn trưa, cơm độn ngô với bí đỏ xào, hoặc măng nứa xào, hoặc rau muống luộc, thỉnh thoảng mới có chút thịt. Có một tiểu đội “chị nuôi” ở khu nhà bếp gồm các cô gái 18-20 tuổi, thỉnh thoảng thấy mấy vị cán bộ Đại đội, Trung đội xuống tán tỉnh. Buổi chiều lại tiếp tục ra thao trường. Sau bữa tối toàn đại đội tập hợp, sinh hoạt tập thể như nghe đọc báo, văn nghệ cây nhà lá vườn hoặc nghe một vài cá nhân kể chuyện bản thân. 21h kén tắt đèn đi ngủ. Các tiểu đội đều có lịch gác đêm. Mỗi lần đến lượt tôi đều chọn một khẩu K63 gắn lưỡi lê, vừa gác vừa tập mấy bài cận chiến bằng lưỡi lê và báng súng. Các bài huấn luyện cứ phức tạp dần, từ xếp đội hình đội ngũ, lăn lê bò toài, kỹ thuật xạ kích, ném lựu đạn, đánh bộc phá...đến kỹ thuật ngụy trang, chiến thuật Tiểu đội, Trung đội giữ chốt...Tóm lại là ngày nào cũng mệt nhoài, nhưng tinh thần chúng tôi rất hăng hái. Có những hôm trên đường đi tập về, nghe mấy cậu lính gốc gia đình buôn bán thất thểu vừa đi vừa rên rỉ mấy câu nhạc vàng: “Ngày mai anh đi/ Lòng xao xuyến xa nơi Hà thành/ Đời lính chiến không mong ngày về/ Héo mòn cả tuổi xanh...” hoặc “Mai một anh trở về/ Anh kéo lê chân què/ Cuộc đời anh sẽ bò lê/ Cuộc đời anh sẽ bò lê...” là chúng tôi phản ứng dữ dội. Khi nghe một cậu hát “Yêu anh không phải vì đẹp trai, không phải vì sang giàu, mà cùng chung chí hướng...” tôi quặc luôn: “Chí hướng gì? Chí hướng Bắc tiến diệt Cộng hả?” làm cậu ta tịt ngóm. Đặc biệt là mỗi tuần có hai buổi tập hành quân mang vác nặng. Anh nào cũng phải lên gạch đá vào ba-lô cho đủ 30kg, mang súng và tất cả trang bị trên người. Quãng đường hành quân càng ngày càng dài, lên núi xuống đèo, băng qua đồng ruộng, sông suối...Nhiều cậu mồ hôi ra như tắm, tôi thì lại không ra mồ hôi mấy. Buổi trưa trời nắng chang chang, khát khô cổ, chúng tôi vục cả nước ruộng để uống, mà không thấy đau bụng gì. Tuy nhiên tôi có cậu bạn nhà ở số 10 Đoàn Trần Nghiệp, một hôm vì quá khát nên uống nước ở một mương nhỏ. Sau đó bị đau bụng khủng khiếp, kêu khóc vật vã, mắt vàng da vàng, phải đưa đi Trạm xá cấp cứu, nghe nói bị xoắn tràng. Có những buổi tập hành quân đêm trời tối đen như mực, người đi sau phải bám vai người đi trước, thế mà vẫn có cậu thụt xuống hố nước. Dần dần những địa danh Dốc Cùn, Suối Mon, Bãi Nai... trở thành rất quen thuộc.

Ở Bãi Nai được khoảng ba tuần thì một buổi sáng chủ nhật gia đình tôi, gồm bà nội, mẹ tôi và hai em Hà, Hiền lên thăm. Tôi được Trục ban Đại đội gọi ra Trạm đón tiếp cách doanh trại khoảng 200m để gặp gia đình. Tới nơi đã thấy nhiều người lố nhố, mỗi chỗ có một anh lính mới với người nhà ngồi vây quanh, chuyện trò rôm rả. Gặp lại tôi cả nhà mừng rỡ, đặc biệt là bà nội và mẹ tôi, những người có tình thương con cháu vô biên, gần như mù quáng. Những anh lính mới như tôi được gia đình mang đủ thứ lên tiếp tế, nào là xôi chả, thịt gà, thịt lợn, ruốc thịt, bánh dày, bánh giò... thứ ép ăn tại chỗ, thứ cho vào bao để cất ăn dần. Mẹ tôi kể chuyến này cùng đi còn có mẹ Chí Thành và mẹ Phổ Thọ. Phổ Thọ gốc Miền Nam tập kết, mẹ Phổ Thọ là Bác sĩ Bệnh viện Việt Xô, thương con thì thôi rồi. Bà mang đòn gánh trên vai, một đầu treo hai cái bánh tét, đầu kia treo một con vịt, tính lên đến nơi sẽ làm thịt cho thằng Hai (Phổ Thọ) ăn. Ai ngờ khi lội qua Suối Mon, nước lên đến bụng, bà bị trượt ngã, con vịt bơi theo dòng nước đi mất. Nói chung tôi biết các gia đình đều phải tần tiện chặt bóp để tiếp tế cho chúng tôi, vì tiêu chuẩn thực phẩm tem phiếu thời chiến chẳng dư dả gì. Ngồi bên cạnh gia đình tôi là gia đình Mai Quý Cường, bạn cùng khu tập thể Nguyễn Công Trứ. Mẹ bạn ấy làm ở Quầy đổi bánh mì (thuộc ngành lương thực - đổi bánh mì thu tem gạo) nên tôi rất quen mặt. Cường có cô người yêu mũm mĩm, nghe nói là nhân viên bán hàng ở phố Huế, đang ngồi đút cho Cường ăn từng miếng xôi chả rất tình tứ. Tôi tranh thủ đưa em Hiền, em út của gia đình, vào thăm chỗ chúng tôi ăn ở. Hiền hồi đó 11 tuổi, có khuôn mặt bầu bĩnh, được tôi khoác khẩu AK vào cổ, đi đi lại lại, lấy làm khoái chí lắm. Sau khi tiễn gia đình về, trên đường trở vào doanh trại, tôi đi cạnh Hoàng Hữu Hạnh. Mỗi đứa đều ôm một bọc tiếp tế trước bụng, tôi nhìn sang thấy Hạnh đang ngân ngấn nước mắt (Sau này Hạnh hy sinh ở chốt Làng 8, Thanh hội)...

Những tối thứ bảy, chủ nhật, thường được nghỉ sinh hoạt, chúng tôi hay ra bản người Mường gần đó chơi. Nhiều cậu có tiền thì trèo lên những ngôi nhà sàn, mua rượu sẵn ngồi uống, hoặc tán tỉnh trêu đùa các cô gái Mường. Người Mường rất hiền lành, thật thà, các cô gái hay mặc váy đen,

áo trắng dài tay nhưng vạt ngắn cùn cồn. Khi bị chúng tôi buông lời trêu ghẹo “Ủn ơi, ché Ủn có to không?” (Em ơi, l. em có to không?) là các cô then đỏ mặt bỏ chạy hết. Nhiều cậu khác hoặc không có tiền, hoặc không muốn ra ngoài chơi, thì túm tụm đánh bài Tiến lên. Có hôm, tôi cũng ngồi đánh bài cho vui, lúc tàn cuộc, quờ chân xuống giường tìm dép, thì đôi dép đúc Trung quốc được cấp phát đã không cánh mà bay. Chắc bị thằng nào ăn cắp đi đôi rượu uống rồi. Báo hại tôi phải báo về gia đình, nhờ ra Chợ Giời (1) mua cho đôi khác gửi lên. Tôi có thói quen ngày nào cũng viết nhật ký, rồi đem cái kèn Harmonica thổi những bài tôi yêu thích. Người bạn nằm cạnh tôi cũng hay viết nhật ký, nhưng bằng tiếng Nga. Đó là anh Toàn già, người thấp bé, hơn chúng tôi chừng dăm tuổi, để ria mép, khuôn mặt lúc nào cũng rầu rĩ. Anh kể anh đã đi học nghề ở Nga ba năm về, giờ lại bị bắt đi lính, nên rất bất mãn. Anh thường cáo bệnh nằm nhà, không đi tập luyện. Hình như về sau anh được loại ngũ, đúng như mong muốn.

(1) Chợ Giời (Trời), hay còn có tên là Chợ Hòa Bình, một chợ rất nổi tiếng ở quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, họp ngoài trời từ năm 1954 ở các phố Thịnh Yên, Chùa Vua, Lê Gia Định, Trần Cao Vân, Nguyễn Công Trứ, Yên Bái 2, Đỗ Ngọc Du. Chợ Giời nổi tiếng vì có bán đủ mọi thứ trên đời, kể cả hàng đặc dụng, hàng cấm (BT).

Từ hồi còn đi học tôi đã luôn nghiêm chỉnh gương mẫu trong mọi việc. Mười năm liền là lớp trưởng, luôn đứng đầu lớp, nhiều lần đoạt giải trong các cuộc thi học sinh giỏi, làm Đội trưởng Đội Cờ đỏ của trường... Tôi thường tâm niệm: đã là học sinh phải học thật giỏi, là công nhân phải sản xuất tốt, là người lính phải chiến đấu dũng cảm. Tuy nhiên cái nhìn và cách hành xử thẳng băng như vậy trong cuộc đời thường gặp phải nhiều chống đối, đặc biệt từ phía những kẻ xuất thân buôn bán, thành phần bất hảo, lưu manh đường phố, vì nhiều đứa như vậy cũng được gọi nhập ngũ đợt này.

Chúng cho tôi là một tên “Bôn sệt”, và nhiều khi tỏ ra khó chịu, khi bị tôi với tư cách A phó nhắc nhở chấp hành nghiêm kỷ luật. Thậm chí có tên còn dọa sẽ “trùm chăn đánh hội đồng” tôi. Nhưng sau lưng tôi luôn có nhiều người bạn chí cốt ủng hộ, đặc biệt là anh Long “cờ”. Anh người to cao như gấu, khuôn mặt bèn bẹt có cái mũi sư tử trông rất ngầu. Anh thường rủ tôi lên đồi tập võ Tàu, và lớn tiếng tuyên bố: “Tao với thằng Vinh là anh em kết nghĩa, đứa nào đụng đến nó nghĩa là đụng đến tao, tao sẽ cho ăn quết trâu bát nhè”. Thế là chả đứa nào dám đụng đến tôi cả. Tôi cũng rút ra được phương châm hành xử trong đời lính, là luôn phải “Khôn ngoan đứng đắn/ Thân mật tươi cười/ Nắm được lòng người/ Kịp thời cương quyết”.

Anh bạn Chí Thành của tôi ở A5 cùng nhiều bạn học sinh khác cũng phải chịu cảnh tương tự. Anh bị mấy tên bất hảo ở A5 đe dọa, ton hót nhiều chuyện bịa đặt với A trưởng để cô lập anh. Anh rất buồn và thường gặp tôi để tâm sự. Tình hình A6 cũng chẳng khá hơn. Tôi vẫn nhớ cậu Khánh ở Vân Hồ, người thư sinh mảnh dẻ, có khuôn mặt như con gái, bị lão Lân A trưởng A6 rất ghét, hay kiếm cớ chửi mắng, nhiều hôm bị lão phạt quỳ ở ngoài sân. A6 còn có cậu Lâm Thành, thuộc loại thấp bé nhẹ cân, nhưng lại hay bị sai đi khiêng thực phẩm.

Hòa Bình là tỉnh nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam của Thủ đô, nên thỉnh thoảng thấy máy bay Mỹ đi tập kích Hà Nội bay qua. Có những hôm thấy những sợi giấy bạc lấp lánh mỏng manh bay trắng trời, rơi phủ đầy cây cối và mặt đất, về sau tôi mới biết đó là do máy bay Mỹ thả nhiều thụ động để chống Ra-đa phòng không.

Tình hình chiến sự ở Miền Nam ngày càng căng thẳng. Ngày 01-05-1972 báo đài đồng loạt đưa tin giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, nhưng sau đó phía đối phương liên tục phản kích trên các mặt trận. Nhu cầu bổ sung sức người sức của cho tiền phương là rất lớn.

Chúng tôi đã bắt đầu bước vào giai đoạn huấn luyện nước rút, gồm bắn đạn thật, ném lựu đạn thật, đánh bộc phá thật. Những buổi học về kỹ thuật xạ kích ở hội trường do Đại đội trưởng Mạnh lên lớp rất tẻ nhạt. Trung úy Mạnh gốc người dân tộc Tày thì phải, trình độ văn hóa không cao, nên nói năng có phần lúng túng. Tôi nhớ mãi câu “từ từ lỗ cò, từ từ lỗ cò” của anh khi hướng dẫn bắn súng. Ngược lại, anh Hồng, Chính trị viên đại đội, ăn nói rất lưu loát. Các buổi học tập chính trị, anh hăng say diễn thuyết, nhiều lúc mắt long lanh. Tôi rất quý anh Xuyên, Chính trị viên phó, người thấp nhỏ tính tình điềm đạm. Tôi hay có dịp làm việc với anh, vì tôi được anh em tín nhiệm bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng quân nhân đại đội, còn anh là Chủ tịch, chuyên lo chuyện ăn ở, kiểm tra vệ sinh trong đơn vị.

Một hôm chúng tôi tiến hành tập đánh bộc phá thật. Mỗi người được phát 200g chất nổ dẻo, buộc hai khúc cây thành hình chữ thập có cán dài. Sau khi gắn gói thuốc nổ vào giữa chữ thập, chúng tôi cầm cán dài chạy lom khom tới áp nó vào tường lô-cốt, cạnh lỗ châu mai, giật dây cháy chậm, rồi bò trở lại nơi ẩn nấp. Một tiếng nổ chát chúa vang lên, cây chữ thập gỗ bay ngược trở lại đập bốp vào đầu anh Bính B trưởng B2, may mà anh đội chiếc mũ cối Tàu nên không bị sao cả. Anh Bính rất đô con, mặt lúc nào cũng nghèn nghệt, què một cục, nên bị anh em gọi là Bính “tầm”. Ngược lại với anh Đạm B phó, 20 tuổi, người nhỏ bé, ăn nói lí nhí như trẻ con. Đạo này các B đã hoàn thiện tổ chức, có đầy đủ B trưởng B phó mới bổ sung về. Ví dụ B1 trước kia chỉ có anh Nghĩa phụ trách, nay đã có anh Trọng về làm B trưởng, biệt danh là Trọng “say rượu”. Hồi hộp nhất là hôm ném lựu đạn thật. Quả lựu đạn chày dài khoảng 30 cm, đầu hình trụ bằng gang, đuôi gỗ. Tôi tay phải nắm đuôi, tay trái vặn bỏ nắp bảo vệ, móc ngón tay trở vào vòng dây cháy chậm giật “bép” 1 cái, rồi vung tay ngả người lấy đà ném quả lựu đạn về phía trước. Đã có cậu vì quá hồi hộp đánh rơi lựu đạn về phía sau, làm anh em đồng đội hoảng loạn chúi nhủi vào các hố đào. May mà anh A trưởng nhanh tay chộp được ném ra xa, không thì đại họa. Thấm thoát đã đến ngày bắn đạn thật. Mỗi người được phát 7 viên đạn AK, và sẽ nằm bắn 3 viên vào bia cố định tính điểm (bắn phát một).

Sau đó làm động tác quỳ bắn liên thanh điểm xạ 2 viên vào bia xuất hiện bất ngờ, rồi tiến lên bắn điểm xạ nốt 2 viên vào bia dưới chiến hào. Nếu ai bắn 3 viên đạt 27 điểm, bắn điểm xạ trúng cả 2 bia còn lại thì được thưởng 3 ngày phép về thăm nhà, nên cậu nào cũng háo hức. Tuy nhiên kết quả phần lớn không được như ý. Sau khi tôi bắn xong, người báo bia báo phát đầu được 10 điểm, phát thứ 2 được 7 điểm, làm anh Hồng - Chính trị viên đứng sau vỗ mạnh vào vai tôi nói: “Khéo thằng Vinh được về Hà Nội rồi”, nhưng phát thứ 3 lại tìm chim, làm cả lũ tiu nghỉu. Như vậy về cơ bản chúng tôi đã hoàn thành tất cả các hạng mục huấn luyện.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Về Phép

Một ngày giữa tháng 7-1972 chúng tôi được lệnh hành quân.

Về mặt tổ chức cũng có một số thay đổi. Các A trưởng được giữ lại để huấn luyện đợt lính khác. Các A phó như tôi được đôn lên làm A trưởng. A tôi nhận thêm một số cậu từ A khác đến như Ngô Duy Minh (từ A5 về làm A phó của tôi), Lâm Thành, Chính “con” từ A6...tổng cộng là 9 người. Hôm rời doanh trại, tôi tặng A trưởng Ninh chiếc kèn Harmonica của mình, mặc dù trong lòng hơi tiếc.

Chúng tôi hành quân qua suối Mon ra Bãi Nai, rồi theo quốc lộ 6 hướng về Hà Nội. Đi được một đoạn thì thấy lối nhỏ nhiều người dân từ các làng gần quốc lộ kéo ra. Đó là những người dân Hà Nội lên đây sơ tán, ra tìm mong gặp lại người thân của mình. Cậu Lâm A6 nhà ở Chợ Giời, chợt nhận ra mẹ mình cùng các em đang đứng bên đường. Mẹ con gặp nhau mừng mừng tủi tủi, bác Hồng (mẹ Lâm) cố chạy theo dúi vào tay chúng tôi mỗi đứa một củ sắn lùi, rồi đứng lại nước mắt lưng tròng nhìn đoàn quân đang xa dần.

Vì hành quân mang nặng nên nhiều cậu bị tụt hậu. Cứ tưởng đi đường nhựa là sướng, nhưng không phải vậy. Đường nhựa rất cứng, bàn chân đi cọ miết vào dép lốp, làm phồng rộp lên từng đám, bỏng rát. A tôi có hai cậu yếu nhất là Lâm Thành và Chính “con”, gần như lê đi không nổi. Đặc biệt là Chính con, thuộc loại thấp bé nhẹ cân, gầy gò ốm yếu, cồng chiếc ba-lô to tướng, bị tụt lại khá xa. Trong khi đó các B trưởng luôn đốc thúc các A trưởng giữ vững đội hình. Cực chẳng đã tôi đành chạy xuống mang hộ ba-lô cho Chính con. Ba-lô của tôi đeo sau lưng, ba-lô của Chính con tôi đeo

trước ngực, để Chính con đi không. Nhưng sức người có hạn, tôi cũng đâu có béo tốt gì, nên đến chiều tối thì tôi gần như bị xỉu vì quá sức. Cũng may có lệnh ban ra cho bộ đội tản vào các nhà dân ở một làng ven đường nghỉ qua đêm. Anh em dìu tôi vào đến cái phản giữa nhà là tôi ngã vật ra, không còn biết trời đất gì nữa.

Ngày hôm sau chúng tôi lại tiếp tục hành quân, đến khoảng 3h chiều thì tới làng Đại Mỗ, Từ Liêm. Mỗi tiểu đội được phân vào một nhà. Sau khi nghe phổ biến lệnh cho về phép 7 ngày, chúng tôi mừng rơn, từng toán lục tục kéo nhau ra đường, chặn các xe tải xin đi nhờ về Hà Nội.

Mấy ngày phép, tôi tranh thủ chụp rất nhiều ảnh. Lúc thì chụp chân dung súng súng trong bộ quân phục mới, lúc thì chụp kỷ niệm cùng gia đình, lúc thì chụp bên nhà Chí Thành. Nhiều đồng đội rủ tôi đi bát phố hoặc về chơi nhà họ. Tôi đã đến chơi nhà anh Long cồ ở Bà Triệu, cùng anh đi ăn kem Bốn Mùa và uống cà phê Quán Gió. Đến nhà Thành “Ma tị” ở Bạch Mai ăn cơm. Bà mẹ Thành buôn bán ở Chợ Mơ, luôn tay gấp thức ăn cho hai đứa, mắt ngấn lệ, đeo vào tay Thành một chiếc nhẫn vàng, dặn nếu bị lạc trong rừng thì tháo ra mà đổi cho người dân tộc lấy thức ăn. Tôi đã đến nhà Ngô Duy Minh ở 75 Mai Hắc Đế và nhà Chính con ở P18 Hoàng Hoa Thám. Cũng ở phố Hoàng Hoa Thám này, trước đó hai ngày mẹ tôi đã đưa tôi lên thăm nhà cô Hồng Minh, người cùng làm với mẹ tôi ở Sở Xây dựng. Cô Hồng Minh có hai con gái rất xinh, Hồng Liên 17 tuổi và Hồng Vân 15 tuổi, chắc mẹ tôi có ý nhắm nhe gì đó. Cô chị có nước da đậm đà chào hỏi tôi rất niềm nở. Cô em nhỏ hơn nhìn tôi cười bẽn lẽn. Nhưng trái tim tôi hồi đó đã bị choáng ngợp bởi hình ảnh một người con gái 16 tuổi học cùng trường, dưới tôi một lớp. Lần đầu nhìn thấy T. H., tên người con gái đó, trong một buổi lao động ngoại khóa, tôi đã bị tiếng sét ái tình đánh gục. Khuôn mặt trái xoan trắng hồng, đôi mắt trong veo và đôi môi đỏ thắm, làm tôi sững sờ không nói nên lời, mặc dù tôi là người phụ trách phân công lao động. Về sau dò hỏi được biết T. H. ở cùng khu tập thể với tôi, tôi đã mấy lần làm như tình cờ đi qua gặp em, nhưng không dám tỏ

tình. Lần này vì không còn nhiều thời gian, tôi lấy hết can đảm đến thẳng nhà em. Em ra mở cửa và rất ngạc nhiên nhìn tôi trong bộ quân phục mới, rồi mời tôi vào nhà uống nước. Tôi nói: “Anh sắp đi B rồi. Chúc em ở nhà khỏe vui và nhiều hạnh phúc”. Em cũng ấp úng chúc tôi lên đường mạnh khỏe, nhiều may mắn. Thế rồi chúng tôi chia tay nhau không một lời hẹn ước. Khi về đến nhà thì đã thấy một số bạn gái lớp tôi ngồi đợi sẵn:

An, Xuân Mai, Thu Mai, Nga, Giang, Liên...bạn thì tặng tôi túi bàn chải đánh răng, bạn thì tặng khăn mu-soa, sổ lưu niệm...Tôi biết bạn Chí Thành thích Xuân Mai lắm, nhưng cũng chưa dám ngỏ lời. Tất cả các bạn đều chúc chúng tôi lên đường may mắn.

Ngày trả phép, bố tôi mượn chiếc xe com-măng-ca chở cả nhà vào Đại Mỗ. Ngồi trong xe, tôi lơ đãng nhìn cảnh vật trôi vùn vụt, nhúu mày khi thoáng thấy những hố bom kích sù và những khu nhà đổ nát. Ngồi bên cạnh, bà nội, mẹ tôi cùng bác Quýt vẫn thủ thủ dặn dò tôi đủ mọi thứ. Bố tôi ngồi đằng trước thỉnh thoảng mới ngoảnh lại góp chuyện. Sau một hồi lạc loanh quanh, cuối cùng chúng tôi cũng tìm tới nơi tập kết. Tôi và anh Vân “số 6” xuống xe đi bộ vào làng. Cả nhà đứng trên đường tàu nhìn theo mãi.

Vào tới nhà bác nông dân mà A4 của tôi đóng quân, tôi thấy vẫn còn thiếu mấy cậu nữa: Đường “cóc”, Phái “con”, Đệ “người Mỹ”... Mãi đến hai hôm sau các cậu ấy mò lên. Đến tối gặp anh Bính B trưởng, tôi cũng chỉ bị phê bình qua loa vì chậm phép 3 ngày. Ấn tượng của mấy ngày phép vẫn choán phần lớn tâm trí chúng tôi. Tôi và Ngô Duy Minh kể cho nhau nghe những cuộc gặp gỡ vừa qua, đặc biệt là của Duy Minh với hai bạn gái Hòa và Dư Loan.

Chí Thành đã lên từ mấy hôm trước, nói với tôi là mẹ Chí Thành và bạn Quốc Hùng sắp lên thăm. Chúng tôi đi lĩnh quân trang mới: một bộ quân phục vải Tô Châu, xanh-tuya, bi-đông có ca, túi bơi... rồi đi lấy gạo, nhận vũ khí. Nhìn những khẩu AK kiểu mới (sản xuất năm 1971) sao tôi thích thế: sơn xỉ đen bóng, thơm phức, đầu nòng trông như bị mẻ, không 1

tý mỡ dầu. Riêng khoản dao găm và lưỡi lê thì ban chỉ huy vẫn đình lại, chưa muốn phân phát.

Một số cậu thấy chưa lên đường, lại lên về nhà chơi thêm vài hôm. Thành “ma tịt” và Quang “xiu” ở A tôi cũng vậy. Kể mà diện bộ đồ đi B vào cùng các thứ trang bị rồi về Hà Nội vênh váo thì cũng hay. Tôi đã định về, nhưng nghĩ như thế còn ra thể thống gì nữa nên thôi.

Mẹ tôi lên chơi, nấu miến thịt và mang giò lụa cho tôi ăn, để phần cho cả Duy Minh, Đường cóc, Quang, Duy Minh hình như được cử đi học A trưởng, cậu ta được gọi lên gặp Tiểu đoàn. Tôi lo quá, mất Duy Minh thì A tôi gay. Một hồi sau Minh về kể cho tôi nghe: Tiểu đoàn định giữ Minh lại ngoài Bắc làm liên lạc, hoặc sẽ cử đi học A trưởng (gia đình Duy Minh là cán bộ thuộc loại có cỡ). Nhưng Minh kiên quyết từ chối, một mực xin đi chiến đấu và được toại nguyện. Cũng như tôi, Minh nghĩ: đã là học sinh thì phải cố học, đã là bộ đội thì phải đi chiến đấu, và rất ngại đi học A trưởng. Nghe xong, tuy không nói ra nhưng tôi rất mừng.

Bố mẹ tôi, mẹ Chí Thành và bạn Quốc Hùng lên thăm chúng tôi. Quốc Hùng và bố tôi chăm chú xem những đồ trang bị. Tất cả đều hiện đại, mới cứng, thơm phức: từ khẩu súng, bao đạn, đến mặt nạ, túi bơi... Đúng là chúng tôi được trang bị đến tận răng. Tôi nói đùa: “12 nước nuôi một nước đánh giặc mà lại”. Bố tôi bận nên phải về sớm, sau khi đã dặn dò tôi lần cuối. Được biết chiều nay chúng tôi lên đường, mẹ tôi quyết định ở lại cho đến khi chúng tôi đi. Công tác chuẩn bị thật gấp rút: phát dao găm, lưỡi lê, bật lửa và đá lửa... cho từng cá nhân. Tôi sang chỗ Chí Thành, mẹ bạn ấy cũng đang dặn dò cậu ta, bác nói với tôi cố gắng gần gũi Chí Thành để anh em giúp đỡ lẫn nhau khi có hoạn nạn.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B (1)

Chiều một ngày trung tuần tháng 8 chúng tôi lên đường. Đúng 13 giờ. Lúc sắp xuất phát có một việc lôi thôi nhỏ: A4 được phân công mang thùng đạn, tôi đưa cho Ty vì cậu ta không có súng, nhưng cậu ta không chịu.

Anh Bính phải quát tháo một hồi mới ổn. Mẹ tôi còn đứng nhìn theo chúng tôi đi mãi.

Chúng tôi tập trung toàn Tiểu đoàn, nghe Thượng tá Ngô Ngọc Dương nói chuyện, rồi đại biểu nhân dân thành phố tiễn đưa. Lệnh hành quân phát ra. Đoàn quân linh kinh vũ khí, trang bị lên đường, nom như một con rắn xanh khổng lồ bò qua những con mương, bờ ruộng... Chúng tôi đi xuyên qua các làng mạc để xuống ga Thường Tín. Một em bé gái sơ tán đứng bên đường, chợt nhìn thấy tôi, em hỏi: “Anh Vinh ơi, anh Bình em đâu?”. Tôi đang nghĩ đến Lê Thanh Bình (bạn cùng lớp 10B) nên bảo em chạy lên phía trước. Tôi cũng không hiểu tại sao em biết tôi, và em hỏi Thanh Bình hay Xuân Bình (10C, đang đi phía sau). Tôi nhìn em chạy mà thương quá. Cứ đinh ninh là sẽ đi qua làng Nhị Khê, nơi chúng tôi sơ tán một dạo, tôi rất ngạc nhiên khi thấy ga Thường Tín đã ở trước mặt.

Có lệnh nghỉ giải lao. Người nhà của anh em đi theo đoàn quân đông quá, ngồi rải rác suốt cạnh đường. Tôi rút dao găm ra mài cho sáng, Lâm A6 thấy vậy cũng làm theo. Các thứ trên người thật linh kinh: xanh-tuya đeo Bi-đông, mặt nạ, bao đạn, dao găm, lưỡi lê... nặng trĩu, vậy mà bọn tôi cảm thấy oai. Lính mới có khác. Bảy giờ tối, chúng tôi vào ga Thường Tín lên tàu. Thiếu tá E trưởng huấn luyện Lê Thành Nhân bắt tay từng người:

“Các em đi khỏe nhé”. Tàu chuyển bánh, Thành “ma tịt” và Phái “con” khóc, tôi cũng rơm rớm: “Không biết bao giờ mình mới trở lại Thủ đô?”.

Màn đêm đã buông xuống từ lâu. Trong toa tàu chẳng có đèn đóm gì cả. Chúng tôi giở cơm nắm ra ăn với thịt kho. Trước lúc xuất phát, thấy chúng tôi bận chuẩn bị, mẹ tôi đã kho thịt giúp và nắm cho mỗi người một nắm cơm. Những tình cảm chia ly lưu luyến vẫn còn tràn ngập tâm hồn chúng tôi. Khát nước quá. Mấy cậu uống nước ở vòi nước trong toa, lại múc cả vào bi-đông nữa. Hôm sau trời sáng mới biết nước ấy rất bẩn, cặn đỏ lôm. C bộ thông báo có bán bia và nước chanh, nhưng đến khi tôi lên mua thì chỉ còn nước chanh. Tới 12 giờ đêm thì tàu phải tăng-bo. Chúng tôi xuống tàu đi bộ. Quãng đường nhựa có nhiều hố nhỏ và đá lổn nhổn, chắc là vết bom bi. Đi qua một thị trấn nào đó của Nam Hà (1) Nhiều ngôi nhà hai tầng đổ sập, các cửa sổ như những con mắt đen ngòm, đờ dại. Chúng tôi vượt qua một cái cầu, tới nhà ga mới và lại lên tàu đi tiếp. Đoàn tàu này tồi tàn hơn đoàn tàu ban nãy. Tôi cố ngủ mà không được. Thò cổ ra cửa sổ, từng cơn gió lạnh hất tóc bay ra phía sau, thoảng trong gió có những giọt nước phả ra từ đầu tàu. Trăng vàng đục khi ẩn khi hiện sau lớp mây mù. Khoảng 3 giờ rưỡi sáng chúng tôi xuống tàu: đường tàu đến đây là hết.

(1) Tỉnh Nam Hà thành lập ngày 21 tháng 4 năm 1965 trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Hà Nam và Nam Định. Ngày 27 tháng 12 năm 1975 nhập thêm Ninh Bình thành Hà Nam Ninh. Nay lại chia ra ba tỉnh như cũ (BT).

Mắt cứ riu lại. Bước chân khắp khênh trên con đường đất hai bên trồng cây phi lao. Cái hòm đạn thật sự vướng víu cho tiểu đội, vì không ai muốn khiêng cả. cuối cùng chúng tôi phân công từng đôi khiêng đạn theo giờ. Vào tới làng, tắt cả một phờ. Tôi nhận chỗ ở của A, phân công nhà cho các tổ, rồi về ở cùng với tổ 2. Gia đình bác chủ rất tốt, nhường cho 4 chúng tôi cái giường to, phủ màn trắng, còn ấm hơi người. Mới đầu chúng tôi cũng thấy ngại, nhưng rồi mệt quá, đành chui vào đánh một giấc quên chết.

Tôi dậy đầu tiên, trời sáng đã lâu. Anh Đạm B phó gọi các A đi lĩnh thực phẩm. Tôi sang gọi Duy Minh mang quang gánh cùng đi lĩnh với tôi. Xe ô-tô của binh trạm chở tới gạo, thịt, bí, miến... để phân phát. Tôi gặp Phổ Thọ, hai đứa nói chuyện, tôi mua bánh tai voi mời nhưng Thọ không ăn.

A phó Duy Minh đảm nhiệm việc chia thực phẩm cho các tổ. Tôi lấy giấy bút viết bức thư đầu tiên về nhà. Buổi trưa còn thừa ít gạo hôm trước, Minh đem bán để mua miến chiều nấu với thịt. Anh Bính tập hợp B, sau một hồi kiểm điểm, tới mục đề nghị, tôi xin phát biểu về vấn đề mang đạn. Thùng đạn 12kg, như vậy A tôi phải mang nặng hơn các A khác nhiều (mỗi A khác chỉ phải mang một khẩu B40). Vì A tôi có nhiều người nhỏ yếu, tôi đề nghị mỗi A thay phiên nhau mang đạn một ngày. Anh Bính không tán thành. Tôi bèn phân công luôn cho Phái “con”, Đường “cóc” khiêng thùng đạn, nhưng hai cậu này không chịu. Kết quả, buổi chiều khi chúng tôi đi, hòm đạn vẫn nằm trống trơ ở góc sân. Ra đến chỗ tập hợp Đại đội, anh Đạm mới lễ mễ bê đạn chạy theo. Rốt cục anh Bính và C bộ phải đồng ý mỗi A vác đạn một ngày, nếu đi bộ thì mỗi A vác 3 tiếng thay phiên.

Từ 4 giờ chiều chúng tôi bắt đầu hành quân bộ. Trời xám xịt. Tôi cảm thấy khoảng cách ra đường cái rất gần, mà đêm qua sao nó xa thế.

Trên đường đi, Chính con và Đường cóc hay đùa nghịch, có khi chạy ra khỏi hàng quân, đuổi nhau rơi cả xuống hố. Tỵ đi cạnh tôi, luôn mồm kể chuyện tiểu lâm. Tới nửa đêm thì tới một bến phà. Ngồi đợi phà mà bụng ai cũng lo vì phà này hay bị đánh phá. Chắc đây thuộc địa phận Ninh Bình hay Thanh Hóa rồi. Xe, người lộn xộn xuống bến. Anh Mạnh C trưởng có lúc phải rút súng ngắn để ngăn xe lại cho lính của mình lên phà. Sàn phà có nhiều lỗ thủng, thấy nói là vết đạn. Đông quá, đứng chen chúc, tôi cố gắng hết sức để tập trung tiểu đội vào một chỗ. Ca-nô diu phà từ từ qua sông. Ánh đèn gầm của xe trên bến cũ le lói, xa dần. Thấy mờ mờ mấy khung sắt của cây cầu gãy nhip. Bóng đen của quả núi trước mặt như muốn đổ sập lên

vai, gây cho mọi người cảm giác rờn rợn. Từ phà lên bờ thật nhốn nháo. Tiếng ai đó hô vận động nhanh, vì đây là khu trọng điểm đánh phá, lại trống trải. Tất cả cắm đầu chạy, không còn biết đâu là B, là C mình nữa. Cái xoong của cậu nào đó gõ cạch cạch liên hồi. Thỉnh thoảng tôi lại gọi Duy Minh, người chạy cuối cùng của tiểu đội, Minh vẫn trả lời đều đặn. Chúng tôi dần dần giảm tốc độ, rồi gặp anh Bính. Sau khi tập hợp được đơn vị, tất cả được lệnh nghỉ giải lao. Chúng tôi nằm ngả ngốn hai bên đường nhựa, thậm chí nằm cả trên mặt đường, xe ô-tô đến rất gần mới thềm bò dậy. Mặc dù có lệnh cấm hút thuốc lá, khắp nơi vẫn lập lòe đốm đỏ. Sau đó lại đi tiếp, đến 3 giờ sáng mới tới làng trú quân. Chúng tôi lăn ra ngủ li bì.

Có lệnh cử người đi lĩnh thêm quân trang: Tăng, ni-lông và vông bạt, tất cả đều mới cứng, hàng của Trung Quốc. Chúng tôi ở lại làng này nghỉ một ngày. Hôm sau anh Bính cử tôi ra gác ở cổng làng, không cho lính đi ra chợ. Lúc về thấy trong nhà có bác bố của Lâm Thành đến thăm, đang nói chuyện. Bác là Trung tá, Phó Chính ủy một trường quân đội nào đó. Bọn tôi trước đây vẫn nghĩ rằng chắc Lâm Thành không phải đi B, ai ngờ cậu ta vẫn đi. Bác đã đạp xe đuổi theo con tới tận đây mới gặp. Bác xem những khẩu AK kiểu mới, nói rằng quân nguy gọi AK là trung liên cá nhân. Rồi bác bảo Lâm Thành mang ba-lô ra, tự tay sắp xếp lại cho gọn, lại còn nhờ anh em chú ý giúp đỡ, vì cậu ta rất luộm thuộm.

Buổi tối chúng tôi ra xe. Cậu nào cũng tranh ngồi gần cabin. Tôi lên trước sắp xếp ba-lô, ưu tiên cho các cậu mang nôi. Phái “con” và Thành “ma-tật” thường trèo ngang thùng vào xe để chiếm chỗ. Cả trung đội hơn 40 người nhồi vào một thùng xe tải nên chật chội quá. Tới 10 giờ đêm thì phải xuống đi bộ để chuyển sang xe khác. Được nghỉ ngơi một lúc, tất cả giờ cơm nằm ra ăn. Sau đó lại cuộc bộ trên con đường đất đỏ bùn loãng ngập đến mắt cá chân. Đến khi có xe, lính ta cứ chân cẳng bết bùn leo lên thùng, ngồi bệt xuống ba lô. Xe phóng nhanh kinh khủng, lại xóc nữa, nhiều lúc phải gào vào ca-bin bảo đi chậm lại. Cậu Quý “tiết” A trưởng A5 ngồi cạnh ngủ gật, thỉnh thoảng lại đè cả thân hình hộ pháp của hắn vào tôi, làm tôi

nhều lúc nghệt thở. Vốn không ưa Quý, tôi dựng khẩu AK lên, quay quy-lát về phía hắn. Mỗi lần hắn nghiêng sang, thì cái quy-lát lại đâm sâu vào sườn, làm hắn tỉnh ngủ và không dám đề sang nữa. Xe qua một thị xã, hình như Thanh Hóa thì phải. Xe vẫn chạy điên cuồng. Đêm khuya lắm chúng tôi mới xuống xe, đi bộ vào nơi trú quân. Đi mãi mà không tới nơi, ai cũng mệt và buồn ngủ. Cứ mỗi lần nhìn thấy một vệt sẫm trước mặt, lại tự nhủ “Cố lên, làng kia rồi...”, nhưng lại không phải. Mưa. Mưa nặng hạt, chúng tôi lấy ny-lông ra choàng. Tất cả đã đi lên phía trước, chỉ còn Chính con và Lâm Thành khiêng thùng đạn lết bệt ở phía sau. Cả hai cậu đều nhỏ yếu, mặc dù tôi đã mang hộ hai khẩu súng, nhưng cũng không đi nhanh hơn được. Lội lôm bôm vào tới rìa làng, tôi thoáng nghe: “... B1 rẽ phải!”. Thế là tôi đưa cả hai cậu vào theo luôn. Tìm mãi không thấy B2, ba chúng tôi quyết định ngủ lại một nhà nào đó, mai tìm sau. Chúng tôi gõ cửa một nhà. Một ông cụ ra mở cửa từ chối, nói là trong nhà có bộ đội ngủ rồi. Chúng tôi định quay ra thì từ cái nhà ngang, 1 bà cụ gọi chúng tôi vào nằm tạm. Tôi rút bật lửa châm đèn, thì ra là một cái bếp. Cả ba đứa rút rơm trải ra sàn rồi lăn vào ngủ mê mệt. Sáng hôm sau, để Lâm Thành và Chính nấu cơm, tôi ra khỏi bếp đi tìm đơn vị. Lên tới đầu làng, thấy B1 nằm trong một cái đình, họ cũng bị lạc. Đi xuống cuối làng cũng không tìm thấy, chỉ toàn lính D60. Quay về nhà, thấy Chính đang cãi nhau với một anh bộ đội ở nhà trên. mấy anh đó đều lớn tuổi hơn bọn tôi nhiều. Chính gân cổ quát: “Anh bộ đội ở nhờ, tôi cũng bộ đội ở nhờ, anh bảo tôi đi đâu?”. Sau được biết đó là anh Chính trị viên phó D60, còn nhà trên là Ban chỉ huy Tiểu đoàn 60, chúng tôi mới sang nhà khác. Ở đây đã có hai cậu liên lạc D60 ở, tôi làm quen với cậu da ngăm đen, vui tính. Cậu ta dạy tôi cách mắc võng với cọc phụ. Rồi những người bị lạc lục tục kéo đến. Tôi gặp C trưởng Mạnh, anh dặn cứ chờ ở đây. Rồi anh Bính dẫn B2 tới, tôi gặp lại tiểu đội. Thực ra Phái, Đường, Thành ma-tật lạc gần đó mà tôi không biết. Các cậu ấy đã kịp mua con vịt chén rồi. A4 chuyển sang ở hai nhà mới. Tổ 1 gồm Quang, Thành, Phái ở nhà gạch. Còn lại ở một nhà lá. Chúng tôi mua hai con vịt ăn chung cả tiểu đội. Tôi được gọi đi họp cán bộ. Khi về, tôi quyết định củng cố lại tổ chức của tiểu đội, đề ra phương án phân công mỗi ngày một tổ nấu

cơm, một tổ mang nôi, một tổ đi lĩnh thực phẩm. Tất cả nhất trí, tôi nhân đà chỉ định luôn Phái con và Thành ma-tật hôm sau đi lĩnh thực phẩm, vì các cậu này vốn rất lười. Hai cậu cứng lười, đành phải phục tùng. Nhà Tổ 1 ở mới có tang, bàn thờ còn phủ sô trắng với đôi câu đối rất ai oán. Mấy cậu Tổ 1 thấy rờn rợn, cứ gạ tôi xin sang nhà lá ở.

Khoảng 3 rưỡi chiều chúng tôi ra đường cái đợi xe. Các ông xe thô mang dừa, chanh đến bán cho chúng tôi với giá cắt cổ. Chợt gặp mấy chiếc xe chở lính bị thương từ chiến trường ra. Gặp nhau reo hò. Thấy mấy cậu chạy theo xe để gửi thư, tôi cũng chạy và dúi thư vào tay một anh ngồi ở góc thùng. Hầu như đến trạm nghỉ nào tôi cũng viết thư về nhà.

Mưa lâm thâm, chờ sốt cả ruột mới thấy xe tới. Lại vẫn cảnh ngồi như lèn cá mèi trong thùng xe. Đường trơn, xe đi rất chậm. Bầu trời xám xịt. Những chiếc xe 3 cầu đầy lính nặng nề phun bùn loăng sang 2 bên đường. Không hiểu đây là Đường 15 hay Đường 22? Thật là những con đường gian khổ, hết lên dốc lại xuống đèo. Suốt đêm, xe đi rất thận trọng. Chúng tôi sừng sốt khi thấy trời đã sáng. Hình như đây là dốc Bò Lăn thì phải, vì hai bên đường thấy nhiều xe lật nghiêng ngả. Đã 6 giờ sáng, chúng tôi đành rẽ vào những cánh rừng cao-su gần đấy, giấu xe chờ đến tối.

Lần đầu tiên tôi vào rừng cao-su và nhìn thấy cây cao-su. Tôi ngạc nhiên vì đó là một khu rừng rất sạch sẽ; cây cao-su to bằng thân người, trồng rất thẳng hàng, cách nhau đều đặn. Mặt đất rất sạch, không hề có một ngọn cỏ. Lá cao-su trông như lá sắn, nhưng to hơn và một bản chỉ có 3 phiến lá như 3 ngón tay; ngắt lá là nhựa trắng chảy ra ngay. Thân mỗi cây đều có vết khía như rãnh cuốn, ở cuối vết khía gần gốc có gắn cái bát đựng nhựa. Quả là khu rừng đóng quân lý tưởng, mắc võng thuận tiện, củi tốt và dễ kiếm...Chỉ gay nếu bị đánh bom cháy thôi. Buổi sáng, máy bay địch cũng rà qua mấy lần, bay rất thấp. Buổi chiều trời mù nên chúng tôi khởi hành sớm. Hai bên con đường đất đỏ là những nông trường cà-phê và chè bát ngát. Trời bắt đầu mưa. Nhìn chiếc xe đằng trước tôi mới hình dung

được đường trơn thế nào. Bánh xe của chiếc Hồng Hà 3 cầu quay tít mà xe vẫn đi rất chậm. Đến chỗ ngoặt thì dít xe hết dệ sang bên này lại trượt sang bên kia, dường như tay lái vô tác dụng. Bên vệ đường mấy chiếc xe Gaz đã nằm chết dí trong vũng lầy. Thật là những con đường gian nan và quả cảm.

Đêm đã khuya chúng tôi mới đến Trạm. Tất cả xuống xe, đi qua một bãi ngổn ngang những cây gỗ rất to. Vào một khu rừng già tối đen, gọi nhau í ới. Tôi nhanh chóng bố trí cho anh em căng tăng mắc võng, rồi ngã người đánh một giấc thẳng cẳng.

Trời vừa sáng, các A đã được báo thức. Việc đầu tiên là tất cả phải đi kiểm củi để nấu ăn. Đây là khu rừng khách đông người, nên việc kiểm củi không dễ. Hôm nay nấu cơm Trung đội, do chưa quen nên nhóm lửa mãi không được. Anh Bính phòng mang trợn mắt, chảy cả nước mắt để thổi mà cũng không ăn thua. Phải đốt rất nhiều giấy và giẻ dầu lau súng mới nhóm được lửa. Người thông khói và quạt. Người ra suối lấy nước túm vào ni-lông vác về. Nói là suối, thực ra chỉ là lạch nước nhỏ nhiều bùn và bẩn. Cuối cùng thì cũng nấu được cơm chia cho các tiểu đội. Khu rừng khách này quả là rộng, chứa được cả Tiểu đoàn 58 của tôi cùng mấy đoàn lính Thái Bình nữa. Mặt đất dưới vòm cây cao khá quang đãng. Cọc phụ, dây song buộc cọc lô nhô khắp nơi. Vỏ đồ hộp màu xanh lá cây vứt đủ mọi chỗ. Nhiều bếp Hoàng Cầm hồng, trơ cành cây lát đen sì.

Chúng tôi lĩnh quân trang bổ sung: quần áo dài vải phin 1 bộ, quần áo lót cộc tay 2 bộ, 2 gói ruốc thịt, 1 hộp đường, 1 kg sữa bột, 1 gói mì chính, rồi mũ mềm, tất, hộp thuốc cá nhân, ruột tượng gạo, túi cơm nắm... Ba-lô bây giờ đầy có ngọn, không còn hở chỗ nào nữa.

Có lệnh tập hợp toàn tiểu đoàn. Tiểu đoàn trưởng huấn thị, sau đó y tá tiểu đoàn hướng dẫn cách phòng chống sốt rét và cách sử dụng hộp thuốc cá nhân. Chúng tôi đứng xa nên chả nghe thấy gì mấy.

Được lĩnh đồ mới, các đồ cũ lính ta đem cho lung tung cả. Người xin chủ yếu là dân chúng quanh vùng, thuộc địa phận Nghĩa Đàn, Nghệ An. Mai Quý Cường đưa cho một chú bé cái mũ cứng của mình, mặc dù chú ta đã ôm trên tay tới 4-5 cái rồi. Nhiều người dân vào khu rừng bộ đội ở để hốt cơm thừa, nhặt cơm nắm và nhiều thứ linh tinh khác.

Lại có lệnh lên đường. Hành quân bằng xe Giải phóng, lớp to nên chạy khá êm. Trời mới sẩm tối, đoàn xe chạy trên con đường đất đỏ hai bên mọc đầy cây sim. Nhiều sim quá, cây nào cũng đầy quả chín mọng, khiến cho ta có cảm tưởng hai bên đường và các sườn đồi được phủ một lớp thảm màu tím sẫm (rất lâu sau này tôi mới biết có bài thơ Mầu tím hoa sim). Trời tối đã khá lâu. Ngồi trước mặt tôi, sát ca-bin, là cậu Chính “cá gỗ” liên lạc Đại đội, lúc này xe vừa chạy qua đường cái dẫn về quê cậu ta. Giờ đây cậu ta đang ngủ gật, và bị Chính “con” nhẹ nhàng đánh tráo con dao găm, vì dao găm của Chính “con” bị sút cán. Tôi nhìn thấy hết nhưng không nói gì, vì đang buồn ngủ quá. Chợt chiếc xe dừng lại. Hình như phía trước có bom nổ chậm. Nhưng rồi đoàn xe lại tiếp tục chuyển bánh, các chiến sĩ lái xe đã quyết định đưa xe vượt qua bên cạnh quả bom. Gió đêm mát rượi lùa vào thùng xe. Tới những chỗ ngoặt, nhìn ánh đèn pha le lói của những chiếc xe ra tiền tuyến thật đẹp. Rồi xe chợt giảm tốc độ, chúng tôi không hiểu có chuyện gì xảy ra. Thì ra phía trước đoàn xe là một đoàn chiến xa đang ra trận. Các ông bạn này to lớn kèn càng, lại chạy chậm. Tôi ngó ra phía trước, thấy một chiếc T54 kèch xù đang án ngữ con đường, đèn đỏ sau đít chói lên dưới ánh sáng đèn pha xe tôi. Thấy còi thúc dít ghê quá, chiếc Tank gầm lên dữ dội, khói ma-dút phả ra mù mịt, rồi chồm lên phía trước lao nhanh như một mũi tên. Trong chốc lát chiếc Tank đã bỏ xa xe tôi khiến chúng tôi rất ngạc nhiên. Nhưng rồi đoàn Tank dừng lại, nhường đường cho đoàn xe chở lính. Mỗi lần vượt qua 1 chiếc Tank chúng tôi lại hò hét inh ỏi, vẫy tay chào các cậu lính Tank đang nhô đầu lên. Một vài cậu lính Tank mặc quần đùi áo lót vừa chui ra khỏi xe đang sửa cái gì đó, điện trong thùng xe Tank sáng xanh.

Tôi lại ngủ gà ngủ gật. Chiếc xe ngoặt mấy lần. Chợt ai đó nói: “Hình như đây có một thị trấn”. Tôi mở mắt nhìn xuống, chợt thấy tòa nhà quét vôi trắng quen quen, và nhận ra đó là Cửa hàng Ăn uống Đô Lương, bên cạnh có hiệu sách. Chiếc xe rẽ ngoặt xuống đường đi Phố Mới. Tôi kể cho đồng đội nghe đây là nơi ông bà ngoại tôi ở. Tới Phố Mới, tôi nhìn vào nhà bà Ba còn thấy đèn sáng ở quán nước trước nhà, và chỉ kịp thét lên “Bà Ba ơi” thì chiếc xe đã vụt qua. Tiếc quá, giá xe dừng lại nghỉ giải lao thì hay biết mấy.

Chúng tôi chạy thẳng về hướng Vinh, nhưng đến Nam Đàn thì đoàn xe dừng lại. Được lệnh xuống xe hành quân vào làng có binh trạm. Vì quân chưa tới đủ, anh Y Đại đội phó ra lệnh tạt vào một cái sân kho nghỉ để đợi. Sân lát gạch rộng mênh mông, chúng tôi giở cơm nắm ra ăn. Đêm rất khuya, đại đội mới tới chỗ nghỉ. Cô giao liên dẫn đường chỉ cho tiểu đội tôi hai nhà. Tôi bố trí Tổ 1 và Đệ ở một nhà, còn lại ở nhà thứ hai. Nhà hơi chật nên tôi mắc võng ra hè ngủ. Hôm sau Duy Minh đi lĩnh trứng muối, thịt tươi, bí, rau, miến về nấu cơm cho tiểu đội. Binh trạm này nói chung hậu cần khá. Đây là xã Nam Hòa, cách Nam Liên quê Bác khoảng 4-5 km và cách Nam Hùng, nơi hồi bé tí tôi đã ở, khoảng 3-4 km. Ở đây có chợ sơ tán, nghe nói có phở, cà-phê, nước chanh. Lính ta nhiều người đem bán quần áo, mũ, mì chính để lấy tiền ăn uống, và cũng để ba-lô nhẹ bớt. Tôi cũng bán cái mũ cứng và một cái áo lót cùng với Quang “xiu”, rồi vào quán ở ven chợ ăn miến, uống nước chanh. Sau đó hai đứa đi lên đê chơi. Dòng sông Lam ánh lên chói mắt dưới nắng trưa, bầu trời xanh ngắt. Chúng tôi theo dõi những chiếc máy bay A6A của Mỹ đang nghênh ngang và hùng hổ bổ nhào đánh phá rú Đụn bên kia sông. Không thấy có tiếng súng bắn trả. Tôi nhìn những quả núi lô nhô, và tự hỏi không biết quả nào là rú Chung, rú Thành như trong các sách tả cảnh quê Bác đã nói tới. Và tôi cũng rất muốn đến thăm quê Bác một lần.

Hai giờ chiều, anh Bính báo cho các A nấu cơm nắm và ăn cơm để 4 giờ hành quân. Chúng tôi gấp rút chuẩn bị. Cũng may quần áo tắm giặt đã

khô. Còn thừa một quả bí chẳng ai chịu mang, đành biếu gia đình chủ nhà. May mà hòm đạn đã phá ra chia mỗi người mang một ít, không cũng chết dở. Ra đến bến sông thì trời đã tối. Tất cả lên sà-lan ngồi, chiếc ca-nô đi kèm nổ máy phành phạch. Hơn trăm con người ngồi lọt thỏm dưới lòng tàu, một số cậu trèo lên thành đứng. Hình như sà-lan đi ngược dòng sông Lam thì phải. Tôi dựa vào thành tàu ngủ gật, thỉnh thoảng vài giọt nước từ ngoài mạn lại tóe vào lành lạnh. Hơn một giờ sau, chúng tôi lên bờ. Cái cầu tàu nhỏ quá, trời lại tối đen như mực. Tôi gào thét trong đám hỗn độn để tập hợp tiểu đội và tìm trung đội của mình. Chúng tôi như đi trên một con đê rộng, mặt lát đá, hai bên vệ đê là nhà cửa. Một số bà bưng bánh chưng ra bán cho bộ đội, hình như họ làm cái việc bán hàng ban đêm này thường xuyên lắm rồi. Tôi cũng mua một chiếc. Các rổ bánh loáng cái đã hết. Cả đại đội ngồi bên vệ đường nghỉ giải lao. Tôi ngồi ăn cơm nắm với Ty, Quang, Thành “ma tị”, Phái. Kiểm điểm lại quân số, thấy còn thiếu Minh, Đường, Chính. Gay quá, tôi báo cáo anh Bính, rồi chạy ngược chạy xuôi tất tả tìm. Xuống mãi tới cuối Tiểu đoàn mà cũng không thấy. Lúc chạy qua C50 tôi gặp Phổ Thọ, tranh thủ nói với nhau được mấy câu. Tới khi về lại Trung đội thì nghe nói hình như các cậu ấy đã đi lên trước rồi. Đêm đã khuya lắm mà con đường phi lao giữa cánh đồng vẫn như bất tận. Đã nghỉ giải lao tới 2-3 lần. Càng về khuya, lính ta càng mệt mỏi, buồn ngủ, lại mang nặng, nên chỉ đi được khoảng 2 km đã phải nghỉ. Chúng tôi nằm vật xuống vệ cỏ. Lác đác gặp những người đi chợ sớm, gồng gánh nặng trĩu. Khi đã mệt rũ thì có lệnh phía trên truyền xuống: dừng lại nghỉ để đợi dẫn vào nhà dân. Các B khác đã được dẫn đi hết, riêng B tôi phải ngồi đợi tới sốt cả ruột. Gặp lại Chính, Đường, Minh: các cậu đó yếu, lại đau bụng, nên phải đi lên trước theo sát ngay sau cô giao liên. Kinh nghiệm cho thấy: người đi đầu hàng quân sướng nhất, người đi cuối hàng quân thì thật khổ. Trong khi người đi đầu bước rất thông dong, thì người đi cuối luôn phải chạy gắt, nhiều lúc phải chạy hộc cơm ra mới đuổi kịp.

Nhận nhà xong, tôi sang ngủ cùng Tổ 2. Tôi hay đi với Tổ 2, vì Tổ trưởng Lâm Thành còn non nớt quá, và tôi cũng thích tổ này. Hôm sau Tổ 3

của Minh mua vịt về không biết làm sao lại đổi với nhau, làm lông rồi chẳng ai nấu cả. Hình như Chính “con” và Đường “cóc” cãi nhau về việc cắt tiết: Chính áp dụng “phương pháp mới”, cắt tiết ở sườn bên dưới cánh. Kết quả là chả có tý tiết nào mà con vịt chết ngoẻo. Thế là sinh chuyện, tôi phải dàn xếp mãi.

Tôi và Ty đi ra giếng tắm. Đây là cái giếng đất có cảm báng Cấm tắm gần nên tôi và Ty phải thay nhau xách nước cho nhau tắm. Vùng này hình như vẫn thuộc địa phận Nam Đàn nhưng xa xa đã thấy núi non làng mạc thuộc Hà Tĩnh. Buổi chiều chúng tôi ngồi nhìn những chiếc máy bay Mỹ vòng lượn rồi bổ nhào về phía Phà Linh Cảm và cầu Thọ Tường. Không gặp hỏa lực bắn trả nào, chúng bay một cách thản nhiên và ngông nghênh như bầu trời là của chúng. Tôi lộn tiết nghĩ: “Nếu chúng mày mà bay chậm như vậy ở ngoài kia thì đã bị bắn tan xác rồi”. Vừa lúc ấy có một đoàn thương binh đi ngược về phía chúng tôi. Một anh hỏi: “Có lính Hà Nội không?”. Chúng tôi đáp: “Toàn lính Hà Nội thôi” rồi xúm lại quanh anh nhờ gửi thư và hỏi chuyện. Lúc nào trong túi tôi cũng có một lá thư đã viết sẵn nên có dịp là gửi được ngay. Hôm qua tôi cũng gặp một đoàn thương binh đi ra, quần áo xộc xệch lem luốc, băng quấn trên đầu, trên tay.

Tuy vẫn mệt nhưng đến chiều tối chúng tôi lại lên đường. Đoàn quân vượt qua một cánh đồng và bắt đầu đi giữa những làng mạc của Hà Tĩnh. Anh Bính hỏi: “Quê cậu ở đây phải không?”. Tôi nói: “Đây là Đức Thọ, quê của bà nội tôi. Còn quê của ông nội thì ở chỗ những dãy núi trọc, thấp, nhấp nhô kia kìa, đó là Hương Sơn”. Chúng tôi nghỉ giải lao trên đê. Tôi nói chuyện với Bùi Ngọc Toàn A12, nhắc lại những kỷ niệm ở Trường PTCN Hai Bà Trưng, nơi tôi là Đội trưởng Cờ đỏ, còn Toàn là đội viên. Tới một xóm nhỏ, chúng tôi ngồi đợi đến lượt qua phà Linh Cảm. Lúc xuống bến tôi rất ngạc nhiên khi thấy đó là một đoàn 4-5 toa như toa xe lửa, ở đầu có một cái ca-nô kéo. Qua khỏi phà khoảng 3 km, đơn vị được lệnh dừng ăn tối bên đường, cơm nắm với ruốc thịt. Mấy cái xe xích chạy qua âm ầm, nghiền đường ken kết, khói bốc mù mịt. Đêm đã khuya lắm, chúng tôi vẫn

tiếp tục đi, có đoạn qua làng, có đoạn đi giữa sự mờ mịt dưới ánh trăng mờ. Một số cậu tách khỏi hàng chạy ra cái biển ở ngã ba đường xem chỉ đi đâu. Biết bao lần tự đặt mục tiêu là cái làng trước mặt để phấn đấu, nhưng mãi mà không tới. Chẳng ai buồn nói câu nào. Đoàn quân đi rời rạc, đội hình cách quãng. Thỉnh thoảng một chiếc xe tải chạy vụt qua, để lại phía sau cả khối bụi khổng lồ. Đoàn quân cứ xuyên bụi mà đi. Rồi chúng tôi bỏ đường cái, xuống con đường dốc thoai thoải dẫn vào làng. Hai bên đường có nhiều xe tải ẩn nấp. Lính ta nhiều anh chẳng còn biết A mình, B mình ở đâu nữa, được nghỉ là quảng ba-lô nằm lăn ra vệ đường. Chúng tôi tập kết ở một bãi cỏ, đợi những người đi sau lục tục kéo đến. Rồi lại đi tiếp. Quanh co một hõm trong làng, đi xuyên qua sân và vườn mấy nhà, cuối cùng cũng đến nơi ở. Quá mệt, tôi trải ni-lông ra sàn, làm một giấc li bì.

Hôm sau tôi đi lấy thực phẩm cho tiểu đội. Từ bãi cỏ hôm qua phải đi men theo làng một quãng khá xa mới tới Binh trạm. Tôi ngồi chờ dưới tán những cây cọ non thấp lè tè, xem mấy người phục vụ Binh trạm đang dựng một khung nhà tre. Rồi chúng tôi vào nhận củi và gạo, tiếp đó đi nhận thực phẩm ở chỗ khác. Dọc đường tôi mua bánh chưng và bưởi ăn vì đang đói. Phải lấy thanh củi làm đòn gánh, dò dẫm qua một cái cầu lát ván hở hoác, chỗ có chỗ không, lạc loanh quanh mãi đến dờ vai mới về được nhà.

Binh trạm này đóng ở xã Đức Lạc, Đức Thọ. Ở đây, chúng tôi khoái nhất đi tắm sông. Thật là một con sông tuyệt đẹp, có cái tên giản dị mà ấn tượng: Sông Ngàn Sâu. Ngàn Sâu từ Hương Khê và Ngàn Phố từ Hương Sơn hợp thành con Sông La thơ mộng của Hà Tĩnh. Ngàn Sâu không rộng lắm, nước trong xanh êm đềm, ở dưới toàn cát, lội xuống không một chút vẩn. Sáng có thể lội qua sông một cách dễ dàng. Nhưng đến chiều thì không thể lội qua được vì thủy triều lên. Lâm Thành và Chính suốt ngày lặn hụp, mặc dù trời nắng chang chang. Chúng tôi mang dao găm ra cắm phầm phập xuống cát và lấy cát đánh cho tới khi sáng loáng. Các cậu B3, B4 cời trần truồng như nhộng, cả bầy tồng ngồng la hét đùa nghịch, lặn hụp, lấy cát vùi nhau chỉ còn thò cổ lên. Anh Hồng Chính trị viên Đại đội

ra thấy thế phải giơ tay la trời, hạ lệnh cấm tắm. Tuy vậy chúng tôi vẫn trốn đi một cách kín đáo.

Quang và Ty rủ nhau đi chợ, tôi và Minh cũng đi. Chợ khá nghèo nàn: rau, cá, một vài thứ hàng xén, bánh gói, bánh đa... Chúng tôi dừng lại chọn bưởi, mít. Bưởi ở đây rất to, tép cũng rất to, có thể bốc từng nắm bỏ vào mồm ăn như cơm vậy.

Buổi tối, tôi kể chuyện “Hầm bí mật bên bờ sông En-bơ”, cả tiểu đội há hốc mồm ra nghe. Đêm đã khuya và tôi cũng thấm mệt, nhưng bọn Thành, Phái cứ nhất định bắt kể hết mới được yên thân. Chủ nhà chúng tôi ở là một người đàn ông cụt tay tới bả vai. Tuy vậy ông vẫn dùng tay còn lại sử dụng cái vồ đập đất một cách thành thạo. Ông là người thẳng tính, ăn to nói lớn. Còn bà vợ thì lại khó tính và hay cãi nhau...

Chúng tôi ở đây đến ngày thứ 3 mà vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Chợt chiều hôm đó có lệnh tập hợp, nghe anh Mạnh - C trưởng, rồi anh Hồng nói chuyện. Máy bay Mỹ đang gào rít trên đầu. Chúng tôi vẫn bình chân như vại, ngồi ngắm những chiếc phản lực bổ nhào xuống ném bom vào một vùng cách khoảng 4-5 km. Từng đụn khói trắng vàng cuộn lên từ từ. Đạn cao-xạ vun vút đi sạt qua những chiếc máy bay, nhưng không chiếc nào trúng đạn. Thật là một cuộc chiến đấu ác liệt mà cũng giống như một trò chơi.

Tối tối mịt vẫn chưa ra xe. Hình như hôm nay chỉ có C50 và C51 đi thôi. Được lệnh trở lại nhà cũ, chúng tôi hơi ngượng vì đã chào từ biệt gia đình lúc chiều.

Tôi đang đứng tập phi dao găm vào mấy cây cọc thì Chí Thành đến. Thành phàn nàn với tôi là A5 đối xử với cậu ta rất tệ, Thành gần như bị cô lập. Tôi rất thương Thành, bèn bàn với cậu ta thử xin anh Bính cho chuyển sang A tôi xem sao. Lúc sau có Long “cờ” sang gọi đi lĩnh thịt và đường cho tiểu đội. Lâm A6 đã chia phần sẵn, chỉ việc lấy. Lâm nói tôi đi qua A5

nhân Quý A trưởng đến nhận, nhưng Quý lại phân công Châm “thối tai” đi, mặc dù Châm phản đối âm ỉ.

Về đến nhà thấy lính ta đang xôn xao bàn chuyện cậu Tuy B3. Cậu này gây chuyện đáng xấu hổ với dân, bị ông chủ nhà tóm được. Cậu ta còn đâm mấy cậu cùng tiểu đội, rồi bỏ trốn. Đại đội đang cử người truy tìm, cậu này dễ tự tử lắm.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B (2)

Buổi chiều anh Bính nói cho các A năm cơm sẵn. Nhưng đến tối thì anh lệnh cho A tôi để một tổ ở lại, còn tất cả ghép vào B3 lên đường ngay. Tôi quyết định để tổ Minh ở lại. Mấy cậu Thành, Phái như trẻ con, lúc đòi ở lại, lúc đòi đi.

Tôi dẫn Tổ 1 và Tổ 2 lên C bộ tập hợp. Hai cậu liên lạc Đại đội là Chính “cá gỗ” và Toàn chọc bươi chia cho cả bọn ngồi ăn. Anh Y chính trị viên phó C sẽ phụ trách toán đi trước này. Ban chỉ huy Đại đội nói chung sinh hoạt thoải mái hơn anh em lính nhiều. Cụ chủ nhà ở đây có con đi bộ đội, trên tường thấy treo nhiều Giấy khen và Bằng Huân chương Chiến công hạng 3 tặng cho con của cụ. Rồi B3 đến, chúng tôi ngược đường hôm nọ ra bến ô-tô. Hai bên đường trồng rất nhiều mía. Lại gặp một đoàn thương binh đi ra, tôi vội chạy đến gửi thư về nhà. Trời tối đã lâu, chúng tôi ngồi nghỉ ở một bãi tha ma cạnh đường cái. Rồi xe của binh trạm tới, toàn loại Vọt tiến (xe tải hai cầu của Trung Quốc, theo kiểu Gas 63 của Liên Xô) và Molotova nhỏ nhắn. Chúng tôi được xếp lên ngồi cùng hai tiểu đội của B3. Tôi gặp lại cậu Hòa cùng A4 trước khi đi B. Xe thì chật chội, đường xóc kinh khủng, có lúc chúng tôi bị nhồi lắc tơi bời như nhảy Rum-ba 15 phút liền. Thỉnh thoảng chiếc xe vấp phải „ổ voi“, chúng tôi bị nâng bổng lên rồi đập mạnh dót xuống sàn xe đau điếng. Các bác sĩ mà bị nhét vào đây hẳn phải la lên rằng. “Xương sống người ta sinh ra không phải để cho những cú đập như vậy!”. Còn chúng tôi thì vẫn nghiến răng chịu đựng. Cái mạng chúng tôi còn chả tiếc, tiếc gì đến cái xương sống. Xe nhãn hiệu “Vọtcút” có khác. Có lúc tôi thấy xe như cắm mõm xuống vực, thực ra là nó xuống gầm đá qua suối. Có lúc tôi lại nghe tiếng máy phanh phạch

ngay cạnh, nhìn sang tôi rất ngạc nhiên thấy con đường giờ đây rộng ra hàng trăm mét. Một bãi trống thì đúng hơn, xe đi hàng năm hàng bảy, đất tươi vụn màu trắng xanh dưới ánh trăng, chẳng chịt vết bánh xe. Máy xúc đang bận rộn san ủi những hố bom mới. Bĩ đông của cậu ngồi cạnh tuột nắp, nước đổ ra ướt cả sườn tôi. Tôi sờ lại bĩ đông của mình, thấy nắp cũng đã lỏng. Trên ô-tô dù khát tôi cũng không uống nước. Kinh nghiệm cho thấy: trước khi lên xe và trong quá trình đi, không nên ăn uống, vì rất dễ bị nôn do xe xóc. Chiếc xe chợt dừng lại. Tôi ngó ra thấy một ngã ba gần chân núi, bom đánh be bét. Anh lái xe chạy tới hỏi mấy người Thanh niên xung phong ở ven đường cái gì đó, rồi lại lái xe đi tiếp. Mấy cậu xì xào: “Ngã ba Đồng Lộc!”. “Thế à?”. Tôi ngó lại, cái ngã ba đã khuất sau xe mất rồi. Xe vẫn chạy tiếp men theo núi. Chợt có tiếng máy bay: “Bọn săn xe!”. Chúng tôi báo tin cho người lái. Bỗng “xoẹt! xoẹt!” hai chiếc máy bay to như tàu lá chuối rà sát mặt đường, kéo theo màn tiếng động rền rĩ. Xe chúng tôi quật ngay vào lùm tre ven đường. Tất cả sẵn sàng phốc ra khỏi xe. Có tiếng bom nổ ì ầm. Sau bom, xe chúng tôi chạy tiếp. Qua một quãng đường hai bên là rừng, tôi bỗng cảm thấy ánh trăng như bị màn sương bao phủ, và mùi khét lẹt xộc vào mũi tôi. Thì ra là khói bom. Xe chạy qua một hố bom mới nổ. Để bù vào thời gian phải dừng, xe tôi luôn đòi vượt. Cậu phụ lái xin vượt không được, lôi AK ra bắn chỉ thiên. Lẫn trong tiếng máy xe, tiếng súng AK chỉ nghe: “Pách! Pách”. Chúng tôi ngủ gà ngủ gật. Rồi xe dừng hẳn: đã đến Binh trạm.

Tôi đứng dậy, thấy chân hơi tê. Kể cũng lạ, trước đây tôi mà ngồi tư thế gò bó như vậy thì sẽ không đứng lên nổi, vì hai chân đỡ dại, đau nhói như có trăm ngàn mũi kim châm vào. Thế mà bây giờ không bị nữa, có thể vì trước khi lên xe bao giờ tôi cũng uống vài viên Vitamin B1. Từ các xe khác lính ta cũng đang lục tục nhảy xuống. Kiểm tra trên xe thấy thừa một khẩu AK, anh Y hỏi khắp mà không ai nhận, anh đành phải vác. Chúng tôi im lặng đi thành hàng dọc theo anh giao liên. Cỏ ướt đầm sương đêm. Anh giao liên kể gần đây có một tiểu đoàn chủ quan không giữ bí mật, làm lộ nơi đóng quân. Máy bay Mỹ đến đánh trúng vị trí, thương vong nặng, cả

Tiểu đoàn trưởng cũng hy sinh. Đi một lúc nữa thì thấy thấp thoáng có nhà trước mặt. Đây là khu đồng bào đi sơ tán nên nhà cửa khá thưa thớt. Tới căn nhà đầu tiên, anh Y quay lại nói: “A4 vào đây!”.

Cả tiểu đội lặng lẽ đi vào sân. Tôi khẽ gọi cửa, bác gái chủ nhà hình như đã quen với chuyện này, mời chúng tôi vào nhà. Nhà nhỏ, nên mọi người chỉ cất súng vào, rồi ra ngoài sân mắc võng ngủ. Hôm sau thức dậy, tôi thấy đây là một xóm nhỏ trên đồi thấp. Nhà cửa bé tí, cây cối mới trồng. Máy bay Mỹ bắt đầu hoạt động, nhìn rất rõ.

Nhà không thấy bác trai, chỉ thấy bác gái trạc 50 tuổi, một chị khoảng 24 tuổi và mấy em nhỏ. Trong nhà có nhiều bidông, hăng-gô và vài thứ lặt vặt khác, chắc của lính để quên rồi biến thành của gia đình. Tổ trực nhật nấu cơm. Tôi đi gánh nước. Sau một hồi quanh co mãi, tôi cũng tìm được khe, nước chỉ láng mặt, có chỗ trơ đất. Bên mép dòng nước, dân khoét những hố nhỏ sâu xuống để chứa nước. Phải lấy gáo múc từng tý đổ vào thùng gánh về. Bác chủ nhà rất tốt, nấu hộ cơm cho bọn tôi, lại nấu cả một nồi nước chè xanh nữa. Ăn xong chúng tôi ngồi nghỉ trong nhà. Chắc chị thanh niên công tác phong trào nên tôi thấy trên giá có vài quyển sách về thanh niên, Điều lệ Đoàn, Kỹ thuật nông nghiệp. Đất ở đây cằn cỗi, cây cối chả ra gì. Đến chiều có lệnh chuẩn bị đi, chúng tôi lại nấu cơm ăn và nấu cơm. Nhà ở đây thưa thớt nên tiểu đội tôi hầu như bị tách ra khỏi nhóm anh Y và B3. Khoảng 6 giờ chiều, trời vẫn sáng, chúng tôi chợt thấy Tiểu đoàn trưởng Khanh đeo ba-lô, cầm gậy đi trước, mấy cậu liên lạc chạy theo sau. Tôi vội hô tiểu đội lên ba-lô, ngó ra đã thấy anh Y tới. Chúng tôi chạy ra đường nhập vào đơn vị. Anh Y cho mọi người ngồi tản mát hai bên đường, vì hình như còn phải đợi C50 ra nữa. Tôi sờ túi quần sau thì thấy bị mất quyển sổ tay bìa ni-lông màu xanh và chiếc bật lửa của tiểu đội. Chắc là rơi trên xe tối qua rồi.

Trời tối đã lâu mà vẫn không thấy giao liên đến, chúng tôi bèn hành quân ra đường cái. Cứ dò theo lối mòn giữa hai vệ cỏ mà đi, xuống một khe

nước bên trên có vòm cây phủ, sang đến bờ bên kia thì hết lối. Lại phải leo ngược dốc lên, dò dẫm mãi mà không thấy đường, chúng tôi ngồi phệt xuống cỏ nghỉ. Rồi giao liên cũng tìm được chúng tôi, may mà lúc này không đi vào bãi bom bị nổ chậm. Thình thoảng từ trên đầu hàng quân lại truyền xuống: “Cho C50 vượt lên!” hoặc “Bám sát! Xuống dốc!”. Anh giao liên có khi đi ngược lại hàng quân, vừa đi vừa hỏi: “C50 lên chưa?”... Ra tới đường cái, sau một hồi lộn xộn, rồi chúng tôi cũng leo hết lên yên vị trên các thùng xe. Ai đó nói: “Quãng đường sắp tới có nhiều bãi B52, phải cẩn thận!”. Tạm biệt huyện Kỳ Anh, tạm biệt Hà Tĩnh quê hương!

Tôi ngồi sau anh Y, tay bám chặt vào thùng xe. Nhiều thanh gỗ nép thùng xe đã biến mất, nên mỗi lần xe xóc, tôi phải bám thật chặt, vì sợ mình sẽ bị văng ra ngoài. Nhưng mặt khác, nếu có máy bay địch, tôi sẽ có thể tẩu ra ngoài rất nhanh. Anh Y cho tôi nắm Polyvitamin, ngồi nhai rau rầu cũng khoái. Trăng đã lên, mờ mờ sau màn sương. Thình thoảng xe lại bật đèn và tôi có thể nhìn thấy bóng đen to lớn của chiếc xe lướt loang loáng trên những bụi sim mua bên đường. Chợt chiếc xe phanh kít lại. Tôi đứng lên ngó thì thấy phía trước mấy chiếc Zil 3 cầu đang rờ máy chậm chạp tránh nhau. Có người nói: “Bãi B52”. Đây là lần đầu tôi thấy một B52. Hồ bom trắng xóa trong đêm, đủ các cỡ to nhỏ chi chít. Chiếc xe đang bò trên khúc cua khuỷa tay, có thể nhìn rõ những chiếc xe khác đang chạy ở phía bên kia. Xe nhảy chồm chồm. Cái bi-đông lúc chiều ở sau lưng, bây giờ đã ra trước bụng, mấy lần tôi phải siết lại nắp cho chặt. Những khẩu súng đặt dưới sàn xe đập lạch cạch tơi bời. Chúng tôi thường tháo băng đạn rồi để ngửa súng xuống sàn như vậy, không biết cái thước ngắm hay cái đầu ruồi liệu có bị biến dạng không? Nhiều cậu lại cho rằng, vào đến nơi người ta sẽ phát cho súng khác để chiến đấu?

Nửa đêm đến nơi trú quân. Chúng tôi nhanh chóng xuống xe. Tiểu đoàn hành quân theo hàng một, có giao liên dẫn đầu. Tới ngôi nhà có rào râm bụi, anh Y nói: “A4 vào đây”. Tôi dẫn A4 tách khỏi đội hình.

Cả nhà chủ đã ngủ yên, tôi khẽ gọi. Một bà già lệt sệt đi ra, tôi nói xin ngủ nhờ, rồi cả bọn nhanh chóng mắc võng lẫn ra ngủ.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, lấy quang gánh đi nhận thực phẩm cho Tiểu đội. Các A của B3 cũng cử người đến. Loanh quanh một hồi mới tìm được kho Binh trạm. Lúc lấy gạo rất lộn xộn, người của C50 ra đông quá, gọi nhau í ới. Tôi phải chạy một nhòai để lấy số gạo chung với C50, mỗi B của họ phải san cho một ít. Sau đó tất cả lại sang nhà bên lấy thực phẩm gồm rau, bí đỏ, thịt muối. Không có đường, họ phát cho chúng tôi kẹo bọc giấy bản để thay thế.

Hôm nay đến tổ của Quang “xiu” xuống bếp nấu ăn. Dưới bếp thấy có rá trứng luộc, sau mới biết bà chủ nhà luộc bán cho lính. Tôi phát cho mỗi cậu 4-5 cái kẹo, cho cả hai đứa con chủ nhà. Nhà có hai gian, chúng tôi được nhường ở một gian. Tôi chợt nhìn thấy khắp nơi trên cánh cửa, trên cột nhà, trên vách gỗ, trên các bức tranh dán tường...chỉ chút những dòng chữ bằng mực, chì, bút bi, to nhỏ xiên xẹo đủ kiểu chữ. Một hàng chữ viết bằng bút bi: “Đỗ Văn Tính, quê Đồng Tiến, Quỳnh Phụ, Thái Bình. Đã qua đây ngày 01-08-72. Chúc các đồng chí đi sau mạnh khỏe, hẹn gặp lại ở chiến trường“. Một hàng khác bằng bút mực: “Lê Tiến Chung, quê La Sơn, Lý Nhân, Nam Hà. Qua đây ngày 14.06.72“. Một hàng khác nữa có khung vuông đậm nét: “Đặng Tài Đức, Phương Liên, Hoài Đức, Hà Tây. Đã ở đây 2 ngày 16-17.07.72“. Tôi cố tìm trong hàng trăm cái tên đó xem có ai quen không, nhưng cả tiếng đồng hồ lò dò trên các bức vách mà không kết quả gì. Bèn rút bút ra, nắn nót viết lên cánh cửa: “Nguyễn Quang Vinh, B1 KTT Nguyễn Công Trứ, Hà Nội. Qua đây ngày.../08/72. Chúc các đồng chí đi sau mạnh khỏe, hẹn gặp lại ở chiến trường“.

Bữa trưa có bí đỏ xào thịt khá ngon. Ăn xong chúng tôi nằm nghỉ. Hình như có tiếng ai khóc, tôi động tai lên nghe. Đúng rồi, từ ngôi nhà phía sau chúng tôi có tiếng khóc văng tới. Vườn cây khuất nên tôi không nhìn thấy gì, chỉ đoán đó là 1 bà mẹ đang khóc, dỏng lên từng hồi nức nở nghe

rất lạ. Có tiếng ai đó an ủi, tôi nghe câu được câu chẳng nhưng cũng hiểu chuyện: Bà mẹ vừa nhận được tin con gái đi Hòa tuyến (Dân công hỏa tuyến) đã hy sinh. Lòng tôi chột nao nao. Chiến tranh đã gây đau khổ cho biết bao bà mẹ, biết đâu lại chẳng có mẹ mình... Tôi lắc đầu cố xua đuổi ý nghĩ ghê rợn đó.

Buổi chiều, đùa cợt với Thành “ma tị” một lúc, tôi tha thần tản bộ dọc đường cái. Đây là một cái làng gần sông. Chợt thấy Nghĩa trang Liệt sĩ trên đồi thông tôi bèn rẽ vào. Có nhiều nấm mồ còn mới, mộ chí bằng gỗ hoặc sắt tây. Phần lớn các mộ mới là của Liệt sĩ Thanh niên Xung phong, nữ chiếm đa số. Quê các chị thấy ghi Nam Hà, Thái Bình, Nghệ An...

Từ trên Nghĩa trang tôi nhìn được ra sông. Ở phía dưới ấy có một bến đò. Hồ bom nham nhở trên bờ dốc, xối lên màu đất nâu đen. Hôm nay trời mù, mây xám xịt nên máy bay Mỹ ít hoạt động. Buổi tối cả tiểu đội lại nhao nhao đòi tôi kể chuyện. Từ khi được nghe “Hầm bí mật bên bờ sông En-bơ” ở Đức Thọ, các cu cậu đam ra mê chuyện kể của tôi. To mồm đòi nhất là Thành “ma tị” và Phái “con”. Tôi bèn kể cho cả bọn nghe chuyện ngắn “Phát súng” của Pushkin.

Hôm sau, trời vừa sáng đã thấy một chiếc F4 trinh sát đến quần đảo. Tôi giở giấy bút ra viết thư về nhà, mặc cho tiếng máy bay gào diếc cả tai. Rồi 2 chiếc A6A bay tới. Nghe tiếng súng 12,7 ly nổ “pách, pách”, tôi vội chạy ra nhìn. Chiếc A6A thứ nhất đang bổ nhào xuống, to đến nỗi tôi nhìn rõ cái đầu tròn rụt của nó với thanh kim loại cắm ở mũi. Nó bắn một tràng dài rồi ngóc cổ bay lên. Đến lượt chiếc A6A thứ 2 bổ nhào, to nhanh một cách kinh khủng lao xuống phía bờ sông. Tiếng súng 12,7 ly của ta vẫn bắn trả liên hồi. Từ dưới cánh máy bay tách ra 4 đốm đen, nhanh chóng hiện nguyên hình là 4 quả bom vun vút lao xuống. Tôi vội hô tiểu đội nằm và nấp ra đất. Hơi bom nổ phàn phật, ngôi nhà lay chuyển kêu rảng rặc. Một mảnh ván thuyền từ phía sông bị văng lên rất cao, quay tít. Mẹ kiếp, nó

phát hiện được bến đò của ta rồi. Tôi quay trở vào tiếp tục viết nốt bức thư cho gia đình.

Đến chiều, chúng tôi lên đường, đi qua nghĩa trang rồi xuống bến sông bị đánh lúc sáng. Trời tối sẫm, nhìn thấy lờ mờ hàng quân của Đại đội đi trước. Vượt qua con đê nhỏ, chúng tôi xuống sát mé nước. Mấy cái sà-lan to, kiểu toa tàu điện có ca-nô kéo, đã trực sẵn. Lính đông quá, chen chúc lộn xộn. Tiểu đội tôi cứ chờ đến lượt mình, mặc dù B3 đã xuống hết rồi. Không thể nhét thêm người vào khoang này nữa, người ta chỉ cho chúng tôi lên khoang trên. Chen nhau đi trên miếng ván mảnh mai, bập bênh như muốn hất mọi người xuống sông. Còn khoảng 2-3 bước nữa, tôi chồm lên chạy bám vào sà-lan, suýt ngã. Trong khoang tối như hũ nút, tôi nhảy đại từ trên cửa xuống sàn tàu. Hai bên mạn có hai hàng ghế, bên trên có chỗ để đồ. Ở giữa, dọc theo tàu, hình như có cái bàn dài cũng đã đầy lính. Tôi dò được một chỗ trống trên bàn, bèn ngồi xuống, ngả người dựa lên ba-lô. Một thật, xung quanh toàn là lính xa lạ, A tôi mỗi đứa tản một góc. Tôi nhìn qua cửa sổ trắng đục, thấy cái bóng đen thẫm của bờ xa dần. Cậu phụ trách sà-lan kêu mọi người dịch ra để rút cái ván vào, gác từ bậu cửa bên này sang bậu cửa bên kia. Tấm ván dày, nặng, ướt và bùn nhớt nháp. Con phà trôi đi chậm chạp. Một cậu nào đó ngồi gần cửa rút cái kèn Harmonica ra thổi. Cậu ta thổi liên thoảng, hết bài này sang bài khác. Hẳn thổi khá thật, toàn theo bản năng, chỉ vấp vấp lần đầu, còn lần sau trở đi bài nào cũng trơn tru. Hết “Nỗi lửa lên em” lại “Hoa Chấm pa”, “Niềm hạnh phúc” rồi “Lắm tươi”, tiếng kèn rộn ràng náo nức. Cả khoang tàu bị lôi cuốn, lính ta dậm chân xuống sàn, dậm bàn, gõ vào ghế càn cạch để nhịp theo tiếng kèn, tạo ra những âm thanh ầm ĩ điếc tai. Tôi cũng bị lôi vào vào cái không khí cuồng nhiệt ấy. Không một ai còn cảm thấy hơi lạnh của màn đêm trên sông.

Dòng sông hình như rộng mênh mông ra. Trông giống như ngã ba sông, hay gần ra biển rồi? Đây là sông Gianh chăng? Một chiếc phà đi ngược chiều chúng tôi, chỉ thấy một vệt đen sẫm trên mặt nước nhờ nhờ, nhận ra phà nhờ có hai cái đèn xanh đỏ. Thủy thủ hai bên bắn đạn lửa lên

trời báo hiệu cho nhau. Hình như lúc chiều ở đây có bom từ trường. Xa xa một dãy đèn dù vừa bật sáng. Chà, nếu bây giờ máy bay Mỹ chột đến nhỉ? Kệ, không nghĩ tiếp nữa, muốn đến đâu thì đến.

Chột trên cao thoáng có những ánh chớp, rồi một loạt tiếng “bụp, bụp” dội xuống. Cái gì thế? Về sau tôi mới biết đó là pháo tăng tốc của Hải quân Mỹ, loại pháo nổ 3 lần. Lần đầu khi đạn ra khỏi nòng. Bay được một quãng đường nhất định, quả đạn lại nổ lần thứ 2 ở trên không, đẩy đầu đạn bay xa nữa. Rồi mới rơi xuống và nổ lần thứ 3. Pháo biển bắn hàng loạt, nên đạn nổ tăng tốc trên không cũng hàng loạt. Như vậy đạn pháo biển có thể đi được rất xa. Từ biển mà chúng bắn lên tới Cồn Tiên, cao điểm 135 và thậm chí tới sườn Trường Sơn.

Tôi mò nắm cơm ra ăn với ruốc thịt. Ăn xong lại ngả người nằm, gối đầu lên ba-lô cậu ngồi sau. Không hiểu hấn nhét cái gì vào đó mà cứng khiếp, tôi ngủ gà ngủ gật.

Tới nửa đêm tàu cập bến. Cả bọn choàng dậy đeo đồ đạc rồi chen chúc nhau trèo ra ván cầu. Trên bờ, một đám đông đang nhốn nháo. Đó là đoàn thương binh đi ngược ra, ăn mặc đủ kiểu lộn xộn. Tiếng thăm hỏi nổi lên rào rào, ai cũng thử tìm đồng hương. Thấy 1 cậu nhận là người Hà nội, tôi dúm vào tay cậu ta mấy lá thư nhờ hẩn gửi hộ. Chạy ngược chạy xuôi trên bãi cỏ, gọi khản cả cổ tôi mới tập hợp được Tiểu đội vào 1 góc. Các đại đội khác vẫn đang gọi nhau í ới thì bộ phận của chúng tôi đã lên đường trước. Vượt qua con dốc, nhìn thấy những quả núi nhỏ trước mặt. Chúng tôi đi trên con đường đá đắp cao, chắc là đường xe lửa hay xe goòng ngày xưa. Con đường dài thật, hai bên toàn là những bụi cây lau lách rậm rạp. Chúng tôi nghỉ giải lao đã mấy lần, thỉnh thoảng lại phải dạt vào vệ đường tránh một chiếc xe đi ngược lại. Mệt nhọc, vai nặng trĩu, đôi mắt cứ díp lại. Tôi luôn tự nhủ rằng tất cả nỗi vất vả này rồi sẽ qua đi, và hai chân cứ bước đều đều như cái máy.

Chợt thấy đường ô-tô bằng đất. Chúng tôi dừng ở một ngã tư, có mấy cái xe đang đỗ. Cả bọn tản ra nghỉ, đợi những toán đi sau. Khi đã dồn đủ đội hình, chúng tôi lại đi tiếp. Đến một chỗ ngoặt, đoàn quân bắt đầu lội qua sông bằng một ngàm đá. Nước lạnh buốt làm chúng tôi tỉnh ngủ. Dưới ánh trăng mờ tất cả xấn quần lên đến bẹn và lò dò thận trọng lội từng bước. Ngàm đá này làm bằng những hòn đá to như chiếc mũ cối, bị ô-tô qua lại làm xáo lộn lổn nhổn dưới nước. Khi dẫm lên, hòn đá dễ bị lật, hoặc bị thụt chân xuống kẽ đá, làm lính ta với đủ thứ linh kinh trên người vất vả lắm mới được thẳng bằng. Tất cả vịn vào sợi dây cáp ven ngàm để lội sang. Dây cáp nhiều người bám vào, nên lúc nó chùng xuống, lúc lại căng lên, làm nhiều cậu vồ ếch. Có cậu ngã ngửa, chân rút không lên, cứ đành nằm ngâm nước đợi người sau tới kéo dậy. Sang tới bờ bên kia chúng tôi tranh thủ đi tiếp một quãng dài nữa mới nghỉ. Bên đường là mấy ruộng rau muống lẫn cỏ, cá đớp tí tốp. Sao lâu tới thế nhỉ? Đã tới một ngôi làng, bóng tre phủ tối om. Rẽ ngoặt một hồi, chúng tôi dừng lại cạnh kho binh trạm ở giữa làng, đợi giao liên đưa đi nhận nhà. Hỏi chủ nhà xong, cả lũ nhanh chóng mắc võng và chìm ngay vào giấc ngủ.

Sáng hôm sau Ty và Quang đi lĩnh thực phẩm. Tôi củng cố lại chỗ ngủ, sắp xếp lại đồ đạc cho gọn, rồi ra giếng ở góc vườn rửa mặt. Sau nhà có cái chuồng gà cao như cái lô-cốt, đan bằng nứa. Chủ nhà là một phụ nữ khoảng 37-38 tuổi, có đứa con trai khoảng 13-14, và mấy đứa nhỏ hơn. Cũng như ở trạm trước, tôi thấy trên cửa và vách nhà chi chít những dòng chữ, nên lại rút bút viết mấy dòng lưu niệm. Biết đâu Tiến Dũng đi sau sẽ bắt gặp những dòng chữ này, tôi mỉm cười nghĩ vậy.

Bỗng anh Y và cậu liên lạc đi từ ngoài ngõ vào. Tôi ngạc nhiên thấy anh mang cả ba-lô và đầy đủ lệ bộ cùng những thứ thực phẩm vừa lĩnh. Nét mặt anh vẫn chưa hết bức bối. Thì ra anh có chuyện xích mích với chủ nhà bên kia và hai ông bà già tỏ ý không muốn cho anh ở nhờ nữa. Anh bèn chuyển sang đây, thỉnh thoảng lại lăm bằm nguyên rửa. Lúc này Quang và Ty đã về, nhìn thấy đồng thực phẩm anh Y mang sang, các cậu nháy nhau

có vẻ khoái chí. Quả thật suất thực phẩm của cán bộ bao giờ cũng tươi hơn của anh em nhiều lắm.

Vì đông người, chúng tôi dọn cơm ra ngoài sân ăn. Đứa bé con chủ nhà cầm bát sắt chạy tới. Quang xới cơm và lấy thức ăn cho nó. Hình như chú bé làm việc này đã quen lắm rồi. Nó bê cơm vào buồng với mẹ, ăn hết nó lại chạy ra xin nữa. Anh Y phá cả gói ruốc thịt lợn nửa cân bày ra mâm, làm chúng tôi lác cả mắt. Đến lượt gia đình dọn cơm ăn, họ đến xin chúng tôi mì chính rất tự nhiên.

Trời mây chì. Chợt nghe 3 phát súng, hiệu lệnh báo có B52 tới. Chúng tôi cũng chẳng biết nấp vào đâu, vì cái hầm chỉ đủ chứa gia đình chủ nhà. May quá sau đó không có chuyện gì xảy ra.

Buổi chiều có lệnh đi, lại ngược ra kho binh trạm hôm qua. Tới bãi xe thì trời đã tối, thấy có nhiều bóng người và đốm thuốc lập lờ. Tất cả ngồi nghỉ dọc theo một con hào phòng không. Mãi hai tiếng sau xe mới tới. Chúng tôi khẩn trương lên xe, vừa kịp ổn định chỗ ngồi thì chiếc xe đã bật đèn rồi máy chạy luôn. Đường xóc nghiêng xóc ngửa, nhưng so với loại “Vọt cút” thì xe này đỡ hơn nhiều. Có thể loại ZIL130 này bánh sau là bánh kép nên êm hơn chăng? Trăng đã lên, tỏa ánh vàng nhợt nhạt qua các đám mây mù. Chợt chiếc xe dừng lại, có lệnh chặt lá nguyệt trang cho xe. Anh Y nhảy xuống đường rút dao găm chặt những cành lá to chuyền lên cho chúng tôi cắm vào thùng xe. Trong đêm khuya tĩnh mịch chiếc xe của chúng tôi mở hết tốc lực lao trên con đường giữa những cánh rừng nhỏ.

Đã khuya lắm rồi, xe từ từ giảm tốc độ, hình như đã đến nơi. Chúng tôi dỏng tai nghe đối thoại giữa anh lái xe và 1 người nào đó đứng dưới đường: Binh trạm đã chuyển sang chỗ khác. Anh lái không biết vì hôm nay mới chạy lại đường này. Anh bèn cho xe tách khỏi con đường, chạy đê lên cây cỏ, những bụi sim mua, có người dẫn đường đứng bên ca bin. Có lúc chiếc xe bị dệ xuống hố, bánh sau quay tít mà không lên được, chúng tôi phải xuống đây. Rốt cuộc rồi cũng tới được một con đường khác. Chạy một

lúc nữa thì anh lái tuyên bố hết đường, tất cả phải xuống đi bộ vào bình trạm. Các xe sau chưa thấy cái nào đến cả. Anh lái bèn cho xe thụt lùi để chuẩn bị đón một đoàn khách ra. Chúng tôi rất ngạc nhiên khi thấy đoàn này toàn là những em bé 6-7 tuổi, đội mũ Giải phóng (mũ tai bèo), cả trai lẫn gái. Giọng Miền Nam của trẻ nhỏ nói nghe hay hay, chắc là con em cán bộ Miền Nam ra đi học.

Có lệnh dừng lại đợi bộ phận đi sau. Đây là một quãng đường đất vắng vẻ, hai bên toàn cỏ và những bụi sim lúp xúp. Chúng tôi đặt ba-lô xuống nghỉ rồi giờ cơm nằm ra ăn. Nhưng chỉ được một lúc, mọi người bỗng ồn ào xôn xao cả lên. Muối, muối tấn công tới tấp. Tiếng phì phạch khắp nơi, vì lính ta lấy cành lá đập vào chân tay hoặc lấy khăn mặt phe phẩy. Không ăn thua gì vì đây là loài dãn chứ không phải muối. Tất cả phải hạ ống quần, ống tay áo, nhưng chúng vẫn không tha các ngón tay, bàn chân, gáy, mặt. Phát điên lên được, tôi chồm dậy đi đi lại lại như một thằng rồ, nhiều người khác cũng vậy. Đến hơn giờ sau mới đồn đủ đội hình, các A tới sau định ngồi nghỉ, nhưng rồi họ bật dậy ngay vì dãn, và chúng tôi vội vàng đi tiếp. Con đường dốc sỏi lổn nhổn, hai bên là đồi cao. Có tiếng máy bay, rồi đột nhiên hai chiếc F4 xoẹt qua trên đầu, để lại sau một màn tiếng động rền rĩ. Mấy cái pháo sáng bung ra, leo lét trong ánh trăng mờ. Tất cả bị bơm lợi qua con suối nhỏ. Sương đêm lạnh buốt, đọng lấp loáng trên lá cây hai bên đường. Nhiều quãng vừa đi vừa phải gạt cành lá sang hai bên lấy lối. Thịnh thoảng bị tắc đường phải dừng lại hàng nửa giờ. Đang đà đi mà đứng lại lâu thì chồn chân lắm. Nhiều cậu cứ phải dậm chân tại chỗ. Một số khác đưa súng ra sau làm que chống nâng Ba-lô lên cho đỡ nặng. Vài cậu quãng mình nằm xuống vệ đường, đè lên cả ba-lô, để rồi lại vội vã đứng dậy đi tiếp khi có lệnh. Tôi đi như người mộng du. Hình như lại lợi qua một lạch nước nhỏ và bắt đầu đi lên quả đồi có nhiều cây cao to, âm u. Bãi khách (1) đây rồi, khắp nơi í ới căng tăng mắc võng. Tôi và Đệ mắc hai võng liền nhau rồi chìm ngay vào giấc ngủ mê mết.

(1) "Bãi khách" là tên gọi một kiểu trạm giao liên thời chống Mỹ, nơi nghỉ tạm của của bộ đội, TNXP, cán bộ... giữa rừng, trên đường hành quân vào chiến trường và từ chiến trường ra. Nhà thơ Xuân Sách có bài thơ "Trạm giao liên và bãi khách" có những câu: Trạm giao liên nhỏ như cái nấm/ Chủ có dăm người khách thì hàng vạn/ Lo ăn lo ở toát mồ hôi/ Mà trước nhà còn có khóm hoa tươi/ Khách toàn những chàng trai trẻ đẹp/ Cô chủ nhà giữ vẻ nghiêm trang:/ - Các anh ngủ, ngày mai còn đi tiếp/ Nhưng cả rừng lại cất tiếng cười vang/ Giữa những khuôn mặt hiền như ánh trăng/ Nào có biết ai sẽ là dũng sĩ/ Ai sẽ tung hoành trong trại đồn giặc Mỹ/ Ai là anh hùng đốt cháy xe tăng?/ Ai ngày sau thám hiểm Trường Sơn/ Có còn nhớ trạm giao liên mọc như cái nấm/ Và bãi khách, rừng cây mòn vết vông/ Đã đi qua một thời đại anh hùng (BT).

Sáng hôm sau tôi cử Đệ nhóm lò nấu ăn, còn mình cầm Ny-lông đi lấy nước. Cái lạch tối qua chúng tôi lội qua rất bẩn, nước tù, xâm xấp mắt cá chân, ngập đầy lá cây mủn đen, hôi thối. Tôi phải đi ngược dòng, tới 1 chỗ lòng lạch rộng hơn, 2 bên vòm nửa âm u, nước khá trong, có rong rợn lơ ở dưới. Tôi vục nước vào Ny-lông túm lại vác về. Đệ đã chọn bếp và nhóm lò xong, chúng tôi nấu cơm rồi hâm thịt hộp. Khắp bãi khách cũng đang ý ới tiếng gọi nhau, tiếng chẻ củi... Bọn B3 mãi không nhóm nổi lò, chắc chọn phải cái bếp Hoàng Cầm tồi quá. Tiểu đội tôi đã đành hoàng dỡ cơm ra ăn. Anh Y có vẻ hài lòng, mang 1 gói ruốc thịt nữa ra cùng ăn với chúng tôi. Bọn B3 cuối cùng đành phải sang xin nấu nhờ bếp. Thành và Phái nằm 1 góc sát với B3, chúng lười quá, lay mãi mới chịu dậy ăn cơm. Xong xuôi, anh Y đi họp, tôi cầm nilông đi lấy thêm nước. Dọc đường tôi cố để ý xem có gặp Đại Cường, Quốc Hưng hoặc Phổ Thọ (những người bạn cùng trường) không? Hưng tôi đã gặp ở Nghĩa Đàn, đen và khỏe, ở trường cậu ta tập xà kép rất giỏi. Còn Cường và Thọ thì chưa gặp. Khi trở về, anh Y ra lệnh nấu cơm nấu, chuẩn bị hành quân ngay.

Mặc dù còn rất mệt, chúng tôi vẫn phải thu dọn đồ đạc, tập hợp nghe anh Y phổ biến. Sẽ hành quân bộ, lá ngụy trang được cắm vào ba-lô. Tôi lơ

đăng nhìn chùm hoa phong lan đuôi sóc màu vàng nhạt bám lủng lẳng trên một thân cây. Chợt nhớ bi-đông mình rỗng không, tôi vội chạy đi lấy nước. Hỏi đường mấy cậu cầm bi-đông đi ngược lại, tôi chạy sâu vào rừng. Tới một hồ nước nhỏ, xung quanh là vách đá, dây leo um tùm, tôi thận trọng trèo xuống. Một tấm ván áo quan sơn đỏ đã phai dùng làm cầu, cạnh cầu có lạch nước tuôn vào hồ làm nước hồ sủi lên ùng ục. Xung quang tĩnh mịch quá khiến tôi rờn rợn: nếu bất chợt một mồm cá sấu nổi lên giữa hồ thì sao? Tôi vục bi-đông thật nhanh rồi vội vã bám dây leo ngược lên, chạy biến về đơn vị.

Đoàn quân lên đường. Đi dưới tán lá của rừng già Trường Sơn, chúng tôi rất yên tâm mặc dù máy bay Mỹ đang quần đảo trên đầu. Khi nghỉ giải lao, cả bọn ngồi dạt vào các lùm cây ven đường cho các C sau vượt lên. Ngồi nhìn từng khuôn mặt lướt qua để tìm người quen. Ba-lô, xanh-tuya, súng đạn, thùng đạn linh kinh diều qua. Một cậu đáng thư sinh đi tới. Đôi mắt cậu ấy đẹp quá, như mắt con gái, lông mi dài cong, lòng trắng trắng xanh. Tôi nhớ ra cậu này là bạn của Duy Minh, tiếc là Duy Minh không có ở đây. Gặp cậu Bình, trước học cùng Trường Đoàn Hoàng Văn Thụ, tay xiết chặt tay, ai ngờ lại gặp nhau ở rừng Trường Sơn này. Chúng tôi lên ba-lô đi tiếp. Máy bay Mỹ vẫn quần đảo trên đầu, tôi vừa đi vừa theo dõi chúng. Lính đại đội trước đã dạt vào vệ đường nghỉ, các cậu ấy vừa cười nói vừa ngắm chúng tôi diều qua. Cảnh như vậy cứ lặp đi lặp lại mãi. Hình như bọn Mỹ đánh phá ở hướng chúng tôi đang đi tới, tiếng bom ình ình, máy bay gào rú trên đầu. Qua vòm lá rừng già tôi thấy một tốp 4 chiếc F4 chui vào mây. Tiếng rít vánh óc lao qua cùng với một chiếc F4 bay rất thấp, để lại dải khói đen dài. Tới một chỗ nghỉ khác, cả bọn ngồi ngắm mấy chú sóc đang chuyền cành. Chúng nhỏ bé, màu đen hoặc vàng bẩn, không đẹp như trong sách và phim ảnh thường thấy. Hành quân bộ tốn nước thật, tôi phải uống hết sức dè sẻn. Từ sáng đến giờ thấy toàn lên dốc, hết cái dốc này đến cái khác, chắc đang đi lên đỉnh một quả núi nào đấy. Ở một vài chỗ nghỉ, tôi nói chuyện với anh Ngạn B3, trước là giáo viên cấp II (anh Ngạn về sau hy sinh khi vượt sông Thạch hãn tháng 11.1972). Đội hình trở nên

loạc choạc, mạnh ai nấy đi, lính C này lẫn với lính C khác. Một số cậu nằm thẳng cẳng trong các bụi cây ven đường. Cái dốc hầu như vô tận, thỉnh thoảng nó chùng xuống để rồi lại cao vút lên. Trước một đoạn dựng đứng, chúng tôi phải nghỉ lấy sức, ngồi ngổn ngang trên các thân cây đổ. Cái dốc khủng khiếp thật. Mũi người sau chạm gót người trước, và cái ba-lô người trước luôn lủng lẳng trên đầu người sau. Phải dùng cả bốn chi, bám vào cây cối hai bên đã tươi tắn mà nhích lên. Vô phúc nếu có cậu nào ở phía trên tuột tay, chắc cả một dây người phía dưới sẽ gặp tai họa. Tôi bò lên khỏi dốc, cố đi vài bước nữa rồi ngồi phịch xuống nghỉ. Xung quanh đây cũng có nhiều lính đang nghỉ. Tôi rút bi-đông nước lã ra, đem pha đường sữa vào và uống luôn. Nhiều cậu khác cũng làm như vậy, mà chả bao giờ thấy đau bụng cả.

Vùng núi chỗ này nhiều cây lá nón quá, mới đầu tôi cứ tưởng lá cọ. Dưới tán lá cây cổ thụ rừng già là giang sơn của lá nón. Sau này tôi mới hiểu câu thơ “...mà rừng lá nón đêm nay ngời ngời” là như thế nào. Tôi và Ty uống nước xong lại đi tiếp. Đến chỗ có mấy người nghỉ, thấy một cán bộ đang nói chuyện. Chúng tôi xem khẩu súng lục của anh và týt toáy học cách sử dụng. Hình như đỉnh cao nhất đây rồi, vì sau nó tôi thấy con đường dốc hun hút. Mặt trời đã ngả về tây, như vậy là lên đến đỉnh dốc chúng tôi đi mất nửa ngày. Xuống dốc tốc độ có nhanh hơn một chút. Qua màn lá thoảng thấy đỉnh quả núi bên cạnh, thấp hơn chúng tôi nhiều, đỉnh của nó xanh đen và mờ mờ như phủ khói. Xuống dốc thường có xu hướng chạy, tất cả đồ đạc trên người mình đều muốn kéo mình chạy. Cậu Ty lúc đầu còn chạy từ từ, sau mỗi lúc một nhanh và cuối cùng thì vấp vào rễ cây ngã sóng soài ra đất, ba-lô cùng nôi xoong lộn qua đầu bay xa gần chục mét. Tôi chạy lại nâng dậy, may không việc gì cả, chỉ trầy da tí.

Xuống dốc cũng khốn khổ. Những người sống nhiều ở rừng núi đều khẳng định rằng xuống dốc (nhất là dốc cao) khó nhọc hơn lên dốc. Thật vậy, xuống dốc chồn chân không thể tả được, gân cứ phải chùng liên tục, bánh chè muốn rơi ra ngoài. Nhiều đoạn phải ngồi bệt xuống, trượt đi từng tí một. Có những chỗ đường dốc hẳn về một bên, lại nhiều người đi nên đã

nhấn thín, dễ trượt xuống dưới lắm. Thỉnh thoảng lại cảm thấy như đang đi một mình, đằng trước đằng sau chẳng có ai cả. Có đoạn đi bên sườn núi, nhìn ra phía đông xuyên qua tán lá rừng, có thể nhìn thấy biển xa tít tắp. Rồi những cồn cát trắng nhỏ xíu, đồng ruộng, làng mạc xanh mờ và một dòng sông bạc đang uốn khúc, y như trên máy bay nhìn xuống. Tự nhiên lúc đó tôi thấy tự hào vô cùng. Dầu sao đôi chân của tôi cũng đã in dấu trong rừng Trường Sơn, in dấu lên con đường lớn của dân tộc, và lòng tôi cứ ngân lên hai câu thơ của Tố Hữu: “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

Tôi đang ngồi nghỉ ở lưng dốc thì thấy một toán lính C50 đi tới, trong đó có Phổ Thọ. Thoáng chút bất ngờ, Phổ Thọ ngồi lại nói chuyện với tôi. Chắc 5h chiều rồi, chúng tôi đứng dậy. Thọ bảo tôi đi sau nhé, vì cậu ta không thể đi lò dò xuống dốc được, chồn chân lắm, mà phải chạy. Tôi chưa kịp can thì Phổ Thọ đã lao xuống dốc, với chiếc ba-lô kéch sù và đủ thứ lệ bộ súng ống trên người. Cậu ta thoăn thoắt nhảy qua các rễ cây với một tốc độ kinh người, và hun hút biến mất ở chân dốc. Một lúc sau tôi lại gặp Thọ đang ngồi nghỉ ở ven đường. Chúng tôi pha nước đường chia nhau, nước hứng ở một mạch đá nhỏ giọt gần đấy. Trời gần tối, xung quanh lính nghỉ ngốn ngang, nhiều cậu mặt mày xanh xám. Một số khác kiếm củi nước tính chuyện nấu cơm ăn nghỉ tại đây. Hình như binh trạm không còn xa lắm. Thọ lại đứng dậy đi trước, cậu ta nói đến nhận chỗ ở để nấu cháo cho tiểu đội.

Trời tối hẳn. Chúng tôi dò dẫm từng bước như đi trong hũ nút. Rồi bỗng nghe thấy nhiều tiếng í ới, thỉnh thoảng lại lóe lên vài đốm sáng của bật lửa. Tôi căng mắt nhìn, thấy cạnh các gốc cây lô nhô nhiều cọc phụ. Tôi gọi to để tập hợp tiểu đội, rồi nhanh chóng căng tăng mắc võng. Đói và mệt, chúng tôi cũng chẳng buồn nấu ăn nữa, leo lên võng ngủ luôn.

Sáng, đi tìm bếp nấu ăn. Hôm nay đến phiên Thành “ma tịt” và Phái “con”, hai cậu lười nhất tiểu đội làm cơm. Qua một ngày mệt nhọc và một

đêm li bì, hai cậu không muốn dậy. Tôi kiên quyết dựng cổ hai tên này lên bắt làm việc. Cả A được lệnh đi kiểm củi, giúp nhóm bếp. Tôi xách ni-lông đi xuống suối. Có chỗ dòng suối đang hẹp bỗng phình rộng ra và sâu xuống, bốn xung quanh và đáy toàn đá rất to, màu đen, được nước mài nhẵn thín. Lính ta tụ tập khá đông để rửa mặt và lấy nước. Chúng tôi đào 1 hố gần bếp, lót ni-lông làm bể chứa và đổ nước vào. Sau đó tôi cũng cầm dao đi chặt củi. Nói chung củi khô rất hiếm, những cành nằm dưới đất thì cong queo và còn tươi cả. Chúng tôi phải tìm những cọc phụ cũ, giá ba-lô cũ, và tốt nhất là những bếp Hoàng cầm cũ, phá ra để lấy củi. Nước uống trở thành nhu cầu cấp thiết, có bếp đun, tội gì mà uống nước suối. Mọi người tranh nhau xoong nước sôi để đổ vào Bi-đông. Vài cậu còn lấy ống cóóng (ống bơ) đun nước riêng.

Cơm chỉ có món độc nhất là canh đồ hộp, vị gây đến buồn nôn. Tôi ăn chẳng được mấy, cảm thấy hơi mệt. Hôm nay mà đi tiếp thì thật là gay, may quá, anh Y đi họp về tuyên bố hôm nay nghỉ. Tôi thơ thần đi ra suối. Lính ta đang tắm khá đông. Nhảy trên các phiến đá, tôi ngược lên phía thượng nguồn, nơi quang cảnh rất vắng lặng. Tôi ném vài hòn cuội đuổi các chú cá con rồi quay về. Mấy hôm nay bắt đầu có triệu chứng đi ỉa lỏng. Tôi sờ đến hộp thuốc cá nhân, sức nhớ còn có con sâm cao-ly gia đình trang bị cho, bèn lấy mấy miếng vụn để ra ngoài để khi cần dùng được ngay. Trên đường về gặp Tiểu đoàn trưởng Khanh đang chinh mấy cậu lính ỉa bừa bãi.

Đến chiều có lệnh nấu cơm năm chuẩn bị sáng mai đi sớm. Tôi cảm thấy mệt vô cùng bèn lên vông nằm. Chợt nghe có ai gọi tên mình, nghe như tiếng của Duy Minh. Đúng thật, bộ phận đi sau đã tới. Tôi ngồi dậy đón Duy Minh với Lâm Thành, Chính, Đường. Họ rất mệt, không hiểu mai có hành quân tiếp được không?. Tôi động viên họ và giúp tìm chỗ căng tăng mắc vông. Tôi nằm nhưng không ngủ được. Mệt quá, có lẽ ta ốm chăng? Hậu quả của mấy ngày leo núi cật lực chăng?. Đêm trong rừng già Trường sơn thật tĩnh mịch. Nhiều lúc mở căng mắt mà không thấy gì, bóng tối đặc quánh tưởng có thể xấn ra được. Tôi nằm nghe tiếng sương rơi lộp

độp trên mái tầng mà lòng nhớ nhà da diết. Không biết mình có bao giờ còn được trở về nhìn thấy ngôi nhà bé nhỏ ấm cúng, thấy cái nhà Quàn, thấy phong cảnh Hà nội từ trên gác thượng nhà Tiến Dũng nữa không?. Rồi biết bao hình ảnh cũ lại điếu qua: bạn bè, nhà trường, phố phường... Nhớ nhưng đến đau xót, nhiều lúc tưởng không chịu được. Đây chính là lúc đấu tranh tư tưởng căng nhất: Đảo ngũ hay không Đảo ngũ?. Trời ơi, mệt quá, nặng nhọc từng hơi thở, mặc dù người cảm thấy nhẹ tênh, môi khô, miệng đắng. Ở nhà mà hơi mệt một tí thì phải biết, hết mẹ đến bà, nhất là bà, lo cuống lên, nào xông hơi nào cháo hành nào thuốc cảm... Ở đây thì nằm cô đơn co quắp trong 1 xó rừng, chết cũng chẳng ai hay. Nhưng chẳng lẽ vì vậy mà đảo ngũ? Dù sao suốt 10 năm trời tôi đã luôn là học sinh tiên tiến, từng viết những bài văn rất hay với những câu kết hùng hồn, mà tôi thì không quen nói một đằng làm một nẻo. Tôi nhớ đến Bác và những lời hứa trong ngày Quốc tang, nhớ đến danh dự của Gia đình, của bố mẹ... Không, chết thì thôi chứ không chịu làm điều nhục nhã, phải làm 1 người chân chính, có nghị lực như Pavel Corsaghin. Và đâu phải chỉ có mình tôi trải qua cảnh ngộ này. Bao năm nay, hàng triệu người đã từng nằm vồng trong đêm tối âm u của núi rừng, cũng đã chịu những dẫn vật âm thầm ghê gớm. Nhưng họ đã đứng vững, để rồi sáng hôm sau những tin chiến thắng vẫn dồn dập gửi về... Không, tôi nhất định không chịu thua kém họ. Càng nghĩ càng thấm thía câu nói đơn giản: “Dân tộc ta là 1 dân tộc anh hùng”. Đúng là 1 dân tộc anh hùng, vì đã có hàng triệu người con anh hùng, mà chỉ cần họ chiến thắng họ trong một đêm như đêm nay cũng đã đủ xứng đáng với danh hiệu đó. Tôi cứ nằm như vậy, mắt mở trừng trừng nhìn vào đêm tối và người mệt mỏi rã rời.

Khoảng 4 giờ sáng có lệnh chuẩn bị, tất cả tắt bật cuốn tăng vồng xếp vào ba-lô. Người mệt bã, thở phào phào như hết hơi, tôi lo lắng nhắc thử cái ba-lô nặng trĩu, rồi mở ví lấy một mảnh sâm cho vào miệng. Trong bóng đêm, chúng tôi lên đường, người nọ bám vào ba-lô người kia. Thình thoảng lại vấp vào rễ cây đau điếng. Quái, sao mà đi nhanh như ăn cướp thế này? Vượt qua một cái lạch nhỏ, lách mấy hòn đá, lính ta đi vội vã, thở hỗn

hên. Đại đội tôi đi thứ ba nên vất vả, vì vậy khi có lệnh nghỉ 15 phút, tôi tranh thủ vượt lên phía trên đầu đội hình. Đường hẹp, lính nằm ngổn ngang, tôi lách qua rất khó khăn, đi đến đâu tiếng phản đối ồn ào đến đó. May thay có một cán bộ, theo sau là liên lạc, đang cần lên gặp ban chỉ huy Tiểu đoàn ở phía trên. Tôi vội bám luôn vào sau cậu liên lạc, thành ra đi đến đâu người ta nhường đường đến đó. Ban chỉ huy Tiểu đoàn vẫn đang nghỉ, anh Khanh thỉnh thoảng lại nhắc truyền xuống: “C52 lên đủ chưa, báo cáo?!”. Trong bóng tối, mấy cậu liên lạc tiểu đoàn cũng không nhìn rõ mặt nhau, nên tôi đi lẫn vào họ.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B (3)

Đường nhiều chỗ trơn, mỗi người một gậy dò chống. Đi đầu là người dẫn đường, rồi đến D trưởng Khanh, một cậu liên lạc và tôi. Đằng sau là mấy cậu liên lạc nữa rồi tới C51. Chúng tôi đi rất chậm, nhưng vẫn biết là ở phía cuối đội hình đang phải đi như chạy, nên thỉnh thoảng anh Khanh cho dừng lại nghỉ một lúc. Ra khỏi cửa rừng, đoàn quân lội trên một con suối, thỉnh thoảng nhô lên vạt cỏ lác. Nước lạnh buốt, nhiều chỗ chảy xiết. Chẳng hiểu sao mà suối mỗi lúc một sâu hơn, anh Khanh đã bị nước ngập đến bụng. Anh nghi ngờ, gọi cậu dẫn đường lúc này cũng đang ngơ ngác ở phía trên. Cuối cùng rồi cũng ổn, chúng tôi đi theo lối mòn trong thung lũng lớn, hai bên có những bụi cây nhỏ. Chúng tôi ngồi nghỉ khá lâu để chờ dồn đội hình. Cậu dẫn đường đã đi lên trước để liên hệ thuyền, hình như chúng tôi sắp vượt sông thì phải? Tôi cảm thấy người hết mệt mỏi, lúc này mới thấy tác dụng kỳ diệu của sâm Cao-ly. Mảnh sâm trong mồm đã tan hết, tôi lấy tiếp một mảnh nữa ra ngậm. Vị nó nhàn nhạt và ngọt lờ lợ, nhưng nếu không có nó thì đoạn đường vừa qua tôi gay rồi. Đã thấy mặt người mờ mờ, biết không trà trộn được nữa, tôi trở về đại đội của mình. Ra đến bờ sông thì thấy nhiều con thuyền đã đợi sẵn. Mỗi con thuyền trông dường như nhỏ bé ấy không ngờ lại có thể chở gần hết một đại đội cả trăm người. Lính lên thuyền lộn xộn. Tôi thấy có một thuyền ít lính chen lên, bèn trèo vào. Thì ra đây là thuyền chở bộ đội tỉnh Quảng Bình. Chậc! miễn là sang được bờ bên kia, tôi nghĩ. Nghe mấy anh lính này và mấy o Quảng Bình nói chuyện, thăm hỏi và đối đáp nhau với cái giọng miền Trung riu rít, tôi thấy vui vui. Thuyền chưa cập bờ, tất cả đã nhảy ào xuống nước. Dưới đáy toàn cát, nước trong vắt, lính ta hăm hở tháo bi-đông nhả xuống sông lấy nước. Đây là sông Nhật Lệ chẳng?

Tất cả chạy qua bãi cát lún lên bờ, tập hợp và lại đi hồi hải. Bắt đầu leo dốc, luồn lách trong đám lau sậy và những bụi cây nhỏ rậm rạp. Leo được nửa tiếng thì có lệnh nghỉ 15 phút. Chúng tôi giờ cơm nắm ra ăn. Anh Bính tuyên bố đi theo đội hình trung đội, anh đi đầu, không ai được vượt. Lại bắt đầu xuống dốc, tới mỗi chỗ nghỉ, ai cũng mệt nhoài. Tôi mò đến chỗ Chí Thành, hai đứa giờ cục cơm nắm còn lại ra ăn hết. Anh Bính rất bực với mấy cậu đi chậm. Ở một chỗ nghỉ, chúng tôi ngồi đã khá lâu mới thấy Long “già” A6 lò dò đến, trông thật nhếch nhác. Khẩu súng đập lưng củng vào chân cậu ta, cái nắp xoong sau đít đưa qua đưa lại, mặt thiếu não trông thật “già”. Anh Bính quát tháo, Long “già” cự lại, kết quả là cậu ta bị ăn một cái tát nên thân. Nhìn cảnh ấy chúng tôi ôm bụng cười, tuy thâm tâm không hài lòng lắm.

Lại men theo một khe suối. Chúng tôi uống nước kinh thật. Đây là cái suối tù, nhiều chỗ nước rất bẩn. Nhưng khát quá nhiều cậu vẫn phải múc và cho thuốc lọc vào uống. Tôi cũng định múc, nhưng Long “cồ” ngăn lại và san cho một ít nước sông trong bi-đông của cậu ta.

Chúng tôi lần theo một con đường ô-tô đang mở trong rừng. Một con đường chưa có vết bánh xe, bí ẩn dưới vòm lá cây rừng, đất mới đào màu vàng ươm. Tất cả những gốc cây trên nền đường đều được trốc đi, nhiều chỗ phải cắm lá cây lên mặt đường để ngụy trang. Chúng tôi rất ngạc nhiên và kính cẩn nhìn ngắm con đường, thành quả của sức lao động phi thường. Bắt đầu đi trong rừng lau, hình như ô-tô cũng đi được theo những lối này. Tất cả vừa đi vừa ngắm những hòn núi đá đơn độc nhô lên trên cánh rừng lau bạt ngàn. Chợt gặp hai anh bộ đội Giải phóng (1) mặc bộ đồ vi-ni-lông màu nâu đi ngược lại, cả bọn trầm trồ khen những con dao găm đẹp của họ.

(1) Trong chiến tranh chống Mỹ, bộ đội chủ lực chia làm hai. Quân Giải phóng do Mặt trận DTGP Miền Nam Việt Nam quản lý, có trang phục riêng khác với bộ đội Miền Bắc; cờ và sao nửa đỏ nửa xanh, nhưng thường

không đeo quân hàm, quân hiệu. Trên thực tế, lãnh đạo thống nhất, quân đội thống nhất.

Tôi thấy lính ta xúm quanh một người dân tộc đứng sau hàng rào gỗ. Ông ta bán cam trong vườn. Cam còn non và xanh, ăn như chanh mà ông ta bán những năm hào một quả. Lúc này tôi mới nhận thấy trên vách núi có một hang đá. Một người dân tộc và một lũ trẻ con lau nhau đứng ở cửa hang ngắm nhìn bộ đội. Tôi thấy họ có cả súng CKC. Hai anh Giải phóng, một già một trẻ, đang đứng ở phía dưới, tay cầm mấy mớ rau và con gà, đang nói chuyện với họ, ý chừng hai bên trao đổi gì đó cho nhau.

“Người Vân Kiều!”, ai đó nói. À, ra đây là người Vân Kiều. Họ có vẻ nghèo khổ, đen đúa, ăn mặc lam lũ, nhưng tôi đã được nghe nhiều về tinh thần cách mạng của họ.

Dọc lối đi thấy nhiều vết đạn 20ly của máy bay bắn xuống. Lại nghỉ 15 phút, tôi ngồi nói chuyện với Lâm Thành và Chí Thành. Con đường vẫn men theo vách núi đá, nhiều chỗ đá tạo thành những bãi chông nhọn sắc đâm thẳng lên trời, đi qua phải hết sức cẩn thận. Có những hòn đá trên mặt rỗ hoa tạo thành nhiều lỗ có gờ rất sắc, vô ý bám tay vào là chảy máu. Nghe tiếng từ lâu, giờ mới thấy mặt đá tai mèo, quả là ghê thật.

Tôi đang đi chợt thấy phía trước xôn xao. Thì ra có một hàng mía bán ở hốc đá ven đường. Thảo nào lúc này đi qua rừng lau thấy con đường phủ kín bã mía. Mía nhỏ như cây sậy mà cũng lẫn vào mua, một hào hai tấm. Long “cồ” xông vào mua được sáu tấm, chúng tôi mỗi đứa cướp một tấm.

Đoàn quân đang đi dọc con suối khá rộng, nước trong, hiền hòa. Hai bên bờ có những cây lá giống lá trúc đào, xòa xuống là mặt nước trong thật đẹp. Gặp một đoàn người đi ngược ra, hóa ra toàn tù binh mặc quần áo rằn ri, mấy cậu vệ binh súng cầm lưỡi lê lăm lăm áp giải. Cậu Hòa “chó” nhặt mấy hòn đá ném tới tấp vào đám tù binh, làm mấy người đó phải giơ tay che đầu. Thấy điệu bộ hoảng sợ của họ, tôi bảo Hòa: “Mày thôi ngay đi.

Mày có muốn khi mày bị bắt người ta ném vào đầu mày như vậy không?” Cậu này trước khi nhập ngũ thuộc loại lưu manh đường phố, hay ăn cắp vặt của anh em trong đơn vị.

Đã quá nửa ngày rồi, tất cả đều thở không ra hơi, thì tới một khu vực giống như bãi khách. Chúng tôi tách khỏi con suối lớn, đi men những theo những lạch nước bắn thiêu. Khắp nơi vỏ đồ hộp lẫn lóc, bên các thân cây lô nhô cọc phụ và các giá ba-lô đã khô nỏ. Vẫn chưa có lệnh dừng, đoàn quân đi lê lét, rời rạc. Tôi và Chí Thành tạt sang một bên ngồi. Tôi chạy xuống khe lấy nước rồi đem đường sữa của Chí Thành ra pha uống. Nghỉ cho đỡ mệt một chút, hai đứa lại lên đường.

Mãi gần tối mới tới chỗ dừng chân. Chúng tôi căng tăng mắc võng cạnh đường đi, trên triền đồi, phía dưới là khe nước. Tổ trực nhật mang nồi xuống khe nấu cơm, tôi xuống theo. Nước bắn thật, thỉnh thoảng mới có một hốc đào bên rìa suối, nước sạch hơn một tí. Dọc khe, các B khác cũng đang nổi lửa. Có lệnh phải nấu bếp Hoàng Cầm, nhưng chả A nào đào, rốt cuộc vẫn kê đá lên nấu. Vất vả lắm rồi cuối cùng cũng được ăn, tôi bảo Duy Minh lấy hai hộp thịt ra chia cho anh em. Võng tôi nằm cạnh Phái “con” và Thành “ma tị”. Hai cậu này chuyên môn nấu ống coóng, khi thì nước, khi thì cháo. Nấu như vậy là phạm kỷ luật, vì khói lên dễ lộ vị trí, máy bay sẽ đến đánh bom, tôi đã nói mãi mà hai cậu ấy không nghe.

Hôm sau củng cố lại tăng võng. Cậu Phát A5 nằm gần đấy bị đứt dây võng, ngã dúm đầu xuống đất mãi không dậy được. Hình như Lâm và Chí Thành có điều gì đó không bằng lòng nhau. Chí Thành phàn nàn với tôi là mất mũ mà Lâm có hai cái lại không cho mượn. Duy Minh bận túi bụi với bếp nước. Bọn Thành, Phái kiểm củi đun riêng thì giỏi, chứ kiểm củi cho A hoặc làm chung thì rất lười. Sao tôi ghét tụi này thế. Nhưng với tư cách A trưởng, tôi vẫn phải nói cười ngọt nhạt với chúng để động viên chúng lao động. Hình như chúng đã ăn riêng số đồ hộp của A phát cho chúng mang, thật là tồi tệ.

Vấn đề đun nấu là một vấn nạn. Từ dưới khe, nhiều lúc khói bay lên làm chúng tôi phải kêu ầm ĩ. Anh Hồng, Chính trị viên đại đội, chạy lồng lộn ngược xuôi quất tháo những cậu đầu bếp. Những cậu này mặt mũi đỏ gay, nước mắt dàn dụa, đang phồng mang trợn mắt thối mà lửa vẫn không lên, khói bốc mù mịt. Có chỗ như bếp B4, anh đã phải dội nước vào dập vì quá khói, mặc dù mấy cậu đầu bếp nhìn anh đầy căm tức. Biết làm thế nào được, nhiều khi phải tàn nhẫn. Anh từng nói, có mấy cậu Dũng sĩ “đù mẹ đù cha” đun ống coóng, máy bay đến ném bom chết mất xác, lại còn chết thêm cả mấy đơn vị bên cạnh. Giữ được chuyện khói lửa quả là vất vả.

Có lệnh chiều đi. Nấu cơm nấu, nước uống đang hoành, sấm tối tất cả cuốn tăng vồng lên đường. Lại những cây lá nón, những cái dõc, những khúc gỗ mục ngang đường. Chúng tôi đi thoăn thoắt, thấy bảo còn 2km nữa thì ra đến đường ô-tô. Sắp được đi ô-tô nữa rồi, tuy có xóc thật, nhưng còn hơn cuốc bộ. Đột nhiên từ phía sau truyền lên: “Phía trước dừng lại”. Thấy cậu liên lạc dẫn đường đi ngược hàng quân, vai vác khẩu AR15, chúng tôi ngồi ngả ngốn bàn tán về khẩu súng lạ. Chợt có lệnh truyền: “Quay lại” làm cả bọn sửng sốt. Chúng tôi trở về cũng nhanh như lúc đi mặc dù không được vui lắm.

Lại căng tăng mắc vồng vào chỗ cũ. Sao mà nhớ nhà thế. Biết bao sự việc ngày nào ở trường ở lớp hiện ra như mới hôm qua, vậy mà bây giờ tôi đã nằm đây, trong bãi khách của một cánh rừng Trường Sơn này.

Nửa đêm mưa to, sáng hôm sau thấy hai đầu vồng bị ướt. Chẳng sao, đến chiều khô ngay mà. Hình như tối qua Duy Minh bị ướt hết, phải sang nằm chung vồng với Đường “cóc”. Lại cảnh đun nấu ầm ĩ về chuyện khói lửa. Mấy hôm nay bắt đầu phải dè sẻn gạo. Nhiều chỗ mấy cậu xóm quanh ống coóng cháo húp xì xụp. Đến chiều lại có lệnh nấu cơm nấu. Tôi và Chí Thành mượn xoong nấu 1 nồi cháo húp với nhau, rồi nấu nước nóng đổ đầy bi-đông 2 đứa.

Lại con đường hôm qua. Ra khỏi rừng già, đi giữa rừng thưa, rồi ngồi tản mạn ven đường cái đất đỏ chờ xe. Trời sấm tối thì xe tới, cả loại Vọt tiến lẫn Hoàng hà. Sau một hồi chạy ngược xuôi, chúng tôi trèo lên 1 chiếc Hoàng hà. Trời tối hẳn, chiếc xe nhảy chồm chồm trên đường. Có chỗ nó bò chậm rì rì, thận trọng. Có chỗ bất ngờ nó chổng mông lên trời, làm tất cả chúng tôi bị dồn tụt xuống phía ca-bin. Rồi nghe có tiếng nước rào rào dưới bánh xe, chắc đang lội qua hố bom hoặc ngầm. Xe có mui bạt nên chẳng nhìn thấy gì, cả bọn ngủ gà ngủ gật. Xe chạy chắc đã lâu lắm rồi. Chúng tôi chợt tỉnh khi thấy xe dừng lại, đến nơi rồi ư? Tất cả xốc lại trang bị rồi nhảy xuống xe. Sương lạnh, cả bọn co ro bên con đường lầy lội. Thì ra xe không vào được nữa vì đường xấu, chúng tôi phải đi bộ đến bãi khách. Muỗi bắt đầu tấn công, đoàn quân men theo ven đường mà bước, bùn lép nhép. Rồi tới một cái bãi rất rộng, có mấy người đang đi ngược lại, họ nói sắp tới bãi khách. Chưa tỉnh ngủ hẳn, lại thêm trời tối đen như mực, nên tôi bước như trong mơ. Mấy vũng nước sáng trắng trong đêm tối.

Chợt có tiếng máy bay ì ầm. Rồi đột nhiên một chiếc máy bay xoẹt qua rất thấp trên đầu chúng tôi, kéo theo màn tiếng động rung óc. Tất cả đang bối rối thì có tiếng “pục!” khô nhẹ phát ra ngay phía trên. Một ánh chớp lóe lên, và lập tức mặt đất bị chiếu sáng đến khủng khiếp. Mọi vật phơi bày trước mắt tôi, rõ đến nỗi tưởng cái kim dưới đất cũng nhìn thấy.

Tôi thấy mình đang đứng dưới lòng đường trống trải, nghĩ bụng: “Thôi hỏng rồi, thế này thì nó nhìn thấy mất, thế là hết!” và chạy vội vào bên đường. Quả pháo sáng vẫn cháy xèo xèo, vừa rơi vừa quay chậm chạp trên đầu chúng tôi, kéo theo một cái đuôi khói trắng lơ lửng. Trước mặt tôi, một toán lính ta đang chạy tán loạn dưới ánh pháo sáng. Tôi bức bối nghĩ: “Sao chúng nó ngu đến thế, chạy vậy thì chết hết!” Tiếng máy bay vẫn rền rĩ. Phía xe chúng tôi lúc này xuất hiện hai quả pháo sáng, rồi tiếng bom bi nổ rầm rầm. Không hiểu mấy xe đi sau có làm sao không? Anh Bính quát tất cả tìm hố hai bên vệ đường mà nằm. Quả pháo sáng trên đầu chúng tôi bắt đầu lụi dần, chiếc dù đưa nó đi khá xa. Lợi dụng lúc máy bay vòng xa,

ánh pháo sáng chưa tắt, chúng tôi lẩn nhanh vào đường rừng. Lần đầu tiên bị pháo sáng rọi thẳng trên đầu kể cũng hốt thật. Rõ thế, tưởng nó nhìn thấy hết, không ngờ mắt phi công Mỹ cũng thường thôi.

Quái, sao lại dừng hết cả lại thế này? Từng bước nhích lên chậm chạp. Tới nơi thì mới thấy một cái lạch khá sâu, hai bờ bị sụt lở. Anh Bính đang rọi đèn cho từng người một bò xuống, rồi dò dẫm lội qua lạch. Tôi thận trọng bám lấy mấy cái rễ cây chìa ra từ bờ, tụt dần xuống nước. Ô, sao sâu quá, càng đi càng sâu. Tôi loạng choạng lùi lại, kêu anh Bính rọi đèn. Thì ra qua lạch có một gờ đất ngầm, bước chệch khỏi gờ đất sẽ bị thụt sâu. Đi 1 đoạn nữa trong rừng thưa, chúng tôi dừng lại nghỉ để dồn đội hình. Trời bắt đầu mưa, tất cả giở ni-lông loạt xoạt. Lại đi tiếp, gần như chạy. Tối quá, đường lại trơn nữa, nhiều chỗ ngoặt gấp, không cẩn thận rất dễ lạc.

Hình như lạc thật, mỗi C một nẻo rồi, thôi đành mai tìm vậy. Có lệnh nghỉ, chúng tôi tản vào hai bên đường tìm chỗ mắc võng. Cây nhỏ bằng ngón chân cái, mọc san sát, ướt đầm, chạm vào đâu nước mưa rơi ào ào ở đó. Chọn được cây, tôi đặt ba-lô xuống nền lá mục ẩm ướt lấp lánh ánh lân tinh, căng tăng mắc võng. Không làm cọc phụ nên sáng hôm sau hai đầu võng ướt sũng. Chúng tôi gấp rút cuộn tăng võng đi tiếp. Con đường mòn hai bên thỉnh thoảng có vài bụi lau. Một con suối to chắn ngang, nước chảy cuồn cuộn. Từ bờ này sang bờ kia chẳng một sợi cáp, tất cả bám vào lớp ngóp lội qua. Nước suối trong, chảy xiết, đáy toàn cuội sỏi. Chúng tôi vục nước uống, rửa mặt. Sang bên kia lại leo dốc ngay, đi men theo một sườn đồi dựng đứng, rất trơn. Mấy cậu đi trước mất hút, may có vài người ở bấp gần đó chỉ cho bọn tôi đuổi theo. Một cái cầu qua khe sâu, làm bằng thân mấy cây gỗ tròn, đi trên cũng kinh. Đi mãi, nhìn trước nhìn sau chẳng thấy ai, tôi phân vân dừng lại đợi. Thấy anh Nghĩa B phó B1 đi tới, tôi bám theo luôn. Hết men theo sườn dốc đứng rừng già, lại xuống khe đá có dòng nước nhỏ chảy. Hình như C52 đóng ở đây, thấy lính lẳng xăng chạy quanh mấy cái bếp mới dừng tạm. Leo qua bờ khe cao như quả đồi bên trái, rồi đi qua

mấy cái hầm thùng (hố to như căn nhà, mắc võng nằm dưới đó được) bỏ không, chúng tôi tới nơi.

Tất cả nhốn nháo tìm chỗ mắc võng. Anh Hồng tới, phân bổ khu vực từng B, thế là lại phải di chuyển. Bây giờ mới tính đến chuyện nấu ăn, tôi chạy đi giục Duy Minh. Theo lời chỉ dẫn của anh Đạm B phó, chúng tôi chạy đến một ngôi nhà tranh gần đó. Ngôi nhà thấp, chật, tối, bên trong rất đông người. Giữa nhà là mấy cái bếp đang đỏ lửa, vài cậu A6 ngồi quanh nấu cơm. Đành đợi cho họ nấu xong đã. Ngoài hiên có mấy thùng lương khô đựng nước và hứng nước mưa từ giọt gianh rơi xuống. Không khí ẩm lạnh, buồn tẻ. Đây là nhà của dân công hỏa tuyến, trên sạp nứa bên phải, mấy người đàn ông đang ngủ lả lốc. Một bác già khoảng 50 tuổi đang ngồi hút thuốc Lào cùng hai người nữa. Thấy chúng tôi đến, họ chẳng nói gì, nhưng xem ý họ không đồng ý cho chúng tôi nấu nhờ, gay thật. Bác già nói nhà chật, mấy anh em đi làm suốt đêm giờ đang nghỉ, có người đang sốt rét, đừng vào đông. Chúng tôi đành nói khó với bác xin nấu nhờ. Bác nói phải tự túc củi khô trong nhà đem đun. Tôi quay ra bảo anh em kiểm củi và đi lấy nước. Trời mưa thế này kiếm đâu ra củi khô bây giờ? Lội xuống con lạch gần đó xem có củi trôi không, cuối cùng cũng chỉ vớ được vài cành nhỏ. Tôi trở vào bếp thì thấy Quang và Duy Minh đã nhóm được lửa, sau khi đốt hết cả mớ dẻ dầu lau sùng. Tôi liếc xem mấy ông dân công đánh cờ. Mưa vẫn rơi lác đác, người ướt át, vừa lạnh vừa buồn. Nhìn những ngôi nhà lá khác trên sườn đồi cây, tôi càng thấy phục những con người đã sống bao năm qua giữa cảnh rừng sâu nước độc, heo hút buồn tẻ này.

Cuối cùng cũng nấu xong hai nồi cơm. Chúng tôi khiêng lên chỗ nằm của Đệ, cuốn võng hắt lại và tất cả chui vào dưới mái tầng ngói. Thế mà khi khiêng, hai cậu lúng túng thế nào để rơi nồi cơm to, đổ mất một ít. Suốt đời không thể nào quên được bữa cơm giữa rừng già ấy. Mưa rào rào, mưa như trút nước. Mái tầng thì hẹp, bên dưới đặt hai nồi cơm và 8 đứa chúng tôi xúm xít chung quanh. Tầng lợp xúp không che đủ kín người, nên đứa

nào cũng bị ướt 1 phần. Chúng tôi ngồi ăn, nước mưa rùng rùng trên vai, trên cổ. Mặc, vẫn xúc cơm chén lu bù. Lúc đó tôi đã nghĩ nếu sau này còn sống thì phải tả lại bữa cơm hôm nay mới được. Ăn xong, mỗi đứa xúc thêm một ca để dành.

Tôi đã kiếm được một chỗ mắc võng khá tốt, thì Quý A trưởng A5 đến nói đây là khu vực của A5. Lúc này anh Bính đang chia khu vực cho các A, Quý hét to với anh: A5 ở đây phải không? Anh Bính chưa biết thế nào cứ gật bừa. Tôi không muốn cãi cọ bèn dọn đi, nhưng trong bụng rất tức, nhất là tức Quý, và ghét cả ông Bính nữa. Lâm Thành mắc cạnh đó dứt khoát không đi. Tăng Lâm Thành mắc lụp xụp không tưởng được, nhẩn nhúm, võng thì gần trệt mặt đất, tăng thì như đắp lên võng, thế mà hăn ngủ được. Tôi đã giục hăn buộc lại, nhưng hăn lười, không nghe.

Tôi tìm được hai cây để mắc võng khá đẹp, nhưng xung quanh là bụi rậm, bèn rút dao găm chặt lia lịa. Phần lớn là bụi cây lá nón, giống như những tàu cọ cắm xuống đất, nên việc phát quang cũng nhanh. Làm cả cộc phụ đằng hoàng, nhưng khi nằm thử thì dây bị đứt, phải buộc lại. Cuối cùng cũng được chỗ nằm thoáng đảng, thoải mái. Gần võng tôi là võng Châm “thối tai” và Hùng “Di-gan” của A5. Hai chân lấm bùn nên trước khi lên võng bọn tôi phải lấy khăn mặt ra lau, buồn cười thật.

Ở triền đồi bên kia con khe là B1. Có tiếng í ọe về gạo củi, tiếng Huy Ninh A trưởng A3 đang phân công gì đó. Đi theo con khe vào sâu hơn 1 tý hình như là C50.

Trời vẫn mưa. Có chỗ mái tăng trũng, nước đọng nhiều, từ từ dề mái tăng nghiêng đi, trút ào 1 cái xuống đất. Tôi nằm trong võng, nhìn cảnh ấy lặp đi lặp lại nhiều lần. Mỗi khi ngớt mưa, lại phải điều chỉnh mái tăng: để doãng quá thì hay bị tạt bụi nước vào mặt, nhưng thoáng đảng; để cụp quá thì không bị hắt nhưng bí hơi. Nhìn nước giọt xuống quanh mái tăng, sao mà nhớ nhà thế.

Hôm sau trời nắng. Có lệnh sang tập trung bên quả đồi B1 nghe nói chuyện. Một cán bộ chính trị của mặt trận B5 đăng đàn. Anh cán bộ này người Quảng Trị, trạc ngoài 40, thấp béo, sau hông đeo khẩu K54, và một túi mìn Claymore đựng tài liệu. Anh ta nói hào hứng, sôi nổi, khích lệ tinh thần chiến đấu của chúng tôi. Nghe xong ai nấy đều thấy hừng hực, muốn lao ngay vào mặt trận.

Vừa về đến khu vực của trung đội thì được lệnh chuyển chỗ ở. Chán gớm, thế là phải bỏ chỗ nằm tôi đã tốn nhiều công sức mới có. Chúng tôi cuốn đồ đạc, đi ngược lại đường hôm nọ theo con khe khoảng 200m rồi leo lên một sườn đồi hạ trại.

Võng của tôi, Duy Minh, Lâm Thành mắc liền nhau thành một vệt ven khe nước. Bên dưới gần khe hơn là đường đi, bếp và võng của anh Đạm B phó. Mưa liên tục, chúng tôi phải tốn nhiều sức để làm một cái bếp kiên cố, tất cả ni-lông bếp của các tiểu đội đều được huy động.

Sáng hôm sau chúng tôi xuống khe đánh răng rửa mặt, nước chảy khá xiết. Sau đó tôi và mấy cậu nữa theo anh Đạm đi lấy gạo. Chí Thành đi bên tôi phàn nàn về tệ phân công không hợp lý của A5. Đi ven khe, vượt một cái cầu nhỏ, lên dốc, chúng tôi chợt thấy những chiếc lán của một bệnh viện dã chiến. Các thương bệnh binh đang ngồi ăn quanh những chiếc bàn ghép bằng cây sậy ở ngoài sân. Họ ăn khá sang, có cá khô và bột trứng. Lại xuống dốc, lội khe một quãng dài. Đi qua một túp nhà gianh, tôi tò mò nhìn những cuộn dây điện to nhỏ, đủ loại đồng nhôm, dây cáp, dây trần. Hình như đây là trạm bảo dưỡng đường dây. Những hàng cột điện thẳng tắp chạy ven đồi, ven suối, từ đồi này sang đồi khác, hoặc ở lưng chừng núi, với những ống sứ trắng như những bông hoa, khiến ta phải khâm phục công sức của những chiến sĩ đường dây. Chúng tôi sắp ra khỏi rừng thì máy bay Mỹ đến quần đảo trên đầu ầm ỉ. Đành phải ngồi chờ vậy, bây giờ mà đi ra nơi trống trải thì nguy hiểm lắm. Tôi và Chí Thành ngồi dưới một gốc cây, vừa ăn cơm nắm vừa nói chuyện. Chỗ này rừng toàn cây to, chúng tôi có

thể nhìn thấy những chiếc F4 lao sạt ngon cây, phun khói đen kịt và gào
tưởng rách màng nhĩ.

Ra khỏi rừng tôi nhập bọn với Mai Quý Cường, Nhuận “nhà báo”,
Sinh A3... Chúng tôi đi giữa vùng cỏ gianh, thỉnh thoảng có những bụi de
hay bụi tre cao vóng lên, lá phơ phất. Con đường đất đỏ quạch, hai bên có
những gốc cây đen sì, thấy gọi là con đường tăng, chắc để xe tăng đi.

Cả vùng này thuộc khu vực Bãi Hà lừng danh mà tất cả chiến sĩ mặt
trận B5 đều biết. Bắt đầu rẽ vào rừng có kho quân nhu. Gạo vãi dọc đường
nhiều vô kể, chỗ thì mốc xanh, chỗ thì đã thành những hạt đen sì. Trên một
bãi mua mọc cao vượt đầu, có một vạt cháy đen: mấy chiếc xe trúng đạn
rúm ró, nằm chổng vó. Đi dọc đường ô-tô quang cảnh làm tôi suy nghĩ
nhiều. Những viên thuốc đạn pháo vung vãi khắp nơi, ủng nước. Rất nhiều
hòm đạn pháo vút tung tóe hai bên đường, hòm rỗng nằm lẫn với hòm còn
nguyên. Vỏ đạn đồng lẫn lóc khắp nơi, đủ các cỡ: 85ly, 122ly, 130ly...
Những cái vỏ đạn 130ly to tướng, bằng đồng vàng chóa, có in chữ Liên Xô,
Trung Quốc ở ngoài, mỗi cái phải nặng tới 7-8kg. Loại này đem đúc mâm
hay chậu thì tốt phải biết. Thế mà giờ nằm bừa bộn trong cỏ, có cái đã rỉ
xanh. Thậm chí còn có cả quả đạn nguyên vẹn nằm lộn trong đó. Tôi đau
lòng vì biết rằng mỗi quả đạn đó trị giá hơn một năm tiền lương của bố tôi.
Người ta rất có lý khi nói rằng, dù trong lao động hòa bình có lãng phí mấy
đi nữa, thì cũng không thể so sánh nổi với những tổn phí trong chiến tranh.
Nhân dân ta còn nghèo khổ lắm. Tôi ao ước nếu những quả đạn kia biến
thành tiền phúc lợi cho dân tộc thì hay biết mấy. Đi lạc ra đường 15, lại
phải lộn vào, ngồi nghỉ ở một bãi gỗ, những cây gỗ to đùng. Cạnh đó là một
bãi xếp những ống thép tròn màu xám trắng, thấy nói là ống dẫn dầu. Cuối
cùng thì chúng tôi cũng tìm được đến kho gạo. Rừng cây ẩm ướt, những
thân cây mọc đầy tầm gửi, đầm nước, đen xì. Sắp đến kho gạo có khác, gạo
rắc đầy đường, mốc xanh mốc vàng. Càng gần kho càng nhiều gạo vãi,
thậm chí nhiều chỗ gạo còn trắng tinh, mới nguyên. Những đôi dép lính đầy
bùn đất dẫm lên gạo mà đi. Nhìn thật đau xót, nhưng không biết biểu lộ thế

nào: xung quanh tôi mọi người đều mệt mỏi, nhể nhại mồ hôi và bận túi bụi. Anh Đạm hét tôi inh ỏi để cùng chia nhau chỗ gạo cuối cùng. Tôi rời khỏi kho gạo với tâm trí nặng nề.

Trên đường về qua bệnh viện, tôi chợt thấy trong lán có một khuôn mặt quen quen. Tôi kêu lên: “Cao Thành!”, anh ta quay lại nhìn. Tôi bèn vẫy Chí Thành cùng chui hàng rào vào thăm anh ta. Cao Thành là học sinh trường tôi, học trên tôi một lớp, lớp của thầy Thung dạy thể dục chủ nhiệm. Còn nhớ hồi chúng tôi mới vào lớp 8, anh ta được thầy Thung cử đến điều khiển lớp tôi tập thể dục. Anh ta chơi thể thao rất khá, một lần họp trong Hội trường tròn Bách khoa, anh ta giã giò trên xà kép 32 cái liền làm bọn tôi lác hết cả mắt. Hồi đó nhìn anh ta rất đẹp trai, khỏe mạnh và là học trò cưng của thầy Thung. Cái lán trong bệnh viện trống hoác, sắp năm được ken bằng thân cây sậy. Cao Thành ngờ ngàng nhìn tôi nói: “Trông cậu quen lắm mà tớ không nhớ ra”. Giới thiệu là học cùng trường xong, chúng tôi ngồi nói chuyện lúc lâu. Cao Thành bị thương vào hông, vẫn béo tốt dù có hơi chậm chạp. Lớp Cao Thành có 3 cậu cùng đi, đến nay Cao Thành bị thương đi Viện, 1 cậu vẫn ở đơn vị. Còn cậu thứ 3 trong 1 trận đánh phối thuộc với xe tăng ban đêm, bị trúng thương rơi từ xe trước xuống, và chiếc tăng đi sau nghiêng lên luôn. Đang nghe chuyện, chợt một cậu lính bước vào làm tôi ngẩn cả người. Má hồng môi đỏ, da trắng, mắt sáng long lanh, anh em sinh đôi với T.H chẳng? Tôi phải lắc đầu xua đuổi, định thần nhìn lại. Trông cậu ta đáng lữ khử, thì ra đó chỉ là vẻ đẹp bệnh hoạn của một con người đang lên cơn sốt. Cậu ta là trai Hà Nội, nhà ở Hàng Than hay Hàng Gai gì đó, và chả có họ hàng gì với T.H của tôi cả. Tôi sẫm soi nhìn những chiếc ba-lô ngụy, trông rất lạ mắt, với những đai, những khóa linh kinh, và chỉ có hai túi cóc.

Hôm sau tôi và Chí Thành lại tới chỗ Cao Thành để nghe chuyện và hỏi thêm những kinh nghiệm trong chiến trận. Cao Thành cho biết sắp chuyển viện ra ngoài Bắc, mà trong túi chẳng có xu nào. Tôi bèn cho cậu ta 5 đồng và nhờ chuyển hộ mấy phong thư. Kể nhiều chuyện, nhưng rất cuộc

Cao Thành dặn tôi chủ yếu là phải khôn ngoan, trong chiến đấu không chỉ nhìn về phía trước mà còn phải nhìn ngang xem đồng đội như thế nào nữa, phải tùy tình thế để “ứng phó” thì mới mong giữ “gáo” (đầu) được...

Một số cậu lính mới vào đóng gần đó đang ồn ào xem mấy cái màn tuyn của ngụy. Mấy cái màn tuyn này màu xanh đen, mắt tuyn nhỏ, dính bằng vải và thấp tẹt. Sở dĩ thấp thế vì phần dưới bằng vải đã bị cắt đi. Đùa chán, mấy cậu đó lại xúm vào ăn nốt thức ăn thừa của các thương bệnh binh bỏ lại trên bàn. Cao Thành nhìn chúng lắc đầu, tôi cũng cảm thấy ngượng lây. Đúng là dạo này chúng tôi sinh hoạt rất kham khổ, ăn uống chẳng có gì. Nhiều cậu lính đã phải đổi thắt lưng đỏ, quần áo mới, vớ... lấy mấy cân lương khô. Thương bệnh binh được ra Bắc rất thích những thứ đó, và họ cũng có nhiều lương khô để đổi.

Hôm sau khi chúng tôi lại đến, thì Cao Thành đã chuyển đi rồi. Tôi nhớ cậu ta có nói là ra đến Thanh Hóa sẽ tìm cách trốn về thăm nhà mấy ngày.

Ở Bãi Hà chúng tôi ăn cơm theo Trung đội. Mỗi buổi sáng các A góp gạo, cử người xuống cùng anh Đạm nấu ăn. Tôi cắt việc xuống bếp một cách lần lượt, hai người một ngày. Còn gạo, lúc đầu cũng cắt lần lượt, hôm nay lấy gạo cậu này nấu, mai cậu khác. Về sau để tránh tình trạng người phải mang nặng, người mang nhẹ, tôi quyết định mỗi bữa cậu nào cũng phải bỏ ra một ca gạo. Thức ăn chả có gì, ở đây họ chỉ phát cho mấy hộp ruốc tôm, vừa mặn vừa xấp. Mỗi bữa chỉ có một xoong canh to, nấu bằng ruốc tôm với lá bứa chua chua. Thêm vào đó là món ruốc đi B của từng người. Thế mà chúng tôi ăn khỏe kinh khủng, mỗi đĩa 4-5 ca cơm là chuyện bình thường. Ăn xong còn lên thêm một ca để dành, lúc đói lại dờ ra ăn.

Mấy hôm nay tôi không được khỏe vì bị đi ỉa lỏng. Hình như đang có dịch, vì nhiều người cũng bị như vậy. Cảm thấy mệt mỏi, thở không ra hơi.

Đành phải giở hộp thuốc cá nhân ra, chọn lọ thuốc đi ỉa uống dần, sau vài ngày thì khỏi.

Anh Bính kêu gọi mọi người đi kiếm củi. Những ngày mưa thế này, củi khô rất khó kiếm. Chúng tôi có kinh nghiệm là đi tìm các bếp Hoàng Cầm cũ, phá ra thì tha hồ.

Một số cậu xuống làm giếng, bằng cách lấy đá xếp cao lên quanh 1 hố nước cạnh khe. Trời mưa nước khe to thì không sao, nhưng bình thường nước khe cạn và bắn vì nhiều người dùng vô ý thức, thậm chí phóng uế cả xuống khe, nên việc đào giếng là cần thiết.

Mưa liên tục, sao mà buồn thế. Chợt nghe Duy Minh nằm gần đó hát bài “Bạn ơi tôi tin tưởng”. Bài hát Nga lời Việt về nghề phi công nghe cũng hay hay. Ở nhà tôi cũng có đĩa hát này, nhưng lời Nga nên không hiểu gì. Tôi bèn đề nghị Duy Minh dạy hát. Cứ thế Duy Minh đọc câu nào tôi nhắc lại câu ấy cho đến khi thuộc thì thôi. Lâm Thành nằm gần đấy cũng phụ họa theo cho đỡ buồn.

Võng tôi không có cọc phụ nên nước mưa chảy dọc thân cây truyền theo dây võng làm ướt sũng hai đầu. Anh Mùi chính trị viên Tiểu đoàn đi qua thấy vậy dừng lại hỏi: “Tại sao cậu không mắc cọc phụ? Năm thế này ướt hết không bảo đảm sức khỏe”. Anh ra lệnh cho tôi và Duy Minh phải làm lại chỗ nằm thật tử tế, đi họp về anh sẽ kiểm tra. Báo hại hai thằng phải đi tìm cọc và buộc dây mất cả buổi.

Sau bữa cơm, thấy đám lính xúm xít quanh mấy người đang kể chuyện, tôi lại gần nghe. Mấy người này mặt mũi hốc hác, mặc quần áo lính cọc tay nhem nhuốc, kể về chiến trận và cối cá nhân M79 với một vẻ khiếp đảm. Ai đó rí vào tai tôi: “Mấy thằng đảo ngũ đấy”.

Chợt có lệnh thu hết súng và bao xe, chỉ để lại mấy khẩu của các A trưởng. Mấy cậu ngại mang nặng cười hí hửng: “Tớ biết mà, vào chiến đấu

phải phát súng khác chứ”! Quả thật vừa rồi trên đường hành quân nhiều cậu quăng quật súng ghê quá, sợ có khẩu bị cong nòng.

Tiểu đoàn 60 đã mang súng đi nộp từ chiều, giờ đến lượt tiểu đoàn tôi. Tất cả phải đi trả súng, mỗi A chỉ để lại một người trông đồ đạc. Anh Đạm gọi tôi xuống, bảo tôi nằm vào cái võng ni-lông của anh mà nghỉ, và trông nồi xoong bếp núc luôn.

Buổi tối nào cũng vậy, khi tất cả nằm vào võng là tiếng chửi nhau vang lên í ới. Thật là một cách giải trí kỳ quặc. Chửi nhau không phải vì xích mích nhau, mà chỉ để cho đỡ buồn. Chửi lẫn nhau chán, lại réo tên B trưởng các B khác để chửi. Chẳng hạn lính B1 đồng thanh hô: “Bính “tầm“!” (Bính là B trưởng B2), thì lính B2 đồng thanh hô lại: “Trọng “say rượu“!” (Trọng là B trưởng B1). Cán bộ đã nhắc nhở mãi nhưng chẳng ăn thua gì.

Hôm sau anh Bính lệnh cho những người nằm gần khe suối phải di chuyển lên chỗ cao hơn. Anh giải thích là máy bay địch hay đánh dọc khe suối. Như vậy là tôi, Duy Minh và Lâm Thành phải chuyển đi. Chúng tôi rất bức, Lâm Thành chửi đồng âm ỉ. Tôi và Duy Minh cuộn đồ lều leo tít lên cao, nơi chưa có ai ở cả. Sau một buổi phát quang cật lực, rồi cũng được một chỗ nằm thơm mát, hai đứa mắc võng châu đầu vào nhau. Sau đó tôi đi kiểm củi, nhân dịp nhòm ngó tìm hiểu khu vực xung quanh luôn. Khắp nơi cắt đất vung vãi, toàn cây lá nón, không một bóng người. Tôi nảy ra ý định thử súng, để xem khẩu súng của tôi qua một hành trình như vậy có bị kém chính xác đi không? Thế là nhắm đỉnh đồi bươn tới, luồn qua các bụi cây rậm rạp và nhiều dây leo chằng chịt. Có lúc cũng hơi sợ, nhờ quơ phải một con rắn hay đập phải một con trăn thì sao? Đi hồi lâu tới một khe đá cạn, đoán từ đây tiếng súng khó lọt tới nơi đóng quân, tôi bèn dừng lại, rồi chọn một cái cây bằng bắp chân làm đích. “Đoànch đoànch!”, cây súng nẩy lên trên tay. Tôi chạy tới xem, hai viên đạn đều trúng cây, nhưng lỗ trên cách lỗ dưới tới 50cm. Phấn khởi, tôi bắn tiếp “Đoànch đoànch”. Mùi thuốc súng tỏa

ra khét lẹt, tôi xách súng băng về. Đang tháo súng ra lau, chợt giật mình thấy anh Bính đến. Anh nhìn tôi với cặp mắt dò xét: “Cậu vừa bắn hả?”. Tôi định chối thì anh đã cầm cái kim hỏa lên ngửi làm tôi cứng họng. “...Vâng... Em xin lỗi”. Anh nói: “Cậu thử ngửi xem, tôi tin tưởng cậu là A trưởng... Thế mà cậu lại làm như vậy...”. Tôi bối rối vô cùng. Vốn không ưa anh Bính, nhưng lần này mình trái lè lè, đành phải xin lỗi anh mãi. Một lúc sau anh bỏ đi.

Hầu như suốt ngày tôi và Duy Minh nằm trên võng trong lãnh thổ riêng của hai thằng. Cả hai đứa đều là học sinh nên rất thông cảm và tâm đầu ý hợp. Trong những ngày lê thê đó, tôi và Duy Minh đã tâm sự cho nhau nghe tất cả những nỗi niềm riêng tư thầm kín, những suy nghĩ ước mơ. Khó mà quên được cảnh hai thằng trên hai cánh võng trong rừng già, bên những bụi lá nón xào xạc, thì thầm kể lại cho nhau nghe về quãng đời học sinh của mình và những ngày nghỉ phép vừa qua.

Hai nhân vật nữ mà Duy Minh nhắc tới nhiều nhất là Hòa và Dư Loan. Hòa đẹp, thông minh, học cùng lớp. Dư Loan là bạn cũ, không đẹp lắm nhưng ngoan, có bố là Đại tá xe tăng. Qua câu chuyện, tôi thấy Duy Minh yêu Hòa hơn, và vẫn còn cay đắng về mấy ngày phép vừa rồi. Khi biết Minh là lính bộ binh, Hòa nói: “Tôi tưởng bạn đi xe tăng, tên lửa, chứ ai ngờ bạn trở thành một anh lính “bò binh”. Tuy không nói ra, nhưng tôi không tán thành Hòa lắm. Minh còn say sưa kể cho tôi nghe những chuyện trong trường lớp, những tối tập văn nghệ ở ngã năm Trần Hưng Đạo-Lê Thánh Tông, những ngày đi học múa...

Tôi cũng kể hết cho Minh nghe những kỷ niệm trong đời học sinh của mình, nhất là về mối tình thầm lặng với T.H. Hai đứa cùng mơ ước sắp tới vào đánh một vài trận rồi được quay ra đi học lại, biết đâu Tết này còn được ăn Tết ở nhà cũng nên, vì năm 1972 là năm bản lề mà. Gia đình mà thấy con về chắc sẽ mừng lắm. Có lần tôi nói đùa với Minh: “Làm trai thời

đại này mà không biết bắn AK, thụt B40, ném lựu đạn, thì không phải là thân trai!”...

Đang mơ màng, tôi không để ý tới những tiếng loạt soạt khả nghi. Chợt thấy Minh nói khẽ, gần như rít lên: “Vinh! Khih...!”. Tôi chưa kịp hiểu Minh nói gì, thì cậu ta chỉ lên ngọn cây. Theo hướng đó, tôi nhìn thấy cả một đàn khỉ cộc đuôi, con thì lông vàng, con thì hung hoặc xám... Nhưng bọn chúng tinh lắm, vừa thấy chúng tôi là bọn chúng chuyển cảnh biến mất hút...

Chợt có tiếng Chí Thành gọi đi ăn cơm. Chúng tôi xuống dốc, đi ngang qua vồng cậu ta. Những hôm trời mưa, trông Chí Thành loay hoay trong cái ổ của mình rất buồn cười. Vồng mắc ngang dốc nên một bên gần như sệt xuống đất, bùn bắn lên bê bết, phải rải lá nón làm thảm chống bẩn. Xung quanh tầng của Thành lủng củng những dây chằng cộc chống, lại đặt mấy cái thùng sắt tây để hứng nước. Đại khái Thành tìm mọi cách tạo đủ tiện nghi cho chỗ ở. Tôi và Thành ăn xong thường cất thêm một ca cơm để dành, lúc đói lại đem ra ăn. Những lúc chuyện gẫu, hai đứa thường giở ảnh ra xem. Thành có cái ảnh chụp cả lớp 10B quý thật, tôi định xin mà không được.

Buổi tối có lệnh nấu cơm năm chuẩn bị sáng mai lên đường.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Chiến Trường B5

Một ngày thượng tuần tháng 9-1972 chúng tôi rời Bãi Hà. Đoàn quân xuất phát từ sáng sớm, lúc còn chưa rõ mặt người. Xuyên qua nhiều cánh rừng rậm, rừng thưa, tầm trưa chúng tôi tới một con suối cạn khá rộng. Lòng suối đầy sỏi và những hòn đá cuội tròn nhỏ, có vài lạch nước chảy song song, nơi sâu nhất lội chỉ đến đầu gối. Ai đó nói: “Sông Bến Hải!”. Tôi ngạc nhiên ngắm nhìn, không ngờ con sông lòng danh chia cắt đất nước 20 năm trời lại nhỏ bé thế này. Ở thượng nguồn nó không khác gì một con suối, lội hai phút là qua. Nước trong vắt, mát lạnh, lính ta tranh thủ dìm bi-đông lấy nước uống và vục nước rửa mặt. Sang bờ bên kia chúng tôi lần nhanh vào cánh rừng thưa mọc đầy cây mua cao ngang đầu người, xen lẫn những bụi lau lách. Những bước chân đầu tiên trên đất Miền Nam làm tôi bồi hồi khôn tả. Dường như trời đất cỏ cây vẫn vậy, mà không phải vậy. Đây là chiến trường, cái đích mà chúng tôi nhắm đến và bây giờ đã đến. Ở đây có thể chạm địch và đổ máu bất cứ lúc nào. Ở Bãi Hà người ta đã cảnh báo chúng tôi về hoạt động của bọn Thám báo, tránh đi chệch đường mòn vì dễ dẫm phải mìn hoặc bom bươm bươm.

* B5 là mật danh chiến trường Bắc Quảng Trị. Năm 1961, các địa bàn quân sự được quy định: A-Miền Bắc, B-Miền Nam, C-Lào, K-Campuchia. B1 từ vĩ tuyến 17 đến Khánh Hòa, B2 từ Ninh Thuận đến Cà Mau. Sau, do chiến tranh phát triển, chia thành các mặt trận nhỏ hơn: B3 là Tây Nguyên (Đắc Lắc, Gia Lai, Công Tum); B4 là Trị Thiên - Huế; B5 là Bắc Quảng Trị, Đường 9 được thành lập tháng 6-1964. Tư lệnh đầu tiên là Đại tá Nam

Long. Tư lệnh chiến dịch Quảng Trị năm 1972 là Thiếu tướng Lê Trọng Tấn (đến 6-72), sau là Thiếu tướng Trần Quý Hai (BT).

4 giờ chiều, chúng tôi rời cánh rừng thưa, đi xuống một trảng cỏ tranh rộng bát ngát. Mỗi người phải chặt một cành lá che trên đầu để nguy trang, tránh cặp mắt cú vọ của chiếc máy bay trinh sát OV-10 đang ò ò ở phía xa. Có thể nói suốt thời gian ở chiến trường, tôi đã quen với hình dáng như chiếc bừa và tiếng ò ò lúc xa lúc gần của nó, đến nỗi những hôm thời tiết xấu, OV-10 không bay, cảm thấy như thiếu một cái gì. Có lúc nó rống lên, bổ nhào bắn một trái đạn khói vào đâu đó, chỉ điểm cho máy bay đến ném bom. Trong không gian nghe như có tiếng vọng ì ầm của chiến trường. Trời bắt đầu sẫm tối. Chợt ở phía xa lóe lên ánh chớp, rồi một quả cầu màu xanh lá cây bùng lên, bắn ra hàng vạn tia sáng màu lá mạ. “Bom lân tinh đấy”, anh Bính nói. Lại một quả bom lân tinh nữa nổ, sáng rực cả góc trời. Tối mịt thì chúng tôi tới bãi khách, nằm trong một khe cạn, cây cối mọc um tùm. Chúng tôi sẽ đóng quân ở đây, chờ đơn vị mới tới tiếp nhận.

Hôm sau tôi đi vòng quanh bãi khách xem xét địa thế. Thấy nhiều hầm chữ A bỏ không, trong vài hầm có một số vật dụng bỏ lại, đặc biệt cả một hòm lựu đạn. Tôi bèn lấy 2 quả đem về chờ có dịp sẽ dùng.

Tối tối lại diễn ra cảnh tiêu khiển kỳ quái như ở Bãi Hà, đó là lính ta nằm trên võng chửi nhau cho đỡ buồn. Lính B1 đồng thanh réo tên B trưởng B2 ra chửi, lính B2 cũng đồng thanh chửi lại B trưởng B1. Long “cồ” to mồm nhất, tự xưng là “Đài phát thanh A6”, giọng sang sảng liên thoảng bịa đủ thứ chuyện chửi bới lung tung. Một số cậu bị chạm nọc chửi lại, làm Long “cồ” nóng tiết thét lên: “Đ.mẹ thằng nào chửi Đài!”.

Vài cậu khác thì hát nhạc vàng ông ổng suốt ngày. Cậu Phát A5 nằm gần tôi chuyên môn hát bài: “Tôi với nàng, hai đứa nguyện yêu nhau/ Tha thiết từ đây cho đến ngày bạc đầu...” và bài: “Hôm nay tôi trở về thăm trường cũ. Nhiều nét đổi thay tường mái rêu mờ...Thầy đó trường đây bạn hữu đâu rồi?”. Nghe riết rồi tôi cũng đâm thuộc.

Có hiện tượng là các cán bộ thi nhau lẫn ra ốm. Hôm hành quân đi khỏi Bãi Hà tôi đã thấy Tiểu đoàn trưởng Khanh có vẻ mệt mỏi, đi đứng chậm chạp, thỉnh thoảng ho. Mấy cậu liên lạc rỉ tai nhau: “Thủ trưởng ốm”. Ở đây thì toàn bộ ban chỉ huy đại đội đều ốm, nhưng nhìn anh Y và anh Hồng cố làm điệu bộ rất mệt, tôi đâm nghi ngờ. Bây giờ thì thậm chí anh Bính B trưởng, to khỏe như voi, cũng đổ bệnh, cả ngày nằm trên võng, không quan tâm gì đến Trung đội, thỉnh thoảng ho khúng khoảng, làm tôi thật sự suy nghĩ. Hình như vào đến chiến trường là tất cả các cán bộ huấn luyện đều bị bệnh cũ hoặc vết thương cũ tái phát, họ chỉ chờ bàn giao xong lính cho đơn vị mới là quay trở ra Bắc “điều trị” ngay.

Một sự thật buồn khác là lính Hà Nội ở đây không có “giá”, không được các đơn vị mới săn đón lắm. Chỉ huy các đơn vị đang chiến đấu ở đây không mặn mà với việc nhận lính bổ sung từ Hà Nội. Họ cho rằng lính Hà Nội hay Hải Phòng sướng quen, không chịu được gian khổ, thuộc loại mồm miệng đỡ chân tay, trói gà không nổi. Họ đặc biệt thích lấy lính vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, vì cho rằng lính vùng này chịu khổ quen, chiến đấu gan dạ, dù có phần bướng bỉnh. Nếu không thì lính từ các vùng nông thôn khác cũng được. Vì vậy các đoàn lính Thái Bình, Hà Tĩnh... vào chiến trường cùng đợt với chúng tôi đã được nhận hết, mà chúng tôi vẫn nằm dài chờ đợi. Và như vậy chúng tôi bị lâm vào hoàn cảnh “chân không đến đất cật không đến trời”: Một mặt chúng tôi đã tách khỏi đường dây binh trạm, không nhận được tiếp tế từ các binh trạm nữa; Mặt khác lại chưa được đơn vị mới tiếp nhận, nên cũng chưa có tiếp tế từ đơn vị mới. Hậu quả là chúng tôi đói, đói dài mỏ, đói quay quắt giữa rừng.

Đã gần tuần nay chưa có hột cơm nào vào bụng. Còn nhúm gạo ít ỏi chúng tôi phải dè sẻn nấu cháo ăn dần. Tôi và Chí Thành hay ra ven suối hái rau vòi voi về đun thêm vào cháo. Nhìn những dây leo giống lá khoai lang bò trên các bụi cây nhưng không dám hái, vì nghe nói rất độc. Nhiều cậu hết sạch gạo, phải ra đứng ven rừng, ngửa tay xin từng nhúm gạo của những cán binh tình cờ đi qua. Tôi là người rất sợ đói, nên thường cất một

phong lương khô “Tổng dự bị chiến lược” dưới đáy ba-lô, chỉ khi nào tự vấn lòng thấy không chịu đựng nổi nữa mới đem ra dùng. Nhưng khi lấy ra định ăn, thì nhìn thấy Lê Thanh Bình ngồi ở gốc cây gần đó còn đói hơn tôi, mặt mày xanh xám sắp xỉu. Tôi gọi Bình lại bẻ cho một nửa. Hai đứa ngồi cạnh nhau vừa nhai lương khô vừa khóc.

Một buổi chiều tôi rủ Ngô Duy Minh ra suối La La tắm và ném cá. Tôi lấy hai quả lựu đạn nhặt được hôm nọ, đưa cho Duy Minh một quả. Tắm xong, chúng tôi đi tìm chọn một đoạn suối sâu, nước lặng. Hai đứa thỏa thuận là sẽ cùng rút chốt và cùng ném cả hai quả lựu đạn xuống vũng suối này. Nhưng Duy Minh làm nhanh quá, tôi chưa kịp vặn nắp chuôi thì cậu ta đã giật chốt đánh “bép” một cái rồi ném tòm xuống suối. Tôi hoảng quá cũng quăng luôn quả lựu đạn chưa kịp giật chốt xuống theo. Hai đứa nằm rạp trên bờ suối chờ lựu đạn nổ. Nhưng chỉ có một tiếng “ục” vang lên, sóng nổi cuồn cuộn. Duy Minh vẫn nằm chờ tiếng nổ thứ hai, thì tôi đã bò dậy nói “chắc xìt rồi”, rồi đi xuống suối xem có con cá nào nổi lên không. Chợt một chiếc F4 lao xoẹt qua trên đầu, kéo theo tiếng động xé óc và trải ra một dải khói đuôi đen xám. Trong bóng chiều chạng vạng, thấy có vài viên đạn lửa bắn lên vượt đuôi chiếc máy bay. Tôi và Duy Minh xem xét kỹ đoạn suối, nhưng không tìm được con cá nào.

Bần cùng sinh đạo tặc, chúng tôi tìm cách ăn trộm gạo của một đơn vị đóng gần đó. Trong một buổi lang thang sục sạo khắp nơi, mấy cậu A6 tình cờ thấy trong rừng le cách chỗ chúng tôi chừng 2-3 km có vài căn nhà lợp cỏ tranh, về sau mới biết đó là hậu cứ của Phẫu 88, Quân y Quảng Trị. Chúng tôi lặng lẽ bò tới gần từng nhà xem có người không, nếu không thì chui vào lục lọi tìm gạo. Khắp nơi không một bóng người, các căn nhà đều trống rỗng. Đang tuyệt vọng thì từ căn nhà cuối cùng có tiếng reo nhỏ. Có anh tìm thấy mấy bao gạo còn nguyên. Cả lũ thay nhau công gạo chạy như ma đuổi về chỗ đóng quân để chia nhau.

Hôm sau nghe nói có một kho gạo ở chéch về phía Nam, tôi, Duy Minh và Chính “con” bèn lên đường tìm kiếm. Đi mấy tiếng đồng hồ mà chỉ thấy trắng cỏ mênh mông, loại cỏ rất lạ, không phải cỏ tranh, cao ngang thắt lưng, có bông như bông lúa lép. Thấy một đoàn thương binh đi ngược ra, người băng đầu, người băng ngực băng tay, quần áo nhem nhuốc còn dính máu khô. Mặt mũi ai cũng thiếu nảo, xanh xám. Một anh thở khò khè, dừng lại xin tôi miếng nước. Giọng đầy bất mãn, anh nói anh bị thương thấu phổi mà vẫn phải lê lết tự đi thế này. Xăm tối thì ba đưa tôi tới bờ suối, gần đó có một túp lều lụp xụp. Trong lều chúng tôi tìm được hai bao gạo, mỗi bao khoảng 50kg, bên ngoài bọc bao tải có in chữ Tàu, bên trong bọc hai lần ni-lông nữa. Chúng tôi đổ mỗi đứa một ba-lô gạo đầy, còn lại đổ ra đất để lấy bao ni-lông đem đi. Lính ta rất thích những bao ni-lông này vì chúng dày dặn, làm bao bơi để vượt sông rất tốt.

Trên đường về trời tối như mực, chúng tôi bị lạc, lại mưa như trút nước. Ba đứa đành chui vào bao gạo, phủ thêm áo mưa lên người, nằm giữa đồng cỏ định ngủ qua đêm. Nhưng mưa vẫn rơi nặng hạt, lại bị ngộp thở trong bao ni-lông, chúng tôi đành bò dậy, đi tới gần sáng mới tìm được đơn vị.

Trong thời gian này rất nhiều người đảo ngũ. Cứ mỗi buổi sáng dậy lại thấy trống vài chỗ mắc võng. Họ âm thầm tích trữ gạo muối, bí mật rủ nhau từng nhóm nhỏ biến mất trong đêm. Tiểu đội tôi có 10 người, thì 5 người đảo ngũ là Thành “ma tịt”, Phái “con”, Đường “cóc”, Ty, Đệ, tỷ lệ 50% (1)!. Những tiểu đội, trung đội khác tình trạng cũng tương tự. Sau này có lần gặp lại họ ở Hà Nội, tôi làm lơ không chào hỏi. Tới tận bây giờ tôi vẫn không thể tha thứ cho những người phản bội như họ.

Rồi cuối cùng chúng tôi cũng được đơn vị mới tới tiếp nhận. Đó là Trung đoàn 48 mật danh “Quang Sơn”, sau đổi thành “Thạch Hãn”, thuộc Sư đoàn 320B, đang chiến đấu trong Thành cổ Quảng Trị (2).

(1) Trong mọi cuộc chiến tranh, lính đảo ngũ là hiện tượng phổ biến. Chiến tranh chống Mỹ lâu dài, khó khăn, ác liệt, bộ đội ta dù rất có lý tưởng, rất anh dũng "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" nhưng không tránh khỏi có nhiều người sợ chết, nản lòng. Lính Khu Bốn thường trụ lại. Lính Miền Bắc đảo ngũ nhiều hơn. Hồi đó có câu: "Nam (Nam Hà) chuồn, Hà (Hà Tây) lùi, Thái Bình bay/ Hải Hưng anh dũng trốn ban ngày/ Thanh Hóa mất mùa xin ở lại/ Quảng Bình thấy thế cũng giơ tay (BT)

(2) Trung đoàn 48 (Thăng Long) có từ thời kháng chiến chống Pháp cùng với Trung đoàn 64 (Quyết Thắng) là hai đơn vị đầu tiên thành lập nên Đại đoàn Đồng Bằng tháng 1-1951, sau bổ sung thêm Trung đoàn Tây Tiến. Trong chống Mỹ, Đại đoàn sau đổi thành Sư đoàn. Đại đoàn Đồng Bằng đổi thành Sư đoàn 320. Sư 320 sau phát triển thêm có 320B. Trung đoàn 48 trong 81 ngày đêm Thành cổ mang mật danh Quang Sơn với lời thề "Quang sơn còn, Quảng Trị còn. Nói đến bộ đội, nhân dân ta, trong đó có Trung đoàn 48 là nói đến huyền thoại về sức chịu đựng vững vàng của con người, mà như cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã từng đánh giá: "Chúng ta đã chịu được không phải chúng ta là gang thép; vì gang thép cũng chảy với bom đạn địch; mà chúng ta là những con người thực sự, con người Việt Nam với truyền thống hàng nghìn năm, đã giác ngộ sâu sắc trách nhiệm trọng đại trước Tổ quốc, trước thời đại" (BT).

Tới đón chúng tôi là hai cán bộ đại đội người Thanh Hóa: anh Tráng, Đại đội phó khoảng 25 tuổi và anh Nguyễn Viết Thiệu Chính trị viên phó khoảng 21 tuổi. Anh Tráng tính tình vui vẻ, hoạt bát, rất thích làm thơ và đọc thơ cho chúng tôi nghe. Anh Thiệu thì trầm tính hơn, nhưng rất tình cảm. Anh đến ở với Tiểu đội tôi, và thường kể nhiều chuyện về Trung đoàn 48 "Quang Sơn" của mình. Lính Trung đoàn này hầu hết người Thanh Hóa, đã chiến đấu rất gan dạ từ đầu chiến dịch. Nhiều trận đánh giữa đồng cỏ tranh, họ không thèm nằm tránh đạn, mà đứng thẳng người vừa bắn xối xả vừa xông lên dũng mãnh, làm bọn lính Sư đoàn 3 ngụy hoảng sợ chạy tán loạn. Đặc biệt anh rất ca ngợi Trung tá Trung đoàn trưởng Trần Minh Vân,

28 tuổi, người Quảng Đà, một Triệu Tử Long của mặt trận Quảng Trị. Anh Vân không chỉ là người chỉ huy mưu trí dũng cảm, mà còn rất gần gũi hòa đồng với binh lính.

Vào thời gian này tình hình của ta dần dần xấu đi. Một mặt, bọn Mỹ bắt đầu can thiệp, tăng cường hỏa lực bắn phá bằng pháo biển, bằng không quân.

Máy bay Mỹ oanh kích ngày đêm, hết bổ nhào lại đến tọa độ. B52 ném bom rải thảm dữ dội, bầu trời Quảng Trị lúc nào cũng thấy dọc ngang những làn khói trắng từ “Pháo đài bay”.

Chính quyền Sài Gòn tung hai đơn vị thiện chiến nhất của họ là Sư đoàn Dù và Sư đoàn Thủy quân lục chiến ra Quảng Trị. Mặt khác, sức tấn công của quân ta suy giảm dần, vì hậu cần không theo kịp để tiếp tế. Hậu phương bị bom rải thảm liên tục, kho tàng bị phá hủy hầu hết. Nhiều đơn vị không đủ đạn dược, lương thực; xe tăng, cơ giới hết xăng, hết đạn. Lại thêm tổn thất về người và vũ khí trong quá trình tiến công chưa được bổ sung. Hậu quả là cuối tháng 6-1972 các mũi tiến công của ta bị chặn lại ở bờ sông Mỹ Chánh, giáp ranh với Thừa Thiên. Có chỗ 11 chiếc xe tăng của ta hết xăng, sa lầy ở bờ sông, bị địch tiêu diệt hết.

Chúng tôi được dẫn đi xuống phía đồng bằng. Lần đầu tiên tới một ngôi làng Quảng Trị, tôi sửng sốt vì vẻ đẹp của nó. Từ trên đồi nhìn xuống, ngôi làng như ngập trong thảm cây cối xanh tươi, những hàng cau xanh mướt, thấp thoáng những mái nhà lợp tôn trắng toát, đầy vẻ thanh bình. Tuy nhiên trong làng không một bóng người. Đây thuộc địa phận xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ. Những ngôi nhà ở đây thường có hình vuông, bốn mái bằng nhau, ở giữa thót lên thành chóp nhọn như chiếc bát yêu úp. Cột nhà bằng gỗ tốt, nhiều nhà quây cót gian giữa làm thành bờ đựng lúa. Lúa đổ đầy tràn cả ra ngoài, bắt đầu mọc mầm xanh. Quần áo vứt vung vãi khắp nơi, có nhà còn có cả tủ lạnh. Mâm ngũ quả rất đẹp, màu sắc sặc sỡ, nhưng hóa ra hoa quả toàn bằng nhựa. Thấy mấy cái xe đạp hiệu Lincon còn trơ

vành nằm lẫn lóc, chúng tôi ngựa nghề nhảy lên đạp bừa vài vòng. Là một học sinh mới rời mái trường chưa lâu, tôi đặc biệt chú ý đến những quyển sách vở nằm rải rác trong nhà. Giấy trắng tinh, in rất đẹp, chẳng bù cho những quyển vở giấy đen sì ngoài Bắc. Tôi không ngờ mức sống trong Nam lại cao đến như vậy.

Tối hôm đó có lệnh tiếp tục hành quân. Chúng tôi lặng lẽ đi theo đội hình hàng một, nhiều đoạn đi trên đường nhựa, sau mới biết là Đường 9, qua Ngã tư Sông, hướng về Thành cổ.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Hai: Chiến Trận - Trận Thành Cổ (1)

Trong bóng đêm chúng tôi đi ngang qua sân bay Ái Tử. Đường băng rộng mênh mông. Dưới ánh sáng nhờ nhờ của những quả hỏa châu xa xa, cả bọn rất ngạc nhiên thấy hàng hàng lớp lớp những tấm tôn đứng thẳng. Có thể đó là những tấm tôn lót đường băng, dưới tác động của thời tiết nắng nóng nên bị cong vênh lên như vậy. Chân trời thỉnh thoảng lại bùng lên ánh pháo sáng, hoặc những nháng lửa của đạn bom và tiếng ì ầm từ phía Thành cổ vọng lại. Càng gần đến Thành cổ, dấu vết đạn bom càng ác liệt. Nhiều làng mạc bị B52 đánh tan tã, vệt bom lỗ chỗ đầy đồng. Chúng tôi bị B52 rải thảm lần đầu tiên khi tới một làng nhỏ có tên gọi Nhan Biều, là nơi tập kết trước khi vượt sông Thạch Hãn để vào Thành. Chỉ nghe một tiếng rít “Ú...ù” thì hàng loạt tiếng nổ đã vang lên đình tai nhức óc, cát bụi mù mịt, khói bốc đầy trời, mùi khét lẹt. May thay vệt bom đi cách chúng tôi chừng 300m, nên không gây thiệt hại gì đáng kể. Chưa kịp hoàn hồn sau trận bom rải thảm, chúng tôi đã được lệnh chuẩn bị để vượt sông. Tất cả đồ đạc phải bỏ lại nên ba-lô trở nên lép kẹp. Trong đó chỉ có ít gạo muối, lương khô, 200 viên đạn, 4 quả lựu đạn và túi thuốc men. Mấy hôm nay bầu trời luôn xám xịt, những cơn mưa nặng hạt đổ xuống liên tiếp. Nhìn mặt sông Thạch Hãn mênh mông, nước lũ chảy cuồn cuộn, lòng tôi bỗng dấy lên một nỗi sợ hãi mơ hồ.

Bờ bên Nhan Biều là bờ bồi, bờ phía Thành cổ là bờ lở. Khúc sông này hay bị bắn phá dữ dội, hết pháo bày lại đến bom tọa độ, tưởng không lúc nào dứt. Lại có khẩu đại liên của địch đặt trên chiếc cầu sắt bị sập cách đó vài trăm mét, thỉnh thoảng bắn chéo sang mỗi khi chúng thấy nghi ngờ. Thường thì bộ đội ta vượt sông bằng cách buộc túm đồ đạc vào túi ni-lông

làm phao bơi, gác súng lên trên, rồi cứ bám vào chiếc phao như vậy vượt sang bờ bên kia. Nhiều người đã hy sinh khi bị địch pháo kích bất ngờ, chết vì trúng mảnh, chết vì sức ép, chết vì phao thủng... không biết bao nhiêu mà kể. Sau này chiến sĩ Lê Bá Dương đã có những câu thơ cực kỳ xúc động về cảnh này:

“Đò lên Thạch Hãn ơi chèo nhẹ

Đáy sông còn đó bạn tôi nằm

Có tuổi hai mươi thành sóng nước

Vỗ yên bờ mãi mãi ngàn năm...”

Dần dần quân ta nhận thấy một quy luật, là cứ tầm 2h sáng thì mọi hoạt động của địch bỗng nhiên ngừng hẳn. Thế là trong khoảng 2-3 h sáng chúng ta đẩy mạnh công tác vận chuyển qua sông, bổ sung quân, tiếp tế lương thực, đạn dược vào Thành và chuyển thương binh ra. Mỗi ngày có chừng một đại đội lính mới và hơn một tấn đạn dược được chuyển vào Thành, chủ yếu là đạn B40-B41. B40-B41 là súng chống tăng, nhưng trong Thành quân ta dùng để bắn cả bộ binh. Với sức nóng 1650°C, bắn chạm nổ trước tuyến xung phong của địch, mỗi quả đạn tạo ra hiệu ứng mìn định hướng rất khủng khiếp, có thể thổi bay cả một tiểu đội nguy. Những xác chết cháy thành than, cong queo, gần như bị bốc hơi. Chỉ có như vậy mới ngăn chặn được những đợt xung phong vũ bão của lính Dù hoặc Thủy quân lục chiến. Và đó cũng là câu trả lời thích đáng cho loại súng phóng lựu M79 của chúng, tục danh là súng “cạch - oành” hay “cối cá nhân”, loại vũ khí đã gây ra những thương vong khủng khiếp cho bộ binh ta. Tuy nhiên thời gian này, cán cân trận chiến trong Thành đã nghiêng về phía địch. Mưa liên tục, nước sông Thạch Hãn lên to, làm việc tiếp tế hầu như là không thể, hầm hào bị ngập lụt hết. Lại thêm ưu thế hỏa lực của địch quá dữ dội, pháo bầy, pháo biển, B52, bom tọa độ, bom bổ nhào... suốt ngày đánh phá. Thời gian trước đó, địch còn sử dụng loại bom đặc biệt “Daisy cutter” 7 tấn có

sức công phá khủng khiếp. Một máy bay vận tải C-130 lặc lè thả quả bom này tới thả xuống, có chiếc dù trắng bung ra hãm quả bom tới độ cao cách mặt đất 30m thì nổ. Cả một góc thành phía đông nam bị san bình địa. Nhiều chiến sĩ ta bị chôn sống dưới hầm hào. Từ đây địch tăng cường lấn dũi vào trung tâm, dùng súng phun lửa bắn vào các chốt của ta. Số phận quân ta ở Thành cổ gần như được báo trước và sự cầm cự cơ hồ chỉ còn được tính từng giờ.

Lại nói về đơn vị chúng tôi. Tầm 10h đêm ngày 13-9-1972 ngớt mưa, có lệnh vượt sông. Đồ đạc và trang bị gọn nhẹ được chúng tôi cho vào tấm tăng che mưa hoặc bao gạo nilông, buộc túm lại thành phao ôm ra bờ nước. Một số cậu không chịu xuống nước, viện cớ không biết bơi. Anh Khả, cán bộ đại đội, người Hà Tây, lồng lộn chửi bới mấy cậu này, quy cho tội hèn nhát đảo ngũ, phản bội Tổ quốc, thậm chí anh rút súng ngăn ra dọa: “Thằng nào không xuống bơi tao bắn vỡ sọ!”. Mấy cậu A trưởng phải can vào, chứng nhận bọn ấy nó không biết bơi thật, anh mới hạ hỏa. Những người này được lệnh lui về hầm Nhan Biều chờ đợi, đến khoảng 2-3 giờ sáng sẽ có thuyền cao-su chở tiếp vào Thành (hóa ra các cậu đó lại gặp may, vì 10h đêm 13-9-1972 là đợt vượt sông cuối cùng, sau đó có lệnh dừng mọi tiếp tế để chuẩn bị rút ra).

Tất cả chúng tôi đều chỉ mặc quần đùi lội xuống dòng nước lạnh buốt, gác súng lên phao và bắt đầu bơi. Dòng sông mênh mông đen ngòm, bầu trời cũng đen ngòm, vô tận. Còn cách bờ khoảng 30m thì bất chợt đất trời rực sáng, hàng chục quả hỏa châu địch bắn lên, soi rõ từng lá cây ngọn cỏ. Rồi một trận mưa đạn chập xuống đoàn người đang lóp ngóp bơi trên dòng sông. Hàng trăm quả đạn pháo bắn cấp tập, mặt nước sôi lên sùng sục. Lại thêm hàng tràng đại liên và đạn DKZ M40 bắn thẳng từ phía chiếc cầu sắt. Đạn kêu chiu chiu, mảnh pháo bay vù vù. Nước sông lập tức bị nhuộm đỏ bằng máu của hàng chục chiến sĩ bị chết và bị thương. Họ chết vì đạn xuyên, mảnh chém, vì sức ép, bị thùng phao, sặc nước... Ôi những chàng trai trẻ của khu Hai Bà và Hoàn Kiếm Hà Nội, họ chết khi còn quá trẻ,

nhều người chưa một lần biết yêu. Tiếng gọi cuối cùng trên môi là tiếng gọi “Mẹ ời” trước khi chìm vào bóng đêm vĩnh cửu. Nhưng chẳng người mẹ nào có thể cứu được con mình trong cơn bão lửa trên dòng Thạch Hãn ấy. Có thể qua thần giao cách cảm, họ sẽ khê giật mình, có biết đâu trong giờ phút đó, máu của những đứa con của họ đã thấm đỏ một khúc sông rồi...

Hoảng loạn, chúng tôi giẫy đạp và sỏi nước bơi như điên. May quá, ngón chân đã chạm đất, những người sống sót lóp ngóp bò lên bờ, nằm dúm vào mấy gờ đất ven sông. Hàm răng đánh lập cập, lạnh thấu xương, tôi nằm thẳng cẳng nhắm mắt thờ, mặc đạn bay pháo nổ. Rồi cơn bão lửa cũng qua đi, chúng tôi được lệnh chạy thật nhanh về phía Thành cổ.

Qua khoảng vài trăm mét thì bóng một ngôi nhà lớn lờ mờ hiện ra. Ai đó nói: “Tòa Tỉnh trưởng đấy”. Hình như đó là tòa nhà 2 tầng, nhưng phía trên đã bị hư hỏng nặng. Tuy nhiên tầng hầm kiên cố và khá rộng thì vẫn còn nguyên vẹn, và được dùng làm Chỉ huy sở của lực lượng bảo vệ Thành. Chúng tôi tản ra ẩn nấp dọc những giao thông hào đào quanh nhà. Một số theo anh Khả vào bên trong xuống tầng hầm nhận lệnh. Bên trái cầu thang là nơi Ban chỉ huy làm việc, mấy cán bộ Tham mưu đang xúm xít quanh tấm bản đồ trên chiếc bàn nhỏ, được rọi bằng đèn măng-sông và đèn pin. Chuông điện thoại đổ liên hồi. Vài chiến sĩ thông tin vô tuyến nói liên tục vào ống Tổ hợp: “Tình cầu đây, Địa cầu đâu, nghe rõ trả lời” hoặc “Vạn Tường gọi Plây-me, nghe rõ trả lời”.... Bên phải cầu thang là Phẫu quân y dã chiến, nơi thương binh nằm la liệt, nhiều người rên rỉ hoặc thở khò khè. Không khí đặc quánh mùi mồ hôi, mùi máu, cả mùi phân và nước tiểu...

Được lệnh đi tiếp, tôi bám chặt anh Thiệu, người trực tiếp phụ trách Trung đội. Trong bóng đêm, thỉnh thoảng được chiếu sáng bằng ánh hỏa châu, chúng tôi chạy men theo những bờ tường đổ, những đồng gạch vụn, hoặc những đoạn hào nông choèn. Một mùi khẳn khẳn xộc vào mũi, chỗ nào cũng ngửi thấy mùi này. Về sau tôi mới hiểu đó là mùi xác chết. Xác

chết ở khắp nơi, xác ta có, xác địch có. Có xác được vùi sơ sài, nhiều xác nằm phơi mưa phơi nắng, trương phềnh, thối kinh khủng. Có xác chỉ còn trơ xương, có xác đã khô đét. Nhiều xác bị chết đi chết lại nhiều lần, tức là bị bom pháo hết quăng lên lại quật xuống, không toàn vẹn.

Trời đã nhờ nhờ sáng. Thấy cuối đoạn hào nông chền có một cái hầm, chúng tôi ghé vào hỏi thăm đường. Bốn chiến sĩ trong hầm thuộc Trung đoàn 95, F325. Biết chúng tôi muốn tìm Đoàn “Quang Sơn” (Trung đoàn 48, F320B), họ chỉ cho chúng tôi chạy thêm lên 50m nữa. Tiểu đội tôi và anh Thiệu được chỉ định vào chiếc hầm chữ A gần chân Thành. Nhìn mặt đất lổn nhổn đầy hố bom hố pháo, đầy những mảnh tôn lợp nhà và sắt đá, gỗ vụn, ít ai ngờ rằng dưới đó có những chiếc hầm kiên cố, nơi lính ta trú ngụ. Gọi là hầm chữ A, vì mặt cắt của nó giống như hình chữ A. Trên đỉnh hầm có xà gỗ chạy dài như xương sống, dọc 2 bên có những kèo gỗ cắm chéo xuống như xương sườn. Đất trên nóc hầm dày cả mét, nên có trúng pháo cũng chẳng hề hấn gì, chỉ trừ phi bị bom đánh đáo trúng, thì chịu. Được cái khu vực Thành cổ ít bị B52 “rải thảm”, vì bọn nó sợ đánh cả vào quân mình. Đã có vụ máy bay địch bố nhào đánh trúng vào đội hình lính Dù đang xung trận, làm chết cả một đại đội Dù ở chân thành.

Trong hầm đã có sẵn 4 chiến sĩ. Hai người quê Thanh Hóa, một anh bị thương nhẹ, quần băng trắng trên đầu tên là Vĩnh. Còn hai anh lính Hà Nội là Cao Dũng ở phố Lò Đúc và Hưng ở Lê Văn Hưu. Người nào cũng quần đùi áo cộc, mặt mày lem luốc, vì đất nền hầm qua nhiều trận mưa to đã thành bùn nhão nhoét. Hai người đang dùng vỏ thùng đại liên tát nước ở đáy hầm. Thấy lính mới đến, họ hỏi ngay có gì ăn thì cho họ một ít. Cả tuần nay, vì tiếp tế khó khăn, mỗi người mỗi ngày chỉ được một nắm cơm chấm muối. Chúng tôi chia cho mỗi anh một phong lương khô 701, họ bóc ra nhai ngốn ngấu ngon lành. Trời mới hừng sáng mà pháo bày đã dập đến. Pháo bày là pháo kích được bắn bằng nhiều chục khẩu pháo cùng một lúc vào một mục tiêu. Nghe những tiếng “Tùng tùng tùng tùng...” tưởng như không bao giờ dứt, mảnh bay vù vù, chém phàm phập vào vách đất. Đơn vị

nào đang hành quân mà bị pháo bắn thì coi như đi đứt. Mặt đất chỉ chút lỗ pháo, đến ngọn cỏ cũng không nguyên vẹn nói chi là người. Nói chung, pháo ở Quảng Trị là hiện tượng độc nhất vô nhị trên thế giới này. Mưa pháo đầy trời, mưa pháo ngập đất, đủ tầm đủ cỡ. Pháo chụp, pháo mảnh, pháo khoan, pháo khói.... không còn biết là pháo ta hay địch nữa. Có những ngày Thành cổ phải chịu hàng chục ngàn trái pháo. Mỗi tiếng nổ như một mũi dùi xuyên vào hệ thần kinh, có thể làm phát điên lên được. Tôi ngồi trong căn hầm chao đảo bần bật, nhìn anh thương binh tên Vĩnh đang bị tai nhắm mắt, miệng lẩm bẩm gì đó. Chợt anh hét lên: “Đ. mẹ chúng mày bắn gì mà bắn lăm thế. Im ngay, không thì ông cho chúng mày biết tay!”. Mắt anh trợn ngược, mồm sùi bọt mép, chồm lên định lao ra cửa hầm. Chúng tôi kịp tóm anh lại, cho anh uống vài ngụm nước, để anh tĩnh tâm. Khi pháo tạm ngừng, anh Thiệu cử tôi ra hốc chiến đấu ở bên ngoài trinh sát. Đó là cái hố nhỏ vừa hai người ngồi, sâu khoảng một mét, nằm sát chân thành, được ngụy trang bằng những tấm tôn và gạch ngói đổ nát, nhìn từ ngoài vào rất khó phát hiện. Thành cổ Quảng Trị trước kia cao 5m dày 5m, được xây bằng gạch vồ rất chắc chắn, xung quanh có hào nước sâu rộng bao bọc. Nhưng bây giờ đã bị bom đánh tan nát, nhiều chỗ tường thành đổ sụp xuống lòng hào lấp nó thành bằng địa, nên quân địch có thể dễ dàng băng qua hào để đột nhập. Tôi nhìn xuống mép hào nước, thấy hai cái xác địch chắc chết đã lâu, lòi cả xương trắng trong bộ quân phục rằn ri, nằm dè lên 1 miếng giẻ màu vàng bẩn. Sau mới biết đó là lá cờ 3 sọc đỏ nhuộm bùn. Anh Thiệu đã bò ra ngồi cạnh tôi từ lúc nào. Thấy trên vai bộ quân phục rằn ri của xác chết có phù hiệu tròn màu đỏ, tôi hỏi anh: “Lính gì thế?”. Anh nói: “Lính dù đấy. Bọn này đánh nhau dữ lắm, còn định trèo lên Thành cầm cờ. May mà quân ta phát hiện kịp thời tiêu diệt. Bọn Dù bị thiệt hại nặng, đã phải rút ra ngoài củng cố. Bây giờ đến lượt bọn Thủy quân lục chiến xung trận, cũng dữ dằn không kém. Cậu phải căng mắt ra mà quan sát, lơ mơ là nó xin gáo (đầu) mình ngay”.

Cách chỗ tôi khoảng 10m có một hố chiến đấu của lính bắn tỉa. Anh xạ thủ tên Dân, người Hải Hưng, ngụy trang rất khéo. Trên nóc hố anh phủ

một tấm tôn lợp nhà to, che cả nòng súng đang thò ra. Nếu từ phía địch nhìn tới thì không thể nào phát hiện ra được. Tôi bò theo đoạn hào nông choèn sang làm quen với anh. Khẩu súng Dragunov của anh trông rất lạ, dài ngoẵng, báng rộng. Băng đạn 10 viên to thô lỗ, loại đạn súng K44, cho phép bắn trúng mục tiêu ở cự ly 1200m. Đặc biệt ấn tượng là ống ngắm quang học gắn trên súng. Trong đó có đường kẻ ly chữ thập và đồ thị loằng ngoằng. Tôi nhòm qua ống kính sang phía quân địch cách khoảng 400m, thấy vài tên lính đang chạy qua chạy lại giữa các đồng đồ nát, thấy cả những cúc áo trên bộ quân phục của họ. Chỉ cần tên lính nào bất cẩn đứng yên một chỗ, anh sẽ nhắm đúng chiếc cúc áo ngực thứ 2 và bóp cò, vậy là hẳn chắc chết. Từ sáng đến giờ anh đã thịt được 3 tên, có ngày cao điểm anh thịt được trên 10 tên. Các xạ thủ bắn tỉa đặc biệt “quan tâm” đến những tên lính đeo máy bộ đàm PRC25 với cần ăng-ten ngất ngưỡng và những tên quanh đó, vì chúng thường là sĩ quan chỉ huy. Dọc tường thành phía nam này có khoảng 10 tay súng bắn tỉa như vậy, đủ thấy mỗi ngày họ gây ra biết bao thiệt hại cho quân địch.

Trên bầu trời, thỉnh thoảng chiếc L-19 Tâm lý chiến mang loa phóng thanh công suất lớn ra rả kêu gọi chiêu hồi: “Hỡi các cán binh Cộng sản thuộc Trung đoàn 48 đang tử thủ Cổ thành! Chốt là gì? Chốt là Chết! Liệu các bạn có thể đem thịt xương của các bạn ra mà chống chọi với B52 và pháo bầy Hạm đội? Các bạn hãy mau mau tỉnh ngộ, quy hồi về với Chánh nghĩa Quốc gia. Các bạn sẽ được khoan hồng!”. “Khoan hồng cái con c... ông đây. Chúng mày hãy mở mắt to ra mà nhìn những người lính Bắc Việt chiến đấu và chết như thế nào!”. Tiếp theo là hàng tràng AK của lính ta bắn về hướng chiếc L-19.

Trời gần tối chợt thấy mấy chiếc Tank M48 đến gần trận địa. Chúng dừng lại ngoài tầm đạn B40, rồi chĩa pháo bắn phá bờ thành. Chúng tôi rút hết vào hầm tránh pháo. Trời tối đã lâu chúng mới ngừng bắn, anh Thiệu và tôi lại bò ra quan sát. Dưới ánh hỏa châu leo lét, chợt thấy có những bóng đen chuyển động, lúc ẩn lúc hiện. Bọn địch đang men theo những đồng đồ

nát, các bức tường đổ, hố bom, hố pháo... tiến lại gần chúng tôi. Anh Thiệu lập tức ra lệnh khai hỏa. Tất cả các loại súng của chúng tôi bắn dữ dội về phía địch. Tôi vừa bắn hết một băng AK thì anh Thiệu nói: “Vào mang thùng lựu đạn ra đây!”. Chúng tôi chuyển sang ném lựu đạn, ném vào tất cả các hố bom hố pháo gần trận địa, ném vào bất cứ chỗ nào mà chúng tôi thấy nghi ngờ. Hàng loạt ánh chớp nháng nhịt và tiếng nổ chát chúa vang lên. Nghe thấy có những tiếng thét đau đớn bên phía địch. Lập tức chúng tôi trả đũa bằng pháo tăng và đạn “cạch - oành”. Sở dĩ gọi M79 là súng “cạch - oành”, vì vừa nghe tiếng đạn ra khỏi nòng “cạch” một cái là nó đã nổ “oành” bên cạnh mình. Đạn của nó bằng quả trứng vịt (cỡ 40mm), chứa nhiều mảnh nhỏ, khi nổ mảnh văng tung tóe, nên tính sát thương rất cao. Ngoài ra nó có thể bắn cầu vồng để tiêu diệt mục tiêu nấp sau tường hoặc dưới chiến hào. Cao Dũng nằm gần đó nhắc tôi: “Cậu đừng bắn cả loạt AK dài quá, bắn điểm xạ 3 viên một thôi. Nếu không lửa đầu nòng dễ bị phát hiện, cạch oành nó sẽ rút đến xin gạo ngay”.

Phải nói Cao Dũng là một cựu binh cực kỳ dày dạn. Nhập ngũ tháng 9-1971, anh đã tham gia chiến đấu ở Quảng Trị từ đầu chiến dịch. Anh bắn giỏi tất cả các loại súng, từ AK, RPD, B40, B41 của ta, đến M16, M60, M79...của địch. Dọc đoạn hào gần hố chiến đấu của mình, anh đặt sẵn nhiều khẩu súng đầy đạn. Khi địch xông lên anh bắn liên tục, khẩu này hết đạn anh lấy khẩu khác, và thay đổi vị trí thường xuyên. Một lính mới như tôi được chiến đấu bên cạnh anh, tự nhiên thấy rất yên tâm.

Đêm đó địch còn tổ chức thêm một đợt tấn công nữa rồi mới chịu ngừng hẳn.

15-9-1972. Trời vừa hừng sáng đã nghe tiếng ò ò của chiếc máy bay trinh sát OV10. Nó quần đảo nghiêng ngó cả tiếng đồng hồ, xoi mói khắp xó xỉnh. Thình thoảng nó rồ lên 1 tiếng rồi chống hông bắn trái khổi vào những chỗ nghi ngờ, chỉ điểm mục tiêu cho pháo và máy bay.

Rồi hai chiếc A37 thành hình bay tới. Chúng lượn một vòng, bất ngờ tăng độ cao rồi bổ nhào về hướng chúng tôi. Bốn quả bom đen trũi lao xuống. Tôi vội hô cho mọi người rút vào hầm. Chiếc hầm rung rinh chao đảo, hơi gió phàn phật, khói xám khét lẹt xộc vào. Tai chúng tôi gần như điếc đặc, bụi đất trên trần rơi xuống rào rào. Đoán rằng chúng đã bay xa, tôi lóp ngóp bò ra quan sát trận địa. Cách đó 50m, chiếc hầm của 4 chiến sĩ Trung đoàn 95 trú ẩn, bây giờ chỉ còn là 1 hố bom sâu hoắm. Thịt xương của các anh đã tan vào cát bụi.

Chợt nghe từng tràng đại liên M60 của địch bắn xối xả phía bên phải trận địa. Chỗ đó thuộc khu vực của Đại đội 1, E48, nơi có anh bạn Phạm Hùng Phong nhà ở phố Phan Bội Châu trấn giữ. Tôi ngó sang thấy 4 chiến xa của địch, 2 M48 và 2 M113, đang yểm trợ một đại đội Thủy quân lục chiến xông lên. Các chốt của ta bắt đầu bắn trả, tiếng súng AK và 12ly7 nổ giòn giã xen lẫn tiếng ùng oàng của B40/B41. Mấy quả B40, B41 đều trượt mục tiêu, nên 2 chiếc M113 tiến được đến gần công sự của ta và dùng súng phun lửa bắn dữ dội. Lại thêm pháo 90ly từ 2 xe M48 bắn thẳng vào các điểm chốt, nên sức kháng cự của ta yếu dần. Đại đội tôi dùng 12ly7 bắn chéo cánh sẻ sang hỗ trợ, nhưng cũng bị địch phát hiện ra, quay pháo từ 2 xe M48 bắn áp chế. Một lúc sau trận địa của Đại đội 1 bị địch tràn ngập, chỉ còn thấy những bóng áo rằn ri thấp thoáng. Mãi về sau này có dịp gặp anh Phạm Hùng Phong thì mới được nghe anh kể lại những gì đã xảy ra bên đó...

Phía phải chúng tôi vừa tạm yên tiếng súng thì phía trái súng lại nổ dữ dội. Hàng tràng liên thanh không dứt, chêm vào tiếng ùng oàng của B40, B41 và những tiếng “cạch -oành” chát chúa. Khu vực đó là phạm vi trách nhiệm của các chiến sĩ bộ đội địa phương tỉnh Quảng Trị. Trong Thành cổ, ngoài các đơn vị chủ lực, còn có 2 Tiểu đoàn bộ đội địa phương là K3 và K8 cùng tham gia phòng thủ. Những người con của quê hương Vĩnh Linh-Quảng Trị chiến đấu cực kỳ dũng cảm. Không phải ngẫu nhiên mà bên địch loan truyền câu chuyện về xác các Việt cộng mặc quần áo đen, chân bị

xiềng vào những khẩu súng máy. Đúng là họ thường chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, địch phải bước qua xác họ mới chiếm được chốt, nhưng chuyện bị xiềng vào súng thì không có. Vả lại ở đây tôi thấy họ được trang bị và ăn mặc y hệt chúng tôi. Ví dụ K3 “Tam Đảo” thực chất là một Tiểu đoàn của Sư 312 được chuyển về cho Tỉnh đội Quảng Trị. Tuy nhiên không phải ở đâu cũng vậy. Sau này tôi có dịp tiếp xúc với các đơn vị bộ đội địa phương khác, thì thấy nhiều người đội mũ tai bèo, mặc quần áo bà ba đen thật. Bộ bà ba của họ thường được may bằng vải ni-lông tét-rông mỏng, nhẹ nhưng rất bền và giặt mau khô. Đặc biệt họ trang bị hầu như toàn bằng vũ khí của Mỹ. Tôi có hỏi tại sao, thì họ trả lời là bộ đội địa phương một thời gian dài phải tự cấp tự túc. Họ ít nhận được sự trợ giúp của hệ thống hậu cần và đường dây 559 như các đơn vị chủ lực, nên phải lấy súng đạn địch đánh địch là chính. Nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến lòng dũng cảm hầu như huyền thoại của họ. Cả đại đội Thủy quân lục chiến sau vài đợt xung phong đã phải bỏ lại nhiều xác chết trước phòng tuyến, ôm đầu máu tháo chạy. Chúng điên cuồng gọi Không quân và Pháo binh bắn phá dữ dội vào trận địa của ta.

Hàng chục ngàn quả pháo cùng nhiều chiếc máy bay dội bom liên tục xuống đầu chúng tôi. Đất trời đen đảo, tưởng như ngày tận thế đã đến. Các quả bom được thả theo hướng từ phía trong chéo ra phía ngoài tường thành. Như vậy khi tường thành sụp đổ sẽ bị hất ra lấp những hào nước ở chân Thành, tạo điều kiện cho lính địch thâm nhập vào dễ dàng. Nằm trong hố chiến đấu, chúng tôi cũng bị phủ một lớp tro bụi dày hàng xăng-ti-mét.

Vừa mở mắt ra sau đợt pháo, tôi chợt thấy một toán lính Thủy quân lục chiến ngay trước mặt. Khoảng 5-6 tên ngoi lên từ sau đồng gạch, trên người mặc áo giáp xanh rêu, đầu đội mũ sắt bọc vải rằn ri, tay nắm chặt những quả lựu đạn mìn. Lợi dụng lúc pháo kích, bọn nó đã tiến lên, trong khi chúng tôi còn cúi đầu tránh đạn dưới các hố. Chúng chưa nhìn thấy tôi, vì không thể ngờ rằng trong đồng cỏ nát phủ đầy bụi đất cách đó vài mét lại có một họng súng và một đôi mắt đang nhìn chúng. Đến khi một

tên nhận ra thì đã muộn. Lập tức theo bản năng tự vệ, tôi xả một tràng AK vào đám mũ sắt. Những tiếng rú rùng rợn vang lên, những tấm thân đồ phịch ra sau đồng gạch. Không biết mấy người chết, mấy người bị thương, chỉ nghe bên đối phương những tiếng la hoảng: “Đ. má, Việt cộng... Lùi lại tụi bay...Việt cộng...”.

Thế rồi lại pháo, lại bom, tưởng như bất tận. Giữa ban ngày mà địch tổ chức tấn công liên tiếp. Cứ mỗi lần bị đánh bật ra, thì chúng lại gọi phi pháo bắn phá. Các ỗ hỏa lực của ta dần dần bị lộ, địch dùng pháo tăng bắn thẳng vào những vị trí này.

Anh Dân bắn tĩa đã chết tự lúc nào. Một quả pháo nổ ngay cạnh hố chiến đấu của anh, thổi tung tất cả những tấm tôn ngụy trang. Không hiểu anh hy sinh vì mảnh pháo hay sức ép, máu từ mũi và mồm cũng dính bụi nhoe nhoét, mắt anh vẫn mở trừng trừng.

Sau mỗi lần đánh lui quân địch, Cao Dững lại nhắc tôi nhồi thêm đạn vào các băng đạn và chuẩn bị một lô lựu đạn để trước mặt. Học tập anh, tôi cũng dùng lựu đạn là chính. Bên địch cũng vậy. Chúng thường lợi dụng lúc bom pháo đang bắn phá các chốt để bò lên tiếp cận, rồi ném lựu đạn vào hầm hào của chúng tôi.

Trời đã ngả chiều. Thêm cậu Hưng “Lê Văn Hưu” bị mảnh pháo chém xả vào bả vai. Vết thương rất khó băng bó, tôi lúng túng quần bao nhiêu băng mà vẫn bị tuột. Chúng tôi đưa cậu ấy vào hầm nằm cùng các thương binh khác. Lực lượng của đại đội tôi đã bị tổn thất quá nửa. Cao Dững đưa cho tôi bao cơm sãy chiến lợi phẩm, rồi hai đứa cùng nhai trệu trạo. Cả ngày nay chưa được hột cơm nào vào bụng.

Đêm đến. Pháo sáng địch bắn đầy trời. Lại một đợt tấn công mới của tụi Thủy quân lục chiến. Những dây đạn sáng lòe đủ màu bay ngang dọc trong đêm, cộng thêm từng đợt vòi rồng lửa phun ra từ mấy xe M113 của địch. Chúng tôi bắn đến đỏ cả nòng súng, đạn được vơi dần. Không hiểu

bọn nó mà tấn công một đợt nữa thì lấy gì để chống trả đây? Chả lẽ dùng răng mà cắn vào cổ họng chúng như Anh hùng Lâm Úy à? Chợt nghe một quả “cạch - oành” nổ ngay trên hố chiến đấu của Cao Dững. Cảm thấy có chuyện chẳng lành, tôi vội bò sang chỗ anh. Một cảnh tượng kinh hoàng hiện ra trước mặt. Nửa đầu bên phải của Cao Dững đã bay mất, máu và óc lầy nhầy tung tóe trên miệng hố. Tay và chân vẫn còn giật giật trong cơn giãy chết. Tôi ôm chầm lấy anh, miệng la lên thảng thốt: “Cao Dững ơi!”, nhưng anh đã ra người thiên cổ mất rồi. Vĩnh và tôi lấy tấm võng phủ lên xác anh, rồi vội vàng bò về hố chiến đấu của mình.

Ngồi trong hố mà nước mắt tôi chảy dàn giụa. Cao Dững vẫn thường nói với tôi: “Nếu trận đầu cậu không chết, thì sẽ không bao giờ chết...”. Anh đã trải qua hàng chục trận, trên người không hề có một vết xước. Vậy mà bây giờ một thằng lính mới khù khờ như tôi vẫn ngồi đây, còn anh lại chết rồi. Đúng là trời thương kẻ ngu ngờ, thông minh không khỏi số giờ.... Thương thay cho một người con anh dũng của phố Lò Đúc, một Héc-to của Thành cổ.... Anh đâu còn biết, giờ này chỉ có một người duy nhất, một cậu lính trẻ 18 tuổi, mặt mũi lấm lem quần áo bê bết, đang gục đầu bên khẩu súng khóc thương cho anh...

Đêm đã khuya lắm rồi. Tôi vẫn ngồi miên man chìm đắm trong những suy nghĩ về cái chết của Cao Dững, không để ý đến sự im ắng đáng ngờ trên trận địa. Đại bác vẫn nổ cầm canh, pháo sáng vẫn hết quả này đến quả khác, nhưng tiếng súng bộ binh thì không. Chợt thấy anh Thiệu lom khom chạy tới. Nhìn thấy tôi anh nói: “Vĩnh, sao các cậu còn chưa rút đi? Các đơn vị khác người ta rút hết rồi...”. Tôi đáp: “Có ai nói gì với chúng em đâu...”. Chúng tôi vội thông báo cho mọi người trong hầm. Những thương binh nào còn vận động được thì tự nhắm hướng Dinh Tỉnh trưởng mà đi, còn những người yếu thì chúng tôi phải dìu. Tất cả tử sỹ đều bỏ lại. Trong bóng đêm chập chờn ánh hỏa châu, chúng tôi vội vã rút ra phía bờ sông.(1)

(1) 81 ngày đêm Quảng Trị hay là Cuộc chiến đấu bảo vệ Thành cổ được tính từ ngày 28-6 đến ngày 16-9 năm 1972 (BT).

Ở bến vượt cảnh tượng khá nhốn nháo. Có lệnh vứt bỏ xuống sông tất cả vũ khí nặng mà không thể mang được. Các thương binh được ưu tiên chở bằng xuồng cao-su, những người bơi yếu thì bám xung quanh xuồng.

Có một sợi dây cáp được chằng ngang sông, các xuồng bám vào đấy mà vượt sang bờ Bắc. Còn tất cả mọi người khác lại phải làm phao bơi bằng tăng (hoặc bao gạo) ni-lông, để súng lên trên và bơi cật lực. Nước sông vẫn chảy cuồn cuộn, lạnh buốt, đen ngòm. Ba đợt vượt sông an toàn, đến đợt thứ tư thì bỗng nhiên pháo bày dập đến. Một cảnh tượng hãi hùng phơi ra dưới ánh pháo sáng: Xuồng chìm, phao thùng, tiếng la hét của thương binh và những người bị trúng mảnh... Mặt sông Thạch Hãn lại đỏ ngầu máu tươi...

Bờ Bắc là bờ bồi nên cách khoảng 50m chân tôi đã chạm đất. Tôi lội bì bõm như người mộng du, hầu như không nhận biết được gì nữa. Lên bờ, chúng tôi chạy thục mạng về hướng Bắc. Cho tới khi thấy bóng đen mờ mờ của cây cối làng mạc chúng tôi mới dừng lại. Có tiếng người nói lao xao, các đơn vị gọi nhau tập trung lại đội hình. Tiểu đoàn 3 của tôi quân số còn lại chưa đầy một đại đội. Nhưng có những đơn vị còn thảm thương hơn nhiều. Trung đoàn 27 (Đoàn Triệu Hải) phối thuộc cho Sư đoàn tôi, khi rút ra khỏi Thành chỉ còn 10 chiến sĩ. Tất cả các đơn vị tham chiến ở Quảng Trị đều thiệt hại rất nặng nề. Chúng ta mất hàng trăm súng lớn đủ loại, hàng chục xe tăng, và trên hết, hàng chục nghìn người con ưu tú của đất nước. Chẳng hạn Sư đoàn 325, chiến sĩ phần lớn là những sinh viên các Trường ĐH Miền Bắc, thành phần tinh hoa của dân tộc, thế mà thương vong gần hết. “Ôi những người con trai khỏe đẹp/ Có thể biến thiên nhiên thành điện thép/ Cho con người hạnh phúc hôm nay...”(Tố Hữu, Ê-mily, con). Nhiều lúc tôi đắng cay thầm nghĩ, một mảnh đất chó ăn đá gà ăn sỏi có đáng để chúng ta phải trả giá quá đắt như vậy không? Mỗi ngày đưa vào Thành một

đại đội đủ (140 người) mà khi ra chả còn bao nhiêu. Tuy nhiên, mỗi người, dù là người trực tiếp tham gia, cũng không thể hiểu hết cục diện chiến tranh và không thể đo đếm giá của chiến tranh bằng cái giá thông thường. Thấy nói hồi đó ta đang đàm phán trên bàn Hội nghị Paris, việc giữ vững Thành cổ và tiếng súng ở chiến trường có một tiếng nói rất quan trọng.

Sau khi củng cố lại đội hình, chúng tôi được lệnh hành quân về hướng tây bắc. Lại qua những địa danh quen thuộc: Ái Tử, Đông Hà, Cam Lộ.... Những lúc nghỉ giải lao, đoàn quân xôn xao bàn luận: “Đơn vị bị thiệt hại nặng như vậy, chắc đợt này sẽ được rút ra Bắc nghỉ ngơi, bổ sung quân số...”. Nếu được thế thì mừng quá. Mấy đứa Hà Nội chúng tôi đã mơ có thể được về phép vài ngày, vì Hậu cứ của Trung đoàn là ở vùng Nông Cống/ Thọ Xuân, Thanh Hóa. Từ đó về Hà Nội chả mấy ngày đường. Lê được tấm thân tàn này về gõ cửa nhà, chắc bà và mẹ ngạc nhiên lắm...

Nhưng chúng tôi đã nhầm. Đơn vị chỉ rút ra vùng chân điểm cao 241 thì dừng lại. Vẫn mưa rả rích suốt ngày. Cả buổi chúng tôi lội dọc một con suối nhỏ, nước đục ngầu, ngập ngang bụng. Hai bên bờ mọc đầy những cây mâm xôi và sâm đất. Lá những loại cây này đem nấu trà uống rất thơm và bổ. Cả lũ đã mệt phờ, ướt như chuột lột, thì được lệnh tản ra tìm chỗ nghỉ. Chúng tôi mắc võng trong một cánh rừng thưa, xung quanh là những đồi cỏ tranh bao bọc. Anh Thiệu đi ngoại giao ở đâu về được một gói ruốc thịt, chia cho mỗi đứa một ít. Anh kể gần đó có một đoàn tân binh đóng, anh đến làm quen, và gặp bất cứ ai cũng nhận đồng hương. Lúc thì anh quê ở Hải Hưng, lúc thì Thái Bình, lúc lại Thanh Hóa... Kết quả là anh kiếm được cũng kha khá. Tân binh mới vào còn “giàu có” lắm. Họ sẵn lòng chia sẻ với người cựu binh đồng hương vài thìa mì chính, ít ruốc bông, phong lương khô hoặc gói thuốc Lào....

Đơn vị nhận tân binh bổ sung ngay tại đây. Chủ yếu là lính Hà Nội, Thái Bình và Hải Phòng. Tiểu đội tôi có 4 người. Tôi làm Tiểu đội trưởng. Quang “Bạch mai” (Quang “xiu”) Tiểu đội phó. Hai chiến sĩ là Chính con

“Hoàng Hoa Thám” và Bích (Quỳnh phụ, Thái Bình). Bích giữ khẩu B40 hỏa lực của tiểu đội, còn lại 3 người 3 khẩu AK. Cán bộ Trung đội có anh Thanh (Hà Tĩnh) mới bổ sung về làm quyền Trung đội trưởng. Cán bộ Đại đội thì anh Thiệu được cử đi học Quân chính, về thay là anh Hưởng (quê Gia Lâm) làm Chính trị viên phó, tạm thời là người chỉ huy cao nhất và duy nhất của Đại đội.

Trong tiểu đội tôi, người nhiều tuổi nhất là Bích, 19 tuổi, và đã có vợ. Hình như thanh niên nông thôn miền Bắc hồi ấy có lệ là sau khi huấn luyện tân binh 3 tháng, được nghỉ phép 7 ngày trước khi đi B, hầu hết họ về quê lấy vợ. Trong 7 ngày ấy họ đã kịp làm đám cưới, hưởng tuần trăng mật, và nhiều người còn kịp để lại một giọt máu trong lòng người vợ trẻ. Nhiều phụ nữ trẻ chỉ được hưởng hạnh phúc làm vợ có 7 ngày, rồi sau đó là cả cuộc đời dài chờ đợi. Nhiều đứa trẻ suốt đời không biết mặt bố, không được gọi một tiếng “Bố ơi”!

Vì đã có vợ, nên đối với chúng tôi Bích là cáo cù trong chuyện đàn bà. Mỗi lúc nhớ nhung cậu ta lại kể chuyện làm tình với vợ. Vợ nằm ngửa ra sao, dạng chân thế nào, cái mu khum lên, cái lưng cong ưỡn. Rồi hơi thở gấp gáp, cậu ta dập dồn dập.... Rồi tất cả nổ tung.... Lũ trai tơ chúng tôi cứ há hốc mồm nghe, mắt sáng lên háo hức.

Anh Thanh 24 tuổi, Thượng sĩ Trung đội phó, nhưng vì chưa có Trung đội trưởng nên anh tạm thời chỉ huy. Anh người gầy, dong dỏng cao, da tái tái, hai mắt như hai hột nhãn, hàm răng hơi sún và xỉn màu vì hút thuốc lào. Trước đó anh có vài năm công tác ở Tỉnh đội Hà Tĩnh, và có người yêu tên là Định. Thỉnh thoảng anh khoe với tôi chiếc khăn tay do người yêu tặng, có thêu hai chữ ĐT ở góc. Hiểu là “Đợm tình” hay “Định - Thanh” đều được cả. Anh là người dạy tôi hát Ví giặm, ngâm thơ và kể về Nghệ Tĩnh. Cho đến nay thỉnh thoảng ngồi một mình tôi vẫn hát những bài này. Tôi rất thích bài Ví giặm:

“À...ơi... Sông Lam Giang nước càng ngày càng rộng

Núi Hồng lĩnh mỗi bậc mỗi cao

Bấy lâu nay Mận nỏ thấy Đào

Hỏi thăm con chim Hồng nhận

Anh Bộ đội ở phương nào lại đây?...”

Vì quý chúng tôi nên anh hầu như là tay súng thứ 5 của Tiểu đội 4. Dần dần anh được toàn Trung đội quý mến, thực sự là thủ lĩnh và chỗ dựa tinh thần cho toàn thể chúng tôi.

Anh Hưởng cán bộ Đại đội cũng rất quý tôi. Trước đây anh thuộc Sư 324, chiến đấu ở miền Tây Thừa Thiên, vùng A Sầu, A Lưới. Sau khi đi học Quân chính, anh được phân công về đơn vị này. Anh cũng cao dong dỏng, da ngăm đen, thích kể chuyện và ăn nói nhẹ nhàng. Anh biết tôi có khả năng đặc biệt, đó là rất nhớ đường. Đường dù quanh co đến đâu, tôi chỉ đi một lần là nhớ. Ở vùng rừng núi này, những trảng cỏ tranh bạt ngàn, lính ta dẫm cỏ mà đi tạo thành đường. Nhưng nhiều chỗ đường cắt ngang cắt dọc, không tinh ý rất dễ lạc. Lỡ xớ là đập phải bom bướm hoặc đụng Thám báo ngay. Anh cực kỳ tin tưởng tôi, vì vậy đi đâu anh cũng kéo theo tôi đi đầu. Mà anh thì đi rất nhiều. Nào họp hành, nào chỉ đạo lấy gạo, thực phẩm, súng đạn bổ sung.... Chính vì đi nhiều nên tôi có dịp gặp lại nhiều bạn bè cùng huấn luyện ở C49 D58. Duy Minh bây giờ là A phó ở Trung đội 1. Chí Thành và Bình “cống” đeo máy Thông tin vô tuyến 2W có cần ăng-ten vắt vẻo. Long “cờ” làm lính Trinh sát. Hoàng Hữu Hạnh ôm khẩu cối 60 ở A10. Lâm “Chợ Giời” và Bùi Ngọc Toàn về Đại đội 10...

Một buổi đi lấy gạo, chúng tôi nhắm hướng Cồn Tiên bươn tới. Căn cứ này nằm trên một ngọn đồi cao, lại có một tháp canh cũng cao ngất ngưỡng, nên đứng chỗ nào ở Bắc Quảng Trị cũng đều nhìn thấy nó. Đi loanh quay mấy tiếng đồng hồ, đói mềm người, mới biết kho gạo nằm ở chân Dốc Miếu gần đó. Căn cứ này cũng rất lớn, bây giờ trông cả vùng đồi

lở loét vì đạn pháo và xe ủi húc nham nhở. Mỗi bữa lấy một ba-lô gạo xong, đói quá, bèn bần nhau nấu cơm ăn tại chỗ. Vấn đề là không có nồi, đành phải lấy vỏ thùng lương khô để nấu. Nhưng vỏ thùng bằng sắt tây mỏng dính, lại đổ đầy gạo nước, nên không thể chín được, mặc dù đã đun lửa to hết cỡ. Kết quả là phía dưới thì khô đen mà phía trên thì còn sống. Đúng là một nồi cơm “trên sống dưới khô tứ bề nhào nhoét”, khét lẹt, nhưng chúng tôi vẫn cố nhai để lấy sức.

Trên đường về, trời đã ngả chiều, trần mây thấp nên càng nhanh tối. Cả lũ đang đi, chợt nghe tiếng “Ú...ù” rợn người, rồi một dây tiếng nổ xô ngã tất cả. “B52...”. Chỉ nghe hơi gió phần phật, vì tai đã điếc đặc. Một loạt, hai loạt, ba loạt! Thoát rồi, mình không bị dính rồi.... Cả lũ lại đứng lên, rũ bụi đất, hồi hả bước tiếp.... B52 thường bay 3 chiếc như hình mũi tên, những ngày đẹp trời có thể thấy ba dải khói trắng trườn trên mây biếc. Những lúc chúng bay thấp, trông như ba chiếc phản bằng bạc. Thường đến mục tiêu là chúng cắt bom rồi quay ngoắt về ngay. Thế nên thấy ba dải khói trắng quành lại là bom đã rơi rồi đấy. Không gì có thể tồn tại trong ba thảm bom ấy. Biết bao kho tàng, xăng dầu, bến bãi, xe cộ, pháo binh, thiết giáp... của ta đã tan thành tro bụi. Nhiều đơn vị không còn một mẫu xương.

Sau vài tuần nghỉ ngơi củng cố dưới chân điểm cao 241, đơn vị tôi được lệnh về đóng chốt ở vùng Quán Ngang. Cả đại đội hành quân giữa ban ngày, đi ngoài trắng cỏ tranh, anh nào cũng che cành ngực trang trên đầu. Chập tối thì chúng tôi tới một xóm nhỏ ven đường tàu, rồi chia nhau vào các nhà dân nghỉ. Căn nhà lợp tôn nơi Tiểu đội tôi đóng chỉ có hai ông bà già, bọn tôi gọi là Bọ, Mạ. Người Quảng Trị nói tiếng trọ trẹ rất khó nghe, nhưng theo tôi hiểu thì gia đình này cũng chia làm hai phe. Anh con cả là Biệt động quân, đã chạy vào Huế, trong khi hai người em là Bộ đội địa phương và Du kích. Chúng tôi đưa gạo, đồ hộp cùng mắm ruốc khô nhờ Bọ Mạ nấu cơm hộp. Trong góc nhà chất nhiều thùng đạn đại liên M60, xếp chồng lên nhau từ sàn tới nóc. Tôi tò mò bật mở một thùng ra, thì thấy toàn là ớt bột, hơi bốc lên sặc sụa. Buổi tối, trong ánh đèn dầu leo lắt, bữa cơm

được dọn ra. Thấy bát canh khoai sọ đỏ lòm, tưởng bột cà chua, hấp dẫn quá, chúng tôi đứa nào cũng húp 1 thìa to. Ồi cha mẹ ơi, tôi vội phun ngay ra. Cay kinh khủng, môi bỏng, mồm bỏng, cổ họng bỏng. Thì ra là toàn ớt bột. Suốt buổi hầu như tôi chỉ ngồi há mồm chảy nước mắt, nhìn Bộ Mạ ăn bát canh ngon lành. Người Quảng Trị ăn cay khiếp thật.

Hôm sau chúng tôi được lệnh vào đóng ở trong căn cứ Quán Ngang, một trại lính cũ của địch.

Đó là một cứ điểm lớn ngự tọa trên một quả đồi thấp, cách đường tàu cũ khoảng 400-500m. Đây nguyên là bản doanh của Trung đoàn 57, Sư đoàn 3 Bộ binh Việt Nam Cộng hòa. Bên cổng doanh trại còn dấu vết phù hiệu của Sư đoàn này: 3 ngôi sao trắng trên nền xanh dương, cùng dòng chữ “Bến Hải” bên dưới. Phù hiệu của Trung đoàn 57 thì có con đại bàng đang sà xuống.

Tôi thật sự choáng vì quy mô của doanh trại này. Nó rộng mênh mông, có nhiều lô cốt kiên cố trấn giữ các hướng. Xung quanh căn cứ là bãi rào thép gai trải dài đến tận chân trời. Đủ loại hàng rào: mái nhà, cũi lợn, căng ngang ống chân, bùng nhùng.... Những cuộn dây thép gai được trải ra loằng ngoằng vô tận. Đặc biệt chúng không có gai, mà lại được gắn những miếng thép mỏng nhỏ, sắc như dao cạo. Xen giữa các hàng rào thép gai là bãi mìn đủ loại: mìn chống bộ binh, mìn nhảy, mìn chống tăng, mìn định hướng... Tôi không hình dung nổi, làm sao mà có thể tấn công chiếm được cứ điểm này. Nếu có chiếm được thì phải sử dụng lực lượng hàng sư đoàn và chắc phải trả bằng một giá hy sinh rất đắt. Nhưng không, chúng ta đã chiếm được nó quá dễ dàng. Đơn giản là sau vài đợt bị ta pháo kích, địch nghe tiếng xe tăng của ta từ xa đã hoảng loạn, rùng rùng kéo nhau tháo chạy, bỏ lại căn cứ hầu như còn nguyên vẹn.

Trên đường vào căn cứ, thấy hai bên hàng rào có rất nhiều tiền Miền Bắc do địch rải xuống. Đây là tiền giả, chúng thả từ máy bay như thả truyền đơn vậy. Chủ yếu là tờ tiền 5 đồng màu xanh nước biển có in hình

Cụ Hồ, bên mép là tờ truyền đơn nhỏ. Thấy tiền, mấy đứa chúng tôi vui mừng hớn hở, tung tăng lượm nhặt như những đứa trẻ. Chính con và Quang thích thú lèn chặt hai ba-lô tiền, phấn khởi bàn nhau phen này mà được về phép thì tha hồ uống bia Thủy Tạ, ăn kem Bờ Hồ. Tôi không muốn làm vãn đục những phút giây vui sướng hiếm hoi của họ, mặc dù nhìn một cái biết ngay là tiền giả. Chỉ nhắc họ cẩn thận để không dẫm phải mìn.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Hai: Chiến Trận - Trận Thành Cổ (2)

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt (1)

Đại đội tôi hành quân theo một hàng dọc, nhằm hướng đông nam thẳng tiến. Đang đi có lệnh tạt vào một làng tìm chỗ nghỉ, đợi cho C10 phía trước qua sông hết đã. Lại nhờ Bọ, Mạ thổi cơm hộ. Lại một bữa cơm đồ lòm ớt bột, mà tôi chỉ ngồi há mồm chảy nước mắt không ăn được vì cay quá. Mỗi mình anh Thanh B phó là chén tốt.

Tối mịt cả đại đội mới ra tới bờ sông. Bãi ruộng bị B52 đánh tới tả, đầy bùn nước, lội thụt tới đầu gối. Mưa to, cả lũ chạy vào mấy ngôi nhà hoang ngồi chờ thuyền. Ngôi nhà nhỏ có hầm ở dưới nền, chập cứng người cả trên lẫn dưới. Tối om, ướt, lạnh. Gió mưa đập vào mái tôn rào rào. Ngồi cạnh Trường “Khâm Thiên” A6, nó hát bài “Cuộc đời sương gió/ Chiến chinh nơi miền xa/ Qua những vùng xa lạ quá...”. Nghe buồn não ruột.... Đến nay thỉnh thoảng nhớ những ngày mưa Quảng Trị tôi vẫn hát...

Lúc ra thuyền, Chính “con” để thụt mất dép. Thuyền máy khá to, chở được cả trung đội. Lên bờ, gặp Chí Thành đeo máy 2W xuống phối thuộc cho đại đội tôi, cậu ta cho Chính con một đôi giày cao cổ. Cả lũ đi mò trong đêm. Tôi bị ngã vào vũng nước, ướt sạch, quai dép bị đứt, đành phải đi đất. Hình như bị lạc rồi, ánh hỏa châu chập chờn khắp nơi. Đường bờ ruộng trơn như đổ mỡ, tôi nghiêng rãng dùng hết sức bấm ngón chân xuống đất mà vẫn ngã. Mỗi bước đi là một bước ngã. Súng ống đồ đạc quật oanh oạch, quần áo bắn thiu như trâu vấy. Nhiều lúc mệt quá, tôi cứ chống hai tay ngồi phệt dưới bùn mà nuốt nước mắt: cuộc đời chưa bao giờ bị cực khổ như thế này!

Tôi đi men xuống bờ cỏ cho đỡ trơn, nhưng mà sao nhiều gai xấu hổ thế. Chỉ một chân có dép nên bước thấp bước cao, một tay xách chiếc dép đứt quai kia, thất thểu như bại trận, Chính con phải dắt đi. Được nghỉ giải lao ở một bãi tha ma, hai đứa cùng chui xuống một ngôi mộ, nằm lăn ra cạnh hai cậu lính 12ly7 chốt ở đó. Đây là hầm của họ, vách hầm còn thấy một góc quan tài chòi ra. Những người khác thì nằm dọc lề đường mà ngủ vì quá mệt, mặc ướt, mặc sương và muỗi.

Đến lúc nghe có tiếng gọi í ới, tôi và Chính chui lên thì không thấy ai cả. Hai thằng cầm cổ chạy, Chính bắn đạn lửa để liên lạc. Thấy nhiều lối rẽ, chúng tôi đã hoảng, nhưng cứ đi bừa. May quá, gặp anh Phùng, Chính trị viên đại đội và cậu liên lạc đang đứng đợi. Anh xạc cho một trận, tôi cúi đầu nghe nhưng trong lòng rất mừng vì không bị lạc.

Trời đã sáng bảnh mà chúng tôi vẫn loanh quanh hết làng này đến làng khác. Qua một đêm mưa nào cũng một phờ rầu. Có lệnh tản ra nghỉ. Chí Thành và cậu Bắc thông tin treo ăng-ten lên cây thông, mở máy vô tuyến 2W liên lạc với Tiểu đoàn, nhưng không được. Tôi xin mấy hột cơm sậy của bọn B3, ngồi nhấm nháp. Mọi người đã định nấu ăn thì có lệnh đi tiếp vì đã tìm được tiền trạm. Như vậy là ngày hành quân thứ hai bắt đầu.

Đoàn quân băng qua đồng, qua làng, qua nghĩa địa công giáo với những ngôi mộ đen to tướng có cắm thập ác. Đến gần một cổng làng, thấy bên trên có hàng chữ đắp nổi đã tróc sơn “Tri ân Ngô Tổng thống”. Làng này cũng bị B52 đánh be bét, tre chuối rũ rượi, cành lá vương vãi khắp nơi. Đất hố bom mới đào xám đen, địa hình trống trải. Ở đây chúng tôi gặp anh Khuông “Quảng Bình”, trước là B trưởng B1, nay vừa lên Đại đội phó, người chỉ huy đi tiền trạm. Tất cả tập hợp ở một ngôi nhà gần đấy. Chí Thành lại mở máy gọi Tiểu đoàn bộ. Tôi ngồi ngay cạnh, chợt nghe có tiếng léo nhéo trong máy: một giọng nói lạ, một tên địch!. Chí Thành đối đáp cò cưa với hắn vài câu, rồi tắt máy.

Trung đội tôi được dẫn sang làng khác, đóng ở mấy nhà ven làng. Một nhà có cây khế rất sai, quả to, cả bọn ào ào vượt qua mương vào vặt ăn. Khế rất ngọt. A5 và A6 được bố trí ở hai nhà khá tốt. A4 được phân vào một nhà chả ra sao: một cái hầm thì có nước, một cái khác thì trơ sườn. Tôi rất cáu với ông Trung, B trưởng, nhưng anh Thanh thì lại đang đi hội ý vắng, biết nói với ai.

Cái làng này bị bỏ hoang trông thật điêu tàn, không một bóng người. Cỏ dại mọc trùm lum trong vườn và trong các ngõ xóm, cao đến đầu gối. Đường làng bị tay tre ngã ra che kín lối, muốn đi nhiều chỗ phải chui, gai tre cào rách cả da.

Trên sân nhà tôi ở, lúa đã mọc thành bụi. Khi bước vào nhà, một mùi ẩm mốc xông lên. Cả gian giữa là cát thóc, ở một góc mạ đã mọc xanh rì. Quần áo cũ một đồng; bát đũa nồi xoong vung vãi, dưới bếp còn có cả một chĩnh đậu đen. Chúng tôi nấu cơm ăn. Anh Thanh vừa về cũng rất bức kiêu phân nhà của ông Trung.

Tôi lội vườn sang mấy nhà bên cạnh xem xét, thấy cũng hoang tàn như vậy, còn có thêm vài cái xe đạp hỏng nằm chỏng gọng. Nhưng được cái có mấy cây ổi con mà nhiều quả chín, ăn ngọt phết. Lại thêm mấy vật rau muống mọc lẫn cỏ và một luống rau dền to, non.

Buổi chiều tập hợp Trung đội để công bố một cái lệnh làm tất cả chúng tôi ngạc nhiên: Ông Trung được điều đi công tác khác, anh Thanh lên làm B trưởng. Việc ông Trung được điều đi làm chúng tôi rất mừng, nhưng ngoài mặt ai cũng tỏ ra như không có chuyện gì cả. Một số cậu xỏ lá cứ ca cẩm: “Anh Trung mất đi, tổn thất này thật là lớn lao, đau thương này thật là vô hạn...”. Một Trung đội phó mới được cử về, tên là Tài, người Thanh Hóa. Anh khoảng 20-21 tuổi, dáng vẻ lù đù, rất ít nói, và sẽ thường xuyên đi với A6. Còn anh Thanh vẫn tiếp tục đi với A4 của tôi.

Cái nhà A6 là tươi tắn nhất. Xây bằng gạch, có trảng kỷ, giếng nước đàng hoàng. Vườn ổi trái to và sai.

Hôm nay đến lượt Quang “Bạch Mai” nấu cơm. Rồi rãi nên tôi lật mấy quyển sách giáo khoa trong nhà lên xem. Đây là sách của các lớp dưới, tương tự quyển Luân lý và Khoa học thường thức ở Miền Bắc, được in nhiều màu khá đẹp và giấy rất tốt. Thấy có chồng báo mốc meo ở góc nhà, tôi đem ra đọc. Báo “Sóng thần” thì phải, trong đó có bài tường thuật trận đột kích của đơn vị Biệt động quân Cọp răn vào một Trạm Giao liên trên đường mòn Hồ Chí Minh. “...Bị đánh bất ngờ, các con cháu của Đảng và Bác đã quăng cả súng mà chạy, quên mất lời thề thứ 8 của họ là đến chết không rời vũ khí... Cọp răn tịch thu được 4 súng Cộng đồng và 12 súng cá nhân...”. Nội dung không có gì mới nhưng cách hành văn buồn cười quá.

Buổi tối, tôi và Chính chui xuống hầm dưới tát cạn nước rồi trải rơm nằm ngủ. Còn anh Thanh và Quang, Bích thì nằm trên hầm hở sườn.

Đã sang ngày thứ ba của đợt hành quân.

Sáng sớm Quang đi với Bích lên D bộ lấy gạo. Tôi tha thần lượn ra ven làng chơi. Cái xóm trước mặt sao mọc nhiều chuối thế. Chợt tôi thấy trên bờ ruộng cách khoảng 200m có một con chó đang chạy lon ton. Tôi vội lao vào nhà vớ lấy khẩu AK, nhưng tới nơi thì nó đã lủi đầu mất, tiếc thật. đành tự an ủi: xa quá, có bắn chưa chắc đã trúng. Thực ra bọn chó hoang nhiều con ăn cả thịt người chết, nhưng lính ta bắn được vẫn đem chén ngon lành. Có cậu bên C10 bắn được con lợn hoang to tướng, đen sì. Nhưng nhìn cái mặt nó ghê quá, có 2 răng nanh dài, vểnh lên, chẳng ai dám ăn.

Anh Thanh về gọi tôi đi họp. Cậu Minh người Thái Bình, A trưởng A5 và ông Tin người Hải Phòng, A trưởng A6, đã đứng đợi sẵn. Cả bốn người khoác súng đi loang quanh mãi mà không tìm thấy C bộ. Một cuộc tham quan phong cảnh bất đắc dĩ. Chúng tôi vào xem cả đình làng, băng qua hết

hàng rào này đến vườn cây khác. Chợt nghe có tiếng ì ầm như máy bay phản lực. Nhưng không phải, đó là tiếng xay lúa ở ngôi nhà gần đấy. Hóa ra có hai o du kích địa phương cùng một ông già đang xay và sàng gạo. Chúng tôi ghé vào hỏi đường. Hai o du kích tuổi chừng đôi tám, xinh lắm, miệng tươi như hoa, nói cười ríu rít. Nhưng tôi chẳng hiểu họ nói gì cả, ví dụ: “Ô tề ông tra tề... Răng tui nhủ ông ngồi lổ ni ông lại đi ra tề rứa?” Theo tôi hiểu thì một o chế o kia là quan tâm đến tôi quá mức, hay là mê tôi rồi.... O kia tức quá đỏ mặt quát: “Tau xán cho mi một đọi trửa mặt bầy chừ...” (???).

Chúng tôi lại phải loanh quanh đi tìm mất một lúc nữa, tưởng muộn rồi nhưng khi đến nơi thì cuộc họp mới bắt đầu. Anh Hộ Đại đội trưởng đã đi chuẩn bị trận địa từ mấy hôm trước, nên anh Phùng Chính trị viên chủ trì. Anh nói về tình hình của E64 và D1 của Trung đoàn tôi đang tác chiến. Chúng ta đã đánh bại bước đầu cuộc hành quân “Sóng thần 36” của địch, các Tiểu đoàn 2, 4, 8 thuộc Sư đoàn Thủy quân lục chiến nguy đang hoảng loạn. D1 đâu đã diệt được một đại đội địch và đánh thiệt hại nặng một đại đội khác. Nghe anh nói chúng tôi rất phấn khởi. Sau đó đến mục đăng ký diệt địch: B này chỉ tiêu phải diệt bao nhiêu tên, bắn cháy mấy xe tăng, A kia bắt sống mấy tên, bắn cháy bao nhiêu xuồng máy... Thực sự thì tôi không tin vào tiết mục này lắm. Mấy cậu A trưởng của Trung đội 1 ngồi bên cạnh tôi đang xem hai quyển sách Giáo khoa lớp 6-7, nội dung cũng hay hay. Cuối cùng anh Phùng phổ biến kế hoạch hành quân tối nay và lệnh cho các A nấu cơm nấu.

Trên đường về, bốn đứa B2 chúng tôi còn bươn ra ngoài làng, nhảy lon ton trên mấy cái mả to tướng, hái được một lô rau muống. Quang và Bích mới đi lấy gạo về còn mệt nhưng cũng phải chuẩn bị hành quân. Bích không phải làm anh nuôi trung đội nữa, nên đi lĩnh vũ khí là một khẩu AK “mẻ nòng” về. Như vậy cả ba khẩu AK của tiểu đội tôi đều là loại “mẻ nòng”. Sở dĩ gọi thế vì nòng loại AK này vát nhọn ở phía dưới, thân súng sơn xỉ đen, không gỉ bao giờ. Súng này nhẹ, bóng và ốp che tay bằng gỗ

dán, thước ngắm 10, đạn đi rất căng. Tôi rất quý khẩu súng của tôi mang từ Hà Nội vào, còn nhớ số súng là 0057.

Mỗi tay súng AK mang 200 viên đạn và 4 quả lựu đạn. Khoảng 5 giờ chiều, trời mù vì trần mây thấp, thế mà vẫn có một loạt bom tọa độ đánh trúng vào cái làng nơi chúng tôi sắp tới tập trung. Tuy vậy tất cả vẫn nai nịt gọn gàng và lên đường.

Tôi bước đi, trong lòng rất thanh thản, vui vẻ ngắm cảnh vật bên đường, có biết đâu những nguy hiểm khủng khiếp sắp xảy tới với mình. Hình như có điềm xấu báo trước thì phải. Khẩu AK đeo trước ngực thỉnh thoảng khi đi tôi vẫn nghịch bóp bóp cò súng. Hôm nay vừa sờ đến cò thì “đoàng” 1 phát, viên đạn lửa lao vút ra khỏi nòng, bay đi xa mãi. Tôi hết cả hồn vía. May mà không có ai đi bên cạnh, vì đoàn quân theo đội hình hàng một, không thì chắc có cậu đã bỏ mạng. Anh Thanh đi ngay trước tôi, quay lại nhìn có vẻ trách móc nhưng không nói gì.

Qua mấy cái vườn mới bị bom tọa độ, đất đen thui khói còn khét lẹt, chúng tôi bước vào chỗ tập trung. Thấy mấy người lính B3 đang xúm quanh Châm “Bà Triệu”, còn gọi là Châm thối tai, băng bó đầu gối bị thương vì mảnh bom cho cậu ta. Châm nằm trên thềm nhà, mặt tái nhợt, thỉnh thoảng kêu khóc đau đớn, máu ở đầu gối vẫn thấm đỏ qua mấy lần băng trắng. Chúng tôi tản vào mấy ngôi nhà quanh đó ngồi chờ. Tất cả đều cảm thấy một nỗi sợ mơ hồ.

Gần tối mới tập trung đủ, chúng tôi tức tốc lên đường. Đi đầu là B1 rồi tới B2. Vừa đi khỏi làng khoảng 200m thì một loạt hơi phàn phật thổi tới làm cả bọn nằm bẹp xuống đất. Lại bom tọa độ rồi. Tôi ngoảnh lại nhìn, thấy hoa cà hoa cải vung lên tung tóe ở đội hình B3. Mảnh bom bay vào trên đầu, một mảnh rơi xẹt vào vũng nước cạnh tôi. Cũng may khi dứt loạt bom, chỉ có Dũng “Pa-ti-nhom” bị sức ép, còn toàn đơn vị không sao cả.

Chúng tôi đi rất nhanh. Khổ nhất là mấy cậu khiêng cáng Châm, đã nặng lại còn phải chạy. Đi mãi mà không đến nơi, hình như bị lạc rồi. Trời tối như mực, đường bờ ruộng thì nhỏ, lính ta trượt chân ngã oằn oạch. Khi tôi ngã, thường Chính con quay lại nâng. Lúc Chính ngã, tôi phải lôi mấy cậu ta mới dậy được. Ngã đau nên cậu ta hay cáu vô cớ. Đôi dép đúc bị tuột quai liên tục, cứ mỗi lúc nghỉ đều phải tranh thủ rút lại. Bắt đầu lội xuống ruộng nước, nhưng may không có bùn, kiểu ruộng khô mọc cỏ mới bị ngập nước. Chúng tôi cứ băng đi ào ào. Rét quá, lác đác có hạt mưa. Chợt hiện ra mấy cái gò nhỏ, hình như sắp tới sông, tất cả lăn ra trên gò nằm nghỉ. Rồi lại vội vàng choàng dậy vì anh Thanh đã hô: “B2, đi!”.

Mưa. Gió. Trời tối đen, rét căm căm. Những bàn chân lội nước ào ào, đoàn quân đã ra đến bờ sông Thạch Hãn.

Đó là đêm 28-11- 1972. Bến Gia Độ thì phải.

Những chiếc xuồng cao su cập bến, mỗi tiểu đội lên một chiếc. Xuồng của tôi có 6 người: cậu công binh chèo thuyền ngồi một đầu, anh Thanh B trưởng ngồi một đầu. Tôi với Bích ngồi đối diện ở hai mạn thuyền, đứa này bá vào vai đứa kia. Chính và Quang làm thành một cặp tương tự. Khẩu súng tôi đặt xuống đáy thuyền. Vừa bước lên, xuồng đã bập bênh chao đảo, cậu công binh phải gò người giữ. Anh Thanh lội đẩy xuồng ra rồi nhảy lên. Nó chòng chành rất mạnh làm chúng tôi sợ. Tuy vậy tôi vẫn nói cứng với cậu công binh: “Ra khơi nhờ tay lái vững, lo gì!”. Trời vẫn tiếp tục mưa. Ra đến giữa sông, sóng to quá, ào cả vào xuồng làm ướt hết quần áo. Bất thần một cơn sóng dâng cao làm nghiêng xuồng, chúng tôi hốt hoảng nhổm cả dậy. Nhưng đã muộn, tôi cảm thấy mình ngã lộn qua đầu Bích, rơi tõm xuống nước, miệng vẫn còn thảng thốt: “Ô...chìm à?”. Đối với tôi lúc đó cái chết tưởng như không gì cứu vãn nổi. Thứ nhất, tôi là người bơi rất kém. Bình thường thì từ đây vào bờ cũng không thể bơi nổi, huống hồ sóng to gió lớn lại tối mịt như lúc này. Thứ hai, cái ba-lô quá nặng với 200 viên đạn và 4 quả lựu đạn đang như tảng đá kéo tôi chìm xuống. Lại thêm tấm

vải mưa cứ quấn lung nhùng vào đầu trong khi tôi quấy lộn ùng ục. Một ý nghĩ đau đớn thoáng qua: “Không có lẽ mình chết? Mình chết một cách vô lý, một cách uổng phí như thế này ư?”. Cái chết như 1 bóng đen khổng lồ đang lạnh lùng ập đến...

Nhưng số tôi chưa chết. Lúc đó tôi vẫn giữ được bình tĩnh, nín thở, ra sức khóa tay nhoi lên. Cái túi ni-lông bọc quần áo cho khỏi ướt trong ba-lô trở thành 1 chiếc phao giúp tôi ngoi tới mặt nước. Tình thế vẫn tuyệt vọng, thì bỗng một cái gì đó đập vào đầu tôi. Ngoảnh lại, tôi thấy chiếc xuồng cao su tuy bị lật nhưng vẫn nổi. Tôi vội vàng bám vào ngay.

Lần lượt anh Thanh, Bích, Chính, Quang cũng bám vào được. Tôi dùng một tay tháo ba-lô cho trôi theo dòng nước, đành phải bỏ của cứu người. Cảm thấy mệt lắm rồi, hai tay bấu xuồng cứ từ từ rời ra. Tôi sờ được một đoạn thừng buộc thuyền bèn quấn chặt cổ tay mình vào đó. Cả lũ kêu cứu nhưng không hét to được vì mệt và rét. Những tiếng kêu run run trong đêm nghe thật thảm thương. Nghe rõ cả tiếng hàm răng anh Thanh đập càn cạch. Tôi vẫn động viên mọi người giữ bình tĩnh.

Rồi cuối cùng một chiếc xuồng khác cũng đến cứu. Tôi phải đập vào người Bích mới lên được, sau này Bích cứ trách tôi mãi. Xin lỗi bạn nhé, tôi không cố ý...

Tới bờ, cả bọn ướt lướt thướt run rẩy bước lên. Đồ đạc súng ống mất hết, tôi chỉ còn độc một chiếc dép. Hàm răng người nào cũng gõ liên hồi.

Từ đó hàng năm ngày 28-11 trở thành ngày Phục sinh của tôi. May là cái bến có tên gọi Gia Độ, chứ không phải Tiền Đường...

Tìm mãi mới thấy đơn vị. Năm đứa lê gót như mộng du vào một ngôi nhà, nằm vật xuống sàn đất ướt lạnh và thiếp đi.

Sau một đêm ngủ như chết, sáng dậy tôi đi lĩnh khẩu súng mới. Phải mượn dép Ngô Duy Minh A5 mà đi vì trời mưa, đường trơn. Tới B1 người

ta đưa cho tôi khẩu AK của Lâm Thành, một cái bao đạn kiểu đeo trước bụng và 60 viên đạn. Nói là súng mới, nhưng thực ra khẩu AK Trung cộng này rỉ ngòèn, và đã qua tay Chí Thành, Lâm Thành trước khi tới tôi. Nhưng thôi, có còn hơn không. Biết tôi bị mất hết đồ đạc, Lâm Thành xé cho một nửa cái võng.

Khi quay lại, thấy cả tiểu đội đang nấu cơm. Anh Thanh cử tôi ra bờ sông hôm qua lấy về cho mỗi người một quả cối 60 nghìn vụ (mang hộ cho Tiểu đội hỏa lực A10). Dọc bờ sông thấy hàng hóa chất đống. Bao gạo ngổn ngang trên bờ, dưới sông. Hòm đạn đủ loại đủ cỡ: 6,72ly, 7,9ly, 12,7ly, rồi ống nhựa đựng đạn cối 60ly, 82ly, B40/B41, liều phóng....xếp chồng lên nhau. Đầu tiên tôi tranh thủ phá hai bao gạo lấy mấy túi ni-lông về làm ba-lô cho tôi và cho Chính. Rồi lục tìm lấy đủ số đạn cối 60 về cho tiểu đội. Chợt thấy mấy cái ống trụ màu vàng bằng sắt tây cỡ cổ tay, có đề “Đạn phóng dùng cho AK”, tôi xách về hai hộp. Tới nhà tôi và anh Thanh mở ra, thì là mấy quả phóng lựu AT Việt Nam. Loại của Tàu tôi đã thấy ở Cam Lộ, đựng trong hộp nhựa. Xem quyển sổ nhỏ hướng dẫn sử dụng, thấy súng AK của mình thiếu phụ tùng lắp ở đầu súng để phóng. Chúng tôi bèn quăng đi tuốt, chỉ giữ lại mấy viên đạn hơi đem bắn chơi. Nói chung cái loại AT này không thông dụng bằng B40.

Đang ăn cơm thì cậu liên lạc đại đội xuống kêu anh Thanh mang đầy đủ trang bị đi trinh sát trận địa. Anh gọi ông Tài sang bàn giao Trung đội, và chỉ định tôi làm B phó thay Tài.

A5 được phân sang nhà bên cạnh để ở, nhưng các cậu ấy không muốn đi vì sang đấy phải dọn hầm bắn. Anh Thanh phải quát lên ra lệnh họ mới đi.

Anh Thanh đi rồi, A nào chỉ biết A nấy, ông Tài không có ý kiến gì cả làm tôi rất bức.

Buổi chiều tôi cùng Chính con ra vườn hái rau, còn Bích và Quang nấu ăn. Cái nhà mà bọn tôi ở nằm ngay ven làng, phía trước có con đường chạy ngang rồi tới một cái ngòi dài nối với sông vượt hẻm qua. Một toán lính của đơn vị nào đó đang đi lấy gạo qua chỗ chúng tôi. Chợt nhận ra cậu Đạt, trước cùng huấn luyện ở C49, sau được bổ sung về D1, tôi vội chạy ra hỏi tình hình và hỏi về Lê Thanh Bình, bạn học cùng lớp 10B của tôi. Đạt cho biết, địch đang ở cách đây khoảng 7 km, vùng này hay bị bom tọa độ, còn Lê Thanh Bình thì đã bị thương hỏng một mắt, và đã ra Bắc rồi. Biết vậy nhưng tôi lại thấy mừng cho Lê Thanh Bình từ nay thoát nạn, và vội đi vào nhà giục mọi người củng cố hầm hố.

Trời mù nên máy bay địch không hoạt động nhiều. Tôi và Chính con đang hái những cây rau muống còi cọc đã mọc hoa tím, chợt “X...é...t! X...é...t”, hai tiếng rú khủng khiếp làm chúng tôi vội nằm mọp xuống. Rồi nghe có tiếng lao xao, thì ra các cậu pháo binh DKB gần đấy vừa phát hỏa. Dù biết như thế, nhưng mỗi lần nghe phóng DKB, một loại đạn phản lực cỡ 122ly, chúng tôi vẫn không kìm được nổi hoảng hốt. Quân địch khiếp sợ DKB của ta cũng phải. Các chiến sĩ DKB khi bắn phải nút tai, nên họ hô khẩu lệnh rất to, chúng tôi ở cách đó vài trăm mét mà vẫn nghe rõ.

Buổi tối, Bích và Quang xuống cái hầm bé tí nằm ngủ. Tôi và Chính đành tặc lưỡi: “thôi nằm trên vậy, chết bỏ!...”. Hai thằng rút rơm từ cây rơm ngoài sân đem vào rải ra sàn rồi mặc màn ngủ. Tôi nói với Chính: “ D3 của ta sắp vào thay D1. Hai đứa mình phải bám chắc nhau trong chiến trận, nếu một thằng bị chết hoặc bị thương thì thằng kia phải cố sức mang ra. Không ai thương mình đâu... Phải học thuộc địa chỉ của nhau ở Hà Nội: Chính, Tập thể P18 Hoàng Hoa Thám; Vinh, nhà B1 KTT Nguyễn Công Trứ, để có gì còn về báo cáo với gia đình...”. Đã thấy nhớ anh Thanh. Tiếng pháo kích vu vơ lúc xa lúc gần đưa chúng tôi chìm dần vào giấc ngủ.

Buổi sáng hôm sau chúng tôi đi lấy thêm gạo rồi lau chùi vũ khí. Đến gần trưa thì anh Thanh về. Tối qua các cán bộ của C11 đã bò vào gần làng

địch để trình sát. Anh báo tin vui là anh đã có Quyết định kết nạp Đảng ký hôm 28-11-1972, thật là một ngày khó quên...

Tiểu đội tôi vừa ăn cơm xong thì liên lạc đại đội xuống báo chuẩn bị hành quân ngay. A5 vẫn chưa ăn xong, A6 thậm chí còn chưa thổi cơm. Anh Thanh cầu quá, quát ông Tài ầm ỹ.

B2 ra tập trung chậm, bị anh Khuông C phó xạc cho 1 trận. Cả bọn phải chạy để đuổi kịp đại đội.

Phía bên phải là một con sông nhỏ, chúng tôi đang đi xuyên qua những làng ven bờ. Nhà cửa nhiều chỗ tan hoang quá. Trên một số bức tường đổ, được quét vôi xanh dương hoặc xanh trời, còn thấy các khẩu hiệu “Quân dân Triệu Phong quyết đập tan cuộc hành quân tái chiếm của địch” hoặc “Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do”... Nhưng tôi cũng từng thấy những khẩu hiệu khác, trong một ngôi nhà của Lý trưởng hay trụ sở Hương thôn gì đó. Khắp nơi dán những băng giấy ghi “Người cày có ruộng”, “Cần kiệm liêm chính”, “Nhân vị” (Vì dân)... nghe quen quen. Cả những khẩu hiệu đao to búa lớn hơn như kiểu “Tổ quốc trên hết”, “Tổ quốc, Danh dự, Trách nhiệm”... Có cảm tưởng hình như Lý trưởng của bọn nó cũng giống của mình, chỉ có điều bọn nó thực hiện sai?...

Chúng tôi đi qua một làng D1 đang đóng, thấy mấy cậu C49 cũ vẫy tay, trong đó có cả Mai Xuân Hiến. Dọc đường hành quân nhiều lần phải dừng lại để dồn đội hình. Nghe nói sắp phải vượt sông. Đoàn quân đi trên đồng, gió thổi ù ù. Tôi vẫn một chân dép, một chân không, khổ quá. Chợt thấy mấy cậu lính đi ngược lại, toàn người quen cả, trong đó có Luận gầy ghi-ta giỏi ở C49. Các cậu ấy đang gánh chiến lợi phẩm, một đầu là bó súng M16, đầu kia là hai khẩu đại liên M60.

Gặp nhau tay bắt mặt mừng, tuy nhiên tôi cũng nghe tin thêm là một số bạn đã chết: anh Ngạn giáo viên, cậu Ngọ... vv. Luận đang đi một đôi giày Thủy quân lục chiến Mỹ, sau cóc ba-lô nhét 1 đôi dép đúc. Tôi bèn xin

đôi dép, nhưng Luận lại cởi đôi giày ra đưa cho tôi. Đôi giày Mỹ này cỡ 5W, màu đen, đế cao su, hai bên mép có lỗ thoát nước, lội nước rất tốt, tôi đi rất vừa. Tới bờ sông, cả bọn tản vào mấy cái lô cốt xây liền nhau ở đó. Tôi khoe đôi giày với Ngô Duy Minh, người cũng đang khổ sở vì tuột dép. Sông quăng này hẹp, chúng tôi lại vượt bằng xuồng cao-su. Trên xuồng vẫn đủ thành phần 6 người như bữa nọ. Nhiều lúc xuồng trôi tròng trành mạnh, tôi đưa mắt nhìn anh Thanh, thấy anh cười. Cuộc vượt sông an toàn, tôi ngồi nói chuyện với Duy Minh. Cậu ta hỏi: “Tao tưởng mày lên B phó rồi chứ?”. Anh Thanh quay sang bảo Duy Minh: “Thằng Vinh nó sắp thay tao được, B phó là cái gì...”. Khi lội qua những đoạn đường ngập ngựa, tôi thấy đôi giày Mỹ tốt thật, thoát nước rất nhanh. Anh Hưởng, Chính trị viên phó đã đứng đợi sẵn, bảo bọn tôi vào một ngôi nhà gần đó ngồi đợi. Trong nhà chất đầy những bao tải thóc gạo. Hộp ghi-gô, bát đũa, xoong nồi, lưới đánh cá...quăng khắp sân. Tôi nói chuyện với anh Đạm B phó C49 cũ.

Đại đội lại tiếp tục hành quân. Chúng tôi đi men theo con sông, lúc này đã ở bên trái. Tới chỗ này nó trở thành mênh mông, giữa dòng nổi lên một hòn đảo rộng, cỏ mọc xanh rì. Một đàn trâu rất đông đang ung dung gặm cỏ trên đảo, vì ở đó chúng cảm thấy an toàn. Nếu chúng ở bên này, thế nào cũng bị lính ta bắn rồi xẻ thịt. Tôi đã nhìn thấy những xác trâu trương phềnh, hai đuôi sau bị cắt mang đi mất. Gió thổi ào ào, thoáng nghe tiếng ì ầm của biển, sóng đánh oàm oạp vào bờ. Bãi cát ven sông thấy nhiều con cá biển bị dạt lên đã chết khô, cùng nhiều bèo bọt rác rêu.

Chúng tôi đi vào một làng có tên gọi Vân Trường hay Lê Xuyên gì đó. Trong làng còn thấy hai gia đình dân và một tổ du kích trụ lại. A4 được phân vào một nhà có cái hầm khá tốt. A5 và A6 bị phân vào 2 cái nhà hoang, phải đào hầm, nên các cậu ấy có vẻ bức bối. Buổi chiều ăn cơm theo Trung đội, nấu nướng ở nhà A6. Có lệnh tối nay đi chiến đấu, nên phải nấu thêm cơm và nắm cho mỗi người 1 nắm. Ăn xong tất cả về sửa soạn vũ khí. Anh Thanh ra lệnh cho mọi người tìm vải trắng buộc vào cánh tay để nhận ra nhau khi chiến đấu ban đêm. Tôi đi vào 1 nhà bỏ hoang để tìm vải. Vẫn

cảnh ngổn ngang quen thuộc, và rất nhiều quần áo vứt bừa bộn. Tôi lôi ra 1 cái áo dài trắng. Một mình trong ngôi nhà vắng, trong khung cảnh tịch mịch của hoàng hôn, cái áo dài trắng lay lắt như sống động làm tôi thấy rờn rợn. Tôi bèn vứt nó đi và lấy 1 cái may-ô trắng mang về.

Buổi tối, chúng tôi nai nịt gọn gàng, ngồi đợi lệnh dưới hầm trong nhà. Cái hầm chữ A này rộng thật, hai đầu là hai thùng phuy to, đỡ một cây cột vuông dài làm đòn nóc. Hai sườn hầm toàn là những súc gỗ to nặng, vuông vắn, đất đắp lên như cái gò con. Thấy hầm chắc chắn, cậu Trường “Khâm Thiên” ở A6 chạy sang rúc vào ngồi với chúng tôi, bị anh Thanh đuổi về.

Cuối cùng lệnh tập hợp cũng đến. Cả Trung đội nhanh chóng mang vũ khí ra khỏi hầm. Trời tối như mực, lại hơi mưa, tôi bị vấp vào dây thép gai ở hàng rào, may không việc gì.

Các trung đội khác cũng đã tới, cùng tản vào mấy ngôi nhà của tổ du kích ngồi nói chuyện. Còn phải đợi bộ phận đại liên và DKZ phối thuộc tới nữa. Lệnh tập hợp đại đội phát ra. Chúng tôi nhanh chóng đứng vào đội hình, im lặng. Trước trận đánh đêm nay, sao tôi thấy hồi hộp thế. Đó cũng là tâm trạng chung của mọi người. Chỉ mấy tiếng nữa thôi, ai trong số những chiến sĩ đang đứng thẳng người nghe mệnh lệnh này sẽ vĩnh viễn ngã xuống? Có thể là mình chăng?...

Anh Phùng, Chính trị viên đứng trước hàng quân động viên đơn vị. Tôi tự nhủ thầm: “Anh cứ yên tâm, tôi sẽ chiến đấu một cách xứng đáng”. Tiếp đó anh Hộ, Đại đội trưởng, lên phổ biến kế hoạch tác chiến. Đại khái B2 của tôi có nhiệm vụ đánh chiếm một đồi cát nhỏ nào đó. Nhưng cái giọng nói bình thản, thân ái của anh đã làm cho chúng tôi ấm lòng. Anh nhắc mọi người kiểm tra tất cả lại lần cuối, dặn chúng tôi bình tĩnh. Chiến đấu cùng một đại đội trưởng như vậy thấy rất yên tâm. Thực ra chúng tôi chỉ ngại mỗi vấp phải mìn, nhất là mìn định hướng.

Tất cả lại lên đường. Trời tối nhanh thật. Tôi nhìn những ngọn hỏa châu ở góc trời, bụng tự hỏi: địch ở đó chăng? Ta đang đi đến đó chăng?... Hành quân vất vả quá. Chẳng hiểu ai dẫn đường mà phải lội nhiều thế, nhiều chỗ lội tới bụng, nước lạnh buốt. Mưa bắt đầu nặng hạt. Tôi quàng tấm nilông làm bằng bao gạo, rồi trùm mũ mưa lên. Cái mũ mưa vải bạt này là do Lâm Thành cho, vì tôi bị mất cả mũ tai bèo lẫn mũ cối.

Bắt đầu bước lên một doi cát dài. Thấy có mùi vừa tanh vừa thối: chắc quanh đây có xác trâu bò chết. Chúng tôi đi ven theo rìa cát. Hàng rào của dân cũng làm bằng dây thép gai, vấp vào đau điếng. Đoàn quân đi đã rất lâu, nhiều người bị lạc, cán bộ phải bấm đèn pin gọi. Cuối cùng cũng có lệnh nghỉ. Quân ta chui hết vào hai ngôi nhà gần đấy. Mưa rơi rào rào. Trong ngôi nhà tôi trú, lính đông nghẹt. Anh Hộ và anh Phùng đang ngồi cạnh cậu thông tin 2W, tìm cách bắt liên lạc với Tiểu đoàn. Chợt có lệnh gọi các A cử người đi lấy thêm đạn: mỗi A phải mang thêm 3 quả B40 hoặc DKZ nữa. Tôi và anh Thanh đi lĩnh về giao cho anh Tài phân phát. Lính mình lười thật, cứ đùn nhau, chẳng ai chịu nhận. Sao đợi lâu thế không biết? nửa đêm rồi còn gì. Cuối cùng anh Phùng tuyên bố hoãn cuộc tập kích tối nay, tất cả thở phào nhẹ nhõm. Lúc đi ra khỏi nhà, tôi vớ nhầm tấm nilông của ai khá rộng, lại thắt nút quanh cổ rất khít. Thấy anh Hộ cứ loay hoay tìm mãi mà chỉ thấy tấm nilông của tôi bỏ lại, tôi cứ lờ đi. Bây giờ thấy ngượng quá, xin lỗi anh nhé...

Đoàn quân quay trở về. Lại ngôi nước ngập bụng lạnh giá, lại doi cát, mùi hôi, và mưa. Mưa ào ào. Những giọt mưa to thô lỗ, quất phũ phàng vào mặt. Nhiều lúc rất quá, tôi phải nhắm mắt lại. Có một lần vì thế mà bị lạc. Khi Chính con đi sau gọi, tôi mở mắt ra thì chẳng thấy người trước đâu, mà phía sau là cả một đoàn người. Tiếng mưa át hết tiếng chân người đi trước. Chúng tôi phải chạy, thỉnh thoảng lại gọi to và cúi sát đầu xuống đất nhìn lên để tìm bóng người. Thấy bốn bề đều như nhau, tiếng chửi bới phía sau cất lên âm ỉ. May quá, cuối cùng cũng theo kịp người đi trước. Hú vía, lơ mơ dễ đi lạc vào làng có địch chứ chả chơi.

Chúng tôi lại chui vào căn hầm quen thuộc, nằm lên cái dất giường bằng tre ọp ẹp, bên dưới sàn toàn nước, che nilông hai cửa hầm và ngủ mê mết.

Ngày 01-12-1972

Buổi sáng chúng tôi dậy muộn. Trời mây mù, không gian yên tĩnh. Tiếng pháo biển bắn suốt đêm qua, bây giờ im hẳn. Chỉ nghe tiếng hàng thông vi vu và tiếng ì ầm của sóng biển đâu đây. Tôi ngồi buộc lại chiếc guì, trong đó có nửa cái võng, một quả đạn cối 60 nghìn vụ, và một ít truyền đơn địch vận...

Đến chiều nghe phong thanh rằng tối nay lại đi tập kích. Một đơn vị mới đến, muốn tiếp nhận mấy cái hầm của chúng tôi. Đó là các chiến sĩ của Sư đoàn 325. Anh Thanh chỉ cho họ sang mấy ngôi nhà hoang chưa có lính ở.

Chúng tôi nấu cơm ăn no, cho cơm nằm vào guì, buộc khăn trắng vào tay. Vừa sẩm tối lại tập trung đại đội. Vào nhà C bộ đóng tôi thấy có mấy o du kích và hai đứa trẻ con. Ba lô của B1 xếp đống trong nhà. Anh Hộ, Đại đội trưởng cao lênh khênh, chân đi giày cao cổ, thắt lưng Mỹ gài lựu đạn mở vệt, cổ quần võng dù, đang gọi mấy cậu lính hỏa lực phối thuộc ra tập hợp.

Đại đội xuất phát. Hôm nay nhất định đánh rồi. Đi hơn một tiếng thì có lệnh nghỉ. Cả bọn tạt vào một ngôi nhà. Tối om, mấy cán bộ đại đội đang tụ họp ở cái hầm trong góc nhà bàn bạc. Tôi vào bếp, thấy còn đóm đỏ, bèn cời than ra sưởi. Quang, Bích thì châm thuốc hút. Tôi đang buồn vì không có Chính đi cùng hôm nay. Lúc sắp lên đường thì tự nhiên cậu ta đau bụng dữ dội, Y tá phải chạy đến khám, nên cu cậu nằm nhà. Dù sao có Chính cùng chiến đấu tôi vẫn yên tâm hơn.

Hơn 20h rồi, sao vẫn chưa đi? Hay lại quay về? Nhưng rồi lệnh đi được truyền ra, chúng tôi bám sát nhau bước gấp, trong lòng thấy hồi hộp. Lội qua một ruộng nước đầy cỏ, phía trên truyền xuống: “Vượt nhanh qua đường cái!”. Đây rồi, con đường nhựa phẳng lì, rộng thênh thang. Nghe vang lên những tiếng động dồn dập, khô khốc dưới gót chân người lính. Đường này tốt thật, nó chạy thẳng ra cảng Cửa Việt. Đường 4 thì phải...

Chúng tôi đi trên bãi cát trống. Tất cả bước gấp. Bỗng một quầng vàng rực lóe lên trước mắt, chưa kịp hiểu gì thì tiếp đó là hai tiếng nổ xé tai. Tôi nằm bẹp xuống. Mảnh bay vù vù. Bây giờ mới nghe tiếng rít xoèn xoẹt của đạn pháo và mấy quầng lửa lại lóe lên gần đó. Tất cả chạy tán loạn. Không kịp nghĩ gì, tôi cũng chồm dậy chạy. Thấy có mấy cậu vẫn đang nằm. Hình như có tiếng rên. Tôi vẫn cắm cổ chạy. Tới lúc hoàn hồn, cả bọn mới tập hợp lại. Nghe nói có hai người bị thương là cậu Đăng liên lạc và anh Đạm (B phó huấn luyện của tôi, nay là B phó B3, bị vào chân). Rồi chúng tôi lại đi vào một làng và gặp anh Phùng đứng đón. Còn thiếu một trung đội và A10 Hỏa lực.

Đàn ông phải đợi thôi, tất cả chia nhau tản vào các mảnh vườn ven đường ngồi nghỉ. Bị cú vừa rồi cũng hơi hoảng, nhưng nó càng chứng tỏ rằng tôi không thể chết vì đạn pháo (ở Quán Ngang cũng đã bị một cú tương tự). Anh Phùng từng nói: “Bị pháo kích, có chết thì thường chết vì quả đạn đầu, chứ ít chết vì những quả sau.” Ai ngờ câu nói đó sau này lại vận đúng vào anh.

Cứ như vậy, chúng tôi đi suốt đêm, lội giữa những cánh đồng đầy cỏ, nước ngập đến gối. Làng mạc bốn phía tối đen, chẳng hiểu của ta hay của địch. Tối quá nên cậu dẫn đường bị lạc, không tìm thấy cái làng C tôi phải tập kích. Xa xa thấy một đoàn người cũng đang lội. Đó là C12, C hỏa lực của Tiểu đoàn tôi. Các cậu ấy còn phải khiêng vác nặng, vất vả hơn nhiều.

Đã gần sáng rồi, có lẽ phải quay về thôi. Mà có lẽ chúng tôi cũng đang quay về thật. Một làng gần đấy đang bị pháo kích. Những bưng khói màu

da cam chói lọi cuộn lên sau ánh chớp, tiếp theo là tiếng nổ ùng oàng. Không hiểu khẩu cối cá nhân từ đâu cứ “cạch oành”, “cạch oành” bắn mãi ra đồng nước.

Còn chúng tôi thì vẫn lội giữa cánh đồng. Gần 3h sáng rồi, bóng đêm đã nhạt dần. Đoàn quân đang đi ven theo một cái làng đen thẫm. Xung quanh thấy có hầm kèo, ụ cát nhô cao như những cái mả. Hồi hôm chúng tôi cũng đã gặp một cái hầm giữa bãi cát, to như một quả đồi con, trong đó có hai cậu lính thông tin. Cả bọn lúc đó ngồi nghỉ và tôi đã ngủ gật. Đang đi tự nhiên tất cả dừng lại, tôi bèn vọt lên trước thì thấy mấy cán bộ chỉ huy đang nói chuyện với nhau (về sau tôi nhận ra trong đó có anh Căn, quyền D trưởng). Hình như đây là Tiểu đoàn bộ. Rồi có lệnh cho C11 cấp tốc quay lại tập kích! Chúng tôi hết sức sững sốt, lập tức tất cả tỉnh như sáo...

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt (2)

Cả đoàn quân lại lội nước oàm oạp đi theo người dẫn đường. Đôi giày Mỹ đặc dụng thật, tôi cảm thấy rất thoải mái, còn xung quanh thì mấy cậu lính ta đã phải xách dép tuột quai. Bắt đầu đi trên mặt cát nước xâm xấp. Lúc này đã nhờ nhờ nhìn thấy mặt người. Trời ơi, sáng bạch thế này mà cũng tập kích ư?

Chợt thấy hai quả pháo hiệu màu đỏ bay vọt lên không, và tiếp đó là hàng loạt dây đạn lửa đỏ lừ từ làng chếch bên trái chúng tôi bắn sang làng trước mặt. Làng 8 đấy.

Chính trị viên Phùng quay lại đoàn quân, hét lớn: “Xung phong!... Vì Tổ quốc, tiến lên!...”.

Giữa muôn ngàn tiếng nổ, tôi cũng hét lớn: “Tiểu đội 4... Vì Tổ quốc, tiến lên!”.

Tất cả chúng tôi bật dậy, lao thẳng về phía làng trước mặt, cùng đồng thanh hét lớn: “Xung ph...o...ng...”.

Nắm chắc súng, tôi băng nhanh trên bãi cát, tinh thần bị kích động mạnh và hừng hực ý chí chiến đấu. Nhưng cũng chưa bao giờ tôi thấy bình tĩnh bằng lúc này. Trên bãi cát, đạn đỏ lừ bay ngang bay dọc. Không còn biết đạn từ đâu tới và của ta hay địch. Tôi ngạc nhiên vì hầu như không nghe thấy tiếng đạn nổ nữa. Ngay cả dòng lửa tuôn từ phía trái sang kia, tôi biết là của mấy khẩu 12ly7, mà cũng chỉ nghe phùng phụt... phùng phụt... rất kỳ lạ. Tôi vừa chạy, vừa ngậy thơ nhìn những viên đạn đỏ dòng dọc bay trên cát ướt, bay đến đâu chiếu sáng đến đó. Có viên bay thẳng được một

đoạn thì bỗng bình lướt lên cao, có viên thì nhẹ nhàng chạm xuống mặt cát, rồi lại nhẹ nhàng nảy lên, bay đi xa mãi...

“Ta đang xung phong đấy ư? Đây là một cuộc xung phong ư?...” Tôi ngạc nhiên tự hỏi.

Thật ra trên bãi cát lúc này đang râm ran tiếng thét xung trận. “A...a...a...”, tiếng kêu man rợ của thần chết, đang lạnh lùng vung lưỡi hái thu hoạch một mùa gặt dồi dào....

“A...a...a...”, miệng tôi thét lớn theo tiếng thét của đồng đội, chân tôi lướt nhanh và đầu tôi quay cuồng ý nghĩ...

Có lúc tôi nhìn lại, và về sau rất lấy làm lạ, là tại sao đại đội tôi, trên bãi cát rộng chỉ là một toán ngót nghét 60 người, vừa chạy vừa hò hét, vừa bắn AK và B40 vào làng, vậy mà các xạ thủ đại liên của bọn Thủy quân lục chiến không quét ngã một người nào? Chắc là chúng quá bất ngờ vì cuộc tập kích hầu như giữa ban ngày, khi chúng bắt đầu nghỉ ngơi sau một đêm canh gác căng thẳng. Đến lúc tỉnh ra thì chúng tôi đã vào quá gần, chúng chỉ còn cách chém về.

Những dòng đạn lửa vẫn bay trên bãi cát, và mỗi lần dòng đạn bay đến gần, thì chúng tôi lại chạy dạt về 1 phía khác.

Cậu dẫn đường người Quảng Trị chạy lẫn trong chúng tôi, là người hét khỏe nhất. Cậu ta vừa chạy vừa quay bốn phía thúc dục: “Xông lên! Địch ở mấy gò cát đó... Xông lên! Đứa nào quay lại tao bắn chết”!

Cát ướt rượt. Đang chạy, bỗng hai chân tôi thụt cứng xuống vùng cát mềm ngập tới gối. Cả thân người đổ nhào ra đằng trước. Tôi thở hồng hộc, quay lại nhìn. Cái gùi đã tuột quai từ bao giờ, mất ráo cả nắm cơm lẫn quả đạn cối. Hai dây gùi cứ lòng thòng sau tôi như hai cái đuôi từ nãy đến giờ. Tôi quài tay giật chúng vứt đi. Cậu Quảng Trị, về sau mới biết tên cậu ta là

Mốc, chạy lại hỏi: “Sao đó? Sao nằm rồi đó?”. Tôi gằn giọng trả lời: “Không sao cả!”, và lại chồm lên chạy tiếp.

Chợt một tràng đạn chối óc nổ sát sau lưng, tôi quay lại, thấy cậu Quang “xin” mặt mày trắng bệch, súng còn bốc khói. Tôi gắt: “Mày bắn vậy có ngày giết tao!”. Đúng là trong lúc xung phong nhiều khi thẳng nhất bắn phải thẳng gan như thế đó...

Tôi cảm thấy đội hình chạy thật hỗn loạn, nên luôn mồm gọi A mình, và luôn giữ chặt Bích, cây B40 của A, ở bên cạnh. Lúc này B2 đã phân tán đầu cả, chỉ còn A4 của tôi và anh Thanh. Tất cả vừa chạy vừa bắn như điên.

Chúng tôi đã xông tới rìa làng. Từ trong lùm cây trên 1 gò cát nhỏ có luồng đạn lửa phụt ra. Tôi bèn quỳ xuống bắn 2 loạt ngắn vào đó, rồi quay ngoắt lại gọi Bích: “Hỏa điểm đó! Mày thui cho tao!”. Bích quỳ xuống giương B40 lên bóp cò. Không nổ. Bích xoay quả đạn lại, bóp cò. Vẫn không nổ. Anh Thanh giằng súng, loay hoay bắn, vẫn tịt. Tôi sốt ruột định bắn thử, thì Bích đã đưa súng lên và bất ngờ “Ừng oành”, quả B40 nổ điếc tai, lao vụt đi. Tôi chồm ngay dậy vừa bắn vừa hét: “Thủy quân lục chiến cũng phải thua lính Bắc Việt Nam!”.

Ngô Duy Minh chạy cạnh tôi từ bao giờ, nói nhỏ: “Máu vừa vừa thôi, Vinh ơi!”...

Chúng tôi đã lên được những gò nhỏ, bắt đầu chạy dọc theo doi cát dài. Chỗ hỏa điểm lúc nãy bị trúng quả B40 của Bích, còn thấy hai xác địch cháy đen thui nằm cạnh khẩu đại liên cong queo.

Có những quả đạn nổ gần đấy, khói mù mịt. Sau mới biết là Cối 82 của C9 bắn nhằm vào chúng tôi. DKZ 82 của C11 cũng lập tức quay nòng phang trả C9. May mà mấy xạ thủ này bắn khá tồi nên lính cả 2 C không ai bị chết!...

Quân địch đã rút chạy từ lúc nào, công sự hầm hào bỏ trống cả. Qua mỗi cửa hầm chúng tôi đều tọng một quả lựu đạn vào, thằng nào bị thương mà nằm dưới đó thì chắc chết. Thấy có vài cái xác mặc quần áo rằn ri nằm dưới hào. Nhưng một cái xác nằm trên doi cát mới làm tôi chú ý. Đó là một cái xác không đầu đã hơi trương, mặc quân phục vải Tô Châu đeo thắt lưng đỏ, một tay bị cụt còn quấn băng trắng. Chắc chắn đó là xác lính mình. Bọn chó đẻ, không có lẽ chúng nó chặt đầu tù binh?

Lúc này hai cánh quân C9 và C11 đã hợp lại với nhau, cùng chạy trên doi cát truy kích địch. Hết doi cát, một quãng đồng nước trống trải mở ra, và bờ bên kia là Cao điểm Tám Cát sừng sững đứng chắn. Từ cao điểm này, quân địch tổ chức phòng ngự chống lại cuộc xung phong của chúng tôi. Tiếng “cạch oành” của cối cá nhân liên tiếp vọng đến, chen lẫn từng loạt M16 cực nhanh “chúu chúu” bắn vào các chiến sĩ ta đang ngoi ngóp dưới đồng nước lầy. Một vài người trúng đạn, giãy đành đạch. Thấy tất cả quay lui, tôi cũng chạy trở lại doi cát.

Chúng tôi nằm trong một đoạn hào do địch đào từ trước bên sườn doi cát. Cạnh tôi là Quang “xiu” và hai cậu lính C9 người Thanh Hóa. Cả bọn chăm chú quan sát mấy bóng người đang băng đồng chạy về phía chúng tôi, bùn đất lấm lem, cái băng trắng ở tay cũng không thấy, không hiểu là ta hay địch. Hai cậu C9 giương súng lên định bắn, tôi gạt đi, bảo để họ đến gần thêm đã. Hơn nữa, đạn địch vẫn bắn không ngừng, và nhiều quả cối cá nhân nổ trùm lên đám người đó. Tôi tưởng họ chết cả, nhưng không, họ lại nhoi lên và chạy tiếp.

Đang ngهن đầu lên quan sát, chợt tôi cảm thấy có một ngọn roi sắt quất vào tai trái, gió rít vù qua, nửa mặt bên trái tê dại. Tôi ôm vội tai, cúi người xuống hào và nói: “Quang ơi, tao bị cụt tai rồi...”. Nhưng khi Quang bảo bỏ tay ra để băng, thì không phải bị thương vào tai, mà viên đạn sượt qua cổ, hớt đi 1 tý da, làm chảy máu. Hơi gió quá mạnh làm tôi có cảm giác

như vậy. Cũng may, nó mà đi chệch vào bên trong khoảng 1-2cm, trúng động mạch cổ, thì đã “Máu anh phun như lửa đạn cầu vồng” rồi...

Mấy người ngoài đồng đã chạy tới gần. Toàn quân C9 cả, cái băng trắng bị bùn lấm che mất. Hú vía, suýt nữa thì bắn nhầm...

Chạy đầu toán là Lượng, cùng B1 huấn luyện với tôi. Tới nơi, cậu ta thều thào: “Vinh ơi, băng cho tao với... Tao bị thương rồi...”. Má phải của Lượng có 2 vết sượt rất sâu, mà không chảy máu. Tôi nói: “Tao cũng bị thương, Quang đang băng đây. Mà chạy vào tí nữa, thằng Thịnh băng cho...”. Tôi chỉ xuống cuối hào, nơi Thịnh “rượu” đang ngồi, mặt mũi tái xanh không còn hột máu.

Quang “xin” lúng túng cứ quấn chặt băng vào cổ tôi. Một lúc sau tôi phải chạy lên phía trước tìm anh Thanh, thở hồng hộc mà cái băng cứ thít vào cổ, bức mình quá bèn giật phắt ra quăng đi. Rồi cũng tìm được anh Thanh và anh Hưởng (Chính trị viên phó đại đội) ở trên đầu doi cát. Chỗ đó có một cái hầm cũ của địch. Trong cái hố nơi cửa hầm, tôi thấy Mai Quý Cường đang ngồi, hai mắt băng kín, từ bên mắt trái còn mấy dòng máu đang chảy xuống mặt. Ngồi bên cạnh là Hoàng Nghĩa Hạnh. Lúc này từ dưới đồng nước một cậu lính C11 tắt tả chạy lên, quần đùi áo cộc, mặt trắng bệch và méo xệch vì hoảng hốt. Một bên đùi cậu ta đầm máu, màu máu đỏ tươi nổi bật giữa màu bùn bắn thiêu. Tôi không hiểu làm sao cậu ta vẫn tiếp tục chạy được về phía sau. Mai Quý Cường cũng đi rồi. Cường ở cùng Khu tập thể Nguyễn Công Trứ với tôi, thế là không kịp dặn gì cậu ta cả. Tôi nhảy xuống hầm cạnh Hoàng Nghĩa Hạnh. Hạnh đang ăn một mẩu lương khô, bèn bẻ cho tôi một nửa. Miếng lương khô chỉ bằng 2 đốt ngón tay mà sao ngon ngọt thế.

Trong hầm đã chập ních lính Trung đội 3 của anh Hạnh “Quảng Bình”. Tôi và Quang, Bích đành phải ngồi ngoài. C trưởng Hộ đã đến đây từ lúc nào, đang đứng quan sát địch với anh Hưởng và mấy cán bộ Trung đội. Anh có vẻ hài lòng. Địch bắt đầu giã cối cá nhân vào chỗ chúng tôi, và đạn

pháo của chúng nổ tới tấp phía mạn trái. Tất cả phải ra khỏi hầm đào công sự cá nhân chuẩn bị đánh phản kích. Tôi được lệnh bò lên trên cùng, đào hố chốt ở đó. Đang bò, chợt thấy một khẩu B40 có đạn vút bên cạnh, tôi nhặt luôn và nghĩ bụng: “Càng nhiều súng, chốt càng tốt”. Tới sau một lùm phi lao thấp lè tè, tôi rút dao găm ra đào hố. Đất toàn cát nên bới cũng dễ.

Trước mặt tôi là Tám Cát. Phía bên trái, đạn pháo kích càng lúc càng nổ dữ dội. Nghe có cả tiếng B40 và những tiếng gào ầm ĩ vọng đến: “Xung phong!... Xung phong!...”. Tôi nhìn sang bên đó, thấy thấp thoáng có bóng người. Không hiểu ai đang xung phong, ta hay địch?.

Khi cái hố đã tạm ổn, tôi đưa mắt quan sát xung quanh. Những khóm phi lao lùn mọc đầy trên doi cát hạn chế tầm mắt khá nhiều. Hình như có mấy tên địch chạy từ Tám Cát xuống đồng mức nước. Yên ngựa phía phải Tám Cát được nối liền với nhiều mỏm đồi thấp lè tè, kéo dài tới tận làng 6 xa xa. Qua yên ngựa thấy thấp thoáng bóng địch đi lại. Sau Tám Cát là biển. Chếch về trái Tám Cát là những gò cát nhỏ liền nhau, nhìn qua chúng có thể thấy sóng biển vỗ ào ào. Sau các gò thấy nhiều lính địch đang nhô lên quan sát. Chúng toàn mặc quần áo rằn ri xanh, phần lớn để đầu trần. Có mấy tên dáng chừng chỉ huy, đang tụm lại phía sau, giơ ống nhòm quan sát. Những chiếc chăn dù bọn chúng khoác trên vai tung bay theo chiều gió. Tôi giơ B40 lên toan bắn 1 phát, nhưng rồi thôi, vì khoảng cách xa quá. Cả quãng đồng nước phải hơn 300m, B40 bắn chưa chắc trúng, lại dễ lộ vị trí. Hơn nữa chúng di động liên tục nên rất khó ngắm. Tôi báo cáo với anh Hưởng, anh chỉ nhắc mọi người sẵn sàng. Nhìn theo hướng bọn địch đang quan sát, tôi quay cổ ra sau, chếch phía trái, thấy trên một mỏm đồi nhỏ lính C nào đó đang kéo vào. Trời đầy mây mù, mưa lâm thâm. Những bóng lính ta im lặng, đi cách thưa, mặc áo mưa màu xám. Pháo địch từ làng 6, làng 5 vẫn bắn tới dữ dội, nhiều quả nổ gần chỗ tôi. Nghe tiếng đạn rít thật dễ sợ.

Tôi kiểm tra lại súng đạn, nhất là khẩu B40. Lúc nấy cậu Lượng đã bị toác nòng B40 vì súng đầy cát. Tôi thử rút quả đạn ra mà không được, bèn nằm ngửa, 1 chân đạp phần cò, một chân đạp thước ngắm, hai tay lôi hết sức. Cuối cùng thì quả đạn cũng bật ra, nhưng một nửa ống liều phóng bị gãy còn nằm lại trong nòng. Thế này mà bắn thì bỏ mẹ thật. Tôi bò ra sau, nhờ anh Hưởng chọc thông nòng súng, lấy thêm hai quả đạn mới, rồi lại bò về. Khi kiểm tra khẩu AK, giờ lên ngắm thử, tôi chợt thấy ngay trước đầu ruồi có một khuôn mặt người. Ngạc nhiên quá, tôi hơi rướn lên nhìn cho kỹ. Đúng là có một khuôn mặt ẩn trong lá, đôi mắt đang nhìn tôi. Tôi gằn giọng hỏi khẩu lệnh: “3?”. Đáng nhẽ phải trả lời “2!” để cộng lại là 5, thì kẻ kia im lặng. Tôi lặp lại câu hỏi 2 lần nữa, vẫn thấy hẩn im lặng, bèn ra lệnh: “Bò lại gần đây!”. Một người đeo túi y tá có chữ thập đỏ ra. Hóa ra là cậu Y tá C9, người Thanh Hóa. Tôi bức quá gắt: “Cứ cầm như thế có ngày tao bắn mất mạng!”. Cậu ta trườn xuống hố, thều thào: - Em bị thương... Anh băng cho em với... - Không có băng! (Cuộn băng ở cổ tôi đã giật vất đi). - Ở trong túi của em ấy... Cậu ta bị thương vào lưng, mấy vết chém khá sâu, miệng há toang hoác, nhìn vào còn thấy mảnh đạn pháo trắng trắng. Mùi máu và nước ruộm tanh nồng. Tôi quấn vội vài vòng quanh bụng cho cậu ta, rồi chỉ đường cho bò ra phía sau. Khi này, lúc chạy về nhờ anh Hưởng thông nòng B40, tôi ẩn vào một cái hầm đầy người, bên ngoài hào dựa rất nhiều súng. Khi quay lên, tôi đã cố ý “xách nhầm” một khẩu AK “mẻ nòng” mới cứng đi, để khẩu AK ghẻ lở của tôi ở lại.

Đói quá, mấy đứa chia nhau hăng-gô cơm của anh Thanh. Hình như tối nay C10 vào tập kích Tám cát. Khoảng chập tối, một khẩu 12ly7 của C12 được khiêng đến đặt dưới hố trước cửa hầm tôi. Mấy cậu xạ thủ lấy đường ngắm sẵn vào mục tiêu Tám Cát, khóa tầm khóa hướng lại. Anh Thanh nói có cả bộ đội địa phương cùng tập kích, giải quyết xong Tám Cát rồi sẽ rút. Chúng tôi rất hy vọng mọi chuyện sẽ được như vậy. Đêm ấy ở dưới hầm rất chật. Tôi ngồi hết sức co quắp, mà vẫn bị ép chặt, nhiều lúc chỉ muốn đứng phắt dậy hét lên vì quá bức bách. Phải ngồi suốt đêm thế này thì điên mất. Bên ngoài đạn pháo vẫn nổ ùng oàng. Khoảng 10h đêm,

tiếng nổ bỗng rộ lên. Cối 82 của ta đã phát hoả. Lập tức khẩu 12ly7 trên đầu chúng tôi cũng nhả đạn: “Pùng pùng pùng... Pùng pùng... Pùng pùng...”. Các xạ thủ thay nhau bóp cò, mà cũng chỉ kéo được khoảng 6-7 viên liền thôi. Khẩu 12ly7 gần đó cũng bắn dữ dội. Tôi ngồi dưới hầm, lắng nghe trận chiến sôi động bên Tám Cát, rồi thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau thức giấc, pháo địch vẫn đang nổ ầm ĩ. Cuộc tập kích của C10 tối qua hình như đã thất bại. Tôi lại tiếp tục bò lên cái hố chiến đấu ở trên đầu doi cát. Qua yên ngựa của Tám Cát vẫn thấy thấp thoáng bóng địch đi lại. Một vài tên đang chạy xuống ruộng lấy nước. Tôi cầm cùi dùi dao găm đào cho hố thêm sâu. Chợt anh Hường chạy đến sau lưng hỏi: “Vinh chưa rút à! Rút nhanh đi! Đuổi theo anh Thanh kìa!”.

Tôi ngạc nhiên và rất bức vì họ rút mà chẳng gọi tôi gì cả, đành xách khẩu AK chạy lui theo doi cát. Trước đó một quãng, bóng Bích, Quang và anh Thanh đang thấp thoáng chạy sau những lùm phi lao thấp. Tôi cầm cổ đuổi theo. Cái xác lính ta cụt đầu vẫn nằm vắt người cạnh doi cát như hôm qua. Lính C9 đã đào hào chốt dọc theo doi. Chợt thấy Hoàng Nghĩa Hạnh dưới hào, tôi nhảy vào ngồi cạnh và nói: “Tao đói lắm, mày có gì ăn cho tao với”. Hạnh rút cái túi cơm đựng gạo rang cạnh khẩu cối 60 ra. Tôi bốc 1 nắm gạo cho vào mồm nhai trệu trạo. Lúc này mới thấy Đàm Mạnh Toàn ngồi gần đấy, đang nhìn tôi, miệng nở một nụ cười nhợt nhạt. Tôi bốc thêm một nắm gạo, từ biệt Hạnh rồi nhảy ra khỏi hào để đuổi theo nhóm anh Thanh. Đang chạy trên bãi cỏ ngập nước lúp xúp, chợt nghe một tiếng “ục” rất nhỏ. Theo linh tính, tôi nằm bẹp xuống, thì quả đạn đã rít ở trên đầu. “Xẹt oành...”, búng khói nổ cách tôi 3-4m. Liên tiếp mấy quả nữa rơi xuống, khói mù mịt, khét lẹt. Dứt tiếng nổ cuối cùng, tôi chồm dậy lao ra khỏi đám khói. Cái quai mũ cối gió thổi rít lên, làm tôi tưởng là tiếng đạn nên lại nằm bẹp xuống. Lần thứ hai, vừa thoáng nghe tiếng ục đầu nòng, tôi lại nhào ra, mặc nước ruộng làm ướt hết người và bao đạn. “Xẹt oành...”, “xẹt oành...”, hơn chục quả pháo nổ liên tiếp, có quả chỉ cách tôi vài mét, mảnh bay nóng lưng. Suốt đời không bao giờ tôi quên được cảm giác

khủng khiếp khi nghe tiếng rít của những quả đạn đang lao thẳng xuống đầu mình. Cứ mỗi tiếng rít là một lần cơ thể cứng ra chờ đợi: “ Chết này! Nó trúng này! Nó trúng này...”.

Mấy cậu C9 phía sau cứ nhìn những quả pháo nổ trum lên ruộng cỏ mà ái ngại cho tôi. Nhưng nhờ hồng phúc ông bà, cuối cùng tôi cũng chạy thoát khỏi cái bãi cỏ khủng khiếp đó. Tới cây phi lao cao to, có mấy cậu công binh đang đào hầm dưới gốc cây. Họ nhìn những nét khiếp sợ trên mặt tôi một cách bình thản. Tôi hỏi họ xem toán người trước đó đi về hướng nào? Theo hướng họ chỉ, tôi chạy lên một gò cát mọc đầy cây chổi xể, chân nọ đá chân kia trong những đoạn hào vừa nông vừa chật hẹp. Rồi cũng thấy toán anh Thanh đang ngồi ăn cơm nằm bên doi cát. Tôi trách anh đã bỏ rơi tôi, rồi nhận nằm cơm ăn luôn. Lúc này, đạn pháo địch vẫn nổ cách đó chừng 3-4 chục mét. Chưa hết cơn sợ, nên đến việc nhào lên lấy túi muối tôi cũng ngại. Gần đó có cái hầm cũ của địch, ông Khuông, cậu Y tá Quý và cậu Tường liên lạc C11 đang ở. Mấy cậu Tiểu đội 6 chui vào đó nấp, ông Khuông có vẻ không bằng lòng. Những người khác đào hố chiến đấu bằng cách khoét vào thành hào. Tôi còn đào sâu xuống để làm ổ nằm luôn.

Mưa. Che tấm ni-lông lên miệng hố, cũng tạm ổn. Anh Thanh và bọn Quang, Bích đào một hố to hơn, lát mấy cành thông trên miệng rồi lấp đất lên. Tôi ngả người, định ngủ mà không được. Mỗi cơn gió thổi tới là cát lại chảy xuống ào ào. Cứ đà này chả mấy chốc cái hố của tôi sẽ bị lấp. A6 và B phó Tài được điều lên chốt với B1. A5 cùng A trưởng Minh lúc này thấy đào hầm trên đỉnh đồi, bây giờ được điều sang mỏm gò bên cạnh. Hầm của họ đã có mấy cậu C16 khiên khẩu 12ly7 đến đặt. Chiều tối, tôi và anh Thanh chạy về phía làng 9 để lấy cơm. Qua hầm A5 thấy cu Cặp đang rên rĩ. Cậu ta bị hắc Lào nặng ở bẹn gây nhiễm trùng nên rất xót khi vận động. Anh Thanh có vẻ khinh ghét những hiện tượng như thế. Tôi chạy băng qua một ruộng khoai bỏ hoang, thỉnh thoảng thấy vài cái mương nhỏ, hai bên mọc những cây phi lao còi cọc. Đang chạy chợt thấy trên ruộng cỏ nước có

mấy quả B40 và 1 cái túi đã ướt, tôi nhặt lên. Trong túi có một bọc gạo rang và một gói cơm nếp đồ đen, tôi và anh Thanh chia nhau ăn luôn. Anh Thanh còn nhặt được một cái dù pháo sáng, quần vào cổ làm khăn quàng. Vượt qua mấy hố bom to, hai anh em vào đến rìa làng 9. Ở đây có hầm Tiểu đoàn bộ, rồi hầm Thông tin, Trinh sát... Ngay cạnh hầm D bộ có một cái bếp dựng sơ sài bằng mấy tấm tôn. Một người đàn bà khoảng ngoài 30 đang ngồi nấu bếp.

Dưới cái rãnh có nhiều đạn B40 và cối 82 nằm lăn lóc. Lúc sau, thấy anh Mút, trước cũng ở C11 giờ lên Trợ lý hậu cần tiểu đoàn, cùng một cậu nữa khiêng bao cơm nắm đến bàn giao cho chúng tôi. Nhận bao cơm xong tôi cùng anh Thanh lại nhanh chóng vượt qua cánh đồng quay về, chia cơm cho các B. Bính được phân công mang cơm lên tuyến trên cho A6 và B1. Tối hôm đó, cả mấy đứa rúc vào nhau ngủ trong cái hầm tạm bợ, sau khi đã thống nhất là ngày mai sẽ đi tìm vật liệu để làm cái hầm kèo cho tươm tất. Trời vừa sáng chúng tôi đã mỗi người mỗi ngả đi kiếm vật liệu làm hầm. Tôi chạy theo những con hào nông và ngoằn ngoèo ra phía biển. Dọc thành hào thỉnh thoảng lại thấy những hố chiến đấu sứt lở, những đồng đạn M16, M72, M79 của địch bỏ lại. Ngang một cái hố, chợt thấy bên trong có một băng AK đầy đạn đã hơi gỉ, tôi định thò tay lấy. Nhưng 1 mùi hôi thối xộc lên và hình như có mấy sợi tóc đen trong cát làm tôi phải bịt mũi chạy tiếp. Cái mà tôi quan tâm là những tấm tôn để lát hầm và những thanh tre, gỗ để làm sườn hầm hoặc đòn nóc. Chạy một phờ râu mà rốt cuộc chỉ kiếm được vài miếng tôn nhỏ, tôi đành trở về. Địa hình chưa quen, lối xớ dễ lạc lẫm. Tình cờ lại gặp hầm của mấy cậu trinh sát D, trong đó có Quý “tiết”. Cạnh hầm có mấy hố bom rất to mà mấy cậu đó không sao cả. Quang “xiu” A tôi đã ngồi đây từ lúc nào, đang nói chuyện với Quý. Tôi chỉ hỏi thăm qua loa rồi nhắm quả đồi có hầm của mình phóng về. Chạy qua một vườn cây cao, trụi lá khảnh khiêu, thấy lạ là làm sao mấy cây này chưa bị pháo đốn ngã. Cả làng 8 đã bị san phẳng, chỉ còn thấy những nền nhà, và mãi gần làng 7 mới có một cái nhà đổ. Cỏ dại mọc khắp nơi, xen giữa những cây thông lùn tịt. Trong vườn cây tôi tìm được một hầm kèo bị sập. Nhưng lay mãi mà không

nhỏ được cộc, phải chạy về kêu anh Thanh ra giúp, cũng chẳng ăn thua. Đã trưa rồi, chúng tôi đành phải bỏ, định đến chiều sẽ vào làng 9 tìm kiếm tiếp.

Ông Khuông mang đến cho mỗi đứa một phong lương khô Mặt trận B5 tặng. Anh Thanh có vẻ không thích ông Khuông lắm, có lẽ ông ấy cũng lắm điều thật. Bỗng nghe phía Tám Cát, nơi địch đóng, rộ lên từng tràng súng đại liên. Rồi thấy hai chiếc xuồng máy, có mấy tên lính mặc áo phao màu da cam ngồi trên, lướt đi lướt lại ngoài biển. Vừa lướt chúng vừa xả súng vào những đám gù đen đen đang trôi ngoài đó. Về sau mới biết đó là những bao gạo của ta thả trôi trên biển, để tiếp tế cho những vùng khó khăn mà hậu cần trên bộ không vào được. Chiếc tàu Hồng Kỳ của Trung Quốc đậu ở ngoài khơi Vĩnh Linh đã thả 10 nghìn tấn gạo xuống biển như vậy. Những bao gạo bị địch bắn thủng sẽ ngấm nước, thối hoắc. Nhưng chúng cũng không thể phá hủy được hết các bao gạo. Thật khó mà hình dung nổi hình ảnh hàng nghìn bao ni-lông chứa hàng vạn tấn gạo được thả trôi trên biển. Nhưng cứ mười bao thì may ra mới có một bao dạt vào bờ và quân ta lượm được.... Buổi chiều cả tiểu đội tôi đi vào làng 9, thấy mấy cái hầm của C14 và D47 tùm hụp như những quả đồi con. Chỗ này bị pháo kích thường xuyên. Cát trên đường chúng tôi đi cháy xém từng đoạn, chứng tỏ đạn mới nổ. Những cành thông và lá dứa dại bị phạt đứt nằm rải rác trên mặt đất. Cả bọn cắm cổ đi thật nhanh vì bất cứ lúc nào đạn pháo cũng có thể rơi xuống. Có chỗ phải lội, nước trong leo lẻo nhìn rõ cả cát trắng dưới đáy, nhưng tôi vẫn ngại vì vết sầy chân từ Quán Ngang còn chưa khỏi. Mấy hôm nay lội nước liên tục khiến nó bột trắng ra. Mấy cậu lính của đơn vị nào đó cũng đang đi lảng vảng như chúng tôi. Nhiều ngôi nhà gỗ đã bay mất, để lại đủ thứ ngổn ngang trên nền nhà: thùng chậu, nồi niêu, quần áo các màu, lưới đánh cá... Thấy dưới mấy cái hố có nhiều ống đạn B40 và cối 60, anh Thanh nháy mắt. Tôi bèn nhảy xuống dùng dao găm của Bích lộet lấy vỏ nhựa để tối về đốt đèn và nấu ăn. Cả bọn kiếm được mấy tấm tôn, một bao khoai khô và một ống mắm tép biển.

Khi quay về, ra gần đến chỗ lộn thì bị pháo kích. Lúc nằm tránh đạn tôi mới chợt nhớ ra để quên con dao găm. Mất dao thì còn làm ăn gì nữa, nên tuy rất sợ, vẫn phải lộn lại tìm bằng được. Cả tiểu đội hì hục làm xong cái hầm kèo. Đòn nóc bằng gỗ phi lao cong queo, sườn hầm cũng vậy, phủ tôn lên rồi lấp đất cát thật dày. Sau đó mới moi súng ống lên lau lại. Máy ngày nay cũng chủ quan quá, cứ để súng nằm dưới hào, cát chảy xuống phủ gần hết. Nhưng phải công nhận những khẩu AK cũng bền và dễ tính thật. Cát đầy nòng vẫn bắn tốt. Lộn ruộng lên nước chảy tong tong từ nòng vẫn bắn ngon. Không như mấy anh súng Mỹ M16 khó tính, có tí cát tí nước vào toác nòng như chơi. Đạn M16 thì nhỏ, gió biển thì to, đặt cái mũ sắt cách 50m bắn cả băng chẳng trúng phát nào...

Chúng tôi bẻ những cây chổi xể mọc đầy xung quanh cắm lên nóc hầm để ngụy trang. Thấy Ngô Duy Minh từ trên chốt B1 đi xuống, vẻ mặt đầy chán nản. Đành nói vài câu an ủi bạn thôi. Dao găm thiếu trầm trọng. Tôi chạy sang hầm 12ly7 gần đó, rút đại một con dao đang treo ở bên ngoài đem về dùng. Một lúc sau lại chạy sang, thấy mấy cậu xạ thủ vẫn rúc trong hầm, bèn mượn cái ống nhòm của khẩu đội để quan sát địch. Phía làng 6 thấp thoáng hai thằng lính thông tin đeo máy có cần ăng-ten vắt vẹo. Một chiếc xe tăng được ngụy trang nằm trong công sự, nòng phủ lá chuối khô. Phía đồi Tám Cát thấy bóng lính địch đi lại thấp thoáng. Dạo này chúng di chuyển rất cẩn thận, vì nhiều đứa đã ăn đạn bắn tía của tổ xạ thủ do Mặt trận B5 cử xuống.

Nhìn ra biển thấy bốn chiến hạm của Mỹ sơn màu bạc. Một chiếc vào gần bờ quá, thấy rõ cả những lớp sóng vỗ vào mạn tàu, cả con số to tướng trên thân tàu và chiếc ra-đa trên nóc đang quay quay. Bỗng nhiên thấy khói phụt ra từ các khẩu đại bác, rồi mới nghe tiếng nổ: “Panh...ù ù...oành”... “Panh...ù ù...oành”... Suốt đêm ngày tiếng pháo biển vang dội. Đến trưa, tôi và anh Thanh lại vào làng 9 lấy cơm. Đói quá. Hai anh em đến cái bếp cạnh hầm D bộ, xin người đàn bà cho cạo cháy. Chúng tôi vét đi vét lại đáy nồi.

Sau này mỗi lần đi lấy cơm tôi đều đến đó xin cháy. Người đàn bà biết vậy nên cũng để cơm dính cháy khá nhiều.

Ăn xong tôi chạy đi tìm hầm thông tin. Gặp Lâm Nghệ An, cậu ta chỉ đường cho đến hầm Chí Thành. Để đến hơn tuần nay hai đứa chưa gặp mặt. Chí Thành cũng vừa hút chết, vì đi công tác về thì cái hầm có bốn cậu trong đó cùng tất cả ba-lô chỉ còn là một hố bom sâu hoắm. Thế là cả hai thằng đều trắng tay, nhưng đều cho là may vì số mình có lẽ không chết nữa. Ôi sao mà ngây thơ quá... Một tin buồn Chí Thành báo cho tôi là Lâm Chợ Giời ở C10 đã hy sinh. Thật đau xót, vì cậu ta rất hiền lành và tốt tính. Lâm bị thương vào bụng; cùng đêm tập kích đó, Hà Minh Hòa bị thương vào chân. Hai cậu được đưa vào một cái hầm chờ trời sáng. Lâm luôn mồm rên rỉ và nói với Hòa: “Hòa ơi tao chắc chết... Tao thương mẹ tao quá...”. Hòa nói: “Yên tâm, mày không chết được đâu. Đến sáng tải thương sẽ đưa mày về Phẫu...”. Nhưng đến sáng thì Lâm đã chết cứng. Người ta khiêng Lâm đi như khiêng một khúc gỗ vậy... Cho đến tận hôm nay người nhà vẫn chưa tìm được mộ Lâm. Mẹ Hồng của Lâm cho đến ngày qua đời đêm nào cũng khóc vì chưa được một lần ôm hài cốt của con... Tôi vẫn nhớ củ sắn lùi mẹ Hồng dúi vào tay tôi và Lâm trên đường hành quân từ Bãi Nai về Hà Nội ngày nào.... Cả anh Nghĩa, B phó huấn luyện của tôi cũng đã hy sinh. Thật đáng tiếc cho một cán bộ trẻ đầy triển vọng. Anh bị thương vào đầu, ra đến Phẫu thì bị bom B52 mất xác. C10 vừa rồi tập kích Tám Cát tổn thất quá lớn.

"Cùng đêm tập kích đó, Hà Minh Hòa bị thương vào chân..." Vinh và Hòa sau chiến tranh. Cách hầm tôi khoảng 30m có một khẩu đội cối 82ly. Thịnh thoảng tôi ngó xem cách họ tác xạ. Năm cậu xúm quanh khẩu súng cối, một cậu bỏ quả đạn vào nòng, cả lũ lập tức bịt tai lại. Quả đạn kêu lanh canh tụt xuống đáy nòng, rồi bỗng “Púch”, một cột khói xám nhạt phụt mạnh ra đầu nòng. Khẩu cối bắn liền 5-6 phát. Chỉ một lúc là bọn địch phản pháo ngay. Tất cả lập tức chui vào hầm ngòi. Pháo chúng bắn trả nhiều kinh khủng. Mảnh bay vù vù, rơi lịch bạch. Hai cậu đang ngồi ỉa

ngoài bãi cát, vội kéo quần lao tọt vào hầm. Tôi nhú mũi hỏi: “Chúng mày không chùi dít à?”. Một cậu đáp tỉnh bơ: “Không. Để khô nó rụng...”. Buồn cười thật, chính tôi cũng đã bị vài cú như vậy.

Anh Thanh chia cho mỗi đứa một phong lương khô 701, phần thưởng của Mặt trận B5. Dạo này việc tiếp tế rất khó khăn. Đồng thời anh báo tin vui là C11 được thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng nhất, được tặng danh hiệu là Đại đội Thép. Cũng đúng thôi, vì C11 là chủ công trong chiến thắng giải phóng hai làng 7, 8, tiêu diệt 39 tên địch. Anh Thanh được thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng ba. Tôi và Bích được tặng Bằng khen của Sư đoàn 320B. Đêm ấy mọi người đang mơ màng, chợt nghe “ịch” một tiếng, cái hầm rung ùng ục. “Chắc lại pháo khoan rồi”, cả bọn tự nhủ và ngủ tiếp. Sáng hôm sau trèo lên xem mới thấy khiếp: một quả pháo biển 203ly to như quả bom con, màu bạch kim trắng lóa, nằm ngóc cổ chình ình trên nóc hầm. Có lẽ chúng bắn từ biển ở cự ly gần, phải hạ nòng thấp quá nên đạn đi sượt, thật hú vía...

Bọn địch thay quân giữa ban ngày. Đầu tiên một chiếc trực thăng cá lẹp bay tới, đảo vài vòng rồi bắn ba trái pháo khói màu hồng phía trước Tám Cát. Tiếp đó pháo địch từ Làng 5, Làng 6 bắn đạn khói tới tấp. Cả trận địa bên địch được bao phủ bằng một lớp khói trắng xám, không nhìn thấy gì nữa. Đó là lúc Tiểu đoàn 2 “Trâu điên” của chúng vào thay Tiểu đoàn 8 “Ó biển”. Sau này được nghe nói tôi mới biết, chứ lúc ấy chỉ thấy khói mù mịt, chẳng hiểu chúng định giở trò gì. Đêm mùng 5 rạng mùng 6-12-1972 chừng 4h sáng đến phiên tôi gác.

Trời tối đen như mực. Chợt phía Làng 6 bùng lên hàng loạt tiếng nổ cùng ánh chớp sáng lòe, đạn bay như hoa cà hoa cải. Một lúc sau thấy tất cả im lặng. Mặc dù vậy tôi vẫn căng mắt nhìn ra cánh đồng giáp Làng 6. Lẫn trong tiếng gió biển thoảng nghe có tiếng người nói lao xao và tiếng chân lội nước lồm bồm. Chẳng nhìn thấy gì cả, tôi cứ phân vân không biết có nên báo động hay không? Hay cứ thử bắn một loạt đạn vào đó? May mà tôi

không làm như vậy, vì lúc sau mới biết đó là một toán trình sát của ta định đột nhập Làng 6 mà thất bại. Rồi thấy anh Hưởng, Chính trị viên phó đại đội và anh Căn, Tiểu đoàn phó xuất hiện, yêu cầu tôi và Quang “xiu” giúp vận chuyển một thương binh về phía sau. Người bị thương nằm trong một chiếc võng bạt, đang rên la. Một thanh gỗ to, nguyên là đòn nóc của một ngôi nhà, được dùng để khiêng võng. Cái đòn này nặng kinh khủng, cộng thêm trọng lượng của thương binh nghiền lên vai rất đau. Thương binh hóa ra là cậu Mốc người Quảng Trị, thường dẫn đường cho chúng tôi trong các trận tập kích. Cậu ta dẫm phải mìn nát bàn chân trái, máu thấm đầm mẩy cuộn băng. Tôi và

Quang loạng choạng khiêng thương binh lội trên đồng nước, hướng về Làng 9. Trời nhờ nhờ sáng, nhưng sương mù dày đặc chẳng nhìn thấy gì hết. Kiểu này khéo lại đi lạc vào chốt của địch thì chết. Vừa mệt, vừa đói, vừa lo lắng, đòn thì nặng, thương binh rên la suốt, làm Quang nổi quạu. Cậu ta quát lên: “Ông im mẹ nó cái mồm ông đi, không thì tôi quăng ông xuống ruộng bây giờ!”. Cậu Mốc nghe thế chỉ còn dám rên khe khẽ. Rồi cuối cùng cũng đến được Trạm cứu thương của Tiểu đoàn, chúng tôi bàn giao thương binh cho C25 Vận tải khiêng đi tiếp. Tầm 11h trưa thì anh Phùng Chính trị viên Đại đội bị chết. Lúc đó anh đang ở tuyến hào B1, và gọi Ngô Duy Minh ra cùng quan sát địch. Anh hỏi Duy Minh: “Có chiếc xe tăng ở Làng 6 phủ lá chuối khô nguy trang. Cậu xem từ đây đến đấy liệu B41 bắn được không”? Duy Minh vừa trả lời: “Em sợ xa quá anh ạ...” thì một quả pháo lao tới nổ trúng chỗ anh đứng. Anh Phùng bị tan xác, Duy Minh bị mảnh pháo vào đầu, máu chảy ròng ròng xuống cổ. Cậu ta la hét thảm thiết, nhưng bọn B1 nhát quá, rúc hết trong hầm, không thẳng nào ra cứu Minh cả.

Tôi nằm ở tuyến B2 phía sau, cách đó khoảng 50m, nghe tiếng bạn kêu xót ruột quá, bèn quyết định bò lên cứu. Sau khi băng bó cho Duy Minh, tôi cầm hộ bạn cái bông (một kiểu túi đeo, giống ba lô) bò trước, Minh bám theo vết chân bò phía sau. Bò qua chỗ anh Phùng hy sinh, chỉ

thấy hố pháo, máu đọng thành vũng, còn một ít mảnh xương thịt vụn lổn nhổn trong đó. Mùi tanh tươi bốc lên, đúng là không thịt gì tanh bằng thịt con người. Thương anh Phùng quá, vẫn nhớ lời anh nói: “Có chết vì pháo thì thường chết từ quả đầu tiên...”. Hào cát chật hẹp, nhiều đoạn nông choèn, chúng tôi hầu như phơi lưng trên mặt đất. Pháo địch vẫn rít tới tập trên đầu, đạn nổ liên tiếp, khói mù mịt. Rồi cũng ra khỏi được bãi pháo địa ngục, tôi dìu Duy Minh chạy trên quãng đồng trống về phía Làng 9.

Tới rìa làng, hai đứa tạm biệt, tôi cầm tay Duy Minh nói: “Cậu bị thương nặng như thế này chắc được ra Bắc. Về Hà Nội nhớ ghé nhà mình, Minh nhé...”. Cả hai đứa đều không cầm được nước mắt... Mãi sau này mới biết Duy Minh chỉ được chuyển thương ra đến Viện 112 Quảng Bình điều trị. Vết thương đỡ, Ngô Duy Minh được giữ lại làm Y tá, rồi năm 1973 được cử đi học Quân y....

“Cậu bị thương nặng như thế này chắc được ra Bắc. Về Hà Nội nhớ ghé nhà mình Minh nhé...”. ND Minh và Vinh.

Những ngày nằm chót ở Làng 8, Thanh Hội, thật buồn thê lương. Tôi hay mò đến hầm Chí Thành cách đó khoảng 100m để tán gẫu. Đợt này cậu ấy đeo máy vô tuyến 2W xuống phối thuộc ở đại đội tôi. Chí Thành có tấm ảnh chụp cả lớp 10B quý quá. Tấm ảnh tuy bé, nhưng khuôn mặt các bạn Tiến Dũng, Tiến Quỳnh, Bích Đào, Xuân Mai... và nhiều người bạn thân thương khác nữa vẫn rõ mồn một. Hai đứa lần điểm từng khuôn mặt, cùng nhắc lại những kỷ niệm vui buồn liên quan đến các bạn đó.

Rồi Chí Thành dạy tôi hát mấy bài nhạc vàng. Khi buồn người ta học nhạc vàng nhanh lắm. “... Thôi nhé, từ nay cách xa nhau rồi/ Nỗi buồn theo tháng ngày trôi/ Nụ cười khô héo trên môi... Ngày mai tan trường mình không chung lối/ Yêu thương nhiều biết gửi về mô/ Kỷ niệm cũ trôi vào hư vô”... Nghêu ngao hát chán nhạc vàng, hai đứa lại bày trò ra nghịch. Chí Thành nhặt được ở đoạn hào trước cửa hầm một khẩu M16 nửa vùi trong cát. Khẩu súng đã rỉ ngòen, gí bịt kín cả nòng súng, nhưng cậu ta vẫn quyết

định bắn thử. Tôi sợ sẽ bị toác nòng gây nguy hiểm nên can. Nhưng chưa kịp nói hết câu thì cậu ta đã cầm súng một tay thò ra ngoài cửa hầm bóp cò. “Đoành”, viên đạn nổ chát chúa, thế mà súng không sao cả. Tôi nhìn vào nòng súng, thấy nòng sáng loáng...

Đến giờ nhất định, Chí Thành mở máy liên lạc với Tiểu đoàn. Nhiều khi đang dò sóng và nói “ Vạn Tường gọi Ấp Bắc... Vạn Tường gọi Ấp Bắc” thì có một tên địch nói chen vào. Có những tên ăn nói rất lịch sự, nhẹ nhàng, hỏi thăm quê quán, gia đình, nói những chuyện băng quơ. Có tên lại chửi bới cục súc, hằn học gào ông ổng: “ Đ. má... Việt Cộng tụi bây là tay sai của Tàu cộng vô xâm lược Miền Nam...”. Thế là chửi nhau như hát hay. Cũng là một cách giải khuây...

Một buổi sáng bỗng thấy Chính “con” lò dò lên chốt. Gặp lại Chính con, người mừng nhất là tôi. Thú thật trong chiến trận, có Chính con bên cạnh tôi yên tâm hẳn. Cậu ta có thể xấu với người ngoài, nhưng với tôi thì chân tình hết sức. Hai đứa cùng cạ, đã thề sống chết có nhau. Trường hợp của Ngô Duy Minh cho thấy, không có bạn cùng cạ nguy hiểm như thế nào. Lúc thắng không sao, lúc thua người ta sẵn sàng quăng mình mà chạy. Với Chính con, tôi có thể chắc chắn rằng, nếu bị thương cậu ta sẽ công tôi đi, nếu bị chết cậu ta sẽ lôi xác ra bằng được.

Bọn địch đón Chính con bằng một trận pháo kích khủng khiếp. Tôi ngồi đối diện với anh Thanh gần cửa hầm, đất cát rơi ào ào xuống đầu xuống cổ. Chợt một mảnh pháo bay vù vào, chém trúng bắp tay trái của anh Thanh, rồi rơi xuống đất. Anh Thanh ôm vội bắp tay. Tôi lấy băng ra băng cho anh. Vết thương dài gần 5cm, sâu khoảng 1cm, máu chảy không nhiều, chắc vì mảnh đạn đã hết tầm. Nhưng sờ vào mảnh đạn sắc lẹm vẫn thấy bỏng rẫy. Tuy bị thương nhưng anh Thanh không đi Phẫu. Tất cả chúng tôi cũng vậy, bị thương nhẹ không thằng nào đi Phẫu. Chẳng phải dững cảm gì, đơn giản vì ra Phẫu cách đó vài km dễ bị B52 rải thảm tan xác lắm. Năm

chốt ở đây gần địch chỉ bị ăn pháo thôi, chứ không bị bom B52 hoặc tọ độ.
Tấm gương của anh Nghĩa B phó C49 còn rành rành ra đó...

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt (3)

Đêm 16 rạng ngày 17-12-1972, sau hơn hai tuần chốt ở Làng 8, Thanh Hội, C11 của tôi được lệnh rút quân. Khoảng 9h tối tất cả chạy tới tập hợp ở gần hầm chỉ huy đại đội. Các chiến sĩ ngồi rải rác dưới đường hào nông choèn. Đột nhiên pháo sáng địch bắn rộ lên, có thể chúng đánh hơi được cái gì chăng? Dưới ánh pháo sáng, cả đại đội chạy nhanh về phía Làng 9. Phía ven biển, nhiều quả đạn pháo đang nổ, hoa cà hoa cải bắn vung ra đỏ rực trong đêm. Bỗng “xoẹt, xoẹt... oành, oành...”, hai quả pháo nổ giữa đội hình, khói bay khét lẹt. Cả bọn chết khiếp nằm bẹp xuống, rồi lại nhồm dậy chạy tiếp. Chúng tôi không vào Làng 9, mà đi ra ngoài bãi cát ven làng.

Đêm tối như mực, nhưng bãi cát lại nhờ nhờ trắng như tuyết. Thịnh thoảng lại bị thụt chân xuống những chỗ cát ướt hoặc lạch nước lạnh buốt. Cứ thế đi mãi. Hình như ra đến Đường 4 rồi thì phải, đã thấy những phiến bê tông to tướng bị pháo bật lên, chân vấp vào đau điếng. Đường này thời bình chắc tốt lắm. Mấy cán bộ đại đội tạt vào hầm của bộ đội địa phương gần đó để hỏi đường. Bị lạc rồi, tất cả quay lại. Thấy lô nhô mấy gò cát có hầm bên dưới, chắc của C12, vì thấy mấy khẩu 12ly7 ngoài cửa hầm. Cả Đại đội tiếp tục đi theo hàng một. Bỗng lại ánh chớp vàng rực và hai tiếng “oành...oành...” ngay bên cạnh. Cả lũ chạy táo tác. Hốt thật, mà cũng may, không ai bị sao cả. Pháo địch vẫn tiếp tục bắn vu vơ. Quanh quẩn một hồi lại lộn ra Đường 4. Hình như bên phải chúng tôi là Làng 9? Chính con bị vấp vào đá ngã đau điếng, tôi chạy tới đỡ dậy. Nghe xa xa từ phía Làng 5 có tiếng đẽ-pa đầu nòng “Tùng... tùng tùng...tùng”, rồi tiếng đạn bay trên cao “viu... viu viu...viu”. Lập tức ở phía Làng 9, hầu như từ đầu làng đến cuối làng mọc lên những bưng lửa màu da cam đỏ rực trong đêm tối.

“Oành... oành oành... oành”, pháo dàn của chúng khiếp thật. Vô phúc mà trúng vào đội hình bọn mình thì cái xương chẳng còn... Cuối cùng chúng tôi cũng nhìn thấy hàng rào thép gai, doi cát và rặng phi lao quen thuộc. Mùi hôi thối của xác chết thoang thoảng trong không khí.

Đã đến làng Tường Vân (?), chúng tôi lại tìm đến cái hầm quen thuộc. Cả lũ lăn ra ngủ một giấc mê mết. Sáng hôm sau tỉnh dậy, chúng tôi được chén một bữa thịt bò kho, có cả hành, rau, ngon quá. Đã tưởng sẽ được nghỉ ở đây vài hôm, ai ngờ đến trưa có lệnh hành quân gấp. Tôi sang nhà cũ của Ngô Duy Minh, định lấy cái ba-lô của cậu ta. Không ngờ, bọn nào đó đã lục lọi lấy hết đồ đạc rồi, quân tôi tệ thật. Thực ra tôi cũng chẳng cần ba-lô lắm, đã có cái bông với 5kg gạo sau lưng, thế là đủ. Cả đại đội lại đi trên con đường dọc bờ sông to, sóng vỗ ì ầm.

Chúng tôi đang đi lên hướng bắc, không lẽ được ra Bắc thật? Xa xa, khói đạn pháo đang bốc lên vàng vàng từ các làng mạc. Xác những con trâu mộng đen sì, bị trúng bom đạn nằm chết dọc bờ sông, nhưng vẫn vươn cặp sừng trông như đang sống. Mấy cậu lính của đơn vị nào đang tắm ở một bến đá và dùng lưới đạn ném cá. Một cái đập ngang dòng sông đã bị phá hủy, nhưng người ta vẫn bắc những tấm ván nối các nhịp làm cầu qua sông. Tôi thận trọng bò trên những tấm ván bập bênh trên cầu. Sang đến bờ bên kia, vừa thở phào nhẹ nhõm thì bỗng “Xoẹt xoẹt...”

Oành oành...”, hai tiếng nổ to khủng khiếp, điếc hết cả tai. Đạn cỡ này chắc phải Pháo hạm hoặc “Vua chiến trường” 175ly chứ chẳng chơi. Bờ sông đã bị bom B52 đánh be bét, vậy mà địch vẫn pháo kích thường xuyên. Cả lũ vẫn cầm cố đi, càng xa chỗ này càng tốt. Bị thương ở đây chỉ có chết, vì chẳng biết Phẫu ở đâu cả. Đã đến làng Gia Độ rồi, Tiểu đội tôi lại vào cái nhà cũ để ở. Anh Thanh cử tôi và Quang xin lên C bộ để đem súng đi trả. Kiểu này chắc được nghỉ dài ngày ở chỗ này đây. Thấy Long cồ, giờ là Trinh sát Tiểu đoàn, đang nói chuyện với mấy cán bộ đại đội. Tôi và Quang được giao mang 6 khẩu B40, B41 đi bàn giao cho Tiểu đoàn 1. Ra đến bờ

sông phải gọi một lúc mới có thuyền cao su chở sang. Hai đứa băng qua một cánh đồng trắng xóa những lá truyền đơn kêu gọi chiêu hồi, rồi gặp anh Lộng, Chính trị viên phó D1. Anh chỉ cho nơi bàn giao súng. Trên đường về tôi và Quang thấy một đồng súng đạn chất ngồn ngang bên lề một con lạch nhỏ. Mỗi thằng bèn lấy ba quả lựu đạn ném xuống sông để kiếm cá, mà chả được con nào. Quang rút dao găm lột mấy ống nhựa đựng đạn DKZ82 cùng liều phóng để về thấp đèn.

Không ngờ tối hôm ấy có lệnh cho đại đội tôi vào chốt Long Quang ngay. Lúc bò qua ván cầu ở đập đá sập, tôi suýt nữa bị rơi xuống sông. Ra đến giữa cầu thì đột nhiên tấm ván gãy, làm tôi phải vội vàng bò bám lết lên bờ. Vùng bãi sông này bị B52 đánh nát bét. Những hố bom chi chít, lổn nhổn dưới ánh trăng. Chúng tôi dừng lại nghỉ ở một ngôi làng hoang vu (Lê Xuyên?). Tiểu đội tôi được phân vào cái hầm rất hoành tráng, trần và vách đều phủ dạ. Nhưng hầm đào sâu quá, nên khi chui vào có cảm giác ngột ngạt như chui xuống hầm mộ. Kiểu này mà bị sập thì chỉ có chết. Sáng hôm sau tôi thơ thẩn lượn sang xem xét mấy ngôi nhà bên cạnh. Xe đạp hiệu Lin-côn vứt khắp nơi, nhiều cái đã gỉ ngòèn. Sách vở vứt lung tung, có cả mấy quyển Toán của lớp 11 và 12.

Lúc về thì A tôi được lệnh di chuyển sang chỗ khác. Tôi và Chính con được phân một cái hầm nhỏ hơn, lát bằng tre, của lính Tiểu đoàn 2 bỏ lại. Tôi sang nhà Quang xin ở, kiếm được một ít khoai khô đem về, rồi đi tắm. Sau đó cả Trung đội tới nhà A6 ăn cơm. Cái nhà của A6 rất rộng rãi, có bình hoa nhựa, có cả mâm đồng, bát yêu đàn hoàng. Tôi cùng Chính con khoác súng đi chơi thơ thẩn trong làng, nhìn thấy mấy con gà đã định bắn, thì nghe có tiếng người nói. Hóa ra ở đây có một Tổ Thông tin hữu tuyến của Tỉnh đội Quảng Trị. Hai đứa ngồi nói chuyện một lúc với cậu lính thông tin trẻ, tên Tâm, nhà ở phố Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Sau đó chúng tôi sục sạo vào các hầm trong những ngôi nhà mà Tiểu đoàn 2, E48 vừa bỏ lại tối qua. Vớ được một cái mũ cối, bình tông và nhiều thứ lặt vặt khác... Buổi tối, Chính con quần nùi rơm lục tục hun muỗi mãi mới ngủ được. Tầm 4h

sáng chợt nghe súng nổ rầm rĩ, đêm thanh vắng nên nghe khá gần. Hôm nay Tiểu đoàn 2, E48 tung toàn lực tấn công nhằm chiếm đồi Cây Ba Chạc ở bãi cát Long Quang. Rồi tiếng súng thưa dần. Chúng tôi

Chính con chui ra. Hai cậu lính C7 Tiểu đoàn 2 đang ngồi ở thềm nhà. Thì ra đây là cái hầm cũ của các cậu ấy. Cả 2 nói: “Cơ sự hỏng hết cả rồi. D2 chết và bị thương nhiều lắm. Có lẽ C11 của các cậu sẽ được tung vào đấy”. “Nhưng chúng tớ không có B40, B41 thì làm ăn gì được?”. “Ôi dào, trên đường rút ra bọn tớ quăng lại nhiều lắm. Các cậu tha hồ lượm. Còn khối thương binh, tử sĩ chưa lấy ra được...”.

Cả ngày hôm ấy chúng tôi chuẩn bị đi chiến đấu. Đến tối thì có lệnh tập hợp. Mưa. Cả bọn chui vào cái hầm cạnh nhà C bộ, chật như lèn. Mấy cậu DKZ82 xuống phối thuộc đang tán chuyện gẫu. Có lệnh lên đường. Cậu Trường “Khâm Thiên” A6 vác khẩu RPD đi bên cạnh thở dài sườn sượt. Không thể nào quên được hình ảnh đoàn quân ra trận đêm ấy. Những cái bóng đen thẫm đi vội vàng trên con đường đắp cao, nổi bật trên nền sương mù đục đục của đêm trăng sáng nhờ nhờ. Cả đại đội hành quân gần như suốt đêm. Rồi đi dọc một con lạch, qua một cây đa to, hai bên đường cây gì như cây vừng.

Đến gần sáng thì tới chỗ nghỉ. Đó là một dãy hầm ở bãi cát lúp xúp những cây nhỏ. Nhiều cây giống như rễ chay, vừa mềm vừa dai. B1 được lệnh đi ngay lên phối thuộc với C9 tập kích Cây Ba Chạc. Phía đó bỗng nhiên pháo sáng rực trời, đạn nổ như bắp rang, những đường đạn đỏ lừ bay ngang bay dọc. Sáng rõ mặt người thấy ông Khuông C phó quần băng ở tay lò dò mò về. Ông này vẫn hay bị lính cho là nhát. Thực sự chúng tôi rất khinh thường những vị chỉ huy hèn nhát. Giữa trận tiền, sự mất bình tĩnh của họ sẽ đưa binh lính vào chỗ chết. Tiếng súng tiếp tục nổ liên hồi. Tôi nhìn ra bãi cát xa xa, thấy một xác xe tăng cháy đen thui. Khói xám cuộn cuộn bốc lên ở phía đồi Cây Ba Chạc. Anh Thanh B trưởng vào ở cùng hầm với tiểu đội tôi. Tôi nhặt được cái bật lửa lẫn trong cát ở đáy hầm, anh

mượn luôn. Anh là vua thuốc Lào mà. Thịnh thoảng lại có người đi qua, rẽ vào hầm xin một liều thuốc Lào.

Tôi mò sang hầm Lâm Thành ngồi chơi. Lâm Thành mới được điều lên làm liên lạc cho anh Hưởng, Chính trị viên phó C11. Thực ra đó là một dạng cần vụ điều đóm cho các sếp, nhưng cậu ta chẳng biết làm gì cả. Thậm chí nhiều lúc anh Hưởng còn phải nấu cơm cho cậu ta ăn. Tuy nhiên đối với bạn bè chí cốt từ hồi huấn luyện thì cậu ta cực tốt. Lâm Thành kiếm được cho tôi cái bi-đông kèm ca-bô làm bát ăn cơm. Phía trước hầm, Đại đội trưởng Hộ đang hỏi chuyện một cậu liên lạc tiểu đoàn về tình hình tuyến trên. Cậu này nói ta đã chiếm được Cây Ba Chạc rồi, và đưa ra khoe chiến lợi phẩm là mấy hộp thịt nhỏ. Lính ta trên ấy còn kiếm được nhiều thuốc lá, cà phê bột và vông dù lắm. Mặc dù như vậy là vi phạm chính sách, nhưng anh Hộ vẫn cười độ lượng. Anh sẵn sàng tha thứ cho binh lính mấy vụ này, miễn là họ đánh thắng.

Tôi được giao nhiệm vụ cùng một người nữa lên chốt tuyến trên gặp anh Căn, Quyền Tiểu đoàn trưởng để báo cáo tình hình C11. Hai đứa cứ lần theo đường dây thông tin hữu tuyến, đi dọc theo một doi cát dài, bên trên có những gò đồng lổn nhổn và những cây chổi xể nhỏ. Đã nhìn thấy rõ cái xác xe tăng M41 của địch sơn rằn ri xanh nâu, hình như nó bị hỏng máy chứ không phải bị bắn cháy. Phải hỏi đường mấy cái hầm du kích đóng gần đó mới tìm được hầm anh Căn. Xong việc quay về, cả lũ chui vào hầm ngủ trưa. Say sưa thế nào mà lúc dậy mới thấy mất cái vông dù của anh Thanh. Cái vông dù màu xanh lá mạ rất đẹp, tiêu chuẩn của cán bộ Trung đội, tiếc quá. Chắc lại ông tướng nào vào xin thuốc Lào, thấy cả lũ ngủ say nên thó mất rồi.

Chiều muộn, C11 được lệnh đi lên chốt tuyến trên. Chúng tôi đã di chuyển theo đội hình rất thưa, vậy mà hình như vẫn bị địch phát hiện. Chúng pháo kích liên tục, cứ hai quả một bay đến, rít lên man rợ. Cả bọn đành phải chúi vào những hố đạn ở ven đường, đợi pháo chuyển làn thì lại

tiến. Phía trước mặt đạn pháo vẫn nổ không ngừng, khói xám mù mịt, mảnh bay vù vù. Rồi chúng tôi cũng mò được lên đến chốt tuyến 2 và tản vào các hầm quanh đấy. A tôi ở cùng hầm với Lâm Thành. Mỗi lần địch pháo kích, tôi để ý thấy Lâm Thành thường ngồi ra phía ngoài, xoay lưng chắn cửa hầm. Tôi hỏi thì Lâm Thành nói: “Nếu mảnh bay vào, tao sẽ bị, chúng mày không bị...”. Chính con cứ bắn khoả vì phải nhận khẩu súng giở ngoèn. Lâm Thành nói: “Gần đây có hầm của bọn công binh.

Tao thấy ngoài cửa hầm có khẩu AK “mẻ nòng” mới lắm...”. Thế là Chính con bò ra, và chỉ 1 lúc sau đã đem về khẩu “mẻ nòng” mới cứng. Cậu ta chỉ vào cái ốp che tay nói với tôi: “Bọn này khôn thật, nó đeo vào chỗ gỗ này để đánh dấu đấy”, và cười rất khoái chí về vụ tráo súng trót lọt. Quả thật, sắp vào trận mà có khẩu súng tốt cũng yên tâm hẳn.

Mỗi lần địch pháo kích, Lâm Thành thường ngồi ra phía ngoài, xoay lưng chắn cửa hầm: “Nếu mảnh bay vào, tao sẽ bị, chúng mày không bị...”...

Có lệnh vận động tiếp. Dưới ánh trăng vàng vọt, chúng tôi chạy dọc một bên doi cát, rồi vòng qua một hố bom to. Chợt gặp Nhuận “Nhà báo” đi ngược lại. Hấn nói hớn hén: “Gay lắm Vinh ạ. Cẩn thận nhé...”, rồi hối hả chạy biến. Sau này mới biết, từ tối hôm đó hấn chuẩn thẳng ra Bắc. Năm 1980, có lần gặp nhau ở Hà Nội, hấn giơ tay định bắt, nhưng tôi ngoảnh mặt làm ngơ, bỏ đi không nói một lời. Đến tận bây giờ tôi vẫn không thể tha thứ được cho những kẻ đào ngũ... Chúng tôi đã lên đến chốt tuyến 1 của ta. Một cậu lính C9 đang ngồi dọc chiến hào. Trong cái hầm gần đấy có một tổ DKZ82 của E64. Chợt cậu Đoàn C9 cất tiếng gọi tôi. Đoàn nói tình hình căng lắm, sáng nay C9 lại bị địch đánh bật xuống một đoạn. Xác anh Cơ, A trưởng của Đoàn, còn nằm trên đó chưa lấy được....

Trung đội tôi nhận nhiệm vụ: bò lên đoạn hào ta mới chiếm lại và đóng chốt ở đó. Chỉ có điều từ đây lên đó không có hào nổi, mà phải bò trên mặt đất. Tôi ló đầu nhìn sang phía địch. Trong màn đêm chỉ nhìn thấy

những bụi cây đen sì, huyền bí và nguy hiểm. Chúng tôi bắt đầu trườn lên mặt hào và bò đi. Cát trắng quá, có cảm giác những bóng đen đang bò hiện rõ mồn một, chỉ sợ bị một phát đạn vào lưng. Bây giờ mà địch pháo kích đến thì chỉ có chết. Chúng tôi vẫn tiếp tục bò. Rồi cũng đến được đoạn hào nông choèn của địch, tất cả trườn xuống nằm thở. Dọc con hào này, bên phải là một doi cát, bên trái là một lạch nước. Sườn doi cát có nhiều hố chiến đấu do lính địch khoét vào, nhiều hố đã sục lở.

Lúc này mấy cậu C9 dặn chỉ bò đến cái xác cụt nửa người thôi, và nhờ chôn anh Cơ hộ. Trong 1 cái hố đổ nát tôi thấy có mấy tờ bản đồ chiến thuật của địch, giấy in rất đẹp. Ngoài ra còn có hai khung balô ngụy và vài cái xẻng gập. Tôi lấy một cái để dùng. Tất cả hùng hục đào một con hào nối chúng tôi với tuyến sau, sâu đến đầu gối. Thế là có đường liên lạc yên tâm rồi, khỏi phải phơi lưng trên mặt đất. Lúc đang đào thấy nói anh Tin, A trưởng A6, sục phải xác một tên địch. Trưởng “Khâm Thiên” A6 và Minh A trưởng A5 đã chuồn từ hôm qua.

Anh Thanh chỉ định tôi bò lên đoạn hào trên cùng, gần địch nhất. Tôi thấy hơi bất bình, nhưng nghĩ đi nghĩ lại trong B chỉ có tôi là được anh tin tưởng nhất, nên vẫn chấp hành. Mùi hôi thối nồng nặc khắp nơi. Tôi cứ lặng lẽ trườn theo con hào. Tới một chỗ bỗng nhiên thấy nó phình to ra. Xung quanh vút lổn nhổn những xanh-tuya ngụy ngoắc đầy bao đạn, bi-đông Mỹ, mũ sắt bọc vải rằn ri, nồi quân dụng, hộp ghi-gô.... cùng mấy thùng lựu đạn mở vệt. Cạnh đó là một cái hố chiến đấu sục lở, có đá học xếp bên ngoài. Tôi nghĩ bụng: “Hay quá. Săn hố này ta chỉ cần cải tạo thêm một tí là xong”, rồi hăm hờ nhảy vào ẩn xẻng đào. Nhưng sao thế này? Xẻng không thể nào ẩn sâu được, cứ như đâm vào cao su. Tôi thọc tay xuống theo vết xẻng, thì trời ơi, sờ trúng vào cái khuy ngực của 1 chiếc áo ướt nhớp nháp. Một mùi thối hoặc xông lên, xác của 1 tên địch đang trương...

Tôi hoảng hốt nhảy ra, xúc mấy xẻng cát hất vào lấp hố. Đành phải tìm chỗ khác đào vậy. Tôi quyết định đào hố giữa lòng hào cho dễ. Nhưng

chợt nghĩ, nếu đang mải đào mà địch bí mật bò sang tập kích thì sao? Bèn nghĩ ra 1 kế: bò lên xa nữa, chọn 1 khúc hào ngoặt, bẻ 1 cành cây cắm cái mũ cối lên, tháo chiếc khăn dù choàng quanh cho giống người. Nếu có tên địch nào bò từ phía đối diện sang, đến khúc ngoặt này nhìn thấy bóng người hẳn nó chết khiếp. Nếu mà nó bắn, thì chỉ có cái mũ hứng đạn, còn tôi sẽ kịp thời đối phó. Đặc chí với cái kế đó, tôi trườn về hăm hờ đào tiếp. Khi hố đã sâu đến đầu gối, thì hơi ôi đáy hào rỉ nước, và nước càng ngày càng nhiều. Thật ngu ngốc mà quên mất rằng: cạnh hào là 1 lạch nước. Vừa mệt, vừa chán nản, nhìn lên bầu trời thấy sao tua rua đã gần lặn, tôi biết là sắp sáng. Làm thế nào bây giờ? Không có hố trú thân mà địch pháo đến thì chỉ có chết. Vừa lúc đó Chính con đã đào xong hố của mình, bò lên giúp tôi. Hai đứa hùng hục khoét vào sườn doi cát, chỉ 1 lúc đã xong. Rồi cả hai bò lên phía trước, vơ những khẩu M72 đem về làm nóc hầm.

Ở mỗi hố chiến đấu của địch đều có vài khẩu súng chống tăng M72, trông như những khúc tre dài khoảng 0,6m, khẩu đã bắn rồi thì rỗng tuếch, khẩu chưa bắn thì còn cả quả đạn trong nòng. Chúng tôi ôm tất về, đặt lên nóc hố. Tôi lấy cái chăn sợi vắn quấn quanh người phủ lên rồi lấp cát lại. Xong việc, 2 đứa chui vào hầm ngủ mê mết. Sáng bảnh chúng tôi mới thức dậy. Ban ngày bọn địch ít ngo ngoe, vì chúng sợ các cây súng bắn tia của quân ta từ phía sau bắn tới. Trong các trận chiến đóng chốt giăng co như thế này, thì các xạ thủ bắn tia Bắc Việt cực kỳ lợi hại. Họ đã gây ra rất nhiều thiệt hại cho địch, từ thời Điện Biên Phủ xa xưa, qua Thành cổ vừa rồi, và cả bây giờ nữa. Hễ tên địch nào bất cẩn khi di chuyển hoặc nhô đầu lên hơi cao là đi tong ngay. Bên địch hầu như không có súng bắn tia. Chính con cần nhẫn vì tôi đã đem cái chăn sợi phủ lên rồi lấp cát làm nắp hầm mất rồi. Đêm qua hơi lạnh mà cả hai đứa không có gì đắp.

Đến trưa thì anh Thanh gọi sang ăn cơm. Tối qua anh ngủ cùng hầm với Bích. Tuyển dưới vừa tiếp tế lên cơm nắm cùng một ít thịt bò kho với ớt khô, sang quá. Thì ra hôm nay là 22-12, Ngày Thành lập Quân đội NDVN. Mấy hôm trước chúng tôi còn mơ tưởng sẽ được ra hậu cứ nghĩ

ngôi, rồi cùng đơn vị đón Danh hiệu Anh hùng vào dịp này. Đúng là mơ hão. Chúng tôi đang đói nên ăn rất ngon, mặc dù cơm trộn cát nhai lạo xạo. Cậu Trường “Khâm Thiên” A6 và Minh A trường A5 cũng vừa bị tuyến dưới lôi lên đây. Định trốn mà đâu có thoát. Sao tôi ghét mấy thằng hèn nhất thế.

Ăn cơm xong tôi và Chính con đi lượm lượm đạn mỏ vẹt nằm rải rác rất nhiều quanh đó, đem về chắt đồng cạnh hố chiến đấu. Rồi cả hai tiếp tục sục sạo tìm cơm sấy, đồ hộp cùng các thứ linh tinh khác của địch. Mùi hôi thối khăng khăng khắp nơi. Không chỉ do xác chết, mà còn do các hộp thịt bị mảnh đạn găm thủng làm thối. Nhưng chúng tôi mặc kệ, cứ tìm đến những hố chiến đấu cũ của địch, thọc tay xuống cát đào bới. Vớ được mấy hộp thịt và vài gói cơm sấy, hai đứa đem về hầm ngồi chén. Hầm rất chật, chúng tôi như hai con ếch ngồi đáy giếng, đầu gối chạm nhau đau cứng, nhưng quai hàm thì vẫn nhai đều. Thịt bò hộp của bọn nó nhạt phèo, ăn ngầy ngầy, hình như được kho bằng dầu ô-liu. Gà hộp thì thịt ăn rất bã. Còn cơm sấy cứ bốc hạt khô như thế bỏ vào mồm, nhai thấy bùi bùi. Ăn xong nghỉ ngơi một hồi rồi lại đi sục. Tới chỗ đoạn hào phình to hôm qua, tôi định lựa xem cái xanh-tuy nào còn mới thì lấy dùng. Nhưng tất cả đều đã cũ và nặng chịch vì được gán đầy đủ lệ bộ gồm hai bao đạn, bi-đông, quai đeo....

Đúng là thằng lính địch nó quẳng được cái này đi cũng nhẹ cả người. Và tất cả đều rất hôi, mùi hôi đặc biệt của lính địch. Chán nản quá tôi đã định bỏ đi, thì chợt thấy chỗ đáy hào sát doi cát có một đoạn dây da đen đen. Khi tôi rút lên thì hóa ra là 1 cái đồng hồ mặt vuông. Mừng rỡ, tôi gọi “Chính! Chính! Tao bắt được một cái đồng hồ này!”. Chiếc đồng hồ này có cả lịch, nhưng chết đã lâu. Hai đứa đem về hầm ngắm nghía, và đều vui mừng vì từ nay có đồng hồ để xem giờ đối gác. Nhưng Chính con là người hay tí toáy. Cậu ta đem con dao nhíp có từ hồi huấn luyện ra hí hoáy tháo nghịch, làm rơi mất một con ốc. Tôi đành phải bỏ chiếc đồng hồ vào túi áo ngực và cài cúc lại. Buổi trưa bọn địch bắt đầu pháo kích. Những quả đạn rít lên man rợ trước khi lao xuống nổ. Tôi và Chính ngồi rúm người trong

cái hố bé nhỏ, chỉ lo nhờ có quả nào rơi trúng hố thì toi đặc. Cát rơi rào rào xuống đầu xuống cổ, mảnh đạn văng khắp nơi, cắm lịch xịch trên nóc hố. Dứt đợt pháo kích, hai đứa chui ra củng cố lại hầm hố, đắp thêm cát lên cho dày.

Buổi chiều chúng tôi lại bò đi sục sạo kiếm ăn. Năng vàng đẹp. Chiếc máy bay do thám OV-10 vẫn hát điệu o...o...o muôn thuở. Hai đứa chợt nhìn thấy sát mép lạch nước có một cái túi dết rần ri căng phồng. Chính muốn xuống lấy ngay, nhưng tôi muốn ngăn lại vì rất nguy hiểm: phải bò lên khỏi hào rồi trườn xuống mép nước giữa ban ngày. Tuy nhiên chưa kịp nói gì thì Chính đã nhanh nhẹn trườn lên, lăn mình chộp lấy cái túi và thoát cái đã lăn lại xuống hào. Hai đứa hăm hở mở túi ra. Trong đó có 1 cái chăn dù thám báo ruột bằng sợi tổng hợp rất nhẹ và ấm, một cái vông dù thùng lỗ chỗ, mấy cái ảnh đầm khóa thân, một số ảnh kỷ niệm gia đình cùng thư từ....

Ngoài ra còn có bông băng, kim chỉ và một phù hiệu Thủy quân lục chiến rất đẹp. Khi trở về hai đứa quyết định sửa lại cái hầm của Chính để dùng chung. Chúng tôi đào mở rộng ra, xếp đá xung quanh, lát nóc bằng súng M72, lấy vông dù ngụy phủ lên rồi lấp cát lại. Bây giờ thì thoải mái rồi. Tôi đi lột cái chăn sợi ở hầm cũ của tôi về để đến đêm hai đứa đắp chung.

Ăn cơm tối xong, anh Thanh phân công tôi gác từ 20h đến 21h30. Đêm trăng mờ mờ. Tôi bò vào một ngách hào, ló đầu nhìn sang phía địch. Khoảng cách hai bên khá gần, chừng 50m chứ mấy, chúng nói to là có thể nghe thấy. Nhưng chỉ thấy những ụ cát im lìm. Phải nói hai ngày nay chúng tôi gặp may, vì không phải chiến đấu. Chắc sau những trận giao tranh dữ dội giữa Tiểu đoàn 2 E48 và C9 D3 E48 của ta với Tiểu đoàn 4 “Kình ngư” của Thủy quân lục chiến, cả hai bên đều đã thấm mệt.

Lúc chiều thấy địch bắn pháo khói nhiều, che phủ khắp trận địa. Hình như chúng đã đưa Tiểu đoàn 2 “Trâu điên” vào thay Tiểu đoàn 4. Bọn này

C tôi đã đựng hồi ở Làng 8, Tám Cát rồi. Phù hiệu trên vai của chúng có cái đầu trâu há mồm đỏ lòm trông rất ngộ. Thịnh thoảng chúng lại câu sang mấy quả M79. Ta đáp trả bằng mấy phát DKZ82.

Màn đêm tịch mịch, nhưng tôi vẫn sợ bị địch tập kích bất ngờ. Bèn dùng lại sáng kiến hôm qua: bò lên phía trước, nhìn ngược lại vị trí của mình, xem chỗ nào đập vào mắt nhất thì đặt “bù nhìn” vào đó. Để làm “bù nhìn”, tôi lật sắp cái nôi quân dụng, bên trên đặt hộp ghi-gô, rồi chụp cái mũ sắt lên. Trông xa cứ như một người đang nhô vai lên quan sát. Ít nhất thì cũng làm chậm được bước tiến của địch. Khoảng 5h sáng, trời còn sương mù, chợt nghe tiếng lao xao ngoài hào. Tôi ngó ra thì thấy B trưởng Thanh, C trưởng Hộ và D trưởng Tùng đang đứng ngoài đó. Tiểu đoàn trưởng Tùng nhặt mấy quả lựu đạn mỏ vịt còn lăn lóc xung quanh, nhắc chúng tôi gom lại để dùng. Có những Tiểu đoàn trưởng sâu sát như thế thật yên tâm, vì đây là vị trí gần địch nhất của cả Tiểu đoàn.

Trời sáng rõ, có tiếng máy bay âm ỉ lượn vòng. Một chiếc A37 đang ném bom ngoài bãi cát. Không hiểu nó nhìn thấy cái gì ở ngoài ấy. Cánh nó bằng, đuôi nó cúp, cứ mỗi lần bổ nhào chỉ ném đúng một quả. Nhiều lúc không nhìn rõ mục tiêu, nó bay thấp hần xuống dưới trần mây để quan sát, rồi vòng sau mới cắt bom.

Đến trưa, Chính con bỗng nảy ra ý định bò sang trận địa của địch chơi. Tôi đã cản, nhưng cậu ta không nghe, cứ bò đi một mình. Đang lo thắc thỏm thì chợt phía bên địch tiếng súng rộ lên. Mấy quả M79 bay đến nổ gần hầm làm tôi phải thụt vào, nhưng vẫn nhìn ra đoạn hào dẫn sang phía địch. Một lúc sau mới thấy Chính con mặt mày tái mét mò về. Hú vía, suýt nữa thì cậu ta toi mạng oan...

Buổi chiều hai đứa ngồi xem mấy chiếc F4 thay nhau oanh tạc mạn Tường Vân, Làng 9. Khói đen xám mù mịt bốc lên sau những tiếng nổ rền. Bỗng một loạt pháo lao đến nổ rung chuyển căn hầm, làm chúng tôi rúm cả vó lại. Phải nói bọn pháo binh địch bắn cũng khá thật. Từ hầm ta sang hầm

chúng nó chỉ mấy chục mét thôi, mà không quả nào rơi sang bên đó cả. Tiếng rít của những quả pháo đang lao xuống đầu bạn là đòn tâm lý ghê rợn nhất. Nó rít lên, rít lên như một mũi khoan sắc lạnh, xoáy sâu vào thần kinh và cân não. Nó làm tóc gáy phải dựng ngược lên, quả tim ngừng đập và lồng ngực ngừng thở. Cho đến khi nghe tiếng nổ rung hăm, cát bụi rơi lả tả, khói xám xộc vào, mới cảm thấy hơi nhẹ nhõm, thì quả pháo sau đã lại rít lên rồi... Cho nên tôi rất hiểu chuyện lính ta tóm được thằng pháo binh địch nào cũng bắn ngay tại chỗ!....

Chiều tà. Đang ngồi nói chuyện với anh Tài, B phó người Thanh Hóa, chợt nghe tiếng nổ “ Ụp...oành”. Nhìn ra bãi cát, một quả DKZ đỏ lừ như con chuột lửa chạy vút ra xa mãi. Chắc tổ DKZ82 của E64 phát hiện được mục tiêu nào đó. Anh Tài có hai má bầu như con gái, là con một trong một gia đình nông dân. Tính anh khô khan, nói năng lúng búng, nên không được anh em trong trung đội quý mến lắm. Nhưng sau này khi tôi bị thương, chính anh là người đã cõng tôi đang mê man về tuyến sau. Anh hy sinh trong trận ngày 1701-1973, bị trúng một viên đạn lòi ruột. Người ta đưa anh vào một chiếc hầm, vì đang đánh nhau dữ dội, không thể chuyển về phía sau được. Anh ngồi trong hầm rên rỉ, nói lảm nhảm một lúc rồi chết... Anh chết khi 10 ngày sau, Hiệp định Pa-ri lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết!

Sẩm tối, sau khi ăn mấy nắm cơm lẫn cát, tôi, anh Thanh và Bích ra ngồi sau một ụ cát nhỏ, cùng quan sát được. Bỗng một quả pháo lao vèo đến nổ oành bên kia ụ cát. Cả bọn bị điếc đặc, hoảng quá chui tọt vào hầm. Rất may là không ai bị sao cả. Khi trời đã nhập nhoạng, tôi quyết định bò theo đường hào dẫn sang phía địch để do thám. Tay nắm chắc quả lựu đạn mỏ vịt, tôi lặng lẽ trườn đi. Nhiều đoạn hào đã bị cát lấp hoàn toàn, khi bò hầu như phải phôi lưng trên mặt đất, kiểu này dễ bị lộ lắm. Trăng đã lên, khá sáng. Đồng cát sương phủ mờ mờ. Lợi dụng những vệt tối giữa các đoạn hào, tôi vẫn tiếp tục trườn đi. Dấu vết của những trận tập kích trước đây do D2 và C9 thực hiện càng lúc càng thấy rõ. Ba-lô, súng RPD, AK,

M16, M72... cùng đạn được vút lỏng chông dọc các đoạn hào. Thịnh thoảng tôi lại ngóc đầu nhìn sang phía địch. Không thấy động tĩnh gì, lại bò tiếp. Chợt thấy một đồng đen đen lù lù chắn đáy hào trước mặt. Người à? Không phải.

Tôi trườn đến gần hơn và căng mắt nhìn. Thì ra là đồng lòng ruột, dạ dày, thậm chí còn thấy cả những đường gân máu trên cái dạ dày. Khi tôi ngóc cổ cao hơn còn thấy hai cái chân hất về phía trước. Tôi hiểu ngay đây là một cái xác bị bay mất nửa trên, chỉ còn từ phần bụng trở xuống. Đang vội vã bò lùi, thì khuỷu tay phải chợt chạm vào một vật gì cứng cứng. Nhìn sang, chỉ thấy hai bàn chân đi tất thò ra từ dưới một cái vồng đắp. Tất này thì chỉ có quân ta thôi: dài đến đầu gối, màu rêu, chỗ lòng bàn chân màu vàng. Chắc hẳn đây là xác anh Cơ như bọn C9 đã nói, cũng phải 3-4 ngày rồi, mà sao không thấy thối. Tôi càng bò lùi nhanh hơn nữa. Nhưng chỉ cách chỗ đó chừng 7-8 mét, tôi đã đành hoảng ngồi dậy, lục lọi mấy cái balô vút trông trơ quanh đó, xem có thứ gì ăn được không. Thực sự lúc ấy tôi không thấy sợ, vì biết đâu chỉ vài phút nữa chính tôi cũng sẽ nằm chết như vậy. Kiểm được một gói gạo rang, một gói muối và một cái màn vải. Được đấy, cái màn vải có thể dùng đắp thêm vào chắn cho ấm.

Tôi lầm rầm khấn: “Thôi, các đồng chí ơi, các đồng chí đã hy sinh, thì để những thứ này cho chúng tôi dùng, để chúng tôi có sức chiến đấu trả thù cho các đồng chí...”. Rồi đem theo những thứ đó lặng lẽ bò về.

Trời tối đã lâu. Tôi ngồi trong hầm nhìn hỏa châu rơi. Đây là loại pháo sáng được bắn bằng súng cối của địch. Quả đạn lên đến một tầm cao nhất định sẽ phát nổ. Đầu đạn tỏa ra thứ ánh sáng rực rỡ, được treo dưới một cái dù nhỏ làm chậm tốc độ rơi, vừa rơi nó vừa cháy xèo xèo và kéo theo một đuôi khói trắng. Đuôi đạn văng ra quay lộn trong không khí gây nên tiếng kêu “Kút...kút...kút...” rất kỳ lạ. Cứ quả này tắt thì địch lại bắn quả khác. Đêm khuya thanh vắng, nhìn ánh sáng vàng vọt cùng tiếng kêu ma quái, sao thấy rùng rợn quá. Trong màn sương mờ tôi chợt có cảm tưởng ai đó đang

di chuyển ở bên kia lạch nước. Vội bò ra khỏi hầm căng mắt nhìn, thì thấy Bích cũng đang nằm nép vào mép hào quan sát. Đúng là có tiếng người thì thầm trao đổi cùng tiếng chân lội nước bì bõm. Hai đứa định vào báo cáo anh Thanh, vừa lúc anh cũng bò đến. “Có lệnh rút ngay”, anh nói khẽ, “C10 sẽ lên thay chúng ta...”. (Hôm sau nghe nói C10 đã nổ súng vào đám người bên kia lạch nước. Hóa ra là một tổ trinh sát của Tiểu đoàn 1, E48. Có thương vong thì phải...).

Chúng tôi nhanh chóng khoác súng và bò lui về chốt tuyến 1, rồi chạy dọc doi cát về chốt tuyến 2. Tiểu đội tôi cùng anh Thanh ở cùng một hầm, chính là cái hầm của anh Căn, D phó hôm nọ. Cả bọn nằm chen chúc rồi cùng chìm vào giấc ngủ mê mết. Khu vực chốt tuyến 2 này có mấy hầm ở gần nhau. Cách chúng tôi 15m là hầm A6. Cạnh đấy là hầm của tổ du kích trước đây, bây giờ bốn cậu lính thông tin E64 đóng trong đó. Đối diện chúng tôi khoảng 10m là hầm của tổ DKZ82 thuộc E64. Tôi nhìn ra cái xác xe tăng M41 ngoài bãi cát, thấp thoáng mấy bóng lính ta đang bò quanh nó. Mấy cậu này mạo hiểm thật, pháo kích mà đến thì chỉ có chết.

Một lúc sau thấy Long cõ và hai cậu trinh sát tiểu đoàn bò vào. Hóa ra hầm của Trung đội trinh sát D3 cũng ở gần đây. Tôi hỏi Long cõ “Có tìm được gì ở trong xe không?”. Long cõ cười “Chẳng có gì cả. Nhặt được mấy cái bật lửa Zippo thôi...”. Đến trưa cả bọn phải đi kiếm củi về nấu ăn. Tôi chạy ra khá xa, qua mấy cái hố bom, qua cả hầm Trinh sát pháo binh, thấy một lô đạn súng cối nằm chất đống. Nhưng cái tôi cần là liều phóng để đốt bếp hoặc củi khô cơ. Không tìm được những thứ đó, đành vơ ít củi ướm đem về phơi trên nóc hầm vậy.

Anh Tài đã gửi về một ba-lô gạo, cộng thêm gói muối tôi kiếm được tối qua, vậy là vấn đề lương thực đã được giải quyết. Pháo địch vẫn bắn rải rác dọc tuyến đường từ hậu cứ lên chốt.

Khoảng 4h chiều một chiếc L19 ẽ ẽ bay qua. Loại này chuyên môn vạch đường cho B52 rải thảm, thường chỉ bay theo một đường thẳng. Một

lúc sau nghe tiếng nó quay về. Không hiểu mấy cậu Thông tin E64 nấu nướng ra sao để khói bay lên, nó nhìn thấy được bèn bổ nhào xuống luôn. Lúc ấy chúng tôi đang ngồi trong hầm, chợt nghe tiếng máy bay rú và tiếng bom rít trên đầu. Cả lũ sợ rúm vó: “Chết này... Nó trúng mình này... Chết này...”. Bom nổ làm chúng tôi điếc đặc, hơi bom phần phật thổi vào hầm cùng khói đen xịt. Nào đã hết đâu, nó quay vòng lại bổ nhào thả tiếp quả thứ 2. Cả đời không thể nào quên được tiếng gào rú của máy bay và tiếng rít ghê rợn của quả bom đang lao thẳng xuống đầu mình. Lại hơi bom phần phật, lại khói xộc vào đen xịt. May mà thằng L19 này chỉ mang được 2 quả bom loại 50kg.

Một lúc thấy yên yên, anh Thanh bò ra xem xét tình hình rồi quay lại gọi: “Tất cả ra nhanh lên... Cầm xẻng theo!”. Chúng tôi vớ xẻng lao ra ngoài. Cảnh tượng thật tang thương. Cái hầm của Tổ Thông tin E64 bị sập thành một đồng, còn nghe tiếng rên rỉ trong đó. Chúng tôi hồi hải đào bới, cả A6 cũng lao đến giúp. Thế mà mấy cậu DKZ E64 không thằng nào thò mặt ra, thật quá tồi tệ. Chúng tôi khẩn trương bóc lớp tôn lát ngoài rồi phá sườn hầm thành một lỗ hổng. Bích là người đầu tiên nhảy vào. Một mùi khét kinh khủng bốc ra, giống mùi chó thui. Mùi khét của tóc cháy và da người cháy. Mặt mũi Bích đỏ gay, ra sức bới cát dưới đầu một anh bị kéo hầm đề lên cổ.

Chúng tôi chật vật lắm mới lôi hết được bốn người ra. Cả bốn người đều bị cháy hết lông mày, khuôn mặt bị lột đi lớp da ngoài trở thành đỏ hồng. Máu mồm, máu mũi trào ra, cát dính vào thành từng đám lem nhem. Mắt ai cũng lờ đờ, quần áo rách bươm. Lúc này mấy cậu E64 mới mò tới, cùng chúng tôi xốc nách các nạn nhân ra chỗ thoáng hơn nằm. Cậu Y tá tiêm thuốc hồi sinh cấp cứu cho họ. Nhìn một chiến sĩ nằm ngay ở cửa hầm, đang thở kho khe một cách nặng nhọc, quần áo như mớ giẻ rách, tôi biết cậu này khó mà qua khỏi. Một lúc sau thì cậu ta chết. Thế là tổng cộng hai người chết. Còn hai người bị thương được khiêng đi viện.

24-12-1972. Noel. “Hôm nay sẽ ngừng bắn đấy”, anh Thanh nói. Tôi nửa tin nửa ngờ, chắc gì bọn địch đã tuân thủ. Thế mà đúng 6h chiều, bỗng nhiên tất cả các loại súng im hẳn. Không tiếng bom, không tiếng pháo, kể cả pháo biển. Chúng tôi chui ra khỏi các hầm hố, vươn vai đi lại khoan khoái. Lần đầu tiên trên chốt được đi ỉa một cách thoải mái. Mọi hôm phải đào hố mèo ngay cạnh hầm, đi xong lấp lại, mà vẫn nơm nớp lo sợ bị pháo kích bất ngờ, không kịp chui vào hầm. Trời tối hẳn, thấy có bóng người đang đào gì lịch kịch. Thì ra Long cõ đang đào một con hào cắt ngang qua doi cát, tôi và anh Thanh bèn xách xẻng ra đào giúp. Con hào này sẽ giúp chúng tôi khỏi phải phơi lưng trên mặt đất mỗi khi vượt qua doi cát. Tự nhiên thấy nhớ Hà Nội quá. Không biết Noel này Hà Nội ra sao, trước cửa Nhà thờ Lớn phố Nhà Chung còn đèn hoa rực rỡ nữa không? Nghe nói bọn Mỹ đem B52 đánh bom Hà Nội. Thật đau xót quá. Nếu còn sống mà về được, chắc Hà Nội chỉ còn đồng gạch vụn. Hãy xem B52 rải thảm ở Quảng Trị khủng khiếp như thế nào. Liệu gia đình mình có bị sao không?....

Phía bên địch, bọn chúng đón Noel bằng những loạt hỏa châu. Những quả cối sáng đủ màu: hồng, vàng, xanh lá mạ... lấp lánh chi chít trên nền trời đen. Còn phía bên ta thì chỉ có đạn lửa. Lính ta ngồi dưới chiến hào, chĩa súng AK lên trời nghiêng răng siết cò bắn từng tràng đạn lửa. Những nụ cười ngây thơ, những cặp mắt vui sướng của các chàng lính trẻ đang dõi theo hàng ngàn viên đạn đỏ lừ như đàn châu châu chấu lửa bay ngang dọc khắp trời.... Mấy đứa rủ nhau tụ họp ở hầm tôi ngồi nói chuyện. Cả anh Tin A trưởng A6 cũng bò sang. Đạo này anh có vẻ quan tâm đến tôi tợn, hầu như tối nào cũng sang hỏi đủ thứ chuyện. Ở mặt trận mà được ngày ngừng bắn thích thật. Có lẽ đến hơn tháng nay tôi mới lại đi tắm. Thoải mái ra gần cái xe tăng cháy, chọn một hố bom nước trong vất, hụp người xuống kỳ cọ. Sau đó tha thần đi chơi, nhặt được một cái dù pháo sáng mang về cho Chính con làm khăn quàng cổ. Chính con đem phơi ở bụi cây cạnh hầm, lúc sau ngó ra thì cái dù đã biến mất. Thật chán mớ đời!

Chợt thấy lính ta reo hò, tôi quay lại nhìn. Thì ra ông Vượng, Chính trị viên Tiểu đoàn, đang lò dò lên chốt. Tôi cười mím, nghĩ bụng: “Ngày ngừng bắn có khác...”. Nhiều người lính D3 cũng đang cười mím đứng nhìn. Trong thâm tâm, họ rất ghét những sĩ quan hèn nhát, lúc đạn bom thì chẳng bao giờ lên chốt. Thế mà ông ta đi đến đâu cũng vậy vậy, làm bộ mím cười, ra vẻ quan tâm đến lính tráng lắm. Nhìn sang phía địch, thấy bọn nó đi lại cũng có vẻ thoải mái. Ở một vài chỗ thậm chí lính ta và lính nó còn hỏi chuyện nhau. Bọn nó ném cơm sấy thịt hộp cho ta, ta ném lương khô 701 cho nó. Nhiều đứa chẳng qua là nông dân chất phác, bị bắt đi quân dịch, và chẳng hiểu gì về chính sách của ta cả. Thậm chí còn bị nhồi sọ rằng họ “chiến đấu để chống lại “Việt cộng” là tay sai của “Tàu cộng” vô xâm lược Miền Nam”!?!....

Có chút thời giờ rảnh rỗi tôi thường qua hầm Long cò chơi. Biết tôi bị mất hết quần áo, Long cò cho tôi một cái áo ga-ba-đin mới. Tôi bèn cởi bég cái áo phin cộc tay đang mặc bên trong vứt đi, vì nó hơi quá rồi và cũng không có điều kiện để giặt nữa. Gia tài bây giờ có hai cái áo dài tay tôi mặc tất lên người, vì trời cũng bắt đầu lạnh rồi. Buổi tối hôm ấy có lệnh chuẩn bị đi tập kích, nhưng cuối cùng lại hoãn. Khoảng hơn 18h, hết hạn ngừng bắn, pháo địch từ Làng 5 lại bắt đầu phát hỏa. Tiếng đê-pa “Tùng... tùng...tùng”, pháo dàn rồi. “Viu... viu viu... viu” “Oành... oành oành... oành”... Hàng loạt cột lửa màu da cam dựng lên ở phía Làng 9. Gần hầm DKZ của E64 có một tổp chiến sĩ đang đào hầm mới, dựng kèo và sườn bằng tre. Tôi lại gần xem, thì ra là lính Tiểu đoàn 1, E48, trong đó có cả Khuê (anh của Đệ, cùng A huấn luyện với tôi. Đệ đã đào ngũ). Khuê đang cùng một cậu tên Tập, cũng lính Hà Nội, dùng xẻng lấp cát lên hầm. Khuê cho biết một số bạn cùng C49 huấn luyện đã chết, và Khuê đang định đào ngũ. Tôi phải về ăn cơm, lúc sau quay lại thì ở đó vừa bị trúng hai quả pháo. Cậu Tập bị mảnh pháo vào chân, người ta khiêng đi rồi, Khuê nói thế. Sau này có lần tôi thoáng thấy cậu ta ở Hà Nội, nhưng không đến chào.

26-12-1972. Một ngày nắng đẹp. Từ sáng sớm chiếc OV-10 đã quần đảo liên tục. Ở Quảng Trị thăng này nó bay nhiều đến nỗi hôm qua ngừng bắn nó không bay, lại đâm nhớ. Không thể nào quên được cái tiếng “Ồ... ồ... ồ...” rất khó chịu, lúc to lúc nhỏ, lúc xa lúc gần của nó. Thỉnh thoảng nó lại bổ nhào, bắn “Cạch bùm” 1 phát pháo khói. Thế là lập tức bọn F4, A7 châu đến ngay, thi nhau bổ nhào ném bom vào chỗ nó chỉ điểm. Sau bữa trưa chỉ có cơm với muối, chúng tôi rửa bát bằng cách sục ca nhôm vào cát rồi chùi. Ở đây thì lấy đâu ra nước mà rửa bát. Có nước ở hố bom cách đó vài chục mét, nhưng ra lấy lại sợ bị pháo kích. Ca nhôm sạch rồi, chúng tôi tiếp tục xục thìa vào cát chùi. Những cái thìa ở Quảng Trị đẹp thật, thìa Mỹ có khác, vừa to vừa dày, bằng I-nox sáng loáng. Chùi xong chúng tôi cất thìa vào túi áo, cài khuy cẩn thận, “Quân tử phòng thìa” mà....

Tôi và Bích ngồi nhìn 2 chiếc A7 trắng toát đang quần đảo, ném bom ở một chỗ nào đấy. Đặc biệt khi bổ nhào chúng phun ra sau đuôi những dải sao băng sáng chói. Về sau mới biết đó là cách chúng chống lại tên lửa tầm nhiệt của ta. Nghe có tiếng súng 12ly7 bắn lên ở phía xa. Khoảng 30 phút sau, chùng hết dầu, chúng bay ra biển, nhưng chỉ có một cái bay đi. Tôi chờ mãi cái thứ hai mà không thấy. Buổi chiều nghe nói nó đã bị C16 hạ rồi. Sắp ăn cơm tối thì được lệnh chuẩn bị đêm nay đi tập kích. D trưởng Tùng, C-trưởng Hộ và B trưởng Thanh đang đứng trước cửa hầm nói chuyện. Lần này chúng tôi nhất định chiếm đồi Cây Ba Chạc. Hai lần trước D2 và C9 đã chiếm được, nhưng rồi để địch phản công giành lại mất. Lực lượng tấn công chính tối nay là C10, được bổ sung thêm B2 C11 của chúng tôi.

Trung đội 2 của chúng tôi được cấp trên rất tin nhiệm, vì là Trung đội Thép, đã lập nhiều chiến công trong đợt chiến đấu ở Làng 8, Thanh Hội vừa rồi. Lâm Thành và tôi được giao nhiệm vụ đi về Tiểu đoàn bộ lấy thêm đạn B41. Dọc đường chúng tôi gặp Danh Hòa, cũng là lính C49 cũ, bây giờ ở đội vận tải. Cậu ta đã mấy lần đào ngũ mà không thoát, bị bắt về C23 Lưu dung (Quân pháp quản lý), rồi đưa ra mặt trận làm lính vận tải. Tôi chỉ có thể nhắc nhủ Danh Hòa hãy cố gắng, biết đâu còn có ngày gặp nhau ở Quán

Gió, Hà Nội, như những ngày từ Bãi Nai về phép. Nghe nhắc đến Hà Nội, cậu ta nở một nụ cười héo hắt. Mấy cậu vận tải rất nhát. Được lệnh tải đạn lên cho trận đánh tối nay, mang đến trước hầm tôi là họ vớt bừa ra hào. Nào đạn cối 82, cối 60, liều phóng, nào đạn AK, đại liên, DKZ... nằm lổng chổng.

Ăn cơm xong chúng tôi ra hào vác về một thùng đạn AK rồi khai ra. Tất cả các băng đạn được thay đạn mới hoàn toàn. Tôi lèn chặt 4 băng đầy (120 viên), buộc vải che cát cẩn thận. Đầu nòng và khóa nòng được bọc bằng bao cơm sấy, vì tôi rất sợ bị cát rơi vào. Bình “cống” (Trần Bình) là lính thông tin mang máy 2W được phái xuống đi với C11 đợt này. Cậu ta vào tiếp thu hầm của tôi. Hai đứa ngồi hàn huyên một lúc lâu. Chợt thấy anh Hường, Chính trị viên C11, ngó đầu vào gọi “Đi nào!”. Tôi vội đi giày TQLC, khoác súng, dặn Bình “cống” giữ hộ cái xẻng gấp cùng đôi dép đúc, rồi vội vã chạy ra.

"Bình cống mang máy 2W được phái xuống đi với Đại đội tôi...".

Vừa chạy tôi vừa buộc lại dây bao đạn. Ngay sau tôi là Chính con, trước đó một quãng là anh Thanh.

Trăng đêm nay sáng quá. Chợt nghe loáng thoáng phía trên có ai hỏi tên Vinh, nhìn lên thì thấy Chí Thành đang đứng cạnh hào. Đêm nay cậu ta giữ máy 2W ở hầm Tiểu đoàn bộ, phụ trách liên lạc với các đơn vị trực tiếp tham chiến. Gặp tôi, Chí Thành nói: “Sẽ gay lắm đấy, nhưng cố lên Vinh nhé. Chúc Vinh may mắn...”. Tôi đưa gửi cậu ta chiếc đồng hồ nhật được của địch hôm nọ. Siết chặt tay từ biệt, tôi vội chạy nhanh cho kịp đội hình.

Lại vòng qua cái hố bom to, rồi đến hầm DKZ của E64. Nghe nói ở đây vừa trúng pháo kích, hầm sập, cậu Hải “râu” bị sức ép gần chết. Trung đội 1 của C11 đang chốt chỗ chúng tôi nằm hôm nọ được lệnh rút về. Pháo tầm xa của ta bắt đầu bắn mở đường về phía Đồi Cây Ba Chạc. Gặp cậu Đạt, cùng C49 cũ, nay là lính C14, đang đứng cạnh khẩu cối 82. Mấy khẩu

cối 82 của C14 và của Tiểu đoàn 1 đang bắn bậm bạch về phía địch. Bọn địch bắn hỏa châu lên ghê quá, sáng rực cả góc trời. Chúng tôi phải ngồi đợi một lúc. Khi tôi nhìn lên thì không thấy ai nữa, anh Thanh đã đi từ lúc nào. Tôi vội khoát tiểu đội chạy tiếp. Vừa đến một đoạn hào nông choèn thì bất chợt một quả hỏa châu rơi ngay bên cạnh, cháy rực lên trước khi tắt. Cả bọn hốt hoảng vì giữa nền sáng chói hình bóng chúng tôi nổi lên rất rõ. May thay không thấy phía địch phản ứng gì. Rồi cũng gặp được anh Thanh cùng hai tiểu đội khác đang ngồi dọc một đoạn hào, cạnh mấy cái hầm. Tôi trách anh đã bỏ rơi A tôi, anh nói chắc lại thằng nào đó không truyền lệnh tiếp về phía sau. Cậu Tường Hải Phòng, liên lạc đại đội, chạy tới đề nghị anh Thanh phân tán bộ đội vào các hầm ngồi chờ. Kế hoạch là C10 sẽ tấn công trước. Khi đã chiếm được Cây Ba Chạc rồi thì B2 của tôi sẽ lên chốt giữ.

Tôi và Chính con vào ngồi trong một cái hầm chật như ngòi mộ. Đạn pháo lớn của ta từ xa bay tới, kêu “O... o...” trên đầu, rồi nổ như sấm sét bên phía địch. Cờ này phải 122ly, hay 130ly, chứ chả chơi. Pháo địch cũng thi nhau bắn ầm ỉ. Chợt chúng tôi nghe rộ lên tiếng súng 12ly7 “Pình... pình... pình...” hòa lẫn vào tiếng cối 82 “Pùng... pục...”. C10 bắt đầu tấn công rồi. Giữa những tiếng nổ hỗn loạn, tôi cố tìm nghe tiếng súng AK mà không thấy. Được khoảng 30 phút thì cậu Tường liên lạc chạy tới kêu lớn: “Chiếm được Cây Ba Chạc rồi! B2 vận động lên!”.

Tôi vội cùng Chính con lao ra khỏi hầm. Dưới ánh trăng và ánh hỏa châu sắp tắt, trong khói đạn mờ mờ, chúng tôi chạy theo một hàng dọc. Bốn bề các loại đạn vẫn nổ tứ tung. Chợt một loạt hỏa châu mới vọt lên, trời đất sáng rực, cả bọn vội rạp người nằm xuống. Sáng đến nỗi có rơi cái kim cũng tìm thấy. May thay đến được một đoạn hào đây rồi. Tất cả nhảy xuống bò đi tiếp. Quái, sao lính C10 còn nằm đây ở đây?.

Ba chiến sỹ đang xúm quanh khẩu B41 giục nhau bắn. Chỗ này chỉ cách hào địch chừng 50m. Tôi bò qua cái hầm nhỏ, trong đó một cán bộ chỉ

huy của C10 đang giục cậu Sơn, lính thông tin 2W, báo cáo về Tiểu đoàn. Sơn gào vào ống Tổ hợp: “Mỗi chúng tôi chỉ còn 5 viên kẹo... còn có 5 viên kẹo thôi!...”. Thì ra họ vẫn chưa chiếm được Cây Ba Chạc, nhưng đã yêu cầu chúng tôi vận động lên phía trước! Đạn cối cá nhân của địch nổ liên tục. Rồi đạn pháo các cỡ, đạn M72 rít xoèn xoẹt ghê người. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn tiếp tục bò lên phía trước. Anh Thanh bò đầu tiên, thỉnh thoảng dừng lại, thò đầu lên khỏi hào quan sát. Rồi đến tôi, đến Bích mang B40, đến Chính...

Hai Tiểu đội khác bò rải rác phía sau. Lợi dụng một loạt hỏa châu vừa vụt lên trời, tôi thò đầu lên nhìn sang phía địch. Không thể nào quên được hình ảnh đồi Cây Ba Chạc đêm ấy. Đó là một gò cát nhỏ, bên trên mọc mấy thân cây trơ trụi, cong queo. Cây cao nhất có 3 cái chạc khằng khiu chìa ra 3 phía. Nhìn chúng thật ma quái trong màn khói đạn và ánh hỏa châu vàng vọt. Đúng là một mảnh đất chó ăn đá, gà ăn sỏi, thế mà ta và địch đã giành giệt nhau không biết bao nhiêu hiếp. Mỗi tấc đất ở đây phải thấm đẫm hàng lít máu người, có lẽ chỉ ít hơn trong Thành cổ một chút. Ngay dưới chân gò là chiến hào của địch, tôi đã thấy những chiếc mũ sắt nhấp nhô.

“Cạch oành... Cạch oành...”, chúng bắn M79 liên tục. Đạn nổ tóe hoa cà hoa cải khắp nơi. Phát hiện thấy cái gì động đậy là chúng bắn điên cuồng. Chính con giương AK bắn 1 loạt. Lập tức đạn cối cá nhân bay đến tới tấp, làm chúng tôi không thể nào ngóc cổ lên được. Lại đến lượt anh Thanh nhồm dậy bắn. Địch cũng đáp trả bằng hàng chục quả M79. Sở dĩ chúng phản ứng được, vì mỗi khi ta bắn, lửa đầu nòng nhìn khá rõ. Tôi bèn nói: “Lựu đạn thôi.... Đừng bắn... Lựu đạn thôi!”. Một khẩu đại liên M60 của địch đang bắn điên cuồng. Nghe tiếng nổ rất gần, chắc chỉ cách chừng 30m. Tôi và anh Thanh căng mắt nhìn, mà vẫn chưa xác định được vị trí của nó, vì cứ phải thụt đầu xuống liên tục. Chà, bọn chúng bắn cả đạn chống tăng M72 vào chúng tôi. Giữa những tiếng nổ ghê người, nhưng sao tôi vẫn thấy rất bình tĩnh. Tôi nằm dưới hào, nhìn những dây đạn đại liên đỏ lừ đang đan ngang đan dọc trên đầu, trong lòng thầm nghĩ: “Sao mà đẹp

thế”. Mà đẹp thật, cứ 5 viên xanh 1 viên đỏ, nối tiếp nhau như một chuỗi ngọc dài dặc.

Cuối cùng chúng tôi cũng xác định được vị trí của khẩu đại liên sau một mô đất. Anh Thanh nhồm lên ném một quả lựu đạn. Tôi nhìn theo, nó nổ cách mục tiêu khá xa, chắc vì khi ném không đủ đà. Tôi nói với anh Thanh: “Anh bắn yểm trợ cho em ném nhé!”. Anh nói “Được”. Rồi vẫn nấp ở bên dưới, nhưng 2 tay anh nâng súng lên khỏi miệng hào, chĩa về phía khẩu đại liên xả đạn liên tục. Bị bắn rất quá, súng địch tạm ngưng 1 lúc. Nhân thời cơ đó, tôi bật chốt quả mìn, đếm đến 4, rồi đứng thẳng người lên, dùng hết sức vung tay lấy đà ném nó đi. Quả lựu đạn rơi trúng sau mô cát, chạm đất nổ ngay. Trong quầng sáng màu da cam còn kịp thấy khẩu đại liên cùng hai bóng người bị nhấc lên rồi rơi phịch xuống. Hỏa điểm địch câm bặt, nhưng vị trí của tôi cũng bị lộ rồi. Tôi vừa nằm xuống thì hàng chục quả M79 đã bay đến tới tấp.

Sau mỗi tiếng “cạch oành” là hàng trăm viên bi bay đi rào rào. Rồi M72, cối 81, pháo 105... nổ liên tục. Đạn rít chiu chiu, mảnh bay vèo vèo, rơi lịch xịch khắp nơi. Tất cả chúng tôi nằm ép người xuống con hào nông choèn, chịu trận. Địa ngục chắc cũng chỉ đến thế này mà thôi. Chợt như có ai cầm cái búa đinh giáng thẳng vào phía sau đỉnh đầu tôi. Mắt tôi nổ hoa cà hoa cải, một dòng máu nóng chảy từ đầu xuống cổ. Một mảnh pháo nhỏ đã xuyên qua chiếc mũ cối, cắm phập vào vùng chẩm sau đầu, làm lún một mẫu xương sọ. Tôi chỉ kịp “hức” lên 1 tiếng, rồi chìm ngay vào đêm tối mênh mông...

Các bạn thân mến, cuộc chiến đấu của tôi trên Chiến trường Quảng Trị đến đây là hết. Dứt cơn bão lửa, thấy tôi còn thở, anh Tài B phó đã công tôi chạy về tuyến sau. Rồi được hai cậu lính vận tải khiêng văng đưa về Phẫu tiên phương 62 bên bờ một con lạch. Ngay đêm hôm sau tôi được chở bằng xuồng máy, chắc là xuôi sông Thạch Hãn, qua kênh đào nối với sông Bến Hải, ra Phẫu 48 Vĩnh linh.

Khi tôi tỉnh dậy thì đã thấy mình nằm ở Vĩnh Long, Vĩnh Linh, ngoài miền Bắc rồi. Tiếp theo đó là những ngày dài dằng dặc điều trị vết thương ở Phẫu 48 Vĩnh Linh, Quân y viện 112 Quảng Bình, Quân y viện 108 Hà Nội. Cũng nhiều chuyện vui buồn, nhưng chắc ít người quan tâm, nên chẳng muốn làm mất thì giờ của các bạn làm gì. Còn người bạn thân của tôi, Vũ Chí Thành, anh lính thông tin đeo máy 2W, thì ba tuần sau đó mới bị hy sinh, trong trận ngày 17-01-1973, khi địch dốc toàn lực quyết đánh chiếm chốt Long Quang. Bình “cống” bị thương vào đầu dịp đấy, được đưa ra Phẫu 48 Vĩnh Linh nằm cạnh tôi, đã kể lại mọi chuyện. Diễn biến của trận này tôi đã ghi lại dưới đây.

Cái chết của chiến sĩ Vũ Chí Thành

Vũ Chí Thành là chiến sĩ thông tin vô tuyến ở Trung đội thông tin thuộc Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 48, Sư đoàn 320B, mặt trận B5 Quảng Trị. Khoảng trung tuần tháng 1-1973 Tiểu đoàn 3 đang trấn giữ chốt Long Quang, trên địa phận xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong. Trong biên chế Tiểu đoàn có ba đại đội bộ binh (C9, C10, C11) và một đại đội hỏa lực C12 (DKZ82, Cối 82 và 12ly7). Ba đại đội bộ binh thay phiên nhau lên tuyến trước, nơi gần địch nhất, để giữ chốt. Đại đội hỏa lực và Sở chỉ huy Tiểu đoàn cùng các Trung đội Thông tin, Quân y, Vận tải... nằm ở tuyến giữa và tuyến sau, làm nhiệm vụ yểm trợ. Vũ Chí Thành được cử đeo máy 2W xuống phối thuộc với Đại đội 11. Đồng đội Trần Bình thì trực máy 2W ở Tiểu đoàn. Thời kỳ này đang phong thanh tin đồn là Hiệp định Paris sắp được ký kết, nên ta và địch đều tìm cách chiếm chốt của nhau, để lấn đất.

Ngày 17-01-1973 địch tập trung một lực lượng rất mạnh, tấn công quyết liệt nhằm tiêu diệt chốt Long Quang của ta. Sau một hồi bắn phá dữ dội bằng pháo binh, pháo biển và đạn cối đủ loại, địch cho hàng chục xe tăng, xe bọc thép cùng hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến xung phong ồ ạt vào trận địa ta. Trận này địch áp dụng một chiến thuật rất liêu lĩnh làm quân ta bị bất ngờ. Cụ thể là chúng không đánh vỡ mặt vào chốt của ta như

mọi ngày, mà tập trung xe tăng thiết giáp khoan thùng phía bên trái tuyến phòng thủ của ta (phía gần biển). Từ lỗ thùng này, chúng tiến sâu lên phía bắc, rồi ngoặt trái đánh thẳng vào sườn của Tiểu đoàn 3. Thành ra cùng một lúc cả ba tuyến của D3 đều chạm địch. Bị bất ngờ nhất là các chiến sĩ thông tin, vận tải, hậu cần... ở tuyến sau và C12 (12ly7, Cối 82, DKZ82) ở tuyến giữa. Họ đang cúi đầu trong các hầm hào để tránh cơn mưa pháo, thì chợt nghe tiếng động cơ gầm rú. Khi ngẩng đầu lên nhìn thì đã thấy cả bày chiến xa bò lổm ngổm ngoài bãi cát, vừa tiến vừa bắn điên cuồng. Đi đầu là những chiếc xe tăng M48, M41 với vỏ thép dày và hỏa lực mạnh. Tiếp đến là những xe M113 phun lửa và pháo tự hành M50.

Lần đầu tiên lính ta mới nhìn thấy những chiếc M50 kỳ quái, trông giống như một xe tăng nhỏ, nhưng không có tháp pháo, mà mang trên lưng 6 nòng DKZ 106ly. Cuối cùng là một đoàn M113 chở lính. Lúc này bọn Thủy quân lục chiến đã rời khỏi xe bọc thép, dàn thành đội hình hàng ngang, vừa chạy vừa bắn vừa hô “Xung phong”. C11 đang nằm nghỉ dưỡng sức ở tuyến 2, sau một tuần chốt trên tuyến 1, tự nhiên phải hứng chịu mũi dùi tiến công của địch. Đại đội trưởng Hộ bị trúng thương ngay từ loạt đạn đầu. Chính trị viên Phùng thì đã hy sinh từ 3 tuần trước. Cán bộ chỉ huy duy nhất còn lại là Chính trị viên phó Hưởng, lại đang đi họp vắng. Tình hình của Đại đội 11 rất nguy ngập, đạn dược gần cạn. Vũ Chí Thành ngồi trong hầm của C-bộ, mở máy 2W gọi về Tiểu đoàn xin tăng viện và cung cấp đạn. Nhưng trên Tiểu đoàn bộ cũng đang gay go không kém, địch đã vào gần đến nơi. Địch thân Tiểu đoàn trưởng Tùng và Tiểu đoàn phó Căn phải cùng các chiến sĩ vận tải, quân y... dùng AK bắn chặn địch. Trần Bình đành trả lời Chí Thành, là Tiểu đoàn trong lúc này đã hết khả năng chi viện, C11 phải tự lo liệu lấy, cố gắng tử thủ chờ Trung đoàn vào tiếp sức.

Tình hình của C9 đang chốt trên tuyến 1 còn gay go hơn nữa. Địch tấn công từ hai phía, các chiến sĩ C9 đã bắn đến viên đạn cuối cùng, diệt được hai xe tăng, rồi bị địch tràn ngập. C9 vỡ trận, hàng chục chiến sĩ hy sinh. Nhiều người chạy được về phía sau, nhưng một số bị địch bắt sống... Chỗ

C12 cũng bị đất không kém. Đợt tấn công đầu của địch bị hỏa lực ta đẩy lui, một xe tăng M41 trúng đạn tuột xích. Chúng lùi ra, bắn phá dữ dội, rồi xông lên tiếp. Đạn dược quân ta cạn dần. Xe tăng địch tràn vào được trận địa của Trung đội 12ly7, đè bẹp cả 2 khẩu đội này. Chúng dùng xích xe chà đi chà lại trên nóc hầm nhằm chôn sống những chiến sỹ còn nằm dưới đó. Trung đội trưởng Triều, y tá Tiến cùng 5 chiến sỹ C12 bị địch bắt sống. Trong số đó có cả Nguyễn Xuân Bình, bạn học lớp 10C cùng Trường Hai Bà Trưng với tôi. May cho Xuân Bình là chỉ bị địch giam giữ chừng 3 tháng, rồi được trao trả ở Lộc Ninh sau khi Hiệp định Paris được ký kết....

Cách đó khoảng 100m, Tiểu đội trưởng Quế “Khương Trung” mang khẩu DKZ82 ra định lắp vào giá súng, nhưng không kịp. Thấy xe tăng địch đang rầm rầm xông đến, Quế hô chiến sỹ Quỳnh “Thái Bình” đem đạn ra ngay, nạp vào súng. Rồi không cần giá súng, Quế vác nòng khẩu DKZ82 lên vai, nhắm thẳng chiếc M48 đang chạy xế trước mặt bóp cò. Một quãng lửa da cam cùng tiếng nổ chói óc vang lên, chiếc xe tăng bốc cháy ngàn ngụt, không một tên địch nào sống sót...

Cuộc chiến đấu ở khu vực Tiểu đoàn bộ càng lúc càng quyết liệt. Địch đã vào đến tầm ném lựu đạn. Chúng đồng loạt ném hàng chục quả mìn vào chiến hào ta. Một quả nổ ngay trước cửa hầm Thông tin, làm Trần Bình đang trực máy 2W ở bên trong bị thương. Mìn lựu đạn đã phạt bay một mẩu xương sọ bên phải đầu, làm Trần Bình ngất đi... Ở tuyến C11, địch đã xông đến khu vực C bộ. Chỗ đó có hai hầm cách nhau khoảng 20m, được nối liền bởi một đoạn hào nông choèn. Trong một hầm có hai cậu liên lạc của C11, là Lâm Thành và Tường “Hải Phòng”. Trong hầm kia thì Chí Thành đang gọi vào máy 2W tìm cách liên lạc với Tiểu đoàn.

Chợt nghe hàng tràng “cực nhanh” M16 nổ ngoài hào. Chí Thành vừa ngó ra thì đã thấy mấy bóng áo rằn ri ngoài cửa hầm. Một loạt đạn M16 vang lên, Chí Thành gục xuống bên máy 2W... Từ cửa hầm đối diện, Lâm Thành xả một tràng AK hạ gục tên địch vừa bắn Chí Thành. Nhưng lúc này

bốn bề đều có địch. Hai chiến sĩ trẻ của C11, là Lâm Thành và Tường “Hải Phòng”, đã dựa lưng vào nhau, chĩa súng AK ra hai phía bắn như điên. Mặc cho máu đang ròng chảy trên mặt một người và máu thấm đẫm vạt sườn người kia, hai anh vẫn bắn không ngừng, bắn mãi... Đây là lần thứ hai ở Quảng Trị, sau lần trước ở Ngã ba Long Hưng, La Vang, Thành cổ, Tiểu đoàn 3 gần như bị xóa sổ. Nhưng tinh thần chiến đấu kiên cường và lòng dũng cảm vô biên của các chiến sĩ D3 đã làm thất bại âm mưu chiếm chốt Long Quang của địch.

Ngay buổi chiều hôm đó, Trung đoàn 48 đã kịp điều động Tiểu đoàn 2 lên đánh phản kích. Hầu hết những điểm chốt bị mất buổi sáng đã được quân ta chiếm lại. Khi kiểm tra trận địa, thấy Chí Thành và Trần Bình bị thương nặng, mọi người đã khiêng hai anh cùng các thương binh khác về Phẫu tiền phương 62. Nằm cạnh Chí Thành ở Phẫu tiền phương, nhưng vì bị thương vào đầu nên Trần Bình ngất lên ngất xuống. Còn Chí Thành bị thương vào bụng, khá tỉnh táo, có thể trả lời rành rọt các câu hỏi của y, bác sĩ. Người ta nghĩ chắc không nghiêm trọng lắm, bèn khiêng anh đặt xuống hầm thùng cùng nhiều thương binh khác, chờ đến lượt tải thương.

Hầm thùng là những căn hầm nửa chìm nửa nổi, bên trên lợp mái tranh. Tuy nhiên những trận mưa dầm dề đã biến đáy hầm thành 1 lớp bùn nhão nhoét. Ba viên đạn xuyên vào sườn làm phân và nước tiểu tràn ra ổ bụng, lại thêm điều kiện vệ sinh như vậy, nên Chí Thành đã bị nhiễm trùng uốn ván. Chắc trong đêm anh bị sốt cao và phải chịu những cơn co giật đau đớn lắm. Đến sáng 19-01-1972 thì Vũ Chí Thành đã chết cứng. Người ta khiêng anh đi chôn như khiêng một khúc gỗ vậy... Thường những người bị đạn vào đầu hay được ưu tiên chuyển thương trước, vì vậy ngay đêm hôm đó Trần Bình được chở bằng xuồng máy ra Phẫu 48 Vĩnh Linh, nằm cạnh tôi. Cậu ta đã kể lại toàn bộ câu chuyện về những ngày cuối cùng của Vũ Chí Thành.

QUẢNG TRỊ 1972

Nguyễn Quang Vinh

www.dtv-ebook.com

Vĩ Thanh

Sau chiến tranh, gia đình Vũ Chí Thành đã nhiều lần tổ chức tìm mộ anh mà không được. Điều đó hơi kỳ lạ, vì những người chết ở Phẫu tiên phương thường được chôn cất tử tế, trong túi áo ngực bao giờ cũng có một lọ Pê-ni-xi-lin bịt kín, đựng một mẫu giấy ghi rõ tên tuổi, quê quán, đơn vị... và có sơ đồ mộ chí đằng hoàng.

Mười tám năm sau, vào một đêm hè 1993, ông thân sinh Chí Thành chợt mơ thấy Chí Thành về. Cậu ta đi chậm rãi ngoài hàng rào, dừng lại trước cổng ngôi nhà số 20 Phố Chùa Vua khu Chợ Giời, đứng nhìn vào nhà. Ông thân sinh mừng rỡ gọi: “Chí Thành đấy à con? Vào nhà đi..”. Nhưng cậu ta vẫn đứng lặng im, chỉ nhìn ông bằng đôi mắt buồn rười rượi, rồi từ từ biến mất. Ngày hôm sau có một người đàn ông lạ từ Quảng Trị ra, đến gõ cửa ngôi nhà. Ông ta mang theo một sơ đồ mộ chí, trong đó có một tấm bia đề “Vũ Chí Thành, sinh 1954, 20 Chùa Vua, Hà Nội”. Thì ra tuy hy sinh ở Triệu Phong, nhưng Chí Thành lại được quy tập vào một nghĩa trang ở Hải Lăng. Người đàn ông này thấy ngôi mộ có tên tuổi rõ ràng, mà lâu ngày không ai đến thăm, nên đã lặn lội ra Hà Nội báo tin cho gia đình. Khỏi phải nói gia đình Chí Thành mừng rỡ dường nào, và đã cảm tạ ông ta rất hậu hĩnh.

Hiện giờ Chí Thành đã được đưa về an táng ở Nghĩa trang Liệt sĩ Hạ Hồi, Hà Nội. Mỗi khi có dịp, chúng tôi vẫn thường đến thăm anh.

Trước bàn thờ Chí Thành. Như vậy ba chàng học sinh của lớp 10B Trường PTCN Hai Bà Trưng đi vào chiến trường Quảng Trị, thì một chết, hai bị thương. Bạn Lê Thanh Bình tuy hỏng một mắt, nhưng sau này đã

phần đấu rất tốt, tốt nghiệp ĐH Bách khoa Hà Nội, sau này trở thành giám đốc của một công ty danh tiếng. Còn số phận những người đồng đội thân yêu khác của tôi thì sao? Đã hơn 40 năm nay tôi không gặp lại những chiến sĩ cùng Tiểu đội 4. Tin tức lờ mờ về họ chỉ nghe qua những đồng đội khác. Anh Thanh Trung đội trưởng cũng bị thương trong trận 17-01-1973. Anh bị mảnh đạn vào quai hàm, mất mấy cái răng, và bị cụt 1 ngón tay. Sau này xuất ngũ anh về quê hương Hà Tĩnh và mất hút từ đó.

Chính “con” hay còn gọi là Chính “còm”, vì khi nhập ngũ có 36kg, thuộc loại thấp bé nhẹ cân, là người bạn thân nhất của tôi ngoài mặt trận. Sau này Chính con xuất ngũ, sống rất nghèo khổ, gia đình chuyển vào Miền Nam làm ăn. Nhiều đêm Chính con phải ngủ dưới gầm bàn để trông quán phở cho con...

Quang “Bạch Mai”, hay Quang “Xỉn”, cũng không khấm khá gì hơn. Cậu ta bị thương hỏng một mắt, lăn lộn làm đủ nghề để đắp đổi qua ngày. Nhưng không may là có một đứa con trai thì bị nghiện... Bích “Thái Bình”, cây B40 của tiểu đội, ra quân về lại quê hương Quỳnh Phụ, Thái Bình. Thấy nói cũng chỉ đủ ăn...

Ngô Duy Minh bị thương được đưa ra Quân y viện 112 Quảng Bình điều trị, rồi được giữ lại làm Y tá. Sau Hiệp định Paris, cậu ta đi ôn văn hóa để đi học ĐH Quân y. Hiện nay Ngô Duy Minh là Đại tá, Trưởng khoa Bệnh viện 198 Hà Nội.

Long “cờ” ra quân được đi xuất khẩu lao động ở CHDC Đức. Nhưng mới được mấy tháng thì Bức tường Béc-lin đổ, lại phải về nước. Sau đó cậu ta làm gác cổng ở Công ty Cầu đường Hà Nội cho đến lúc về hưu. Bình “cổng” năm 1974 đi ôn thi đại học cùng tôi, rồi tốt nghiệp Đại học Kinh tế kế hoạch, về làm Trưởng phòng tổ chức ở Công ty xuất nhập khẩu Máy công nghiệp cho đến nay.

Lâm Thành một dạo kết hợp với cậu em trai làm ăn, rất khấm khá. Có tiền cậu ta thường giúp cho mấy đồng đội cũ nghèo khó. Chẳng hạn cậu Trường “Hải Phòng”, phải đạp xích lô chạy ăn từng bữa, hay đến xin tiền Lâm Thành. Nhưng rồi chuyện làm ăn của cậu em đổ bể, cậu em phải đi tù, Lâm Thành lại trắng tay. Tuy nhiên cậu ta vẫn là người đồng đội chân thành nhất, mà mỗi lần về Hà Nội tôi thường đến thăm. Kể cả trong trường hợp cậu ta phải vào tù...

Trường “Khâm Thiên” éo lá, yếu đuối, ra quân chuyển ngành về Phòng thuế Hà Nội. Thấy bảo kiếm ăn được lắm... Quế “Khương Trung”, người anh hùng bắn xe tăng năm xưa, giờ là hàng xóm của tôi ở Hà Nội. Nhà tôi số 27, nhà anh số 35 ngõ Khương Trung. Anh vẫn làm bảo vệ cho một công ty...

Riêng tôi thì cũng cố gắng học hành, có bằng Tiến sĩ, và cho đến nay vẫn trôi nổi kiếm ăn bằng nghề Châm cứu nơi xứ người. Ở Đức, sống gần nhà tôi có một người lính Việt Nam cộng hòa cũ, anh Bách. Ngày xưa tôi và anh mà gặp nhau trên chiến trường là giết, ngày nay chúng tôi là hàng xóm tốt của nhau. Anh bệnh thì tôi châm cứu cho anh. Nấu món gì ngon anh cũng đều kêu tôi sang nhậu. Bây giờ, tôi và anh cùng có mẫu số chung là lòng yêu đất nước Việt Nam tha thiết, luôn đau đáu về vận mệnh của Tổ quốc. Viết những dòng cuối cùng này, tôi chạnh nghĩ: “Tàn cơn binh lửa, chỉ còn lại tình người”, có phải không các bạn?

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Lời Tác Giả](#)

[Lời Giới Thiệu](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Nhập Ngũ](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Huấn Luyện Tân Binh](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Về Phép](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B \(1\)](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B \(2\)](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Trên Đường Đi B \(3\)](#)

[Phần Thứ Nhất: Đường Vào Quảng Trị - Chiến Trường B5](#)

[Phần Thứ Hai: Chiến Trận - Trận Thành Cổ \(1\)](#)

[Phần Thứ Hai: Chiến Trận - Trận Thành Cổ \(2\)](#)

[Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt \(1\)](#)

[Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt \(2\)](#)

[Phần Thứ Ba: Mặt Trận Nam Cửa Việt \(3\)](#)

[Vĩ Thanh](#)